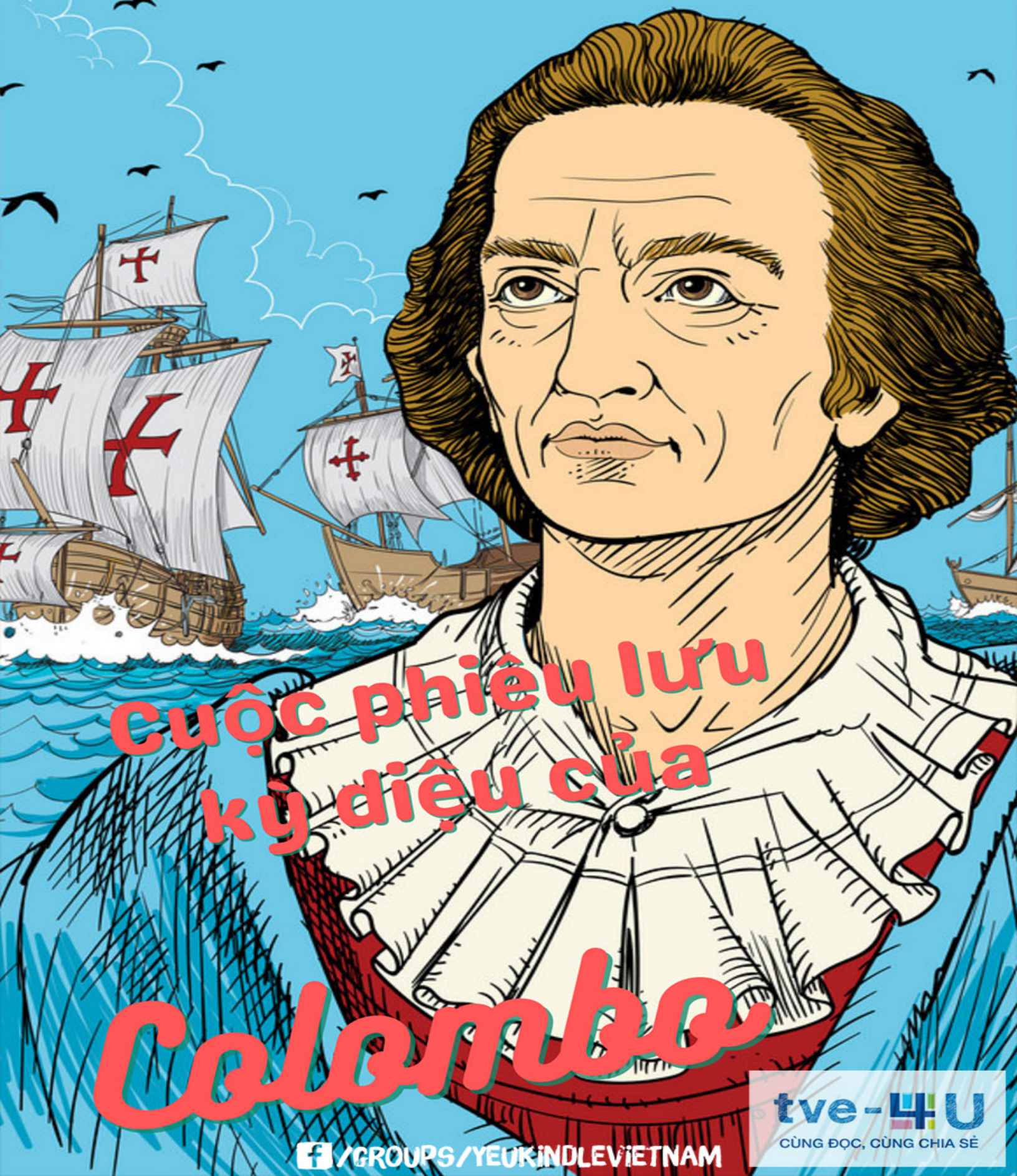


Paolo Emilio Taviani



**Cuộc phiêu lưu
kỳ diệu của**

Colombo

[/GROUPS/YEUKINDLEVIETNAM](#)

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Kindle Kobo Vietnam

www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam

Keep Calm
and
Read a Book



Tên sách
CUỘC PHIÊU LƯU KỲ DIỆU CỦA COLOMBO

Tác giả
Paolo Emilio Taviani

Dịch giả
NGUYỄN PHƯƠNG và MINH VĂN

Phát hành
HÀ NỘI

Nhà Xuất Bản
NXB VĂN HÓA - THÔNG TIN 1996

Ebook

2021 justbenice, tranminator, Dr. No, amylee TVE kindlekobovn



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Trong ba học giả nổi tiếng thế giới về nghiên cứu sự nghiệp Colombo hiện đang còn sống thì một là người Tây Ban Nha, đất nước đã có vinh dự tài trợ cho kế hoạch thám hiểm, một là người Mỹ, đất nước đã được Colombo phát hiện, một là người Ý, đất nước đã có vinh dự là cái nôi sinh ra nhà thám hiểm. Người Ý đó là Paolo Emilio Taviani, tác giả của tập sách này, một tác phẩm trình bày một sự kiện lịch sử, nhưng vẫn hấp dẫn, lôi cuốn...

Emilio Bramante

Ai del

cco ^{Paolo} di San... traduzione - classico q
libro che racconta ^{le} storie dei paesi italiani
di paesi che ha spalancato

sparsi del mondo
italiano

Paolo Emilio Taviani

Paolo Emilio Taviani
Thượng Nghị sĩ suốt đời

Kính tặng các bạn đọc của dân tộc Việt Nam giàu truyền thống
vinh quang, cuốn sách kể lại cuộc phiêu lưu vĩ đại của nhà hàng

hải Ý, người đã mở rộng địa bàn của thế giới.

PAOLO EMILIO TAVIANI

Dịch từ bản tiếng Anh “COLUMBUS, THE GREAT ADVENTURE” New York, Orion Books, 1991

Đối chiếu với nguyên bản tiếng Ý

“LA MERAVIGLIOSA AVVENTURA DI CRISTOFORO COLOMBO”

Novara, Istituto Geografico de Agostini, 1989.

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 12 tháng 10 năm 1492, lần đầu tiên đặt chân lên bãi cát trắng mịn của đảo nhỏ Guanahani, nay là đảo San Salvador, thuộc quần đảo Bahamas ở Trung Mỹ, Cristoforo Colombo, nhà hàng hải người Genova ngỗ ngàng trước một thiên nhiên hùng vĩ và một cộng đồng thổ dân khác lạ: Tất cả - đàn bà cũng như đàn ông - đều ở truồng. Thân thể của họ được sơn màu xám, màu trắng, màu đỏ, hoặc các màu khác. Sơn toàn thân, hoặc chỉ sơn mặt, có người sơn cả hai mắt, hoặc chỉ sơn mũi.

Colombo đã ghi như vậy trong *Nhật ký hành trình* của ông, với một thái độ ngạc nhiên.

Tiếp đó, đoàn thám hiểm đặt chân lên các đảo khác lân cận, lớn hơn, như: Haiti, Cuba, Jamaica, Puerto Rico... Một thế giới kỳ lạ tiếp tục mở ra trước mắt họ, nhưng họ vẫn không thể nào hiểu ra rằng: đây là một lục địa mới, một lục địa *thứ tư*, sau ba lục địa cũ - châu Âu, châu Phi và châu Á - mà “Thế giới Cũ” đã biết.

Giòng thuyền đi thẳng về hướng tây, nơi mặt trời lặn, trong suốt thời gian vượt Đại Tây Dương, đầu óc Colombo chỉ chăm chăm một điều tin tưởng là có thể tới được phương Đông, nơi mặt trời mọc, để tiếp cận với Cataio (Trung Quốc) và Cipango (Nhật Bản). Tình cờ đụng phải các đảo miền biển Trung Mỹ, Colombo đã tưởng ngay rằng ông đã tới gần India (Ấn Độ) và ông đã gọi chung các thổ dân khác nhau của vùng này là *Indiani*; từ này ngày nay chỉ những thổ dân da đỏ. Và cho đến tận cuối đời Colombo vẫn yên trí như vậy. Điều đó rất dễ hiểu. Với vốn tri thức học được từ các nhà địa lý học, các nhà vũ trụ học, các nhà vẽ bản đồ ở thời đại ông, cộng thêm kinh nghiệm hàng hải, dù là phong phú của bản thân ông, Colombo vẫn không thể nào hình dung được rằng “Biển cả đen tối” từng làm khiếp sợ những nhà hàng hải dũng cảm nhất, còn che dấu một lục địa rộng mênh mông, trải dài từ Bắc cực đến Nam cực. Chỉ nội một điểm ấy,

phần quả đất mới được phát hiện cũng đã xứng đáng với cái tên “Thế giới Mới”.

Ở phương Đông từ xa xưa đã lưu hành truyền thuyết “Bồng lai tiên cảnh”. Sách *Thuật dị ký* chép đó là ba hòn đảo, có hình ba chiếc bầu rượu, Bồng lai, Phương trượng, Doanh châu, nơi các tiên ở, trường sinh bất lão. Từ thế kỷ III trước Công nguyên, Từ Phúc, người Trung Quốc, vì muốn trốn tránh hành động tàn bạo “phần thư khanh nho^[*]” của Tần Thủy Hoàng đã tình nguyện xin đi tìm thuốc trường sinh. Tần Thủy Hoàng đồng ý, cấp cho thuyền bè cùng mấy nghìn nam nữ đồng trinh. Từ Phúc tềch thẳng sang Nhật Bản sinh sống.

Ở châu Âu từ xa xưa cũng lưu hành rộng rãi truyền thuyết về một “Thời đại Hoàng kim” ở thời Thượng cổ. Kinh Thánh nói đến “Vườn Địa đàng”. Nhà triết gia Hy Lạp Platon (428-347 trước CN) trong cuốn *Fedone* nói về sự bất diệt của linh hồn, đã tưởng tượng có một thế giới rộng lớn và hùng mạnh ở bên kia Địa Trung Hải. Nhà thơ Latin Orazio (65-8 trước CN), trong cuốn *Epodi*, đã khuyên những người yêu nước hãy sớm rời bỏ thành La Mã, nơi dân chúng đang bị điêu đứng vì nội chiến và tranh giành quyền lực, để đi xây dựng một “La Mã mới” tại xứ sở Hoàng kim mà Tào hóa, từ thuở khai thiên lập địa, đã “dành riêng cho các dân tộc sùng đạo”.

Những truyền thuyết, những linh cảm mang tính tiên tri trên đây của các nhà thơ và triết gia, chủ yếu vẫn thuộc lĩnh vực huyền thoại, hư hư thực thực. Mặc dù vậy, dàn đồng ca trong vở kịch *Medea* của nhà văn Latin Seneca (4 trước CN - 65 sau CN) vẫn trang trọng hát lên lời bố cáo sau đây, như một lời tiên tri sẽ sớm trở thành hiện thực: “Sau đây một ít năm, sẽ đến ngày đại dương mở những hàng rào chắn và người ta sẽ khám phá ra một dải đất mệnh mông... và Thule^[*] sẽ không còn là ranh giới cuối cùng của đất nổi”. Về sau con trai của Colombo đã hãnh diện ghi vào bên lề cuốn *Medea* của mình “Điều tiên đoán này đã được chứng minh bởi cha tôi, Đô đốc Cristoforo Colombo, vào năm 1492”.

Thế là một “Thế giới Mới” đã được phát hiện!

Tùy theo chỗ đứng của mình, các nhà sử học đời sau sẽ gọi sự kiện quan trọng này của lịch sử nhân loại bằng những thuật ngữ

khác nhau: một cuộc phát kiến vĩ đại, hoặc một cuộc ăn cướp tàn bạo nhất trong lịch sử, sự khai hóa và xây dựng những quốc gia mới giàu có, hoặc là chiến tranh thực dân, nạn buôn bán nô lệ da đen, nạn diệt chủng thổ dân da đỏ. Họ có tất cả bao nhiêu người vào thời thám hiểm của Colombo? Thật khó mà biết được chính xác, con số ước đoán nhiều khi quá cao, nhưng đến nay, năm thế kỷ sau, bốn mươi triệu người dòng dõi thổ dân da đỏ, đối tượng của sự phân biệt đối xử, phân biệt chủng tộc, vẫn đang phải đấu tranh gian khổ để bảo vệ phần đất của mình, bảo vệ ngôn ngữ và bản sắc văn hóa của chủng tộc mình. Nhấn mạnh mặt phải hay mặt trái của tấm huân chương là quan điểm riêng của từng nhà nghiên cứu, nhưng lịch sử diễn biến không chiều lòng một ai. Tốt hơn là nên tìm hiểu nó, nhận thức được vì sao nó đã diễn ra như thế trong thực tế, với những điều kỳ diệu và cả với những nổi đảng cay. Ca ngợi hay chỉ trích chỉ có ý nghĩa khi giúp hàn gắn nhanh hơn những vết thương mà lịch sử đã gây ra và đem lại sớm hơn những điều tốt lành cho hiện tại và tương lai.

Sau cuộc kỳ ngộ đầu tiên năm 1492, hai nửa trái đất - Thế giới Cũ và Thế giới Mới - đã nhập lại với nhau. Lần đầu tiên con người nhận biết hành tinh của mình một cách hoàn chỉnh. Tiếp sau cuộc gặp gỡ là những luồng di cư thường xuyên, khi ồ ạt, khi lẻ tẻ, là những tiếp xúc và đụng độ, là sự chung sống hội nhập. *Thế giới Mới* trở thành nơi hội tụ và hỗn phối chủng tộc và văn hóa giữa các thổ dân bản địa với những người nhập cư, mới đến từ bán đảo Iberia, từ châu Âu, châu Phi, cả từ Ả-rập và châu Á. Những con người thuộc những chủng tộc khác nhau, đến từ các chân trời văn hóa khác nhau, sẽ chung sống bên nhau dưới mái nhà mới, cùng chung sức sáng tạo ra một nền văn hóa mới, nền văn hóa chung của châu Mỹ, mang một phong cách thống nhất, nhưng đồng thời vẫn đa dạng một cách khác thường, dựa trên cơ sở ý thức bảo vệ bản sắc văn hóa và ngôn ngữ riêng của chủng tộc mình. Đó là hệ quả có ý nghĩa lịch sử lâu dài của cuộc kỳ ngộ năm 1492. Đó cũng là một thông điệp báo hiệu hình thái tương lai của văn hóa thế giới nếu như các dân tộc bảo đảm được sự chung sống trong Hòa bình và Hữu nghị.

Lịch sử trước năm 1492 còn phát triển rời rạc và có tính chất địa phương, khu vực. Sự gặp gỡ giữa hai Thế giới Cũ và Mới - đã tạo ra

một quá trình thống nhất, trong đó các dân tộc sống trên hành tinh hiểu biết lẫn nhau ngày một nhiều hơn, liên quan và lệ thuộc vào nhau ngày một nhiều hơn. Sự bùng nổ của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là kỹ thuật thông tin và những vấn đề môi trường đang liên kết vận mệnh các dân tộc sống trên hành tinh lại với nhau, vượt lên trên những khác biệt văn hóa và văn minh. Ngày nay thế giới là một, dù chúng ta muốn hay không. Quá trình này đang được thể nghiệm ngày một sâu sắc hơn. Ý nghĩa thời đại của sự gặp gỡ giữa hai thế giới chính là đã mở đầu và báo hiệu sự ra đời của một thời đại mới, thời Hiện đại.

Tác giả của cuốn sách mà chúng ta sắp đọc là Paolo Emilio Taviani, một người Ý, quê ở Genova, cùng quê hương với nhà phát kiến vĩ đại Cristoforo Colombo. Ông là một trong ba nhà nghiên cứu nổi tiếng nhất trên thế giới về vấn đề Colombo, hiện đang còn sống. Một nhà nghiên cứu về Colombo đã từng viết: không phải ngẫu nhiên mà trong ba học giả nổi tiếng thế giới trong việc nghiên cứu về sự nghiệp của Colombo thì một là người Tây Ban Nha, quốc gia có vinh dự lịch sử tài trợ cho chương trình thám hiểm của Colombo; một là người Mỹ, xứ sở được Colombo phát hiện và một nữa là người Ý, đất nước có vinh dự là cái nôi sinh ra nhà thám hiểm. Người Tây Ban Nha đó là Salvatore de Madariaga, một nhà văn, một học giả, tác giả một cuốn sách tuyệt vời về Colombo. Người Mỹ đó là Samuel Eliot Morison, một Đô đốc Hải quân, người đã đi thăm tất cả các địa điểm mà Colombo đã đặt chân đến trong quá trình thám hiểm. Và người Ý đó là Paolo Emilio Taviani.

Năm 1992 nhân dịp kỷ niệm 500 năm sự kiện phát kiến ra châu Mỹ, bạn đọc nước ta đã được đọc một tác phẩm nhỏ của Taviani: *Cristoforo Colombo, thiên tài biển cả* do Hội Hữu nghị Việt Nam - Italia và Nhà xuất bản Kim Đồng xuất bản. Cuốn sách mà chúng ta sắp đọc thuộc vào những tác phẩm chủ yếu, quan trọng nhất mà Taviani đã viết về cuộc phát kiến của Colombo.

Một sự kiện lịch sử, một sự kiện khoa học nhưng lại được trình bày một cách hấp dẫn, lôi cuốn, mặt khác vẫn dựa một cách nghiêm ngặt trên những tài liệu chính xác, đã được thẩm tra, giám định kỹ càng. Taviani sẽ cho chúng ta biết kế hoạch táo bạo, phi thường đã

được nhen nhóm hình thành như thế nào trong đầu óc Colombo, có liên hệ như thế nào với cội nguồn văn hóa của quê hương Genova độc đáo. Colombo đã trải qua những ngày tháng kiên nhẫn chờ đợi, vận động, vừa vất vả vừa may mắn như thế nào ở Triều đình Tây Ban Nha, một đất nước đặc biệt của thế giới, từ cuối thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XVI đã mở rộng cánh tay đón nhận nhiều nhân tài ưu tú, lỗi lạc, người ngoại quốc đến cư trú, sinh sống và sáng tạo. Một thái độ cởi mở, linh hoạt, hào hiệp mà ngày nay chúng ta không khỏi kinh ngạc. Chỉ riêng trong kỳ tích chinh phục biển cả, Tây Ban Nha đã dang rộng cánh tay đón nhận ba nhà thám hiểm nổi tiếng nhất trong lịch sử thế giới. Đó là Magellan (1480-1521) người Bồ Đào Nha, năm 1519, đã khám phá ra eo biển sẽ mang tên ông, mở con đường vào biển lớn phía Nam mà người ta đã gọi nhầm tên là Thái Bình Dương. Đó là Amerigo Vespucci (1454-1512) người Ý, gốc Firenze, nhập quốc tịch Castiglia, năm 1499 đã thám hiểm bờ Đại Tây Dương của Colombia và từ năm 1507, tên của ông đã được đặt cho Thế giới Mới: *America*. Và cuối cùng là Cristoforo Colombo (1451-1506). Quả thực các quốc vương Thiên Chúa giáo Tây Ban Nha đã là những con người có con mắt tinh đời, cởi mở, dám mở rộng tầm nhìn ra toàn thế giới, những con người mang trong mình bản lĩnh phi thường của nước Tây Ban Nha thời Phục hưng. Và sự sáng suốt của họ đã được tuyên dương xứng đáng. Trong giờ phút đầu tiên đặt chân lên đảo Guanahani, hoạt động đầu tiên của Colombo là mở tung hai lá cờ hoàng gia Tây Ban Nha, một mang chữ F (Ferdinando: tên Vua Tây Ban Nha) một mang chữ Y (Ysabel: tên của Hoàng hậu Tây Ban Nha) cắm lên Đất Mới.

Taviani sinh năm 1912 ở Genova (Italia). Ông đã tốt nghiệp về Luật học, Văn học và Khoa học Xã hội tại trường Cao đẳng Sư phạm Pisa, nơi có ngọn tháp nghiêng nổi tiếng của Italia. Ngoài ra ông còn tốt nghiệp về khoa Cổ văn tự và ngoại giao. Từ năm 1943 đến năm 1945, ông là một trong những nhà lãnh đạo phong trào du kích kháng chiến chống phát xít ở miền Bắc Italia. Từ năm 1945 đến 1982, trong gần 40 năm, ông là giáo sư môn Lịch sử kinh tế tại trường Đại học của quê hương ông: Trường Đại học Genova. Từ 1946, ông được bầu làm Hạ nghị sĩ và từ 1976 được bầu làm Thượng nghị sĩ suốt đời của Nghị viện Italia. Ông đã nhiều lần tham gia Chính phủ Italia

với cương vị Bộ trưởng. Hiện nay ông là Phó Chủ tịch Thượng nghị viện nước Cộng hòa Italia.

Taviani là tác giả của nhiều công trình nghiên cứu về các chuyến đi thám hiểm của Colombo. Hai cuốn *Xứ Liguria* và *Cốt cách Genova của Colombo* trình bày những đặc điểm lịch sử, địa lý của quê hương Colombo và bản lĩnh, tính cách của nhà phát kiến; Cuốn *Chiếc thuyền buồm*, cùng thực hiện với Paolo Revelli và Samuel Eliot Morison giới thiệu và phân tích nội dung cuốn *Nhật ký hành trình* đi biển của Colombo.

Năm 1974, ông đã xuất bản công trình lớn, hai tập: *Colombo và sự hình thành cuộc phát kiến vĩ đại*. Năm 1984 xuất bản công trình lớn thứ hai, hai tập, bổ sung cho công trình trên, nhan đề là *Những cuộc du hành của Colombo, một phát kiến vĩ đại*. Năm 1989 xuất bản cuốn *Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của Colombo*. Các công trình trên đây là kết quả của 40 năm miệt mài nghiên cứu, kiên trì đi sâu vào một đề tài, do đó đã đạt đến một trình độ khoa học cao. Nhiều công trình của Taviani đã được dịch ra tiếng nước ngoài, chủ yếu là tiếng Anh và bản thân ông đã được nhiều trường Đại học trên thế giới tặng bằng Tiến sĩ danh dự.

Chúng ta chân thành cảm ơn Giáo sư Taviani đã trân trọng đề tặng cuốn sách này cho bạn đọc nước ta, đất nước mà ông cảm phục về những kỳ tích mới trong thời Hiện đại.

Hà Nội, tháng 10 – 1995

Nguyễn Văn Hoàn

(Trung tâm Khoa học Xã hội và
Nhân văn Quốc gia)



CRISTOFORO COLOMBO 1451-1506

1 GENOVA, SỰ QUYẾN RŨ CỦA BIỂN CẢ

Antonio và Giovanni Colombo, cụ và ông nội của Cristoforo Colombo là những nông dân thuộc Moconesi, nước Italia, một làng ở bên trên Chiavari; nơi đây thóc lúa được la chở đến, từ Piacenza, trong thung lũng Po. Tại Moconesi và những làng lân cận, những cối xay lúa mì chạy bằng nước một con sông khá lớn. Rồi bột được la chở tới Quinto^[*], ngày nay là một quận của thành phố Genova, nhưng hồi đó là một làng cạnh bờ biển, cách thành phố năm dặm về phía đông.

Có lẽ tổ tiên của Colombo, đã từ Piacenza đến Moconesi, dọc theo con đường mòn được gọi là “Con đường bánh mì”, vì con đường này dùng để chuyên chở lúa mì. Theo con đường đó Giovanni đến Quinto, ở đây ông tiếp tục làm nghề nông. Cũng ở đây con trai ông là Domenico ra đời. Domenico học nghề dệt len và sau này chuyển đến Genova.

Từ 1439 đến 1447 Domenico làm nghề của ông ở Genova. Tại Genova đang có cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người ủng hộ Adorno và những người ủng hộ Fregoso. Sau đây là lời kể lại của sử gia Giustiniani, nổi tiếng ở đương thời.

Ngày 4 tháng giêng năm 1447, Barnaba Adorno được bầu làm tổng trấn, và mọi thứ đều đi theo ý muốn của phái Adorno. Nhưng sự thống trị của Barnaba rất ngắn vì ngày 30 tháng Giêng Giano da Campo Regoso làm một cuộc đảo chính; trong bốn năm Fregoso không ngừng quấy rối phái Adorno. Tổng trấn Barnaba Adorno có một số lớn binh lính, trong đó có sáu trăm chiến sĩ được tuyển chọn cẩn thận do Vua Alfonso thuộc Aragon gửi đến cho ông. Giano tới vào ban đêm, trên một chiếc thuyền Galley^[*] đơn độc, đi vào thành

phố, tấn công chớp nhoáng, chiếm cung điện của quận công bằng tám mươi năm người. Ông đã gặp sự chống cự quyết liệt, một trận chiến đẫm máu. Trong trận này, tất cả người của ông đều bị thương. Tuy nhiên khả năng xuất sắc và sức mạnh của ông lớn đến nỗi ông đã thắng và trở thành tổng trấn.

Domenico Colombo thuộc trong số nhiều người trong thành phố đứng về phía Fregoso. Như chúng ta nói ngày nay, Domenico là một nhà hoạt động đã được thử thách đến mức chỉ năm ngày sau, Tổng trấn Giano đã cử “Domenico Colombo yêu dấu” của ông làm nhiệm vụ canh tháp Olivella và cổng thành phố.

Cương vị tế nhị và có lợi là làm gác cổng thường được thay thế mười tháng một lần. Ngày 5 tháng 11 năm 1448 tháp Olivella không được giao cho Domenico Colombo nữa. Nhưng mùa hè 1450 Pietro Fregoso trở thành tổng trấn, và ngày 1 tháng 10 năm 1450 ông ban cho người ủng hộ trung thành của ông, Domenico Colombo, chức việc gác cổng.

Trong lúc đó, Domenico đã kết hôn với Susanna Fontanarossa. Cửa hồi môn của bà này gồm có một ngôi nhà và đất ở Quezzi. Năm 1451 Cristoforo Colombo ra đời, hoặc tại ngôi nhà trên đường Olivella cạnh cổng, hoặc ở Quinto, nếu mẹ ông đã đến đó để sinh tại nhà bà con bên chồng theo phong tục. Năm 1455 Domenico chuyển đến một ngôi nhà trên đường Diritto, tại giáo khu Thánh Stefano, trong quận Thánh Andrea tại Ponticello.

Trải qua năm thế kỷ ngôi nhà đã được sửa chữa và xây lại, nhưng ngôi nhà vẫn ở đúng nơi cũ - cách cổng thành phố Thánh Andrea năm mươi yard[*] cổng này vẫn như hồi đó. Tầng một là cửa hàng len của Domenico, và ở những tầng trên là nhà ở. Ngôi nhà tối và bị kẹp giữa những nhà cao tầng dọc phố hẹp. Đằng sau ngôi nhà, giữa những dãy nhà liên tục nhau và những bức tường thành phố là một khoảng nhỏ để trồng rau, gọi là “vườn”, mặc dù chưa đủ rộng để xứng với tên gọi đó. Đất thuộc gia đình Colombo sau này trở thành một phần tu viện Thánh Andrea cổ, từ hồi đó tu viện này đã được xây dựng lại.

Trí tưởng tượng của một cậu bé thông minh chắc đã phải khổ sở trong khoảng không hạn chế của cửa hàng và nơi ở, tại đây mẹ

cậu cũng nuôi những đứa em là Bartolomeo và Diego. Chuyện này tạo thành hình ảnh đầu tiên mà chúng ta có được về Colombo, một hình ảnh trong đó cậu học mơ ước viễn vông. Trong thời niên thiếu Colombo đã mơ ước những khoảng không rộng mở vô tận từ góc của một căn buồng tối, giống như một người Ý vĩ đại khác, nhà thơ Leopardi^[*], đã mơ tưởng những chân trời xa rộng từ góc thừa vườn rào kín của ông.

Bên ngoài những bức tường nhà, bên ngoài thừa vườn là thành phố Genova, những người dân ở đó gọi là *Zena* và vì thế Colombo cũng gọi như vậy. Genova xinh đẹp, được sắp xếp một cách nguy nga, tạo sự kinh ngạc cho những ai trông thấy thành phố đó lần đầu tiên nhìn vào từ ngoài biển. Thành Genova đồ sộ, gây cảm giác kinh sợ với những nhà thờ và ngôi nhà, những cung điện hình thành như những bậc thang khổng lồ, đỉnh cao là pháo đài Castelletto, một cảnh lộng lẫy đối với thời đó cũng như hiện nay. Genova ma thuật, làm say mê và quyến rũ mà không cho nhiều, không phải vì thành phố đó keo kiệt mà vì bị kẹt giữa những ngọn núi và không có đất, chỉ được ban phát những bụi cây xấu xí sản lượng thấp, bị gió biển hủy hoại. Genova không thể cho những đứa con bất cứ cái gì, mà chỉ ném họ vào biển cả, đó là tất cả đối với thành phố, và từ đó, thành phố nhận mọi thứ và chỉ cho lại tinh thần phục vụ, tính nhẫn nại, sự tận tình và tháo vát riêng của những người con Genova.

Genova thần tiên, với những người phụ nữ ý tứ nhưng biết phân biệt và biết yêu. Biển cả gần như không có bãi, mạnh mẽ rút về những chiều sâu thần bí, những bầu trời rạng rỡ và trong sáng khi gió bắc thổi, với những nhà thờ và thánh đường nhỏ bé trên đỉnh núi. Ngày nay Genova vẫn còn tất cả như thế, mặc dù những nhà máy và một số công trình kiến trúc quái dị làm cho xấu đi. Thành phố đại thể vẫn còn như trước đây vì những ngọn núi bảo vệ nó khỏi những thay đổi lớn và biển cả thì không thay đổi.

Từ ngoài biển Genova trông nguy nga với những lâu đài đồ sộ, những nhà thờ, những con đường và những quảng trường thoáng đãng - nhưng thật là một hệ thống rối mù những ngõ hẹp và những phố nhỏ được bảo quản tồi tệ và bị cản trở bởi những vòm, những cầu, những cầu thang, nhà ngân hàng, thậm chí những trụ ốp bằng

gỗ tới tầng ba bên ngoài những tòa nhà, giống như những quán trọ thời La Mã tiền Augusto. Tính chất của những người dân Genova cũng tự mâu thuẫn qua nhiều thế kỷ: ngạo mạn và kiêu hãnh về những kho tàng của họ, những bức tường, những tháp, những cổng, những cung điện, những nhà thờ và bến cảng; nhỏ nhen và có tinh thần ti tiện về những vấn đề hàng ngày, giống như những ngõ tối tăm, dốc thẳng đứng và quanh co của họ.

Đó là Genova, tại đó Colombo đã được sinh ra và được nuôi dưỡng. Trong những phố nhỏ hẹp của Genova, Colombo đã đi những bước đầu tiên với bố mẹ ông; trong những phố này ông đã trải qua tuổi thơ ấu đầu tiên. Từ đường Diritto - ngay giữa cổng Thánh Andrea và đồi Molcento - cậu bé Colombo thường đi bộ đến nhà thờ giáo khu Thánh Stefano, đến Cung Điện Quận công, nơi những thủ lĩnh thuộc các gia đình Fregoso, Adorno, Spinola và Fieschi tới, ngồi trên lưng ngựa; và đến Via Regia để xem những chiếc kiệu có những bà quý tộc xinh đẹp ngồi trên.

Rõ ràng Colombo không thỏa mãn với những chuyện này, hoặc đặc biệt thích thú về những chuyện đó, Colombo học trường sơ cấp của Phường Buôn Len, được dạy về tôn giáo, toán học, địa lý và những nguyên tắc cơ bản đầu tiên về đi biển, bằng tiếng địa phương Genova. Tiếng Latin mà ông viết rất khác tiếng Latin của Cesare và Cicerone; tiếng Latin đó có đặc trưng thời Trung cổ, ngôn ngữ chính thống của Nhà Thờ và những văn bản pháp lý của nước Cộng Hòa Genova.

Ở tuổi trẻ còn non nớt, như sau này ông thường viết, Colombo bắt đầu bơi thuyền, nhưng có lẽ, thật ra là chắc chắn, ông đã gặp biển cả sớm hơn. Ở đâu? Trên bến cảng và trên bãi biển. Ở bến cảng không khó để một cậu con trai lẩn đi, không ai để ý và không ai biết, trong đám đông nhiều màu sắc. Có nhiều tàu, nhiều thủy thủ nói nhiều thứ tiếng khác nhau, đến từ mọi nước. Họ đến từ tất cả các miền của Địa Trung Hải, từ đông sang tây, cũng như từ Bồ Đào Nha, Flandres và nước Anh. Nhiều cánh buồm biết bao! Biết bao thân tàu cuộn trôi dập dềnh đi lại! Và khắp nơi, mùi biển sục nức, một mùi kích động, và lôi cuốn.

Điều này cho ta một hình ảnh thứ hai về Colombo, một cậu con trai bảy tuổi đi lang thang khắp kho cảng; dừng lại nhiều giờ để ngắm

nhìn những hoạt động của tàu biển, việc xử lý những cánh buồm, bánh lái và mỏ neo - đó là chỉ nêu một ít yếu tố có liên quan đến việc rời cảng, hoặc đưa tàu vào vùng kho dọc theo cảng. Chắc hẳn Colombo mơ tưởng một ngày nào đó sẽ ở trên những boong tàu ấy và ra khơi, tại nơi này mùi muối không bị pha loãng; rồi đi tới những hải cảng khác, những thành phố khác, hàng trăm thành phố, nơi mà rất nhiều dân tộc kỳ lạ đã tới.

Có lẽ Colombo không đi xuống biển tại Albaro, hay thậm chí ở cửa sông Bisagno, gần hơn. Có thể không xảy ra vì làm như vậy trong thời Colombo sẽ cần phải rời khỏi thành phố và vượt qua nhiều dặm đường trong một vùng đồng quê quang đãng. Rời khỏi thành phố trong thời ấy là một vấn đề.... đối với người lớn còn như vậy, ta có thể tưởng tượng đối với một cậu bé thì sẽ khó khăn hơn biết chừng nào. Hầu hết những phụ nữ và không ít nam giới thành Genova đã sinh ra, sống và chết trong phạm vi những bức tường thành phố. Tình hình là như vậy ở Genova và nhiều thành phố khác ở Italia, ở Provence, Pháp và Flandres. Chắc hẳn đó không phải là trường hợp của Domenico Colombo, một người thợ thủ công và nhà buôn, cũng như nhà hoạt động chính trị và cũng không phải là trường hợp của Susanna Fontanarossa Colombo, sinh tại Quezzi. Tuy nhiên nếu Colombo đi ra ngoài những bức tường thành, ông ta phải đi cùng bố, hoặc mẹ, hoặc cả hai. Họ đã đi đâu? Tới Quinto.

Tại Quinto có nhà của ông nội Colombo, một ngôi nhà điển hình của những người nông dân Liguria: bốn bức tường trổ trụi với một buồng ngay dưới nóc nhà, xây bằng những tấm ván nhỏ và một cầu thang bằng gỗ hẹp để rời căn buồng đó. Trên tầng hai là ô khung cửa, lò sưởi. Và một đôi khi còn một con bò cái, một con bê, con lừa, một số dụng cụ và những đồ tiếp tế cho một khẩu phần đơn sơ và khắc khổ. Ở đây người mẹ vừa nuôi nấng con cái, vừa quay sợi, hoặc dệt, những khi bà không phải giúp chồng công việc đồng áng. Những đứa con lớn vây quanh bà, làm việc với bà hoặc trông xoong trên bếp lửa, đầy rau do nhà trồng, thêm gia vị bằng dầu và muối. Trên gác bố mẹ, hai con gái cùng ngủ, ngăn cách bằng những vách sậy. Chắc hẳn Colombo lưu lại ở ngôi nhà tại Quinto khi ông còn rất trẻ và, khi ông lớn hơn, trong những ngày hè, hoặc vụ thu hoạch nho của gia đình trong mùa thu. Từ ngôi nhà này đi xuống biển không

khó, hoặc qua những cánh đồng cỏ, hoặc qua ít vùng có đá. Ngày nay toàn bộ vùng này đầy những lâu đài, với những con đường lớn rải nhựa, nhưng biển cả vẫn vỗ vào những núi đá màu xám thẫm, như bao giờ vẫn thế.

Ta có thể ngồi trên những tảng đá này và suy nghĩ, bỏ qua sự rối loạn về kiến trúc và những tiếng ồn của thành phố, sống lại những cảm giác mà Colombo phải có khi còn nhỏ, cảm thụ chân trời vô tận của một biển cả ít khi yên lặng, màu sắc thay đổi, lúc thì có những vệt xanh sáng, lúc thì màu xanh đậm nước biển, một đôi khi màu tím, hay gần như đen. Những cảm giác không phải luôn luôn thú vị, ngay cả khi bầu trời yên lặng và nước yên tĩnh. Môi trường xung quanh gây ra những cảm giác mạnh, tốt cho việc tôi luyện tính tình, buộc người ta suy nghĩ một cách sâu sắc, vượt qua sự hời hợt và nhẹ dạ. Chính trên những tảng đá này, bên ngoài cảng Genova, Colombo lần đầu tiên có kinh nghiệm về biển cả.

Đây là hình ảnh thứ ba của Colombo: Ông đã học bơi ở biển, một biển cả nguy hiểm cho người không biết bơi, vì rất ít bãi biển an toàn. Ông đã có biển và yêu biển, trở mắt nhìn biển một cách triu mến, từ một tảng đá. Ông không còn chỉ đơn thuần mơ tưởng chân trời; chân trời ngay trước mặt ông; ông đang nhìn về chân trời, mơ ước một ngày nào đó sẽ đi tới chân trời.

2 CỘI NGUỒN VĂN HÓA CỦA COLOMBO

Việc Colombo sinh tại Genova không phải là một thực tế không liên quan gì đến thành tựu của ông như ý kiến của một số người. Như chúng ta sẽ thấy, không có nghi ngờ gì là kế hoạch lớn của ông đến phương Đông bằng cách đi tàu biển về hướng Tây đã phát sinh trên Đại Tây Dương, không phải ở Genova hay Liguria. Nhưng thiên tài đã sinh ra ở đâu để nghĩ ra và thực hiện kế hoạch lớn ấy? Nhân vật gần như siêu nhiên ấy, với tính bền bỉ lớn đến mức ám ảnh và tính kiên gan bền bỉ, sự kiên định không thể lay chuyển nổi ấy đã hình thành ở đâu? Những nguồn gốc của đặc tính đó ở đâu? Lòng tin của Colombo - không phải là sự mê tín, mà phần tinh túy của nó là luôn luôn quan tâm tới sự thần bí của Đấng Tối Thượng, của Kinh Thánh, một lòng tin dành cho những sự sùng bái cao quý nhất, sự sùng bái quan hệ đến nhu cầu của tinh thần con người, là sùng bái Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Francesco. Lòng tin ấy đã bắt đầu nảy nở như thế nào? Khi còn là đứa trẻ, Colombo đã tiếp thu lòng tin đó ở đâu? Genova và Liguria là quan trọng trong những lĩnh vực này.

Samuel Eliot Morison, đô đốc hải quân Mỹ và là một trong những học giả lớn nhất về Colombo, viết: “Chắc chắn Genova là một nơi cho bất cứ chàng trai tích cực nào có lòng mong muốn mạnh mẽ về phiêu lưu trên biển cả”. Người Anh Ernle Bradford một thủy thủ lão luyện nói thêm: “Một trong những thủy thủ vĩ đại nhất của thế giới đến từ Genova thì đó là một sự kiện hết sức tự nhiên”.

Genova và Liguria là loại nơi chốn như thế nào? Đó là một dải đất hẹp nằm giữa núi và biển, một bờ biển liên tiếp những núi đá, những vịnh, những đảo con, những vịnh nhỏ, những chỗ tàu biển bốc dỡ hàng, những cảng lớn cảng nhỏ, những bãi biển ngắn bao

phủ bởi núi đá, hoặc cát vàng bị ngắt ra bởi những mũi đất nhô ra biển, một số đầy đá, một số có những cây thông tuyệt đẹp phủ kín. Sự độc đáo của Liguria bắt nguồn từ biển Liguria. Trong nhiều thiên niên kỷ, nền thương mại của Liguria chỉ bằng đường biển: từ Lerici ở miền Đông đến Nice ở miền tây, có một dòng liên tục người và hàng hóa đến bằng đường biển. Tất cả, hoặc gần như tất cả thương mại của Liguria đến bằng đường biển. Những mối quan hệ kinh tế, văn hóa và tình cảm giữa những gia đình thuộc các dân tộc khác nhau, những cuộc hôn nhân đã được thực hiện bằng đường biển và trong nhiều thế kỷ, những cuộc hôn nhân đó đã ràng buộc nhân dân Liguria với nhau, việc ngăn ngừa những cuộc hôn nhân gần gũi về huyết thống đã không thể tránh được tại những làng xa xôi hẻo lánh bên trong. Những mối quan hệ mạnh mẽ về kinh tế lẫn chính trị trong những mối liên hệ yếu ớt của nước Cộng hòa Genova được cấu trúc lỏng lẻo, đã phát triển bằng đường biển. Những quan hệ tôn giáo dọc theo miền Liguria hình lưới liềm, với Genova, nơi có trụ sở của Tòa Tổng giám mục, cũng đã hình thành bằng đường biển.

Quả thật tác động của biển đối với dân Liguria đã được kể lại trong lịch sử của mọi thế kỷ, trong biên niên sử của mọi năm và mọi mùa. Nói chung người ta cho rằng nhân cách Liguria chịu ảnh hưởng của sự hiểm đất và buộc phải dựa vào biển cả. Những người Liguria liên hệ việc hiểm đất đai này với tính khí hướng về nội tâm và sự tần tiện đã thành ca dao của họ - thực sự đó chỉ là một sự đam bạc thật thà. Ảnh hưởng của vùng biển không có bãi và những chỗ nước nông, nhưng lại luôn luôn mở ra một chân trời rộng lớn, đã giúp hun đúc nên trí thông minh phân tích, tính nghiêm túc và sự tận tình về đạo đức.

Một ảnh hưởng lan tỏa về lịch sử và xã hội như thế được thấy rõ một cách kỳ diệu trong kinh tế, tài chính và thương mại; trong những lĩnh vực này hai đặc tính Genova thật hiển nhiên: trung thực, bao hàm sự tin cậy, và nghi ngờ, ngăn chặn sự lừa dối. Cũng có tính bền bỉ, con đẻ của tính điều độ, cũng không thể thiếu được như trí thông minh; ý thức tôn giáo sâu sắc của những người Liguria liên hệ cuộc sống với Chúa Trời, trong khi ý thức về tận tình đạo đức của họ bảo đảm sự thẳng thắn không bị đạo đức giả hoặc thỏa hiệp làm nhơ.

Kết quả trong những quan hệ xã hội và chính trị thì lại khác. Việc người Genova thiếu lòng tin, và có sự dè dặt, thậm chí đổ kỵ, đối với chính trị xuất phát từ khả năng lớn lao của họ về đi biển và từ sự bất lực của họ theo đuổi nông nghiệp. Ở biển cả - từ những ngày đi thuyền buồm cho đến những ngày chạy tàu hơi nước, cho tới đầu thế kỷ này - thông qua sự dũng cảm của mình, một người chỉ huy giành được sự đánh giá cao, tôn trọng và dốc lòng phục vụ của những người dưới quyền mình. Người chỉ huy đó chọn hướng đi, tránh hàng nghìn trắc trở của thời tiết, sương mù, dòng nước và những bãi cạn, thoát khỏi những cơn bão, đi vào những con kênh không bị tổn thương, chạy dọc theo những kho bãi. Tất cả những điều này là khó, như bất cứ ai đã đi biển bằng thuyền buồm đều biết, vì phải luôn luôn chờ đợi sự hỏng tàu mỗi ngày, mỗi đêm, trong thực tế là mỗi giờ. Có sao đâu nếu người thuyền trưởng khắt khe, cứng cỏi, lạnh lùng, nếu người đó hay chê trách và không bao giờ hài lòng, không bao giờ ban cho bạn một lời khen? Bằng cách đưa tàu vào bến an toàn, ông ta bảo đảm cuộc sống của bạn. Một người thuyền trưởng trên biển không cần đến những thủ thuật của một nhà chính trị.

Sự tóm lược này về tính cách, thái độ, khuyết điểm và sự xuất sắc của những người Liguria là áp dụng được cho người con vĩ đại nhất của họ, Cristoforo Colombo. Colombo sinh ra và sống thời thanh niên của ông vào nửa sau thế kỷ XV, khi Genova trở thành như Fernand Braudel nói “trung tâm của chủ nghĩa tư bản châu Âu”. Trong nhiều thế kỷ Genova đã là một trong những thủ đô hải quân của Địa Trung Hải. Từ Genova những đội quân và những hạm đội đã ra đi trong những cuộc Thập tự chinh đầu tiên. May mắn có được một hải cảng thiên nhiên hoàn hảo và ở vào một vị trí ở đầu của một vịnh sâu gần trung tâm Địa Trung Hải, Genova đã đoạt được sự kiểm soát biển Tirreno từ những người Saracen, Pisa, Provence và Catalogna. Tự do đi lại và kiểm soát những con đường hàng hải tới biển Liguria là tối quan trọng đối với người và tàu biển để khảo sát Địa Trung Hải, tìm những nơi đổ bộ và những hải cảng phát triển nhất, và người Genova dùng những nơi và những hải cảng đó để thâm nhập vào đất liền, tìm hàng hóa và thị trường. Một nhà sử học đặc biệt giỏi tổng hợp, Giovanna Petti Balbi, nói với chúng ta rằng từ

đầu thiên niên kỷ thứ II người Genova đã ở Sardegna và Corsica, rồi ở dọc bờ biển Tunisia và Tây Ban Nha, rồi miền tây Địa Trung Hải, trước khi kiểm soát miền đông, từ đây họ đã đến với cuộc Thập tự chinh thứ nhất. Họ đã tạo ra một đế quốc thực dân thực sự, về kinh tế hơn là về chính trị, vì những nhân vật như Zaccaria, Vignoso, Ghisolfi, Adorno, Lomellini và Centurione - đã kiểm soát việc triển khai vốn, tàu biển, người và những kinh doanh thương mại ở vùng này, hoặc vùng khác của Địa Trung Hải, nhiều khi làm trái với những chính sách và liên minh chính trị của quê hương họ. Những cộng đồng người Genova được thiết lập tại Tây Ban Nha, trên những đảo, tại Bắc Phi, trong biển Egeo, trong Hắc Hải, tạo ra một mạng lưới lớn bao gồm cả Đại Tây Dương (Bồ Đào Nha, Anh và Flandre) lẫn phương Đông (Ba Tư, Ấn Độ, và Trung Quốc).

Trong thế kỷ thứ XV, Genova đã được hưởng một chế độ kinh tế có thể gọi là mang tính chất thương mại. Genova đã vượt qua thời Trung cổ phong kiến, thời này không phải là thời tự do buôn bán, trừ buôn bán rải rác, lúc có, lúc không, và bí mật. Chính trong thế giới mang tính chất thương mại này, người thanh niên Colombo đã lớn lên: Bảy mươi bảy tài liệu đã được công chứng, trong đó cha ông là nhân vật trung tâm, hay được nói đến, là một chứng cứ rõ ràng. *Mua và bán, lợi tức - những tỷ lệ phần trăm, những cổ phần và những lợi nhuận* - đây là những thuật ngữ mà trong thời Trung Cổ người ta chưa hề biết. Thừa kế được nền văn hóa, kinh tế này, Colombo đã rời Genova, vượt hải phận nước Anh nhiều lần, buôn bán tại những đảo thuộc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, ở Đại Tây Dương và châu Phi và sống tại Bồ Đào Nha, nơi đây ông đã thương lượng với nhà vua trước khi đến Sevilgia và Cordova. Tại Tây Ban Nha ông thấy khu định cư người Genova rõ rệt nhất với những gia đình Adorno, Doria, Centurione, Grimaldi, Pinelli, Spinola, de Maria và di Negro, những họ tên ưu việt nhất thuộc giai cấp thương nhân giàu có của một Genova trù phú. Và tại Andalusia này, trong thế giới những người Genova hoạt động ngân hàng, thương nhân, người buôn bán đồ phụ tùng tàu biển, Colombo đã phát triển sự nghiệp vĩ đại của ông.

Nguồn gốc văn hóa Genova của Colombo, hiển nhiên một cách rõ rệt và không thể nghi ngờ được trong thương mại và kinh tế, cũng

hiển nhiên trong một lĩnh vực khác có liên quan: địa lý. Genova trong thế kỷ thứ XV đã là một trong những thủ đô của ngành vẽ bản đồ đi biển, có lẽ thủ đô quan trọng nhất, cạnh tranh với Venezia, Majorca, và những trường phái Ả-rập. Là một cậu bé tại nhà trường thuộc phường các nhà buôn len, Colombo đã học được những yếu tố đầu tiên về địa lý và đi biển tại trung tâm của thế giới Công Giáo với sự hiểu biết sâu sắc nhất về những môn học đó.

Kết luận: Genova không những là sinh quán của Nhà Phát hiện ra lục địa châu Mỹ, mà Genova còn có nhiều tài liệu lưu trữ về ông và là quê hương văn hóa của ông. Tại Genova Colombo đã thừa kế tính chất cơ bản và lòng tin của ông, tích lũy kiến thức của ông về biển cả, cũng như tính tò mò khoa học và sáng kiến kinh tế của ông.

3

CHIO^[*], SỰ QUYẾN RŨ CỦA PHƯƠNG ĐÔNG

Năm 1459, khi Colombo tám hay chín tuổi, của cải của phái Fregoso đã bắt đầu suy sụp. Pietro Fregoso chết một cách bi thảm sau một cuộc xung đột nhỏ đầy bi kịch gần cổng thành phố của Thánh Andrea. Một người khác thuộc phái Fregoso, Tổng Giám mục Phaolô, lãnh đạo phái ông trong cuộc nội chiến tiếp theo và đã giành được chức tổng trấn, nhưng năm 1464 bị lật đổ và phải trốn sang Corsica. Genova chuyển sang sự kiểm soát của phái Sforza, những quân công Milano.

Từ 1466 đến 1470, vì của cải lớn hơn của phái Fregoso đã được định đoạt, của cải nhỏ của Colombo cũng được định đoạt, dẫn đến việc ông quyết định chuyển đến Savona. Với việc phái của ông bị thất thế, hy vọng của ông về việc nhận được sự bảo trợ cũng hết và ông đã quyết định phải thay đổi nơi chốn mới có lợi hơn. Savona là một thành phố vẽ tranh của Genova và có nhiều cơ hội hoạt động thương mại hơn là những nhà sử học thường thừa nhận. Tuy nhiên, Savona bị Genova lợi dụng và khinh miệt, người ủng hộ các phái khác nhau và quân đội của một số nhà vua Anglo, Pháp, Milano và Aragon - dùng Savona làm căn cứ tiền tiêu để tấn công Genova, hoặc làm nơi lánh nạn sau một cuộc tấn công thất bại, hay sau khi bị đuổi ra khỏi thành phố. Trong thời Colombo số phận của Savona vẫn còn bị cột chặt vào số phận của Genova như trong nhiều thế kỷ trước.

Tại Savona, Domenico theo đuổi nghề buôn len của ông, nhưng ông cũng điều hành một quán trọ. Còn Colombo thì sao? Lúc này mười lăm tuổi, cậu đã bắt đầu đi thuyền trong hải phận của Liguria, Provence và Corsica. Giữa những cuộc đi biển, Colombo ở lại trên bờ, làm việc trong cửa hàng của cha tại Savona trên phố San

Giuliano, ngày nay là phố Dei Cassari. Giả thiết nếu ông đi biển liên tục, cuộc sống của một thủy thủ có thể đã không cho ông có thời gian mơ tưởng về những chân trời mới rộng hơn. Thay vào đó, trong những tháng ở trên bờ, niềm vui lớn lao mà ông đã trải qua trên biển cả đã thấm sâu vào tham vọng của ông, làm cho ông nhìn xa về tương lai, để cho ông mong mỗi ngày ông có thể lại chăm chú nhìn vào cõi vô tận.

Số phận đi biển của con người sẽ trở thành nhà phát hiện nổi tiếng nhất của tất cả các thời đại, như vậy là đã được hình thành lần đầu tiên ở Savona. Chúng ta không biết do sự tình cờ, hay do ý của Colombo muốn làm vinh dự cho Savona đã dẫn đến việc lấy tên thành phố này làm tên duy nhất của Liguria có trong vùng biển Caribe: ông đặt tên Savona cho một đảo nhỏ xinh đẹp ở tây nam Hispaniola, tên này đến nay vẫn còn.

Chuyến đi biển dài đầu tiên của Colombo chuyến đi quyết định cho tương lai của ông là tới đảo Chio, trong biển Egeo; từ Savona ông ra đi đến Chio ngày 25 tháng 5 năm 1474. Từ thời Trung cổ cho đến thế kỷ XIX, người ta biết đảo này với cái tên do những người định cư Ionici cổ đại đặt cho nó: Chio. Đảo rộng 355 dặm vuông, hoặc gấp bốn lần đảo Elba, bằng một phần tư đảo Majorca. Ngày nay đảo này có năm vạn dân, nhưng thời trước đã có lần đông dân cư hơn.

Chio là một bộ phận của quần đảo Sporadi, một dãy đảo dọc theo cạnh phía tây của Tiểu Á. Một eo biển hẹp tách Chio khỏi bán đảo hình thành Vịnh Smirne. Tự hào về quá khứ vinh quang Chio tuyên bố là sinh quán của Omero^[*]; trong thời Colombo, Chio là một trong những cột trụ kháng cự của những tàn quân thế giới La Mã - Byzantine chống lại cuộc tiến quân quyết liệt của những người Thổ Nhĩ Kỳ. Genova và Venezia tranh giành hòn đảo này trong thời Trung cổ cho đến đầu thế kỷ thứ XIV, người Genova đã chiếm đảo này gần như liên tục, trước hết bởi gia đình Zaccaria (1304 - 1329) và rồi bởi Moana (1346 - 1566), một hội những người buôn bán đồ phụ tùng tàu biển mà những thành viên sau này mang họ Giustiniani.

Trên đảo Chio, Colombo đem lòng yêu Phương Đông. Đảo Chio là cửa ngõ đi vào Phương Đông, một thị trường giàu có, buôn bán nhộn nhịp. Hải cảng, khu buôn bán và những cửa hàng tấp nập

những nhà buôn từ Phương Đông tới, với những bộ y phục nước ngoài, nhiều màu sắc, hòa trộn với những nhà buôn từ phương Tây, chuẩn bị ra đi tới những miền thần bí có lụa, có ngọc trai và đá quý.

Chio đã và hiện là hòn đảo rất đẹp. Những ngọn núi trơ trụi nhưng nguy nga và hùng vĩ, vì chúng cao và sát biển, như những ngọn núi Alpes thuộc dãy Rivier ở Liguria. Những sườn núi thấp hơn, những quả đồi và cánh đồng cỏ bao phủ bởi cây cỏ xanh tốt, cung cấp cho ta những viễn cảnh hoàn toàn khác những viễn cảnh của Liguria. Cây xô thơm, cỏ xạ hương và kinh giới tỏa đầy không khí mùi thơm sục nức, và bao trùm lên những mùi đó là mùi thơm cây nhũ hương. Dân đảo Chio gọi là *Mirovolos*, có nghĩa là “Một nghìn mùi thơm”. Mùi tinh dầu nhũ hương, lấy từ cây nhũ hương, thấm vào mọi vật và không thể nhầm lẫn. Cây nhũ hương mà Colombo nói đến nhiều lần, khi ông nghĩ rằng ông đã tìm thấy cây đó tại Cuba, mọc khắp mọi nơi ở Địa Trung Hải, nhưng chỉ ở miền nam đảo Chio mới sản sinh ra tinh dầu nhũ hương quý và thơm. Là một loại nhựa, tinh dầu nhũ hương vẫn là chỗ dựa cho nền kinh tế của đảo Chio.

Trong thời Trung cổ người Venezia, rồi người Genova kiên quyết bảo vệ việc sản xuất tinh dầu nhũ hương không để cho người khác sản xuất. Vua Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ sử dụng nhiều tinh dầu nhũ hương thỏa mãn thói kiêu căng của những phụ nữ mà ông ưa thích. Tinh dầu nhũ hương vẫn còn được dùng ở Trung Đông để làm nước hoa, đồ uống, kẹo, chất hàn răng và làm dễ dàng việc tiêu hóa. Việc sản xuất tinh dầu nhũ hương và của cải do việc sản xuất đó sinh ra - năm mươi nghìn duca hàng năm - đã kích thích những ý nghĩ của Colombo. Xét sự thay đổi lớn trong tỷ lệ trao đổi tiền từ hồi đó, con số đó xấp xỉ tương đương 7 triệu đô la ngày nay.

Nhưng trước hết là những mùi thơm của đảo Chio đã kích thích Colombo. Khứu giác đặc biệt của ông đáng chú ý. Mọi người thừa nhận cảm quan của ông về biển, gần như giác quan thứ sáu. Có sự đồng ý chung là một điều kiện, chưa phải là đủ nhưng cần có để hiểu biển là khứu giác tốt, nó cho phép chúng ta cảm thụ được hoạt động của gió và những dòng nước. Mùi thơm của tinh dầu nhũ hương đề cao bản năng, thúc đẩy tưởng tượng và gây ra những giấc mơ. Những phụ nữ cấm cung Hồi giáo rất thích mùi thơm đó, mùi thơm nhũ hương rất gần với mùi trầm, mùi thơm đó kích thích những cảm

giác thần bí và chuẩn bị cho người ta đi vào sự ngưỡng mộ tôn giáo. Những mùi thơm của đảo Chio đã bỏ bùa chàng thanh niên Cristoforo. Ông say sưa vì cảm giác này, một phần của ma thuật phương Đông, và sẽ say sưa như vậy trong phần còn lại của cuộc đời ông.

4 BỜ ĐÀO NHA

Ngoài chuyến đi tới đảo Chio, Colombo đã thực hiện nhiều chuyến đi khác trong Địa Trung Hải. Qua những bản viết của ông, chúng ta biết ông đã biết tất cả bờ biển phía tây Genova tới tận Catalogna. Ông cũng đã biết Corsica, Sardegna, Napoli và Sicilia và bờ biển Barberia. Ông không bao giờ nói về Roma, và do đó chúng ta tin rằng ông không bao giờ có dịp lên bờ tại Civitavecchia, hoặc trên bờ sông Tevere.

Cuốn *Lịch sử* mà người ta cho là do con trai ông, don Fernando, viết, nói về một cuộc tấn công do Renato d'Angio ra lệnh chống một chiếc tàu trong vịnh Tunisie, nhưng một số người bảo lưu sự kiện này. Mặc dù có thể có sự nói quá hay huênh hoang đã xuyên tạc sự kiện, nhưng không có lý do để sự kiện đó không thể xảy ra. Từ 1470 đến 1480, Genova thường xuyên có chiến tranh với Aragon và liên minh với Angio. Bằng cách phục vụ Angio, Colombo đi theo chính sách của thành phố Angio và phái của cha ông này.

Mùa hè năm 1476, Colombo rời Địa Trung Hải lần đầu tiên, đi vào Đại Tây Dương. Một cuộc khảo sát thương mại đến nước Anh đã được tổ chức tại Genova vào mùa xuân; có một đoàn tàu nhỏ, gồm một tàu galley thuộc Gioffredo Spinola một tàu săn cá voi thuộc Nicolo Spinola, một tàu galley thuộc Teramo Squarciafico và tàu galley *Bettinella* do Gian Antonio di Negro chỉ huy. Cũng có một chiếc tàu nguồn gốc Flandres, gọi là chiếc *Bechalla*, được trang bị tại vịnh Noli, thuyền viên chủ yếu là những thủy thủ Savona, do Cristoforo Salvago chỉ huy.

Ta có thể tưởng tượng sự xúc động của Colombo khi tàu qua eo Gibraltar trong chuyến đi đầu tiên của ông vào Đại Tây Dương. Biển khơi nằm ở bên kia, không phải là một trong những đại dương mà chỉ là Đại Dương - vì ba đại dương kia, Thái Bình Dương, Ấn Độ

Dương và Bắc Băng Dương, chưa được biết đến - Đại Dương mà Colombo một ngày kia trở thành Đô Đốc. Những chiếc tàu đi theo hướng tây bắc đến mũi St. Vincent, mũi cực nam của Bồ Đào Nha. Đó là ngày 13 tháng 8 năm 1476.

Giữa mũi Santa Maria và mũi St. Vincent bất ngờ đoàn tàu bị một đội tàu của hải tặc Pháp tấn công. Genova vẫn hòa bình với Bồ Đào Nha và Pháp, nhưng hoặc vì họ hiểu nhầm ý định của đoàn tàu Genova, hay đơn thuần bị lôi cuốn bởi một phần thưởng có giá trị, nên người Pháp đã khai chiến. Những người Genova đã chống cự một cách kiên quyết. Khi màn đêm buông xuống, trận chiến đã kết thúc một cách thê thảm cho cả đôi bên. Trong số năm tàu của Genova chỉ có hai chiếc trốn được đến Candice ở Castiglia; ba chiếc kia bị cháy và chìm và nhiều người trong đoàn thủy thủ bị chết đuối. Bốn chiếc tàu của đoàn tàu hải tặc (theo một tài liệu khác là năm chiếc) bị chìm và hàng trăm người bị chết.

Một số người trên tàu bị nạn trong đó có Colombo, đã được những ngư dân từ làng Lagos của Bồ Đào Nha cứu. Sau này trong một bức thư gửi vua Ferdinando của Tây Ban Nha tháng 5 năm 1505, Colombo đã viết về việc ông may mắn đến bờ biển Bồ Đào Nha: “Chúa đã đưa tôi đến đây một cách kỳ diệu để tôi có thể phục vụ Bệ Hạ; tôi nói kỳ diệu, vì tôi đã đổ bộ lên bờ biển Bồ Đào Nha”. *Kỳ diệu* và *đổ bộ* - chữ thứ nhất dùng hai lần - nói rõ ràng và không thể nhầm lẫn việc viên Đô đốc tương lai đã đến bờ biển Bồ Đào Nha một cách bất ngờ trong hoàn cảnh may mắn như thế nào. Như vậy, ngày 13 tháng 8 năm 1476 là một ngày đáng ghi nhớ trong cuộc đời của Colombo.

Người tín ngưỡng thấy bàn tay của Chúa Thánh Thần trong tai nạn tàu biển của nhà thủy thủ Genova trên bờ biển Lagos. Người hoài nghi thấy trong tai nạn ấy vai trò đáng ngạc nhiên và có một không hai của sự tình cờ trong lịch sử. Lagos là một làng đánh cá tại cửa một con sông nhỏ. Ngư dân cột thuyền của họ ở sông, nước sông chảy nhẹ nhàng vào vịnh. Nhưng ngôi nhà thì nghèo nàn, như những ngôi nhà của những làng chài khác trên bờ Địa Trung Hải. Vịnh rộng và yên tĩnh. Có vẻ vịnh không mở vào đại dương, nhưng vịnh đã bị cột vào lịch sử của Đại Tây Dương: từ đây đã xuất phát nhiều cuộc khảo sát do Henry, Nhà đi Biển, tổ chức.

Henry, Nhà đi biển, Hoàng tử Henry của Bồ Đào Nha - Colombo có biết gì về ông ta hay không? Colombo có thể đã biết về ông, vì những thủy thủ của Đại Tây Dương đã nói về ông. Henry là một phần của lịch sử và hơn nữa, Ông ta là của huyền thoại và truyền thuyết. Nhưng nếu Colombo chưa biết gì về ông trước đó, chắc chắn ông đã nghe thấy tên Henry và những câu chuyện về những công việc của Henry từ miệng ngư dân Lagos. Không quá mười lăm dặm cách làng Lagos là Sagres và mũi Vincent, nơi đây Henry đã sống nhiều năm cuộc đời mình và đã thiết lập trụ sở để tiến hành nghiên cứu và tổ chức những cuộc phát kiến của ông.

Cuộc đời và những công trình của Henry, Nhà đi biển, phản ánh sự nghiệp của ông và lịch sử của Bồ Đào Nha. Ông đã tập hợp những hoa tiêu, những thuyền trưởng đi biển, những nhà chuyên vẽ bản đồ, những nhà thiên văn và những thủy thủ thuộc mọi nguồn gốc: Bồ Đào Nha, Catalogua, Genova, Venezia, người Do Thái và người Saracen. Ông có những thông tin viên từ những nơi xa như Abyssinia và vịnh Ba-tư. Triều đình của ông trở thành một trung tâm phát triển hàng hải và kinh nghiệm thuộc địa.

Mặc dù không phải là nhà hàng hải hay nhà thám hiểm, Henry đã nổi tiếng vì đã đưa ra một loại tàu mới, loại tàu nhỏ; loại tàu này nhẹ và nhanh, thích hợp cho việc đi biển khơi. Ông cũng là người đầu tiên lập ra và hệ thống hóa những phương pháp thương mại thực dân hóa mới, thay cho những phương pháp phong kiến: đồn trú, chuyển nhượng, công ty và độc quyền. Henry đã cho những nhà vẽ bản đồ một phương hướng mới, một thích thú mới về những bờ biển châu Phi mé Đại Tây Dương.

Vào cuối thời Trung cổ, những người Amalfia, Pisa, Venezia và Genova và sau này những người Firenze đã dốc tâm trí vào việc vẽ bản đồ. Từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV, những người Genova là những người đi đầu trong khoa vẽ bản đồ. Những nhà vẽ bản đồ người Do Thái của Majorca đã học tập và phổ biến nghệ thuật của họ từ Genova. Trường phái Genova cũng làm nảy sinh ra trường phái Catalan của Barcelona, trường phái Bồ Đào Nha của Lisbon, trường phái Ả-rập, và sau này trường phái Flandres.

Tôi đã nói rằng không phải ngẫu nhiên mà nhà phát kiến vĩ đại trong lịch sử đã sinh ra và lớn lên tại Genova, vì Genova đã là thủ đô

của khoa vẽ bản đồ và khoa vũ trụ học từ đầu thời Trung cổ. Và không phải chỉ là sự trùng hợp mà chúng ta thấy người anh em của Colombo, Bartolomeo, cùng với ông tại Lisbon. Nghệ thuật vũ trụ học và nghệ thuật vẽ bản đồ hàng hải đã hình thành một mối quan hệ chặt chẽ giữa Genova và Bồ Đào Nha, quan trọng hơn mối quan hệ do thương mại và tài chính tạo ra. Henry còn làm cho mối quan hệ này chặt chẽ hơn nữa; mối quan hệ ấy lên tới đỉnh cao nhất trong việc thai nghén sự nghiệp vĩ đại của Colombo: điều chắc chắn là ở bên kia sa mạc, ở bên kia vùng khô nóng là vùng đất phì nhiêu, có thể ở được và biển có thể đi lại được bằng tàu biển.

Không may trong nhiều thế kỷ, những người ngoài giới học giả đã nghĩ rằng Colombo là người đầu tiên, hay trong số những người đầu tiên, cảm thấy quả đất tròn. Lòng tin đó là sai. Những nhà địa lý học cổ điển biết hoàn toàn rõ ràng, rằng quả đất tròn. Trong thời Trung cổ, khái niệm đó đã bị bỏ quên, nhưng vào giữa thế kỷ XV, khái niệm đó là một nguyên tắc đã được xác lập trong số các nhà địa lý học và các học giả nói chung. Vậy thì bằng cách giả thiết rằng quả đất tròn, Colombo không làm gì hơn là liên kết mình với tư tưởng chiếm ưu thế đó.

Sau này, chúng ta sẽ thấy rằng Colombo tự đặt mình một cách dũng cảm chống lại những quan niệm địa lý học của Tolemeo và Trung cổ trong niềm tin của ông cho rằng vùng đất đối chân^[*] là có thể ở được và có thể tới được. Ở đây tôi sẽ chỉ đơn thuần nhấn mạnh ba nguyên tắc chính của địa lý học cổ điển: trái đất là một khối tròn, nam bán cầu là không thể ở được, và những điểm đối chân cũng như vậy.

Những người Fenici, người Hy Lạp, người La Mã và người Công giáo chỉ biết rằng một biển cát mênh mông nằm ở phương nam. Những bờ biển về phía Đại dương là cát - khi chúng không phải là mũi đá hoặc không có một tí cây cỏ nào. Ở phía nam của Mauritania: Cát. Phía nam của Namibia: cát. Phía nam của Libya: cát. Phía nam Ai cập: Nubia, tất cả là cát, ở cả hai bên dải hẹp dọc theo sông Nile. Từ thời Cổ đại cho đến năm 1400 sau Công nguyên, miền đất duy nhất ở miền nam sa mạc Nubia được biết có cây cỏ và cuộc sống là Ethiopia, một vùng đất được coi gần như huyền thoại. Trong

những thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XV, chưa ai biết gì về Guinée. Sa mạc mênh mông đã làm cho những thế giới thuộc nền văn minh Hy Lạp - La Mã - Công giáo và châu Phi đen không biết nhau.

Bằng đường bộ, Marco Polo đã tới được Trung Quốc và Nhật Bản. Bằng đường bộ và đường biển, người Hy Lạp đã tới Ấn Độ. Bằng đường bộ, những nhà truyền đạo Gia tô đã tới Vùng Bắc cực và những đồng cỏ xa hơn nữa của nước Nga. Bằng đường biển, những hải tặc bán đảo Scandinave đã tới Greenland và những bờ biển băng giá Bắc Mỹ. Bằng cách đi ngược dòng sông Nile và vượt qua Hồng Hải, những nhà truyền đạo Thiên chúa giáo đã truyền đạo tại Ethiopia. Nhưng không một ai đã đến những vùng đất phì nhiêu ở miền trung và miền tây Phi và những con sông lớn ở miền Nam Sahara.

Những sông lớn ở châu Á và châu Âu thì nhiều, nhưng người ta chỉ biết một con sông duy nhất, sông Nile được biết ở châu Phi. Vì có vẻ kỳ lạ là một lục địa mà chỉ có một con sông, và logic hơn là lục địa đó không có con sông nào, nên đã xuất hiện lòng tin cho rằng Ai Cập là một phần của Châu Á. Châu Phi được coi là bắt đầu từ miền tây của đồng bằng sông Nile phì nhiêu, với sa mạc Libya, nơi bắt đầu của Sahara mênh mông.

Địa Trung Hải, Hồng Hải, vịnh Ba Tư, eo biển nước Anh, Bắc Hải, biển Baltic và chính Bắc Đại Tây Dương, những vùng nước này là những con kênh thông tin liên lạc mở cho các chủng tộc và các nền văn minh. Trong khi biển có thể đi lại được bằng tàu biển, còn biển cát và sa mạc thì không. Giả thiết nếu những nhà buôn Carthage thế kỷ thứ V trước Công nguyên, những nhà truyền đạo Công giáo đương thời với Thánh Augustino, những hiệp sĩ Ả-rập của những vua Hồi giáo, hoặc những người thừa kế của nhà Tiên tri đã tìm thấy biển ở miền nam Mauritania, Numidia, hoặc Libya, tất cả sẽ khác. Biển sẽ không cản trở họ như sa mạc.

Và như vậy sự hiểu biết của những thế giới Công giáo và Ả-rập đã không đi qua những vùng có nước trên sa mạc ở miền bắc. Những vùng đất sa mạc hoang vu cằn cỗi, hoang vu hơn ở về phía nam và sự thiếu cây cỏ đã thuyết phục những nhà triết học Hy Lạp rằng toàn bộ vùng đất khô nóng là không thể ở được. Aristote và nhà địa lý học vĩ đại Tolomeo nói như vậy. Những người Ả-rập, là những

tín đồ trung thành của Aristote, và thậm chí cả Alberto Magno, đã chấp nhận những tin tưởng của các nhà triết học ấy, trong thế kỷ thứ XIII, Alberto Magno vẫn nghi ngờ cuộc sống liệu có thể tồn tại trên những bờ biển và đảo của vùng đất khô nóng hay không.

Hậu quả là khi những nhà hàng hải Bồ Đào Nha tới cửa sông Senegal, đó là một phát hiện lớn đối với họ. Việc đó còn cho một sự tương phản rõ ràng, một trong những tương phản sắc bén nhất trong thiên nhiên. Hãy tưởng tượng điều gì phải xảy ra đối với những nhà phát hiện đầu tiên khi trông thấy cây cỏ xanh tốt tại những cửa sông Senegal và Gambia sau những núi đá ở Maroc và cát ở Sahara mà họ đã cho là vô tận. Họ có cảm giác giống những người man di từ trên núi Alpes xuống hay không? Không, vì những người man di đã biết rằng tại nước Ý, họ sẽ thấy một vùng đất có mặt trời và những bầu trời xanh. Họ có cảm giác giống như những con người đầu tiên trên mặt trăng hay không? Không, vì những nhà du hành vũ trụ đã có một ý nghĩ tốt về những gì họ sẽ tìm thấy ở đó.

Tương phản lại, những người Cổ đại và Trung cổ tin rằng về phương nam, trái đất đã kết thúc bằng vùng khô nóng. Lòng tin đó vẫn vững vàng trong số những thủy thủ của Thế giới Công giáo cho đến thời điểm lớn năm 1444, khi Dinis Dias, một ông tổ của họ Bartolomeo, được nhiều người biết đến, đã đến cửa sông Senegal ở Cape Verde. Chiếc thuyền buồm của ông là một vật kỳ diệu đối với những người châu Phi. Bốn trong số những người dũng cảm nhất đã đến gần con quái vật đi được trên mặt nước; họ không hiểu đó là một con cá, một con chim, hay một con ma, và khi họ trông thấy người trên thuyền họ quay lại và chạy trốn một cách cấp tập đến nỗi những người Bồ Đào Nha không thể nào đuổi bắt được họ.

Những người châu Âu đã đến trên đất của những người da đen, nhưng tầm quan trọng của cuộc phát hiện phần chính là ở cây cỏ nhiệt đới mọc xanh tốt mà người ta không ngờ và cho đến lúc đó không ai tưởng tượng được đã tồn tại ở châu Phi. Chỉ cách đường xích đạo mười lăm độ, trong vùng khô nóng, cây cỏ phong phú đã nuôi dưỡng nhiều động vật lớn và những con người khỏe đẹp. Gặp phải thực tế ở Cape Verde (ngày nay là Dakar), những học thuyết của Aristote và Tolomeo liệu còn có giá trị gì? Như Ruge, nhà địa lý học vĩ đại người Đức thế kỷ XIX, đã bình luận một cách ngắn gọn và

đầy ý nghĩa, những học thuyết đó đã tan vỡ trên núi đá của Cape Verde. Không những địa lý học Trung cổ, mà cả giáo điều cổ điển Hy Lạp cho rằng Nam bán cầu là không thể ở được đã bị chôn vùi dưới bóng những cây cọ đó.

Những phát hiện của Henry, nhà Hàng hải, và trực giác của Colombo gặp nhau ở đây: với hành trang của thời Cổ đại bị chôn vùi, một chân trời mới đã mở ra cho sự phát triển của địa lý học khoa học. Con người đã bắt đầu tin vào chính mắt mình hơn là những lý thuyết của người Cổ đại.

5

BĂNG ĐẢO VÀ CUỘC PHÁT KIẾN KHÔNG THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI SCANDINAVE CỔ ĐẠI

Từ Lagos, Colombo đã đến Lisbon một thời gian ngắn, và sau này ông lại trở về đây. Giờ đây ông phải tiếp tục các cuộc hành trình. Tại Genova cuộc thám hiểm lần thứ hai tới nước Anh đã được chuẩn bị. Trong chuyến đi này, hoặc có thể vào một chuyến đi trước, trên một số chiếc tàu tới Candice và Lisbon, người thủy thủ trẻ tuổi đã đến London, từ đó ông đi Bristol.

Thành phố Bristol cổ kính nằm dưới chân một ngọn đồi. Cảng Bristol không hơn gì một con lạch, do dòng sông Avon tạo thành. Avon là một dòng sông trung bình chảy xuống khe núi dưới chân thành phố, rồi đổ ra cửa sông lớn của Severn, nơi thực sự là cái vịnh nước mặn nhiều hơn nước ngọt. Tại Lisbon, Colombo cũng thấy những điều tương tự, tuy ở quy mô rất khác biệt. Điều mà Colombo không thấy được ở Lisbon và cũng là lần đầu tiên ông ta mục kích, là những đợt thủy triều cực lớn. Vào tuần trăng tròn tháng giêng - có lẽ vào thời gian Colombo đang ở Anh - thủy triều ở cảng Bristol là ba mươi sáu thước (Anh), trong khi tại Avonmouth, nơi dòng sông Avon đổ ra vịnh Severn, thủy triều lên cao bốn mươi bảy thước (thước Anh). Đó là một trong những mức thủy triều cao nhất thế giới và là mức cao nhất thời Colombo, khi thủy triều cao tới sáu mươi hai thước Anh tại Vova Scozia chưa được người ta biết đến.

Hiện tượng này đã gây ra những hậu quả nặng nề cho sự an toàn của cảng Bristol, vì tàu bè không cập bến cảng được khi thủy triều xuống, khi sông Avon không đủ nước cho tàu đi. Những đợt thủy triều này, vốn là một điều mới lạ đối với các thủy thủ vùng Địa

Trung Hải, cố nhiên đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với Colombo vì ông luôn nhạy cảm với những hiện tượng tự nhiên.

Colombo còn bị ấn tượng về những bến tàu sông động nằm dọc con lạch. Những bến tàu đầy ắp hàng hóa, như muối, lúa mì, rượu, nhưng... cập bến; hoặc len và những thùng cá khô xuất đi.

Colombo đã từng biết đến len Anh. Ông đã thấy len Anh nhập cảng đến Genova, và ông đã đi London để tìm mua một khối lượng lớn mặt hàng này. Mặt khác, việc xuất khẩu cá lại là công việc còn mới mẻ đối với ông. Colombo đã nghe nói đến cá trích; giờ đây ông đã trông thấy chúng rất nhiều, có đến hàng tấn. Ở Địa Trung Hải, người ta không biết đến cá trích, vì không thể nào tìm được loại cá này ở đây. Colombo, vốn chỉ quen với cá Sardine và cá trổng, đã thần người ra khi lần đầu tiên trông thấy cá trích cùng các loại cá khác. Giờ đây ông đã nhận thấy thị trường cá ở Genova là quá nhỏ bé so với những đồng cá khổng lồ này và hết sức kinh ngạc, không hiểu được chúng từ đâu đến.

Cũng vậy, Colombo đã trông thấy cá thu khô ướp muối nhập khẩu tại Genova và Lisbon, nhưng ở đây thì nhiều vô kể. Còn có cả loại cá hồi mà ông chưa hề thấy ở Liguria, hoặc Corsica. Cá hồi từ đâu đến? Từ những con sông Scotland, nghĩa là từ phương Bắc. Còn cá thu? Chúng đến từ Biển Đen ở miền Bắc xa xôi. Và cá trổng? Từ cả hai nơi, từ vùng biển khơi Ireland và Scotland, cũng như từ biển Ultima Thule (miền cực Bắc của thế giới).

Đặc biệt nhạy cảm với thiên nhiên, Colombo thích thú những vùng xa xôi ấy về nhiều mặt: đất đai, tuy sản xuất thu hoạch còn ít vì thiếu ánh nắng mặt trời, khí hậu ẩm ướt và bầu trời u ám; các cửa sông mở ra những bến cảng tuyệt vời; cá vô cùng phong phú và khác với các loại cá vùng Địa Trung Hải. Colombo quan sát mọi thứ, tìm hiểu mọi mặt của thiên nhiên bằng ý thức địa lý bẩm sinh của ông. Mặc dù không được đào tạo một cách chính quy, Colombo vẫn là một nhà địa lý. Địa lý học lôi cuốn ông, những bí ẩn của nó hấp dẫn ông. Ở đây, tại Bristol, ông được biết đến sự bí ẩn của Ultima Thule, bí ẩn đơn thuần, vì không có gì ngoài Ultima Thule cả. Và vì nó bí ẩn, Colombo càng muốn đến đấy.

Colombo đã đi thuyền đến Galway, trên bờ biển phía Tây Ireland và từ đó ông đi thuyền buồm đến Băng Đảo, (Iceland). Vào thời

Colombo, Băng Đảo, về mặt pháp lý thuộc về vua Đan Mạch, nhưng trên thực tế, người Anh giữ độc quyền buôn bán với hòn đảo này. Có thể, Colombo đã không biết Băng Đảo thuộc về Đan Mạch và có lẽ ông ta nghĩ rằng đó là hòn đảo của Anh, giống như Madera thuộc Bồ Đào Nha, Canaria thuộc Tây Ban Nha và Chio thuộc Genova, vì lẽ những hòn đảo thường thuộc về những ai nắm độc quyền thương mại với chúng.

Dẫu sao, những người Băng Đảo cũng không phải là người Anh, mà là người Scandinave cổ đại. Trong quá trình tìm kiếm những người ngoại đạo để truyền giáo, các giáo sĩ Ireland có thể đã đến Băng Đảo trước những người Scandinave cổ, nhưng chính những người này đã phát hiện, hoặc tái phát hiện đảo này vào năm 874 và đã thông tin về hòn đảo này cho thế giới Công giáo. Những người Scandinave cổ đại đã định cư tại Băng Đảo, kết hôn với những người Celte, từ Ireland đến, sau đó thành từng đợt liên tiếp. Hòn đảo tỏ ra không mến khách đối với những người từ phương Nam đến, nhưng lại có thái độ khác đối với những người từ những vùng đất băng giá, đầy sương mù và núi đá của Na-uy. Ở đây, không có rừng, trừ một số ít cây phong thu thấp nhỏ và nhanh chóng bị đốn hạ, nhưng khắp đảo đều có nước trong lành, cả những mạch cung cấp nước sôi tự nhiên. Một vùng mênh mông rộng bằng cả nước Anh như Colombo đã viết sau này, nơi đây, mặc dù có những núi đá băng, dung nham, tro tàn và đầm lầy, vẫn có những cánh đồng đầy cỏ về mùa hè, rất thuận lợi cho việc nuôi cừu. Và ngoài khơi thì cá nhiều vô kể.

Việc những người Scandinave cổ đại đến Băng Đảo như thế nào là một trong những trang sử hấp dẫn, gần như khó tin, vì đã đạt đến giới hạn tột cùng về sự chịu đựng của con người. Nếu những người Fenici là những thủy thủ vĩ đại nhất trong thế giới cổ đại thì những người Scandinave cổ đại là những người đi biển vô địch, duy nhất dưới thời Trung cổ. Họ thô lỗ và tàn bạo. Đi đến đâu, họ cướp bóc tàn phá và giết chóc đến đó. Sự khủng bố gắn liền với hoạt động của họ trên đất liền, nhưng biển cả không bị khống chế bởi sự tàn ác của họ. Tuy nhiên, những người Scandinave cổ đại này đã dũng cảm chống lại nỗi sợ hãi chung dưới thời Trung cổ, đối với biển Đen tối, hay biển Độc, như họ thường gọi bằng ngôn ngữ thô sơ của mình.

Hoạt động trên biển của họ có cái gì đó thật kỳ diệu. Tàu của họ nhẹ và nhanh, luôn gây sợ hãi khi phải đương đầu với những cơn bão tố dữ dội miền Bắc Đại Tây dương, một đại dương chưa ai biết tới và lúc đó vẫn chưa được khám phá. Và họ đã làm như vậy mà không có dụng cụ đi biển nào. Floki, một trong những người phát hiện ra Băng Đảo, đã rời Na-uy với ba con quạ. Con đầu tiên ông ta để sổ và nó lập tức bay về Na-uy. Con thứ hai lượn mấy vòng trên bầu trời rồi lại hạ cánh xuống boong tàu. Mấy ngày sau, con thứ ba được thả và bay thẳng về phía trước, tới đảo lớn. Như vậy Floki đã đặt chân lên đảo và đặt biệt hiệu cho đảo là Quạ.

Những người Scandinave cổ đại là người đầu tiên - trước Colombo - gióng buồm ra biển khơi. Một số người còn cho rằng những người Ireland đã làm như vậy trước cả người Scandinave cổ đại. Chắc chắn những thủy thủ Ireland tài giỏi hơn người Anh vào thế kỷ đầu sau Công Nguyên, nhưng lòng dũng cảm và sự gan dạ của họ chỉ còn là một ký ức. Những việc làm của họ, phục vụ cho các tu sĩ muốn truyền bá Kinh Thánh trong dân chúng trên những hòn đảo Đại Tây Dương, vẫn còn là truyền thuyết, vì thiếu cứ liệu lịch sử.

Những cuộc thám hiểm của những người Scandinave cổ đại không phải là những hoạt động đơn lẻ cô độc của một số ít thủy thủ dũng cảm; những cuộc thám hiểm đó đã gồm nhiều tàu và người tham gia; từng loạt của đội tàu đã được huy động vào những cuộc hành trình, mà người ta không biết mục tiêu cuối cùng. Không phải chỉ có một hay hai Ulysses, mà là cả một dân tộc Ulysses. Những người Scandinave cổ đại là một trong những dân tộc vĩ đại nhất và đáng chú ý nhất trong lịch sử nhân loại. Họ cải đạo Cơ đốc giáo, nhưng một số nghi lễ ma thuật và tà giáo vẫn tồn tại trong nhiều thế kỷ giống như sự tàn bạo của họ vậy; những tập tục nghiêm ngặt của họ không hề thay đổi, lòng dũng cảm ngoài biển khơi mang tính anh hùng ca của họ cũng không hề suy giảm.

Việc những người Scandinave cổ đại thay đổi đức tin đã đưa họ tới thế giới Cơ đốc, và trở thành những người đi tiên phong trong việc truyền bá đạo Cơ đốc ở vùng xung quanh Bắc cực. Vào khoảng năm 1000 sau Công nguyên, Nghị viện Băng Đảo - nghị viện đầu tiên của châu Âu, họp ngoài trời, giữa những tảng đá ở hẻm núi Thingvellir - đã thông qua nghị quyết công nhận Cơ đốc giáo là quốc

giáo. Trong vòng một năm, đã có hai giáo khu được thành lập trên đảo. Trong khi đó, những người Scandinave cổ đại tiếp tục những cuộc hành trình trên biển. Mùa xuân 982, Eric Đỏ, bị trục xuất vì tội giết một người đầy tớ, đã từ Băng Đảo vượt biển sang Mỹ. Như vậy biển này được gọi là eo biển Đan Mạch, nhưng đó là một đại dương thực sự, hết sức nguy hiểm vì sương mù, bão tố và những tảng băng khổng lồ.

Bjarni và những người Scandinave cổ đại khác đã theo gót Eric Đỏ. Họ vốn quá quen với núi đá, với băng và những vùng hoang vu đầy nham thạch nên đã gọi vùng đất mới là Greenland vì thấy những sườn đồi đều có rêu bao phủ. Họ định cư trên bờ biển Tây - Nam, nơi khí hậu ôn hòa nhờ có dòng Gulf Stream chạy qua, và nằm đối diện với Hoa Kỳ. Những người Scandinave cổ đại đã mang tin tức về vùng đất mới cho thế giới Cơ đốc. Dấu vết của việc này đã được tìm thấy trong các bản đồ đầu thời Trung cổ của Genova, Venezia, Đức, Ả-rập và Catalan. Vào khoảng năm 1120, một giáo khu đã được thành lập tại Greenland.

Những người Scandinave cổ đại không dừng tại đó. Khoảng năm 1000 sau Công nguyên, họ tới một vùng đất không cây cỏ, nhiều đá và lạnh giá đến mức “ma chê quỷ khốc”, mà họ đặt tên là Helluland. Đây là đảo Terranova (Newfoundland) hay còn gọi là Labrador. Đi xa hơn nữa về phía nam, họ đến một vùng đất bằng phẳng, có rừng bao phủ, phần ven biển không có núi đá, hay vách đá và mấp mô những cồn cát trắng. Họ gọi vùng đất này là Markland (“Đất của những khu rừng”). Đó hầu như chắc chắn là vùng Nova Scotia, nằm ở phía Đông - Nam Canada. Ngoài Markland, truyền thuyết Băng Đảo còn nói về vùng đất Vinland (“Đất của những cây nho”).

Công cuộc nghiên cứu khoa học tiến hành cách đây một thế kỷ rưỡi từ Rafn tới công trình nghiên cứu gần đây nhất của Helge Ingstad - được hỗ trợ bằng sự phân tích hóa học các vật chứng lịch sử - đã cho thấy sự phù hợp đáng ngạc nhiên giữa các số liệu địa lý trong những truyền thuyết Bắc Âu với kết quả của những cuộc khai quật khảo cổ học. Vì vậy Vinland dường như không phải là một vùng đất tưởng tượng mà là một bộ phận nào đó của vùng ven biển Bắc Mỹ.

Cố nhiên những người Scandinave cổ đại đã biết những vùng đất khác ngoài Greenland. Sắc lệnh của Giáo hoàng bổ nhiệm Eric Gnipson làm Giám mục địa phận đầu tiên của Greenland đã phong ông ta là giám mục địa phận “Greenland và những vùng lân cận”. Điều này chứng tỏ rằng những người Scandinave cổ đại đã biết đến những vùng đất như thế trên lục địa châu Mỹ, đồng thời nó cũng là một bằng chứng cho thấy rằng Vinland - chỉ một thế kỷ sau khi Leif Ericsson đặt chân lên đấy - chỉ còn là một ký ức, không còn ai biết rõ về vùng này hoặc về những đất phì nhiêu, mển khách kia nữa. Các dân tộc Cựu thế giới đều không biết gì về miền đất nói trên.

Người Scandinave cổ đại đã biết đến châu Mỹ, nhưng họ không *phát kiến* ra châu lục đó. Trong địa lý học, thuật ngữ *phát kiến* không đơn thuần chỉ việc người đầu tiên đặt chân lên một nơi nào đó, nó còn có nghĩa là đi đến đó rồi quay trở về, và nói lại việc của mình cho bất cứ ai muốn, có thể lặp lại việc làm của người phát hiện. Nhưng kinh nghiệm đáng kể của người Scandinave cổ đại ở châu Mỹ đã không đưa lại kết quả. Những vùng đất Vinland, Markland, và Helluland, tức là đại lục châu Mỹ đều khác với Greenland, họa hoàn mới có người lai vãng và chưa bao giờ bị thực dân hóa.

Không rõ rệt như ở Greenland, những dấu vết mà người ta cho là của người Scandinave cổ đại ở Bắc Mỹ đều không được chứng minh một cách rõ rệt. Di vật khảo cổ gây nhiều tranh luận nhất, rõ ràng một trò đùa, là hòn đá Kensington, có khắc chữ run của người Scandinave cổ đại được phát hiện trong gia sản của một nông gia Thụy Điển ở Kensington Minnesota, vào năm 1898. Dòng chữ đó như sau: “8 người Gotland và 22 người Na Uy bắt đầu cuộc hành trình từ Vinland sang phía tây. Chúng tôi cắm trại gần hai đảo nhỏ, sau một ngày đi bộ từ hòn đá này về phía bắc, chúng tôi nghỉ lại và đi câu cá một ngày. Khi quay về, chúng tôi phát hiện mười xác chết, người đẫm máu. Lạy Đức Mẹ Đồng Trinh: Hãy giải thoát chúng con khỏi tai họa”. Bên cạnh có chú thích sau đây: “Chúng tôi để lại mười người ngoài biển để trông nom những chiếc tàu của chúng tôi, một cuộc hành trình nửa tháng xuất phát từ đảo này, năm 1362”.

Giới phê bình hiện đại nổi tiếng nhất đều phủ nhận tính xác thực của đá Kensington. Nhà nghiên cứu người Đức về tự mẩu Scandinave cổ đại (chữ run) W. Krauss coi đó là chuyện bịa của

người đương thời. Erich Moltke, một chuyên gia về chữ run nổi tiếng khác, người Đan Mạch, đã tuyên bố rằng bản khắc đó là không thật. Moltke cũng như các nhà nghiên cứu nổi tiếng khác về chữ run sau ông ta đều cho rằng không thể có chữ run trên bản Kensington vào nửa sau thế kỷ XIV vì những tự mẫu cổ đại này không còn được sử dụng ở Scandinave từ trước năm 1300. Theo ông, bản khắc có lẽ đã phỏng theo một cuốn niên lịch cổ nào đó của Thụy Điển viết bằng chữ run, vẫn tồn tại vào thế kỷ thứ XVIII. Kho lưu trữ của Hội Khoa học lịch sử Minnesota có một tư liệu có vẻ như là bản phác thảo của dòng chữ sau này được khắc trên đá. Samuel Eliot Morison nói: “Người có lương tri bình thường, phải coi đó là một sự bịa đặt. Những người Scandinave cổ đại là những nhà phát kiến biển cả, chứ không phải là những nhà thăm dò trên đất liền... Các chuyên gia hàng đầu về chữ run đã bỏ công tìm hiểu bản khắc này đều cho rằng đó là một sự bịa đặt vụng về”.

Một di tích khác cũng gây nên tranh luận là ngọn tháp Newport, trên đảo Rhode, một cấu trúc bằng đá đồ sộ hình ống. Về một số phương diện, hình thể và những chi tiết kiến trúc của tháp này giống như các kiểu kiến trúc điển hình của Scandinave thời Trung cổ. Năm 1948 - 1949 tiến sĩ W.S. Godfrey đã khai quật đáy tháp và đã có cơ sở để chứng minh rằng Benedict Arnold, thống đốc đảo Rhode, đã xây tháp vào khoảng 1675, có thể là một pháo đài nhằm chống lại cuộc tấn công của người Indians. Các cuộc khai quật đã phát hiện những đồng tiền, đá xây, những mảnh thùng thuốc lá... tất cả những thứ đó, không nghi ngờ gì nữa, đều có thể là vết tích thời thuộc địa. Tháp Newport chắc chắn được xây dựng khá lâu sau những phát kiến của Colombo và Caboto.

Bản đồ Vinland, còn gọi là bản đồ Yale, đáng được thảo luận riêng, vừa do việc phát hiện bản đồ đó đã gây nên những cuộc tranh cãi, vừa do dư luận gần đây đã cho rằng bản đồ đó là giả. Phần phía tây - tức Bắc Đại Tây Dương - của bản đồ thế giới này do trường đại Yale xuất bản năm 1965, có những chi tiết địa lý không thấy trong các bản đồ xuất hiện từ giữa thế kỷ thứ XVI trở về trước, trong khi đó phần phía đông thì hoàn toàn lẫn lộn và tùy tiện. Đặc biệt Greenland đã xuất hiện với những đường nét bờ biển hoàn chỉnh.

Cuốn sách *Bản đồ Vinland và quan hệ Tartar* do trường đại học Yale xuất bản, khẳng định rằng bản đồ này là xác thực, có từ năm 1440, hoặc khoảng nửa thế kỷ trước cuộc phát kiến của Colombo và có thể, nó dựa trên cơ sở một bản đồ có từ thế kỷ thứ XII. Một số nhà sử học bảo vệ tính chân thật của tài liệu này và cho rằng thời gian xác định cho tài liệu đó là có thể tin được. Những người khác lập tức bác bỏ lập luận đó. Trong số này có Giuseppe C.Caraci, người có công lớn là đã lập tức tuyên bố tài liệu ấy là “sự lừa đảo của thế kỷ”.

Tháng Giêng năm 1974, sau hai năm thận trọng và tỉ mỉ phân tích trong phòng thí nghiệm theo sự ủy nhiệm của trường đại học Yale, Walter ủy nhiệm của trường đại học Yale, Walter MacCrone, viện sĩ thông tấn Chicago, đã khẳng định bản đồ này là giả và có lẽ đã được làm ra trong thế kỷ này. Việc công bố các chi tiết công trình của họ cho thấy thành phần kết tinh của mực dùng trên bản đồ chứa bột màu có hợp chất peroxide titanium, chỉ mới được sử dụng từ năm 1920.

Năm 1903, J. Fisher đã tóm lược những việc làm của người Scandinave cổ đại ở Bắc Mỹ trong thế kỷ thứ XI. Theo Fisher, người Scandinave cổ đại đã chiếm giữ những thuộc địa thịnh vượng trên đảo Greenland trong nhiều thế kỷ. Điều đó, đã được xác định qua các bằng chứng lịch sử, địa lý và bản đồ dựa trên những chỉ dụ của Giáo hoàng và những báo cáo của các đại sứ của Giáo hoàng ở nước ngoài. Ngoài ra, còn nhiều tàn tích của các nhà thờ, các ngôi nhà, các cơ sở xây dựng cùng một số di vật của người Scandinave cổ đại để lại.

Mặt khác, Vinland, Markland và Helluland - tức lục địa Bắc Mỹ - đều có người lui tới nhưng không bị thực dân hóa như một số người quan niệm. Mọi luận điểm cho rằng Vinland đã trở thành thuộc địa đều không có cơ sở; điều quan trọng hơn là công cuộc nghiên cứu đã không hề cho thấy một bằng chứng thuyết phục nào về việc định cư lâu dài của người Scandinave cổ đại. Công cuộc nghiên cứu sau đó, kể cả các công trình nghiên cứu gần đây nhất của Frederick J. Pohl và đặc biệt là của Helge Ingstad, đều không có gì mâu thuẫn với nhận định của Fisher.

Điều rõ ràng kỳ lạ là dân tộc này, một dân tộc đã góp phần chủ yếu vào sự hình thành ba nền văn minh vĩ đại của thế giới hiện đại là

Anh, Nga và Ý và đã lập ra bốn nước đi tiên phong trong thế giới hiện đại về tổ chức xã hội, chính trị và kinh tế, Na Uy, Đan Mạch, Thụy Điển và Băng Đảo, một khi đã tiếp xúc với Eldorado, tức Bắc Mỹ, lại không có ý đồ biến nơi này thành thuộc địa của mình.

Sở dĩ như vậy, lý do thứ nhất là vì, trong chuyến viếng thăm của họ vào thế kỷ thứ XI như truyền thuyết đã nói, những vùng đất họ trông thấy chắc chắn cách khá xa Eldorado. Họ đã thăm Labrador và Terranova^[*] (Helluland), những vùng bờ biển và đất liền của Băng Đảo và cả Greenland họ đều không thèm muốn. Họ cũng đã đến Nova Scozia (Markland) phong phú hơn Băng Đảo về rừng rú và do đó là một nguồn cung cấp gỗ xẻ, ngoài ra không còn gì khác. Một số đã thấy, hoặc đến Vinland, vì điều đó đã được nói trong truyền thuyết, nhưng không hề có trong biên niên.

Lý do thứ hai là những người Scandinave cổ đại ở Băng Đảo không phải là một dân tộc có học. Thậm chí những thủ lĩnh của họ cũng mù chữ. Họ không có kiến thức thực tế về địa lý và họ cũng không quan tâm gì đến quy mô và hình thù trái đất. Nếu có chẳng, họ lại cho rằng trái đất là phẳng.

Lý do thứ ba là người Scandinave cổ đại đã không tìm thấy ở Bắc Mỹ một nền văn minh tiến bộ hơn nền văn minh của mình, họ không thấy ở đó những vua chúa giàu có, mà họ có thể tàn sát và chiếm đoạt tài sản, hoặc của cải trong kho, hay đang dùng, có thể cưỡng đoạt.

Ở Bắc Mỹ họ thấy có nhiều rừng thật, nhưng đưa gỗ từ Na-uy - quê hương của họ, nơi mà họ vui sướng trở về gặp ông bà, chú bác và anh em - đến Băng Đảo thì dễ dàng và thuận tiện hơn. Họ cũng thấy những đồng cỏ bao la, nhưng lại phải đương đầu với một dân tộc khát máu và kém văn minh hơn mình, một dân tộc không sợ sự xâm lược của họ như người châu Âu, một dân tộc không có gì để mất và lại còn có lợi khi quấy rối và tấn công họ.

Người Scandinave cổ đại đã gây nên nỗi lo sợ cho người Frank, người Saxon, người Byzantine, người Ả-rập, người Slave và người La Mã, nhưng không làm cho người bản xứ ở Bắc Mỹ sợ hãi. Ở đây tình hình là không đáng bỏ công chinh phục những người bản xứ nghèo nàn mà cuộc sống quá ư đơn giản, cũng không đáng cố gắng

ở lại những vùng đất đầy rẫy những kẻ đối địch như thế. Vì tất cả những lý do này, người Scandinave cổ đại đã không biến Bắc Mỹ thành thuộc địa của họ, và như vậy, cuộc phát hiện đã thất bại.

Vào khoảng năm 1477, tàu bè không còn từ các con lạch ở Băng Đảo đi đến những thuộc địa ở Greenland nữa. Chiếc tàu cuối cùng từ Băng Đảo đi Greenland là vào năm 1408. Tuy nhiên, chắc chắn Colombo đã nghe những thủy thủ Anh và Băng Đảo nói về Greenland, các hòn đảo rộng lớn, băng giá, nằm ở phía tây Băng Đảo này. Cũng không loại trừ trường hợp là có ai đó đã nói cho Colombo biết về Vinland, miền đất ở tây nam Ultima Thule tằm mình trong Biển đen tối, ở bên kia Galway, từ những người cũng như ông, đã tin rằng trái đất không dẹt mà tròn. Và như vậy, ý tưởng đầu tiên về châu Á nằm ở bên kia đại dương bắt đầu chớm nở và thường xuyên ám ảnh tâm trí ông. Vậy là kinh nghiệm kỳ diệu của người Scandinave cổ đại đã tỏ ra có ích; một phần kinh nghiệm đó là có ảnh hưởng tới người thủy thủ thành Genova đã tới bờ biển Băng Đảo trên một chiếc tàu Anh.

Cũng trên những bờ biển này, sáu thế kỷ trước đó, người Scandinave cổ đại đã cập bến, phát hiện ra Ultima Thule của thế giới Cơ đốc. Từ những bờ biển này, năm thế kỷ trước đây, người Scandinave cổ đại đã lên đường tìm Greenland và những vùng đất khác xa hơn về phía tây. Đây là mắt xích gắn liền những phát hiện cụ thể (Băng Đảo và Greenland) và cuộc phát hiện thất bại (lục địa Bắc Mỹ) của người Scandinave cổ đại với cuộc phát hiện huy hoàng của Colombo.

Cuộc hành trình tới Băng Đảo đã gợi lên trong tâm trí Colombo mảng đầu tiên của bức tranh mà sau đó thành ý đồ lớn của ông. Nhưng không chỉ có thế. Giữa Anh và Băng Đảo là khoảng cách hàng trăm, hàng trăm dặm biển cả; đi sang đó trên một chiếc thuyền buồm thật khó khăn và nguy hiểm. Cuộc hành trình lên phía Bắc đã tôi luyện bản lĩnh của Colombo, và cũng là cơ bản vì cuộc hành trình đó đã dẫn đến khái niệm về một công việc đã làm cho ông nổi tiếng.

Sau khi thăm Chio và sau cuộc đổ bộ may mắn tại Lagos, cuộc đi của Colombo đến Băng Đảo chỉ là một chặng dừng chân thêm nữa dọc theo con đường dài trong sự tiến triển của cuộc phát kiến lớn của ông. Đó là một chặng dừng chân đầy những phỏng đoán, lý

thuyết, tưởng tượng và những ý nghĩ kỳ lạ. Nếu những vùng đất khác nằm ở phía Tây Băng Đảo, tại sao người ta không thể tìm thấy những đảo khác ở phía Nam? Chiếc tàu mà Colombo đi, đã đến Băng Đảo thường xuyên, xa về phía Tây và bắc lục địa châu Âu và từ đây người ta có thể đi thuyền xa hơn nữa về phía tây. Về phía bắc, đất đai không biến đi trong sương mù và không khí, như nhiều người cổ đại đã tin và nhiều người ở Địa Trung Hải vẫn còn tin. Về phía tây không có vực thẳm mà vẫn còn đất đai nữa. Tại sao những cuộc hành trình tương tự lại không thể tiến hành xa hơn về phía nam, trong một biển khơi ít bão tố và ít sương mù hơn? Những câu hỏi như thế, chắc chắn Colombo đã có trong chuyến đi của ông đến Băng Đảo.

Hoàn toàn bình thường là những người tự cảm thấy sinh ra là để làm những sự việc lớn hay bận tâm về một ý nghĩ duy nhất trong nhiều thời gian của cuộc đời họ. Mọi hành động, mọi ý nghĩ trở thành một phương tiện để đạt đến mục tiêu ấy. Như vậy Colombo, được tôi luyện bởi biển khơi miền bắc, không ở lại trên bờ lâu dài. Chẳng bao lâu ông lại đi ra biển tại vùng biển Băng Đảo - như một ngư dân chẳng? - nhưng ông đã hành động như một nhà thám hiểm. Vào lúc ông trở lại Bồ Đào Nha và định cư ở đó, ông đã bước thêm một bước khổng lồ vào con đường đi đến kế hoạch lớn của ông: ông đã có được lòng tin về Đại Tây Dương.

6 LISBON, KẾT HÔN, VÀ PORTO SANTO

Từ Băng Đảo và nước Anh trở về, Colombo đã định cư tại Lisbon. Nhiều người Genova sống tại đó, trong đó có những đại lý cho những chủ tàu của ông ta, Spinola và di Negro. Trong kho lưu trữ quốc gia Genova có một lời khai ngày 25 tháng 8 năm 1479 trước tòa án Genova của Cristoforo Colombo với tư cách là một đại lý do Paolo di Negro thuê. Lời khai này liên quan đến một vụ án dân sự về thỏa thuận tháng 7 năm trước về chuyên chở đường, bằng tàu biển từ Madera. Cuộc buôn bán xấu đi vì di Negro đã không gửi cho Colombo tiền chi phí thuê tàu và tiền hàng hóa.

Những chi tiết của vụ kiện này không làm chúng ta quan tâm. Tuy nhiên chúng ta quan tâm đến những lời nói rằng nhân chứng “Columbus Christophorus”^[4] khoảng hai mươi bảy tuổi và là một công dân thành Genova sống ở Lisbon. Lời nói rằng ông phải trở về Lisbon “sáng ngày hôm sau” cũng đáng lưu ý.

Colombo đáng lẽ đã có thể khai ở Lisbon. Thay vì làm như vậy, ông đã đến Genova, chắc chắn ông đã thăm bố mẹ và anh em ở chính Genova hoặc Savona. Một số người đã gợi ý rằng Colombo đã hình thành trong tâm trí một cuộc phiêu lưu nào đó ở Đại Tây Dương và đã lợi dụng chuyến đi này để nói về những ý nghĩ đó với những chủ tàu của ông ta, hay thậm chí với các quan chức của nước cộng hòa. Giả thuyết đó không thể loại trừ, ngay cả trong trường hợp không có tài liệu để hỗ trợ.

Lẽ ra việc triển khai kế hoạch lớn đã có thể hoàn thành năm 1479. Tuy nhiên có thể Colombo đã nói với những chủ tàu của ông và những nhân viên ở Genova một cách chung chung về những cuộc phát kiến mới ở Đại Tây Dương khả dĩ có thể có và tầm quan trọng

của những đảo đã biết (như Madera). Dù sao chẳng nữa, ông đã không tìm được một thánh giả chăm chú lắng nghe ông. Hành động dũng cảm của Vivaldis đã là một thảm họa, hành động dũng cảm của Lanzarotto Marocello chỉ làm lợi cho Tây Ban Nha. Vẫn còn một số người Genova mạnh dạn, và Colombo là một trong số họ. Những nước cộng hòa, nhà băng San Giorgio, những người chủ tàu, và những nhà buôn cảm thấy mặc dù Genova rất giàu có, đó là một quốc gia quá nhỏ bé để mở rộng mãi vào Đại Tây Dương.

Giả thiết Colombo đã phát hiện ra châu Mỹ dưới lá cờ Genova, lá cờ ấy sẽ không phấp phới bay lâu dài trên những vùng đất mới. Chẳng bao lâu lá cờ ấy sẽ được thay bằng cờ Tây Ban Nha, Pháp, Bồ Đào Nha, hoặc Anh. Điều đó đúng là điều đã xảy ra với đảo Lanzarote và những đảo khác ở Đại Tây Dương. Như thế, dù những thủy thủ sinh ra và lớn lên ở Genova mạnh dạn bằng cách này hoặc cách khác, những cố gắng của họ đã kết thúc làm lợi cho những người khác, và như vậy, để cho họ xúc tiến những công việc của họ để phục vụ những quốc gia khác, chỉ là một điều hợp logic. Nếu Colombo nói chuyện với bất cứ người nào về Đại Tây Dương, về những kế hoạch của ông trên Đại Tây Dương cho đến lúc đó, chắc chắn ông sẽ nhận được câu trả lời theo hướng đó.

Ngày 26 tháng 8 năm 1479, Colombo đã rời Genova không bao giờ trở lại. Ông đã ra đi với một niềm tin dù cay đắng nhưng có tính chất thực tế, vì những người Genova là những người thực tế cay đắng. Ông tin rằng ông phải đảm nhận những chuyến đi trên Đại Tây Dương, nếu ông phải tìm những vùng đất mới ở đấy, ông sẽ phải tìm sự hỗ trợ và việc tổ chức cho công việc của ông từ những quốc gia Đại Tây Dương, từ những quốc gia đã có quyền lực và đã thiết lập những lợi ích ở Đại Tây Dương và rất có thể đã cảm thấy nhu cầu bành trướng đó.

Cuối mùa xuân, hoặc đầu mùa thu 1479, Colombo kết hôn với Felipa Moniz Perestrello. Theo don Ferdinand và Las Casas, ông đã yêu trong nhà thờ như nhiều người Ý, người Tây Ban Nha và người Bồ Đào Nha thời đó. Chỉ có trong ánh sáng lờ mờ của nhà thờ người ta mới có thể trốn mắt nhìn một người con gái xinh đẹp mà không gây ra một chuyện bê bối nào. Colombo đã kết hôn vì tình yêu, nhưng trong khi Colombo thực sự yêu Felipa, chúng ta không thể loại bỏ

một điều mà Colombo đã kết hôn với Felipa vì những lý do khác nữa, trong đó có hai lý do chính. Thứ nhất Felipa Moniz Perestrello là một người quý tộc, có lẽ đã bị bán cùng hóa, nhưng là một người có dòng máu quý tộc đầy đủ cả về bên cha của nàng, dòng máu quý tộc Perestrello, lẫn bên mẹ nàng, vì gia đình Moniz là một trong những gia đình quý tộc cổ nhất ở Bồ Đào Nha. Suốt cả cuộc đời mình, Colombo đã tìm cách để đạt được địa vị quý tộc, hoặc được thừa nhận danh tước ông đã được ban. Địa vị quý tộc là yêu cầu thứ nhất - thậm chí trên cả phần thưởng tiền tài - cho một cuộc hành trình thành công trên biển. Gia đình của Felipa là quý tộc đã suy tàn, giống như trường hợp gia đình bố Colombo.

Lý do thứ hai của cuộc hôn nhân ngày nay dễ hiểu hơn. Theo don Ferdinando và Las Casas, Bartolomeo Perestrello, bố của Felipa, là “một người đi biển lớn”. Những nhà sử học coi đây là điều nói quá sự thật. Chắc chắn là lớn, nhưng không phải lớn như người ta tưởng tượng. Bartolomeo Perestrello, con trai của Filippo Pallastrelli từ Piacenza và Caterina Sforza, sinh ở Bồ Đào Nha vào đầu thế kỷ thứ XV. Họ đã đổi thành hình thức Bồ Đào Nha của Perestrello, và nhà vua đã khẳng định chức quý tộc của họ. Vợ thứ hai, hoặc thứ ba của Bartolomeo là Isabella Moniz, con gái một trong những gia đình rạng rỡ nhất thuộc quý tộc Bồ Đào Nha, Felipa đã sinh ra từ cuộc hôn phối ấy. Khi bà kết hôn với Colombo, cha bà đã chết khoảng hai mươi năm trước.

Bartolomeo Perestrello không phải là một nhà đi biển lớn, càng không phải là một nhà phát kiến. Tuy nhiên ông là thống sứ đảo Porto Santo. Nếu Hoàng tử Henry, một nhà tổ chức và một người phán đoán con người vĩ đại như vậy, đã ban thưởng cho Bartolomeo một hòn đảo quan trọng đối với việc khảo sát Đại Tây Dương, thì có nghĩa Bartolomeo là một con người có một tầm vóc nào đó, không những vì ông ta là dòng dõi quý tộc cấp cao Italia, mà còn vì sự hiểu biết của ông ta về biển cả. Sau khi Bartolomeo chết, chồng của một trong những người con gái khác của ông ta, rể tương lai của Colombo, Pedro Correa de Cunha, được cử làm thống sứ Porto Santo. Không thể nghi ngờ là Colombo quan tâm đến việc duy trì quan hệ với Pedro Correa de Cunha.

Như thế là có hai điều kết hợp với câu chuyện tình lãng mạn: quý tộc truyền thống và sự hiểu biết về Đại Tây Dương mà gia đình Felipa đã có. Colombo gặp Felipa Moniz Perestrello và cuộc hôn nhân tiếp theo của họ đã có tác động lớn đối với việc mở đầu cuộc phát kiến vĩ đại.

Con đường từ Lisbon đến Funchal, hoặc Machico - những cảng của Madera ở thế kỷ thứ XV - đi vòng đảo Porto Santo ở chạng cuối cùng. Không những Colombo đã được biết rõ về sự tồn tại của đảo này mà đã viếng thăm đảo ấy trước khi lấy Felipa. Sau khi kết hôn, ông đã quen với Porto Santo. Porto Santo nằm cách Madera 27 dặm về phía Đông Bắc và chỉ rộng 16,4 dặm vuông. Porto Santo là một vệ tinh của Madera. Từ bất cứ điểm nào trên đảo, người ta đều có thể ngửi thấy mùi Đại Tây Dương và trong những cơn giông bão nghe thấy sóng vỗ tung tóe trên bờ biển.

Chắc chắn Colombo đã đi Porto Santo sau khi kết hôn và có lẽ cùng với Felipa. Con trai của ông, Diego, có lẽ đã được sinh ở đó. Dù sao chăng nữa, Colombo đã sống ở đó và đã có thể tham khảo những bản đồ của bố vợ. Về việc này don Ferdinando nói: “Mẹ vợ ông cho ông những bản viết và bản đồ chồng bà đã để lại. Những bản viết và bản đồ đó càng kích thích viên Đô đốc, thông báo cho ông về những chuyến đi mà người Bồ Đào Nha đã thực hiện đến Elmina và dọc theo bờ biển Guinée”.

Mặc dù Bartolomeo đã chết được nhiều năm, những bản đồ của ông đã nói tiếng nói của người sống. Không một nhà sử học nào nói những văn bản và bản đồ đó là gì, nhưng rõ ràng chúng là những bản đồ, *portolanos* (những bản đồ về đi biển), những bài bình luận và những bản thảo truyền lại cho những thủy thủ bởi những nhà nghiên cứu vũ trụ và những nhà nghiên cứu địa dư thuộc Sagers, trong thời Henry, Người Đi Biển. Colombo đã lục lọi trong số những giấy tờ này, và đã tìm hiểu được vùng Đại Tây Dương, do bán đảo Iberia, quần đảo Azzorre và mũi Cape Verde bao quanh. Colombo đã hiểu về lý thuyết, điều mà ông ta bắt đầu hiểu dưới sự căng thẳng của việc đi thuyền buồm kéo dài và gian khổ ở phần này của Đại Dương, như ông đã thực hiện ở Địa Trung Hải, từ đông sang tây.

Colombo đã lục lọi không những trong những giấy tờ của bố vợ ông mà cả trong những tảng đá và cát, thăm dò mọi bí mật được giấu

kín nhất của bãi biển và trung tâm của Porto Santo. Có phải tại đây Colombo đã nghĩ về kế hoạch lớn của ông lần đầu tiên hay không? Có phải tại đây ông đã mài dũa ý nghĩ “tới phương Đông bằng cách đi thuyền về hướng Tây hay không?” Không có tài liệu nào chứng minh điều đó, nhưng có lẽ đảo Porto Santo là nơi sinh ra ý nghĩ này của ông.

Porto Santo giống như một chiếc thuyền ở giữa Đại Dương, một loại thuyền nhẹ so với những tàu lớn hơn, một loại tiền đồn, đơn giản và trơ trụi ở phần thiên đường trần gian là Madera, với những bờ biển đầy cát ở phía nam, thú vị và rộng rãi, và những bờ biển đầy đá ở phía Bắc, màu sẫm và liên tiếp bị những đợt sóng thường đầy giông tố đập vào. Đó là một hòn đảo đá phún thạch màu đen nhô ra phía tây nam, một vùng đất làm tổ của những con chim hải âu, một người lính gác bao vây bởi biển cả nổi sóng. Ở đây Colombo đã sống với ảo ảnh Madera luôn luôn ở trong tâm trí ông. Một hòn đảo ma thuật, đối với ông Madera vừa là điểm cuối cùng của thế giới đã được biết, vừa là gợi ý về sự tồn tại của những vùng đất khác ở xa hơn về phía tây. Những ý nghĩ của ông quay theo hướng đó khi ông được biết rằng một miếng gỗ được chạm trổ cẩn thận và một số cây sậy to hơn những cây sậy trên đảo đã dạt lên bờ biển phía tây.

Tại đây ông đã đi lang thang từ vịnh nhỏ này đến vịnh nhỏ khác, chăm chú nhìn chân trời và cố giải mã những điều không biết, vì bây giờ ông tin chắc rằng ở đằng kia, ở quá kinh tuyến thuộc Madera gần đó, phải là đất liền, không phải là vực thẳm. Colombo mong đợi một chứng cứ nào đó về vùng đất ấy từ những đợt sóng đập vào mòm đá của Porto Santo. Ý nghĩ chi phối Colombo đã mang một hình thù cụ thể đầu tiên: phương Tây. Và như vậy ông bị ám ảnh không phải bởi mặt trời mọc mà bởi mặt trời lặn. Khi mặt trời đi xuống, Colombo hoặc ở Ponta da Calheta, Ponta da Canaveira, Ponta da Umal, hoặc trên những dốc của Pico Ana Ferreira, ngắm nhìn mặt trời đi xuống và nghĩ rằng tại Portofino và Quinto mặt trời đã lặn được hai giờ và đã là đêm, một người nào đó ở bên kia biển, đang nhìn cùng một mặt trời này - đối với ông đã lặn một nửa - đối với người đó mặt trời vẫn còn trên chân trời.

Cùng một vĩ tuyến với Lisbon và Algarve là quần đảo Azzorre. Có những đảo khác ở phía tây trên cùng một vĩ tuyến như Porto và

Maroc hay không? Có một Maroc khác, một châu Phi khác hay không? Có thể có một lục địa khác với cùng những cây kỳ lạ như những cây chỉ thấy ở đây, trên đảo Porto Santo, như cây *dragoeiro* (“cây rồng”) chẳng hạn, chỉ thấy ở quần đảo Madera và ở Canaria hay không? Những cây đó cũng mở ra hướng Tây. Và có thể có *marmulano* ở đó, cũng thấy ở trên đảo Madera, Porto Santo và Cape Verde cũng hướng về phía tây hay không? Người ta thấy không có cây nào ở châu Phi, Colombo đã được nói cho biết như thế và điều đó được xác nhận cho bản thân ông trên những chuyến đi biển tới Guinée.

Từ đó người ta khẳng định rằng gió và những dòng nước đã làm phong phú hệ thực vật trên đảo bằng những cây ở Mỹ. Thật vậy trên những bờ biển Porto Santo và Madera người ta có thể thu lượm những hạt giống từ West Indie, Mexico và Florida. Trong viện bảo tàng trường thần học Funchal có một số mẫu về những hạt giống như thế, trong đó có một loại cây đậu cỡ lớn, cây *Mucuna entata* mà trên đảo Porto Santo gọi là *fava do mar* (“đậu biển”), ngày nay gọi là *fava de Colon* (“đậu của Colombo”).

Colombo có biết điều này hay không, sắc bén và nhạy cảm như ông đối với mọi mặt của thiên nhiên và mọi chi tiết của những dòng nước biển? Khó trả lời câu hỏi này, nhưng để cho rằng ông đã cảm thấy điều gì đó mà ngày nay khoa học đã xác minh. Đây là một mảng nhiều màu sắc khác nhau nữa trong kế hoạch lớn của ông.

Có một vùng đất khác ở phương Tây, từ đó chim đã mang đến những hạt giống của cây cối ngoại lai; một vùng đất có lẽ đáng yêu và say người như Madera. Vùng đất ấy có phải là một hòn đảo không? Tại sao không phải là một lục địa? Tại sao không phải là châu Á? Những thủy thủ ở Lisbon tin chắc rằng trái đất tròn. Và nếu trái đất tròn, tại sao không thể ba hoặc bốn giờ ánh nắng mặt trời tách Porto Santo khỏi cạnh phía đông châu Á, vì hai giờ đã tách Genova khỏi Porto Santo?

ÔNG CHỦ ĐẠI TÂY DƯƠNG

Sự hiểu biết rõ ràng, chính xác của Colombo về Guinée cũng quan trọng trong sự triển khai kế hoạch lớn của ông về cuộc phát kiến vĩ đại như những chuyến đi của ông đến Chio, nước Anh, Băng Đảo, Madera và việc ông lưu lại trên đảo Porto Santo.

Chúng ta biết chắc chắn giữa 1482 đến 1484 Colombo đã hoàn thành ít nhất một chuyến đi đến Guinée. Trong *Nhật ký*, ông thường nói đến pháo đài Mina và bờ biển Melegueta. Bờ biển này kéo dài từ mũi Mesurado đến mũi Palmas. Gần mũi Mesurado, ngày nay nổi lên Monrovia, thủ đô Liberia. Mũi Palmas cũng ở Liberia, gần biên giới với Bờ biển Ngà. Pháo đài vẫn còn tại Elmina; thực ra hiện nay là hai pháo đài, ngự trị thành phố Elmina, ở nước Ghana hiện đại.

Colombo đã tìm gì ở Elmina? Không phải sản phẩm nông nghiệp, cũng chẳng phải những đường biển cho kế hoạch thai nghén của ông, vì những đường ấy nằm trong một hình bốn cạnh của Đại Tây Dương mà chúng ta sẽ thấy ở phía bắc vĩ tuyến của Guinée. Người ta thường nói rằng ông đi tìm vàng ở đó. Huyền thoại về vàng luôn luôn ám ảnh đầu óc ông. Ông chỉ quan tâm ít đến hương liệu và thuốc nhuộm, mặc dù những thứ này là cơ sở cho những lợi ích kinh tế của Bồ Đào Nha. Ông thường nói trong *Nhật ký* về mát tít và thuốc nhuộm có thể lấy từ cây cối, nhưng ý nghĩ cố định^[4] của ông vẫn là vàng. Ông đã thấy vàng ở Elmina, hoặc nói đúng hơn, một ngành thương mại vàng đang phát triển.

Không cần đến Guinée để biết tầm quan trọng của kim loại quý này đối với người châu Âu, lục địa châu Âu hầu như không có. Thật vậy, lượng vàng do những người thám hiểm đầu tiên phát hiện năm 1471 ở Elmina đã tạo cho người Bồ Đào Nha một ấn tượng ảo vọng là lượng vàng đó đã được tích lũy qua nhiều thế hệ. Rõ ràng những người châu Phi đã tìm vàng trong hơn hai nghìn năm. Thí dụ, chúng

ta biết rằng ngay cả trước kỷ nguyên công giáo, những dây chuyền vàng cục tự nhiên đã được chế tạo tại Nigeria, một nước không sản xuất vàng.

Năm độc quyền việc buôn bán, người Bồ Đào Nha đã có thể nhập khẩu hàng năm khoảng 25.000 ounce vàng trong một số năm.

Năm 1502 riêng một chuyến tàu đã chở 125 cân Anh ^[1] vàng. Những số lượng đó không phải là những con số lớn, nếu ta xét tới việc phát hiện và khai thác những mỏ lớn ở Nam Phi và Liberia, cũng như những mỏ rải rác ở khắp châu Mỹ. Nhưng trong thế kỷ XV, những con số như thế là có ý nghĩa, đủ khích lệ bất cứ ai khao khát của cải, hoặc ngay cả những người mong muốn của cải một cách vừa phải.

Theo những tài liệu của Bồ Đào Nha, hình như một phần lớn vàng ở Elmina là những đồ trang sức, nhưng cũng có vàng mới. Chắc hẳn Colombo bận tâm về việc xác định chất lượng vàng đó. Colombo đã thấy rõ tầm quan trọng của tỷ lệ mất cân đối giữa vàng đã chế biến với vàng mới trong chuyến đi thăm đầu tiên của ông tới Elmina. Tại đó ông đã học phân biệt hai nguồn vàng. Nhân dân bờ biển đãi cát, thu lượm bột vàng và một đôi khi vàng cục, trong khi những thợ mỏ trong đất liền theo những mạch trong đá, đào những đường hầm dài, một đôi khi đường hầm nọ trên đường hầm kia, nối với nhau bằng những đường hầm thẳng đứng.

Sau này, khi Colombo đi từ đảo này đến đảo khác trong vùng biển Caribe và thấy khắp nơi những người bản xứ mang đồ trang sức châu báu, mối quan tâm đầu tiên của ông luôn luôn là: Vàng từ đâu đến? Ở sông nào? Núi nào? Việc tìm kiếm vàng huyền thoại đã đưa Colombo đến Elmina, từ đó ông trở về, tin tưởng một cách vững chắc hơn trước vào sự thật của những báo cáo về sự tồn tại của vàng.

Ngoài vàng, chuyến đi của Colombo tới Guinée đã cho ông kinh nghiệm chủ yếu nhất đối với kế hoạch lớn của ông, kế hoạch mà ông vẫn còn đang bố trí sắp xếp. Để đến Guinée, Colombo đã phải đi qua Cape Verde - không phải những đảo mà đại lục, Dakar ngày nay - và cây cối xanh tươi của vùng này. Ông đã trông thấy Grain Coast (ngày nay là Liberia) và Bờ biển Ngà, biết rằng những vùng ấy không

những có cây cỏ mà còn xanh tươi. Ông còn thấy người, rất nhiều người.

Colombo muốn xác minh bằng chính mắt của ông sự sụp đổ lòng tin của những nhà thông thái thời cổ đại - từ Aristote đến Tolemeo - và tiếp tục qua thời Trung cổ, cho rằng vùng xích đạo và nam bán cầu, con người không thể ở được. Lòng tin này là dối trá, tín ngưỡng này là dối trá. Người ta chịu đựng rất tốt khí hậu ở miền nóng như thiêu như đốt. “Dưới đường xích đạo, nơi mà ngày luôn luôn kéo dài mười hai giờ, là lâu đài của vua Bồ Đào Nha mà tôi đã đến thăm. Tôi thấy khí hậu vùng này dịu”. Colombo đã viết như vậy về Elmina, bằng chữ Latin đầy những lỗi đặc trưng cho cuối thời Trung cổ. Không những Elmina mà toàn bộ vùng nhiệt đới “không phải là không thể sống được vì ngày nay người Bồ Đào Nha đi biển ở đó và nói đó hoàn toàn có người ở”.

Ngoài ra luôn luôn có những vùng đất mới, những sông mới, những rừng mới, những cánh đồng mới do những dân tộc cùng một dòng giống trồng trọt. Bên kia đường xích đạo là đất liền và hơn nữa, đất liền của cùng một lục địa, châu Phi - những bờ biển bắc châu Phi tấp trong Địa Trung Hải. Những chân trời mới đang mở ra. Người ta có thể đi tới vùng ôn đới ở phía nam, vùng đó rõ ràng có những đất có người ở, hoặc ít nhất những đất có thể ở được. Đây là tin tức cực kỳ quan trọng mà Colombo đã biết được trong những năm đầu ông sống ở Lisbon và muốn chính mình trải qua trực tiếp ở Elmina. Ngày nay người ta thường gọi đó là tin tức làm nên lịch sử. Đó là một mảnh cơ bản - mảnh quan trọng nhất và quyết định - trong hình mẫu nhiều màu sắc khác nhau mà từ đó kế hoạch lớn của ông cuối cùng nổi lên rõ ràng.

Ngay cả trước khi Colombo vượt từ đông sang tây trong cuộc phát kiến vĩ đại nhất trong lịch sử, người ta có thể nói ông đã làm chủ Đại Tây Dương. Ông đã đi về phía bắc, tới nước Anh và Ireland và xa hơn nữa, gần tới vòng Bắc Cực, tới Băng Đảo. Từ những cuộc hành trình trên biển đó, ông đã biết được những đợt lên xuống của thủy triều - độ lớn, độ lên cao và hạ xuống mà ít thủy thủ Địa Trung Hải hiểu được. Ông đã trải qua sương mù, giông bão với mức độ chưa từng có ở miền biển ấm áp phương nam. Ông đã chú ý đến những

dấu hiệu đầu tiên không làm lẫn vào đâu được của dòng nước biển đã tạo cuộc sống cho phần lớn châu Âu: dòng Gulf Stream ấm áp.

Khi trở về Lisbon, Colombo đã là một thủy thủ lão luyện. Trước khi kết hôn, ông đã thực hiện một chuyến đi tới Madera tháng 7 năm 1478. Có thể là lần đầu tiên ông đến đó; chắc chắn không phải là chuyến đi cuối cùng của ông. Ông đã trở lại Madeira và Porto Santo nhiều lần, vì lý do công tác lẫn lý do gia đình sau khi kết hôn. Ta có thể nói không quá đáng rằng Colombo đã quen với giải Đại dương từ Lisbon đến Madera đến nỗi như đó là nhà của ông. Ông đã biết mọi thứ về con đường Lisbon - Madera, vai trò của gió và những dòng nước, khả năng tìm thấy loại cá này hay loại cá khác.

Ông đã biết tất cả các ngôi sao dọc theo những con đường của ông; trước khi nghiên cứu những ngôi sao ấy trong các sách thiên văn, ông đã trông thấy những ngôi sao đó mỗi lần mặt trời lặn, mỗi đêm và mỗi lần mặt trời mọc. Và từ những ngôi sao, những cơn gió và dòng nước, Colombo đã biết được những bí quyết của nghệ thuật mà ông là vô địch: nghệ thuật đi biển bằng cách tính vị trí theo la bàn, hay máy tính tốc độ. Ông đã nắm vững nghệ thuật ấy bằng cách đi qua những quần đảo ở Canaria, Cape Verde, Azzorre và Guinée. Chắc chắn ông đã sống một thời gian nào đó trên đảo Gran Canaria và đã biết Lanzarote và Gomera. Ông đã biết những đảo Cape Verde trên đường từ Guinée trở về; những tàu Bồ Đào Nha thích đi đường đảo hơn là đường dọc bờ biển, nơi mà những tàu đó buộc phải đi theo hình chữ chi. Sự hiểu biết mà Colombo đã biểu hiện tại vùng biển quần đảo Azzorre trong những cuộc hành trình thuộc cuộc phát kiến lớn bảo đảm cho chúng ta rằng Colombo cũng đã đi biển giữa những đảo này trong suốt thời kỳ sống tại Bồ Đào Nha. Hơn nữa, những người dân sống ở Azzorre đã cho Colombo một số chỉ dẫn quan trọng nhất - tôi sẽ nói về những chỉ dẫn đó ở dưới.

Ở vùng biển Azzorre Colombo đã có được một niềm tin khác làm căn bản cho khái niệm về kế hoạch lớn của ông: ở kinh tuyến đó của Đại Tây Dương, những trận bão thì mạnh hơn, thường xuyên hơn và kéo dài hơn những cơn bão ở xa hơn về phía nam. Hậu quả là trong những thời kỳ thời tiết yên tĩnh, đi trở lại từ tây sang đông quá Fayal thì dễ hơn, nhưng đi từ đông sang tây thì khó, và trong những thời kỳ dài không thể thực hiện được. Niềm tin này cũng quan

trọng như sự hiểu biết về những cơn gió thổi liên tục về hướng xích đạo suốt năm, Colombo đã không thể có được ngoại trừ ở trong vùng biển Azzorre, nói một cách chính xác hơn, bằng cách đi từ Fayal đến Flores và có lẽ đến một điểm nào đó vượt quá Flores.

Trong nửa sau thế kỷ XV, việc thông thương giữa Azzorre và những điểm khác không chỉ từ Lisbon. Những con đường giữa Azzorre và Galway và giữa Azzorre và Bristol, hoặc London, cũng đi lại nhiều. Thậm chí có thông thương giữa Madera và Azzorre. Thường xuyên những tàu biển lấy một chuyến hàng từ Lisbon đi Azzorre, dỡ hàng ở đó và lấy một chuyến hàng khác và dỡ chuyến hàng này ở Galway. Tại đó tàu lại lấy hàng và chở hàng về Lisbon. Một số đoàn tàu còn đi từ Azzorre đến Băng Đảo và trở lại. Chúng ta đang xem xét một vùng rộng lớn ở Đại Tây Dương do Bồ Đào Nha, Ireland, Băng Đảo, Azzorre, Madera, Cape Verde, Elmina và Guinée bao quanh, hoặc ở giữa 64° và 5° Bắc và 8° và 30° Tây. Trong phạm vi vùng rộng lớn này là một vùng nhỏ hơn - giữa 40° và 28° bắc - mà Colombo đã đi từ Đông sang Tây, Đông - Bắc đến Tây - Nam, Tây - Nam đến Đông - Bắc, Nam đến Bắc, thực tế mọi hướng. Ở trung tâm của cả hai khu là đảo Porto Santo, ở 34° bắc và 16° tây. Đây là nơi sinh ra kế hoạch lớn; người mẹ của kế hoạch ấy, chính là đại dương, Đại Tây Dương, Biển Đen Tối. Porto Santo, quần đảo Canaria và quần đảo Azzorre là ba điểm trong phương trình địa lý và hàng hải mà việc giải phương trình đó đã cho quyền làm chủ Đại Tây Dương. Với ý thức biển cả đã làm cho ông nổi tiếng, Colombo đã tìm thấy lời giải đó từ năm 1476 đến năm 1484.

Vào thời đó, người ta chỉ biết gió hay thay đổi, vì ở Địa Trung Hải, Đại Tây Dương thuộc châu Âu và Bắc Hải giữa nước Anh và các nước Bỉ, Luxembourg và Hà Lan gió đều luôn luôn biến đổi, chuyển hướng thường xuyên. Nhưng vì những lý do khác nhau, những thủy thủ không hiểu biết, hay đúng hơn không hiểu biết một cách chính xác là có những luồng gió thổi cùng một hướng suốt năm. Những nhà đi biển Bồ Đào Nha thế kỷ XV trước Colombo chỉ biết những ảnh hưởng không đáng kể của gió Đại Tây Dương, vùng biển Madera, Canaria và bờ biển châu Phi. Họ quen gió đông bắc không thay đổi, hay gió thổi mạnh một năm về phía đường xích đạo chỉ dọc theo những bờ biển châu Phi, họ không biết gió ở ngoài biển khơi

như thế nào - mạnh tới mức nào và vươn xa tới mức nào về phía tây.

Tính không thay đổi của gió xích đạo xuất phát từ việc đốt nóng liên tục bầu khí quyển miền nhiệt đới, làm cho không khí ít dày đặc hơn và dẫn đến giảm áp lực bầu khí quyển. Những khối không khí ở gần bị kéo vào để thiết lập lại sự cân bằng, rất giống sự thở. Gió xuất phát từ đó sẽ thổi về đường xích đạo, nhưng vì trái đất xoay xung quanh trục, tất cả mọi vật thể chuyển động ở nam bán cầu xoay về bên trái. Hậu quả là những khối không khí ở phần thấp hơn của bầu khí quyển ở Bắc bán cầu thổi từ đông bắc đến tây nam, và ở Nam bán cầu thổi từ đông nam xuống tây bắc. Đây là gió xích đạo, thổi suốt năm với sự đều đặn lớn nhất. Gió xích đạo từ đông - bắc và gió xích đạo từ đông - nam bị tách ra bởi một vùng xích đạo lặng gió, đới xích đạo lặng gió gây ra bởi chuyển động đi lên của khối không khí ấm. Đới xích đạo lặng gió ở gần đường xích đạo nhưng ở phía Bắc bán cầu nhiều hơn, vì Bắc bán cầu có nhiều đất hơn Nam bán cầu - đất nóng hơn biển.

Cho rằng Colombo đã biết tất cả những thực tế khoa học này sẽ là một sự cường điệu, tuy nhiên ông đã hiểu những ảnh hưởng thực tế qua kinh nghiệm từ nhiều chuyến đi đầu tiên. Ông đã phát hiện ra ý nghĩa tiềm tàng của gió xích đạo từ hướng đông - bắc để đi về hướng tây; đó là phát hiện quan trọng nhất cho việc ông làm chủ Đại Tây Dương. Từ thái độ của ông đối với chuyến đi đầu tiên, ta có thể thấy rằng đây không thuần túy là sự suy đoán mà là một điều ông đã xác minh bằng kinh nghiệm của bản thân mình. Nếu không thì khó giải thích tại sao Colombo đã rời Palos, đi thẳng đến Canaria và từ đó đi về hướng tây một cách tin tưởng. Cũng giống như vậy, sẽ khó giải thích tại sao trên đường trở về ông đã không biểu lộ một chút do dự nào trong việc đi về hướng bắc vĩ tuyến của Azzorre, ở đây ông biết gió hay thay đổi nhưng thường xuyên thổi từ hướng tây. Colombo không những đã phát hiện ra châu Mỹ, ông còn phát hiện ra hai đường biển lớn ở Bắc Đại Tây Dương mà bốn thế kỷ tiếp theo về hoạt động hàng hải bằng thuyền buồm đã xác minh là những con đường nhanh nhất và tốt nhất.

Nhiều điều khác Colombo đã nghiên cứu và hiểu bằng cách dùng thuyền buồm đi lại nhiều lần trong hình chữ nhật của Đại Tây

Dương giữa 40° - 30° bắc và 30° - 10° tây. Ở những hải phận đó và ở những đảo ông đã lên bờ sinh sống, Colombo đã phát hiện một quan hệ cộng sinh với Đại dương và với những chòm sao. Ông đã khảo sát cẩn thận và nghiên cứu biển và bầu trời, phát hiện ra nhiều điều bí ẩn. Ông đã đốt cháy bằng tình yêu đối với biển và bầu trời đó, tưởng tượng của ông được kích thích bởi những chân trời vô tận. Tuy vậy chỉ có một chân trời thực sự vô biên đối với Colombo: không phải chân trời về phía Bắc, nơi ông đã đi qua nhiều độ vĩ tuyến và đã tới Ultima Thule; không phải chân trời về phía nam, Guinée ở đó, nơi ông đã biết, không phải chân trời về phía đông, nơi ông đã có đầy đủ sự hiểu biết về Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Địa Trung Hải, Italia, Hy Lạp và Ai Cập. Bây giờ ông chỉ quan tâm về phía tây. Ở đó có điều ông không biết, ở đó ông bị thôi thúc bởi giấc mơ nồng cháy của trí tưởng tượng, một sự say mê không thể nào dập tắt được.

8

ĐI TỚI PHƯƠNG ĐÔNG TỪ HƯỚNG TÂY: MỘT LỖI SUY NGHĨ MỚI

Nói rằng Colombo là ông chủ của Đại Tây Dương thì chưa đủ để giải thích ông đã triển khai kế hoạch ban đầu và huy hoàng như thế nào để đến phương Đông bằng cách đi về hướng Tây. Trong chương X cuốn *Lịch sử*, don Ferdinando nói về những gợi ý đã khích lệ viên Đô đốc đi tìm Ấn Độ và miền Đông Nam Á. Don Ferdinando xem những miền đất ấy là lý do thứ ba của cuộc phát kiến. Lý do thứ nhất liên quan đến những ý nghĩ về quả đất tròn và các kích cỡ của trái đất, được chỉ dẫn bởi Tolomeo và Marino và được khẳng định bởi những khái niệm của Strabone, Ctesia, Onesicrito, Nearco, Plinio và Alfragano. Lý do thứ hai là “nhiều học giả đã nói rằng từ ven biển phía tây của châu Phi và Tây Ban Nha, người ta có thể đi về hướng tây để đến Ấn Độ”: Aristote, Averroes, Seneca, Solino, Marco Polo, Giovanni da Mandevilla, Pietro d’Ailly, và Giulio Capitolino. Thêm vào đó là ý kiến và sự cổ vũ của những bức thư của nhà học giả Firenze Paolo Toscanelli.

Trong thực tế sự việc xảy ra có phần nào khác. Khi Colombo thấy bức thư của Toscanelli gửi cho Giáo sĩ Martins, thuộc nhà thờ lớn Lisbon, thì ông đã có khái niệm rõ ràng về kế hoạch lớn của ông. Trong việc nghĩ ra kế hoạch đó, ông chưa có kiến thức của Strabone, Seneca, Nearco, Plinio, Averroes, hoặc Solino. Có lẽ ông đã được biết đến những báo cáo của Marco Polo, nhưng ông ít biết đến những tên tuổi Aristote, Tolomeo, hoặc Marino, Colombo đã đọc những sách của họ tại Tây Ban Nha sau khi kế hoạch lớn của ông đã hình thành trong đầu. Vậy thì những điểm chủ chốt mà don

Ferdinando nói không phải là “lý do thứ ba” của sự gợi ý, mà là lý do đầu tiên. Đây là những gợi ý theo thứ tự don Ferdinando trình bày trong cuốn *Lịch sử*.

1. MARTIN VICENTE, MỘT THỦY THỦ CỦA VUA BỒ ĐÀO NHA, NÓI VỚI COLOMBO RẰNG: MỘT LẦN KHI ÔNG TA CÁCH MŨI SAN VINCENZO 450 DẶM, ÔNG TA THẤY MỘT MẪU GỖ CHẠM TINH TẾ NHƯNG KHÔNG KHẢM SẮT. VÌ VIỆC ĐÓ VÀ VÌ GIÓ ĐÃ THỔI TỪ PHƯƠNG TÂY TRONG NHIỀU NGÀY, MARTIN VICENTE BIẾT RẰNG GỖ ĐÃ TỪ NHỮNG ĐẢO NÀO ĐÓ Ở PHƯƠNG TÂY ĐẾN.
2. PEDRO CORREA, CHỒNG CỦA MỘT NGƯỜI CHỊ CỦA FELIPA MONIZ PERESTRELLO VÀ NHƯ VẬY LÀ ANH EM ĐỒNG HAO CỦA COLOMBO, NÓI VỚI COLOMBO RẰNG TRÊN ĐẢO PORTO SANTO ÔNG TA ĐÃ TRÔNG THẤY MỘT MẪU GỖ KHÁC ĐƯỢC CHẠM KHẮC TINH TẾ DO GIÓ TÂY THỔI VÀO; GIÓ CŨNG MANG ĐẾN NHỮNG CÂY SẬY TO ĐẾN NỔI MỘT MẪU ĐƠN ĐỘC CÓ THỂ CHỨA MƯƠI BÌNH RƯỢU.
3. BẢN THÂN VUA BỒ ĐÀO NHA ĐÃ NÓI VỚI COLOMBO VỀ NHỮNG CÂY SẬY LỚN NÀY VÀ ĐÃ CHỈ CHO ÔNG TA MỘT SỐ CÂY. VÌ KHÔNG NƠI NÀO TRÊN PHẦN ĐẤT NÀY CỦA THẾ GIỚI MỌC NHỮNG CÂY SẬY NHƯ THẾ, CHẮC CHẮN GIÓ ĐÃ ĐƯA NHỮNG CÂY SẬY ẤY ĐẾN TỪ NHỮNG ĐẢO GẦN, HOẶC TỪ ẤN ĐỘ, VÌ TRONG TẬP 1, CHƯƠNG 17 CUỐN *VŨ TRỤ HỌC*, TOLOMEO NÓI RẰNG NHỮNG CÂY SẬY NÀY THẤY Ở PHÍA ĐÔNG ẤN ĐỘ VÀ ĐÔNG NAM Á.
4. MỘT SỐ NGƯỜI SỐNG TRÊN QUẦN ĐẢO AZZORRE NÓI VỚI COLOMBO RẰNG MỘT LẦN, KHI GIÓ ĐÃ THỔI TỪ HƯỚNG TÂY MỘT THỜI GIAN DÀI, BIỂN ĐÃ NÉM VÀO NHỮNG ĐẢO ĐÓ MỘT SỐ CÂY THÔNG, NHẤT LÀ Ở ĐẢO GRACIOSA VÀ ĐẢO FAYAL, TRONG KHI ĐÓ AI CŨNG BIẾT RẰNG BẤT CỨ CHỖ NÀO TRÊN NHỮNG PHẦN ĐẤT NÀY ĐỀU KHÔNG CÓ NHỮNG CÂY NHƯ THẾ.
5. NHỮNG NGƯỜI SỐNG TRÊN QUẦN ĐẢO AZZORRE KỂ LẠI: TRÊN ĐẢO FLORES, MỘT ĐẢO Ở MIỀN CỰC TÂY, XÁC HAI

- NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐÃ DẠT VÀO BỜ; MẶT HỌ RỘNG VÀ KHÁC MẶT NHỮNG NGƯỜI CÔNG GIÁO.
6. TẠI MŨI VERGA, Ở BỜ BIỂN PHÍA TÂY GUINÉE 10° BẮC, NGƯỜI TA ĐÃ TRÔNG THẤY MỘT SỐ THUYỀN ĐỤC TỪ THÂN CÂY CÓ NHỮNG PHÒNG NGẮN. NHỮNG THUYỀN NÀY KHÔNG PHẢI TỪ GUINÉE VÀ NGƯỜI TA CHO RẰNG TRONG KHI ĐI GIỮA CÁC ĐẢO, GIÓ VÀ NHỮNG DÒNG NƯỚC ĐÃ LÀM CHO NHỮNG THUYỀN ĐÓ ĐI LỆCH HƯỚNG.
 7. ANTONIO LEME Ở MADERA NÓI VỚI COLOMBO RẰNG: MỘT LẦN KHI ĐI XA VỀ HƯỚNG TÂY TRÊN CHIẾC THUYỀN BUỒM NHỎ CỦA MÌNH ÔNG ĐÃ TRÔNG THẤY BA ĐẢO.
 8. NHIỀU NGƯỜI Ở NHỮNG ĐẢO HIERRO VÀ GOMERA Ở QUẦN ĐẢO CANARIA VÀ QUẦN ĐẢO AZZORRE KHẲNG ĐỊNH RẰNG: HÀNG NĂM HỌ ĐÃ TRÔNG THẤY MỘT SỐ ĐẢO Ở PHÍA TÂY. HỌ CHẮC CHẮN VỀ ĐIỀU ĐÓ, VÀ NHIỀU NGƯỜI ĐÁNG ĐƯỢC TIN CẬY ĐÃ THỀ ĐIỀU ĐÓ LÀ CÓ THẬT.
 9. NĂM 1484 MỘT NGƯỜI TỪ ĐẢO MADERA ĐẾN BỜ ĐÀO NHA ĐỂ YÊU CẦU NHÀ VUA CHO MỘT CHIẾC THUYỀN BUỒM NHỎ ĐỂ ĐI VÀ TÌM MỘT VÙNG ĐẤT NÀO ĐÓ MÀ ÔNG TA THỀ ĐÃ TRÔNG THẤY HÀNG NĂM Ở CÙNG MỘT HƯỚNG, ÔNG ĐỒNG Ý VỚI NHỮNG NGƯỜI KHÁC NÓI RẰNG HỌ ĐÃ TRÔNG THẤY VÙNG ĐẤT ẤY TỪ QUẦN ĐẢO AZZORRE.

Chín đầu mối này, Colombo đã thu thập trước khi rời Bồ Đào Nha. Nhiều chuyện và tin đồn, một số là có thật, một số là tưởng tượng, đã lưu hành trong số những thủy thủ của Lisbon và trong số những người thực dân đầu tiên của Porto Santo, Madera, Azzorre và

những đảo Cape Verde. Don Ferdinando chỉ nêu một ít trong *Lịch sử* nhưng chắc chắn Colombo còn được nghe nhiều chuyện khác. Thí dụ, Colombo đã viết rằng ông đã trông thấy hai xác chết ở ngoài khơi Galway, do những dòng nước đưa đến từ phương Tây. Trong khi Ferdinando kể trường hợp hai xác chết không phải người châu Âu dạt vào bờ biển của Flores mà cha ông đã nghe từ những người Azzorre, Colombo không nêu trường hợp khác ở Galway (Ireland). Đây là chứng cứ cuốn *Lịch sử* không ghi lại tất cả những đầu mối Colombo đã tập hợp.

Quan trọng hơn những đầu mối này - mà tất cả đều phụ thuộc vào chứng cứ của những người khác - là những đầu mối do nhà phát kiến tương lai trực tiếp hồi tưởng lại: những quan sát viết ở ngôi thứ nhất, những kinh nghiệm, những phỏng đoán, những suy xét và so sánh. Những điều này đã góp phần một cách quyết định vào việc lập kế hoạch cho cuộc phát kiến lớn.

Chúng ta đã thấy những điều Colombo học tập được từ cuộc đi biển của ông tới Băng Đảo và từ những kinh nghiệm của những người Scandinave cổ đại. Điều quan trọng nhất, Colombo đã đạt được mảnh chủ chốt thứ nhất trong hình mẫu nhiều màu mà từ đó xuất hiện kế hoạch lớn: lòng tin rằng ở phương Tây không phải vực thẳm mà là Băng Đảo - không phải là Ultima Thule - Greenland, cũng như những vùng đất khác, mặc dù vùng đất cuối cùng được phủ trong truyền thuyết. Và nếu có đất đai ở những vĩ tuyến phía bắc, tại sao không thể có một vùng đất nào đó ở trung tâm Đại Tây Dương, trên những vĩ tuyến của Lisbon hay Ireland.

Người ta không thể bỏ qua Ireland trong số những kinh nghiệm đầu tiên của Colombo. Mặc dù Galway nằm ở 53° bắc, Colombo đã thấy những mảng thú vị của ánh nắng mặt trời trên những dải cỏ xanh xung quanh thành phố có nhiều màu sắc đó. Chắc chắn người ta nói cho ông biết rằng màu xanh này là màu xanh của toàn Ireland, một màu xanh dịu dàng không phân biệt các mùa, trừ những cơn mưa thoảng qua nhanh chóng, và những giây phút có mặt trời. Màu xanh này đã tượng trưng cho Ireland trong nhiều thế kỷ, sẽ còn tượng trưng trong nhiều thế kỷ tới; màu xanh ấy chắc phải tác động đến trí tưởng tượng của Colombo, một người nhạy cảm với tất cả những hiện tượng tự nhiên.

Colombo biết rằng Ireland ở xa về phía bắc của Milano và Pavia, thành phố của vị Quận công đã là người thống trị trực tiếp, hoặc gián tiếp, nước Cộng hòa Genova. Dù gia đình Colombo có từ Piacenza đến hay không, ông không thể không biết rằng về mùa đông ở Milano, Pavia và Piacenza thường xuyên có tuyết. Ở Ireland thì không có tuyết. Galway ở vào khoảng 8 độ phía bắc Milano; tuy nhiên mùa đông ở Galway ít khắc nghiệt hơn và mặt đất xanh rờn khắp nơi, dù không đặc biệt phì nhiêu trong mùa trồng trọt. Galway không có tuyết nhưng mưa liên tục, mây từ phương Tây đến mang theo nước và sự ẩm áp như những dòng nước biển từ phương Tây đến tắm cho bờ biển Ireland và mang đến sự ẩm áp cho xứ này. Những người thủy thủ Ireland biết tất cả những điều đó; không ai biết rõ hơn họ rằng ở phía tây có đất liền, cũng như nước Italia nằm ở giữa phía tây Hy Lạp, còn Tây Ban Nha thì nằm ở phía tây Italia.

Lòng tin cho rằng đất liền nằm ở phía tây phổ biến trong những người Ireland đến nỗi những chuyến đi theo truyền thuyết của các tu sĩ truyền đạo đó đã xảy ra trong thực tế như những chuyến đi theo truyền thuyết của các tu sĩ truyền đạo Cơ đốc đã tăng lên gấp bội trong nhiều thế kỷ. Một số chuyến đi truyền đạo đó đã xảy ra trong thực tế như những chuyến đi tới Băng Đảo, và những chuyến đi đó đã dẫn đến việc phát hiện đảo này bởi những người Scandinave cổ đại. Hầu hết những chuyến đi khác là kết quả của tưởng tượng, dù khó nói tưởng tượng tới mức độ nào. Tôi đã nói, tại Bristol, Colombo đã biết được độ lớn của thủy triều như thế nào; ông ta lại từng trải độ lớn của thủy triều tại Galway và tại những vịnh hẹp ở Băng Đảo. Gặp phải những kinh nghiệm đó bất cứ cậu học sinh thông minh nào cũng hỏi một người lớn đứng cạnh cậu ta: “Nhưng tất cả nước này dồn về đâu khi nó hạ xuống” Và khi nước thủy triều lên, cậu học sinh đó sẽ hỏi: “Tất cả nước này từ đâu đến?”

Colombo là một người quan sát cần cù, thận trọng những hiện tượng tự nhiên, ông không thể không tự đặt câu hỏi. Trả lời của ông không thể là “Vực thẳm! Nước từ vực thẳm đến và lại trở về vực thẳm”. Nước thủy triều Bristol, Galway và Hvalfjordur dâng lên từ phương Tây rồi rút về phương Tây, như vậy nước thủy triều hỗ trợ cho tính liên tục của biển từ lục địa này sang lục địa khác; tính liên tục từ đông sang tây ở Địa Trung Hải như người ta đã biết. Và thủy

triều thì lớn hơn vì Đại Dương lớn hơn Địa Trung Hải. Những giới hạn của Đại Dương, dù lớn hơn cũng phải có những hạn mức; tức là phải có những bờ biển ở cạnh bên kia, không phải một vực thẳm, hoặc bóng tối.

Tôi đã nói lên ý nghĩa của Madera và Porto Santo đối với Colombo. Tự bản thân Colombo đã thấy những dấu hiệu của sự tồn tại những vùng đất ở phía tây, ông không cần sự giúp đỡ của bất cứ người nào khác: đậu biển, những khúc gỗ lạ dạt vào bờ biển; những cây nhỏ không thấy ở những cánh đồng cỏ châu Âu, hoặc châu Phi, những núi hoặc những lòng chảo biển; và vai trò của những dòng nước - lúc nóng, lúc lạnh - dọc theo những bờ biển, phụ thuộc vào hướng chảy của chúng.

Tại quần đảo Canaria, Colombo đã khẳng định những ấn tượng của ông hình thành trước đó trên đảo Madera và đảo Porto Santo. Ông đã thấy những cây nhỏ không mọc ở châu Âu, hoặc châu Phi, nhất là cây *dragoeiro* thuộc đảo Madera và Porto Santo. Ông cũng thấy trên những đảo này đất đai phì nhiêu một cách khác thường và một khí hậu thích thú, cả hai đều rất tương phản với bờ biển châu Phi gần đó, bờ biển châu Phi khô và đầy cát. Đặc biệt trên quần đảo Canaria gió và những dòng nước từ phương Tây đã mang độ phì nhiêu và sự phong phú đến, trong khi gió và những dòng nước từ phía đông mang đến hạn hán và những đám mây cát.

Trên quần đảo Canaria, Colombo thấy một hiện tượng ông chưa gặp ở đảo Madera, Porto Santo, hoặc quần đảo Azzorre. Không một đảo nào trong những đảo này những người châu Âu đầu tiên thấy có người ở. Tại những đảo Cape Verde họ đã thấy một số người da đen, cùng một giống người như ở châu Phi. Tuy nhiên, tại quần đảo Canaria, họ thấy thổ dân khác với giống người ở châu Phi và Địa Trung Hải: da họ trắng, mắt xanh và rất cao. Họ không có kiến thức đi biển, hoặc làm tàu thủy; họ vẽ mình và ướp xác. Họ vẫn ở thời kỳ đồ đá. Họ thờ một vị thần duy nhất, một Vị Thần vĩ đại đáng sợ, Thượng Đế. Khi Colombo đến quần đảo Canaria lần đầu tiên - từ năm 1478 đến năm 1484 - dân tộc lạ lùng và kỳ quặc này vẫn thống trị những đảo Tenerife và La Palma và chỉ bị chinh phục trên đảo Gran Canaria. Chắc chắn Colombo ngạc nhiên về sự tồn tại của một dân tộc và ngay cả những học giả cũng không biết đến dân tộc đó, không

giống bất cứ một dân tộc nào trong thế giới mà ta đã biết. Trong thời gian đó, Temisoro, vị vua hào phóng của đảo Gran Canaria, chuyển sang đạo Gia Tô. Người ta có thể thấy bao nhiêu người chín mùi để cải đạo ở bên kia đại dương, ở những vùng đất chưa ai biết đến và ở những vùng đã biết tại Châu Á!

Tại những đảo Cape Verde, Colombo đã tăng kiến thức của ông về gió xích đạo, về vai trò của những con đường người Bồ Đào Nha đã đi và do đó vai trò có thể đi được xa hơn về phía tây của những con đường ở các vĩ tuyến đó. Những tàu Bồ Đào Nha thăm viếng những đảo Cape Verde thường xuyên trên đường trở về hơn là trên đường đi ra, không phải vì những ham muốn bất ngờ, hoặc nhu cầu hậu cần, mà vì để sử dụng tốt hơn những cơn gió. Trên đường đi ra, gió xích đạo thổi từ đông bắc tới tây nam, tạo thuận lợi cho việc đi biển khá khó khăn dọc theo bờ biển, cho đến khi đi vòng Mũi Palmas những tàu biển đi vào vùng lặng gió của xích đạo. Tuy nhiên trên đường trở về những tàu biển phải đi khó khăn tới nơi gió thổi ngược chiều gió xích đạo, sau khi rời vùng lặng gió ở xích đạo. Đó là con đường liên tục bị hiểm hóc vì đi vòng chữ chi. Trên đường trở về, đi thẳng tới những đảo Cape Verde và từ đó tới quần đảo Canaria ít nguy hiểm hơn. Từ những con đường khác nhau này Colombo đã biết nhiều ý nghĩa và tầm quan trọng của gió xích đạo.

Như tôi đã nêu, quần đảo Azzorre là một trong những điểm chủ chốt trong khái niệm về kế hoạch lớn. Quần đảo được coi là “châu Âu” đối với những nhà du lịch hiện đại. Nó có tính chất châu Âu ở phong tục của nhân dân - đa số là những người Bồ Đào Nha và với một qui mô nhỏ, những người Flamand. Nó có tính chất châu Âu ở khí hậu, không khác nhiều khí hậu Bồ Đào Nha, dù ẩm hơn. Nó mang tính chất châu Âu vì những người châu Âu đã mang động vật và thực vật châu Âu vào quần đảo này.

Trong thời Colombo người ta chỉ mới bắt đầu cảm thấy những ảnh hưởng thực dân hóa của người Bồ Đào Nha và của người Flamand. Hệ thực vật vẫn là bản xứ, được đặc trưng bởi những cây có tính chất điển hình Đại Tây Dương. Và sự có mặt của con người thì chưa rõ ràng, trừ trong một số ít lạch và vịnh, nơi thành lập những khu định cư đầu tiên. Quần đảo có vẻ là kết quả tự nhiên của những núi lửa đã bất ngờ phun nham thạch ở vùng này của Đại Tây Dương

và đã tạo ra một số đảo và đảo nhỏ bao quanh: São Miguel và Santa Maria ở phía đông; Terceira, Graciosa, São Jorge, Pico và Fayal ở miền trung, Flores và Corvo ở phía tây.

Quần đảo là một đơn vị. Tất cả các đảo đã và đang thuộc Bồ Đào Nha, và ngay cả theo quan điểm địa vật lý, mới nhìn qua đã thấy sự thống nhất của nó. Nguồn gốc núi lửa rõ rệt ở các đảo: tất cả có *caldeiras*, những miệng núi lửa thường có hồ ở đáy, và ở mọi nơi có những dòng nham thạch ba-dan, những suối nước nóng và những lỗ thoát hơi nước. Nhưng vì sự thống nhất này - trong thực tế, vì sự tương phản rõ rệt với sự đồng nhất này - những người có ý thức về biển như Colombo không thể không lưu ý đến sự khác biệt sâu sắc về tác động của gió và những dòng nước trên những đảo phía đông và trên những đảo phía tây. Chỉ trong mùa đông toàn bộ quần đảo mới nằm dưới gió tây và gió tây - nam. Trong những mùa khác hai đảo ở phía đông São Miguel và Santa Maria, chịu ảnh hưởng tốt của gió xích đạo đông - bắc, trong khi đó những đảo miền trung và miền tây vẫn chịu ảnh hưởng của gió tây và tây nam.

Hình như trong sự rối mù này, Đại Dương muốn thiết lập sự gặp lại của hai lực lượng siêu nhân, gần như một lực chia cắt, những dòng nước biển và dòng không khí từ những bờ biển châu Âu và châu Phi đến, với những dòng nước biển và không khí từ những bờ biển phương Tây đến. Ngày nay bất cứ một người nào nhìn về hướng đông từ cạnh cuối cùng của đảo São Miguel, hoặc đảo Santa Maria, đều biết rằng anh ta đang hướng về châu Âu, như Colombo đã làm. Nếu một người nào đó nhìn về hướng tây, từ cạnh của đảo Fayal, hoặc đảo Flores anh ta biết rằng anh ta đang hướng về châu Mỹ. Tất nhiên Colombo đã không làm như thế. Nhưng Colombo đã cảm thấy rằng ông ta không nhìn về một vực thẳm: từ đảo São Miguel, Colombo thấy mặt trời mọc từ Đại Tây Dương; từ đảo Fayal hay đảo Flores ông ta thấy mặt trời lặn vào Đại Tây Dương; đúng như mặt trời đã không mọc từ một vực thẳm ở phương đông, mặt trời không thể chìm xuống vực thẳm ở phương Tây.

Đất - đại lục, điểm làm căn cứ - hình như ở xa cả hai bên: cách Bồ Đào Nha 875 dặm, cách Terranova 1.054 dặm, thực sự là những khoảng cách không phải là không thể vượt qua nổi. Quần đảo Azzorre, là thử thách gay go ở trung tâm Đại Tây Dương là một bãi

quan sát quan trọng đối với Colombo trong cố gắng của ông làm chủ Đại Tây Dương. Tại đó ông đã thấy những mẫu chốt tốt nhất trong số những mẫu chốt khác, những gợi ý ông giữ kín như những cánh cửa khóa, chỉ mở ra khi ông thực hiện kế hoạch lớn của mình. Trước khi ông đã biết rằng từ quần đảo Azzorre không nên đi thuyền từ vĩ tuyến đó đến vùng chưa biết, vì ông sẽ bị gió cuốn trở lại, gió luôn luôn thổi theo hướng ngược lại từ những đảo ở phía tây. Ông cũng biết rằng vĩ tuyến đó chỉ thích hợp với đường trở về.

Tôi đã nói về chuyến đi, hoặc những chuyến đi của ông tới Guinée. Tuy nhiên có một điểm mẫu chốt khác nữa cần nhấn mạnh. Colombo miêu tả Elmina là “nơi ánh sáng ban ngày luôn luôn kéo dài mười hai giờ”. Tại Băng Đảo ông đã quan sát thấy ngày kéo dài bốn giờ mười lăm phút về mùa đông, mười bảy giờ về mùa xuân, và hai mươi mốt giờ vào hạ chí. Những khí hậu tương phản này hỗ trợ cuộc sống: cuộc sống của cây cỏ và động vật, và quan trọng nhất vừa hỗ trợ cho cuộc sống của con người. Như vậy, những điều mê tín dị đoan đã tan dần trong tâm trí Colombo, ngoài thế giới đã biết đối với người cổ đại, có những vùng đất chưa biết, tuy nhiên có thể có được và có những biển có thể đi lại bằng tàu bè được.

Tôi đã liệt kê những điểm mẫu chốt do Ferdinando nêu ra và những ấn tượng, kết luận và xem xét gợi ra đối với Colombo do những kinh nghiệm cá nhân của ông, cùng những kinh nghiệm đã cho ông được làm chủ Đại Tây Dương. Từ những điểm mẫu chốt và kinh nghiệm này, Colombo đã rút ra sự gợi ý cho kế hoạch lớn của ông theo bản năng. Với trực giác của mình, giác quan thứ sáu về biển đã phân biệt ông với những người khác, ông đã lợi dụng việc nghiên cứu chi tiết về đại dương, nghiên cứu tỉ mỉ về những dòng nước, gió, bầu trời và những ngôi sao; lợi dụng những điểm mẫu chốt ông đã thu thập dọc theo những bờ biển Băng Đảo, Madera, Porto Santo, và Azzorre.

Bằng trí tuệ của mình, ông đã thu thập, phân tích và thảo luận những tin đồn và những ấn tượng về Đại Tây Dương với những thủy thủ người Genova, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Anh, nhất là những tin tức về kinh nghiệm cũ, kỳ diệu của những nhà mạo hiểm Scandinave cổ đại, thu thập từ những nguồn trực tiếp nhất, những thủy thủ Bristol, Galway và ở những hải cảng Băng Đảo. Bằng trí

tưởng tượng của mình, ông đã hình thành giấc mộng để biến nó thành hiện thực. Những cảnh làm say lòng người thuộc những bờ biển Địa Trung Hải - những cảnh ở Liguria, Corsica, Sardegna, Napoli, Sicilia, Chio và Tunisi - đã thức tỉnh trí tưởng tượng của Colombo. Trí tưởng tượng ấy được giải phóng bởi sự cô độc của Đại Dương mênh mông và được hỗ trợ bởi những kỳ quan của Ultima Thule, Madera huy hoàng, quần đảo Canaria được ban phước, quần đảo Azzorre rải rác và Guinée xanh rờn.

Kế hoạch lớn đã ra đời như thế từ một sự ngẫu hứng, hay hơn thế từ một sự kết hợp thiên tài của hàng loạt những ngẫu hứng. Bức thư của Toscanelli, những công trình nghiên cứu của các tác giả cổ đại và đương thời chỉ đến sau đó, khi kế hoạch đã trở nên sáng tỏ, chính xác và được xác định. Rồi kế hoạch nảy nở trong Đại Tây Dương và Colombo mong muốn một cách chính đáng trở thành Đô Đốc của Đại Dương. Kế hoạch ra đời đúng lúc huyền thoại cho rằng những vùng nóng bỏng của xích đạo không thể ở được đang bị đập tan và lòng tin trái đất tròn đang tăng lên, không những trong các học giả mà cả trong đám thủy thủ.

Thực tế về vùng đất đối chân ở bên kia trái đất vẫn còn chưa rõ và bị mê tín dị đoan xuyên tạc. Những người bình dân đã tưởng tượng ra những hình ảnh kỳ lạ về một cái vực đáng sợ, tại đó người và tàu sẽ bị nuốt trôi. Những học giả và những thủy thủ nghiêm túc hơn nói về những giải nước vô tận mà ở đó tàu biển không thể đi lại được. Tóm lại cả hai nhóm cho rằng con người không thể đến được phần đất đối diện bên kia. Một khái niệm thời Trung cổ điển hình là khái niệm của Dante: ông xác định vị trí của Núi Chuộc tội là ở phần đất đối diện bên kia trái đất, nổi lên từ biển cả; sinh vật không thể đến được.

Ở đây là sự đổi mới phi thường trong kế hoạch của Colombo. Kế hoạch đó ra đời khi Colombo khắc phục được hai nỗi sợ hãi lớn; một là di sản thời Trung cổ; một nữa sinh ra từ cách chỉ đi men dọc bờ biển châu Phi và tránh xa biển cả, khi mà bất chấp những phát hiện lớn và đầy hiệu quả, người Bồ Đào Nha vẫn tiếp tục đi dọc bờ biển châu Phi và tránh biển khơi.

9 SỰ HỖ TRỢ CỦA KHOA HỌC: TOSCANELLI

Nhà học giả thành Firenze Paolo dal Pozzo Toscanelli đã giúp củng cố lòng tin của Colombo cho rằng vùng đất mà ông ta cảm thấy nằm ở bên kia Đại Tây Dương là lục địa châu Á. Toscanelli sinh tại Firenze năm 1397. Đầu tiên học trường đại học Firenze, sau đó tại trường đại học Padova, tại đây nhà triết học Nicolo Cusano, kém ông mấy tuổi, đã trở thành người bạn suốt đời. Toscanelli trở về Firenze khi ông hai mươi bảy tuổi.

Cả Paolo và người anh em ông, Piero, đều là bác sĩ và hành nghề đó nhưng tính tò mò khoa học đã dẫn Paolo đi vào toán học, vật lý học, thiên văn học và cả địa lý nữa. Kiến thức địa lý của Toscanelli dựa vào những quyển sách về vũ trụ học và thiên văn học, những bản đồ không những ở Genova và Venezia mà cả ở Fiandra, Đức và Vienne; dựa vào những sách du ký của những nhà thám hiểm, những nhà truyền giáo và những nhà buôn, nhất là cuốn *Milione* của Marco Polo, và sau hết dựa vào những thông tin thu lượm trực tiếp từ những người du lịch đương thời.

Toscanelli đã hỏi cặn kẽ những người du lịch đi qua Firenze. Ông cũng có dịp chuyện trò với những người Tatar đến từ lưu vực sông Đông và với một phái đoàn Etiopia đến nước Ý năm 1441. Vào hồi đó có cả một người Đức đến nước Ý, nhà thiên văn học Johann Müller, được gọi bằng cái tên Regiomontano, thầy học của Martin de Behaim, nhà du lịch và tác giả bản đồ thế giới nổi tiếng năm 1492, đến nay còn được lưu giữ tại Vienne. Trong những năm 1461 và 1463, Regiomontano thường xuyên thảo luận tại Roma với Toscanelli.

Toscanelli được coi là nhà toán học xuất sắc nhất trong thời đại ông. Poliziano và Vespasiano da Bisticci đã sáng tác những bài ca tụng ông, Leon Battista Alberti đã đề tặng ông trên một cuốn sách, và Hồng y Giáo chủ Cusano, bạn thân của ông cũng đã đề tặng ông những tác phẩm toán học của mình. Cusano cũng nhận được những lời chỉ dẫn của Toscanelli khi ông thiết kế một bản đồ Trung Âu. Chúng ta không thể loại bỏ một điều - mà thực ra có thể là như vậy - là những sự kiện bên ngoài đã khiến Toscanelli rời bỏ những suy nghĩ về những ngôi sao và toán học và tăng cường nghiên cứu về địa lý, trước đó việc nghiên cứu địa lý là một trò tiêu khiển, hoặc một sự tò mò khoa học đối với ông. Trong nửa sau thế kỷ thứ XV có sự bùng nổ của kinh tế và văn hóa ở châu Âu, nhất là ở Ý; cùng trong thời gian đó Thổ Nhĩ Kỳ đã thôn tính những vùng đất và những dân tộc, từ nước Ý và những phần khác của châu Âu; nhưng dân tộc này là bộ phận không thể tách rời, nếu không phải là tổ tiên của nền văn hóa chung Hy Lạp - La Mã - Công giáo: Hy Lạp, Constantinople, các đảo Egee, bờ biển Tiểu Á, những cảng Hắc Hải và Anbani.

Sự sụp đổ của Constantinople đối với người Thổ Nhĩ Kỳ đã làm suy sụp nhiều gia đình Venezia, Genova và Firenze, đặc biệt là những gia đình tham gia vào việc buôn bán hương liệu. Cả gia đình Toscanelli cũng phải bận tâm về sự kiện này và đã quay nhìn sang hướng tây để bổ sung nguồn thu nhập đang sụt giảm trong việc buôn bán của họ. Ở đó mảnh đất đầy hứa hẹn nhất là Bồ Đào Nha, không những vì những phát kiến mới được thực hiện của nước này mà còn vì Bồ Đào Nha có trước mặt mình một Đại Dương chưa ai biết và thần bí. Nếu người ta có thể làm rõ sự thần bí đó, khoa học sẽ phong phú thêm. Thế giới đang trở nên nhỏ bé hơn, đúng lúc người ta đang cảm thấy cần những không gian rộng lớn hơn, những chân trời mới.

Học thuật không còn dành riêng cho một thiểu số tu sĩ, những người bình dân không lấy vợ, và những tu sĩ bị một thiên hướng đặc biệt thôi thúc. Con cái của tầng lớp quý tộc và tầng lớp trung lưu đổ xô vào học thuật, nghệ thuật và khoa học; tại Firenze, Genova và Venezia, cả đến đám con cái của những thợ thủ công bình thường và ngay cả nông dân cũng chạy theo kiến thức.

Những chân trời của học thuật - của khoa học, triết học và nghệ thuật - cũng mở rộng hơn. Trong khi đó, trong lĩnh vực kinh tế, châu

Âu của thế kỷ XV đã thấy tăng một cách khác thường các hàng tiêu dùng, việc này được chỉ rõ bởi sự thức tỉnh của các tầng lớp trung lưu, bây giờ đã quen sử dụng hàng hóa chế tạo và những sản phẩm mà trong nhiều thế kỷ vẫn là độc quyền của giai cấp quý tộc và những chúa phong kiến. Nước Ý, đặc biệt là Firenze, Venezia và Genova, đang thấy hiện tượng vĩ đại này biến thành lợi nhuận trong sổ kế toán của các nhà buôn và trong sự đi lại tại những hải cảng và bằng những tàu biển của họ.

Vì những lý do này, không ai ở địa vị tốt hơn những người Firenze, Venezia và Genova để hiểu tầm quan trọng của những con đường chuyên chở của tàu biển, những vị trí thương mại và tác động đối với sự phát triển kinh tế và văn hóa bột phát do sức tiêu thụ khổng lồ của châu Âu và sức sản xuất của châu Á tạo ra; sự tiêu thụ và sản xuất đó đã thông qua vùng Levant phía đông Địa Trung Hải, chính những vùng đất mà Thổ Nhĩ Kỳ đã chinh phục. Không một người nào ở địa vị tốt hơn là những người Firenze, Venezia và Genova để đánh giá tầm lợi ích ngành thương mại với châu Á và tính chất nghiêm trọng của những cản trở sinh ra từ việc mất những vùng đất ở miền Levant.

Toscanelli là một học giả, nhưng ông đã tham gia vào những lợi ích kinh doanh của gia đình, và những lợi ích đó liên quan trước hết đến việc buôn bán hương liệu. Vậy một lợi ích kép - khoa học và văn hóa, cũng như kinh tế và gia đình - đã nhắc nhở ông nhìn về hướng tây. Ở phương Tây, học thuật sẽ tìm thấy những chân trời mới; nên thương mại và của cải của những quốc gia^[*] sẽ tìm thấy sự ổn định và những cơ hội mới.

Như vậy Colombo đã gặp trên đường đi của ông một con người trực cảm được những nhu cầu tình cảm mới, hướng về những chân trời rộng lớn, vô tận và chưa hề được xác định. Lịch sử viết về Colombo đã nhất trí về cách thức mà tư tưởng của Toscanelli đã đi tới với những người Genova như thế nào. Cuốn sách *Lịch sử* của Fernando và Las Casas nói về một sự trao đổi thư từ trực tiếp, nhưng nhiều nhà sử học nghi ngờ về một sự trao đổi thư từ như thế. Một điều chắc chắn: Colombo biết rất rõ một lá thư Toscanelli đã viết cho linh mục phụ tá Fernando Martins, người Lisbon. Lá thư đề ngày

25 tháng 6 năm 1474 và đến tay Colombo năm 1480. Chính Colombo đã tự sao lại một bản, bây giờ còn lưu giữ tại thư viện Colombo ở Seviglia. Trong thư Toscanelli đề nghị sang Ấn Độ bằng cách vượt Đại Tây Dương:

“Mặc dù nhiều lần khác tôi đã biện hộ cho con đường ngắn nhất từ đây đến vùng Ấn Độ, nơi sản sinh các hương liệu đi theo đường biển ngắn hơn con đường mà ông đã đi vòng qua Guinée; ông nói với tôi rằng Đức Vua giờ đây muốn tôi đưa ra một lời khẳng định, hoặc một chứng minh để giải thích rõ khả năng có thể đi con đường ấy được”.

Đó là ý kiến kỳ diệu của Toscanelli mà ông coi như là một định lý. Ông đoán trước sự nghiệp giải thoát thế giới Công giáo khỏi sự ràng buộc thương mại vào người Thổ Nhĩ Kỳ là kết quả tiến bộ của khoa học địa lý. Những nước cộng hòa Ý sẽ đầy của cải và công ty của Toscanelli sẽ có được cuộc sống mới. Toscanelli đã chứng minh định lý của ông như sau:

“Do đó, mặc dù tôi biết tôi có thể chứng minh bằng một quả cầu trong bàn tay tôi và chỉ cho ông thế giới trải ra như thế nào, tuy nhiên tôi đã quyết định nên chỉ rõ con đường đó trên bản đồ như những bản đồ dùng trong hoạt động hàng hải thì dễ hơn và có ý nghĩa hơn, vì vậy tôi sắp gửi cho Đức Vua một bản đồ tôi đã thiết kế và tự mình làm ra. Bản đồ này chỉ rõ toàn bộ phương Tây, từ Ireland tới Guinée, tận xa về phía nam, với tất cả những đảo nằm ở giữa. Đối diện trực tiếp với những đảo đó là bắt đầu quần đảo vùng Ấn Độ cùng với những đảo và những nơi mà ông có thể tới. Bản đồ cũng chỉ ông có thể đi thuyền một đoạn đường dài bao nhiêu từ Bắc cực đến đường xích đạo và ông phải qua bao nhiêu dặm để tới những nơi phì nhiêu nhất, có một loại hương liệu, ngọc và đá quý”.

Đây là một bản đồ nổi tiếng mà Las Casas đã tham khảo nhiều lần, ông nói rằng ông đã xem và cầm bản đồ đó trong tay.

Một đoạn sau của bức thư nói rõ Toscanelli đã làm bản đồ như thế nào nhưng quan trọng hơn những chi tiết kỹ thuật là phần miêu tả của bức thư, những đoạn khơi lên lòng mong muốn thực hiện những cuộc phát kiến và đoạn nói về những lợi thế về thương mại và kinh tế sẽ đạt được:

“Tôi cũng vẽ trên bản đồ nhiều nơi tại Ấn Độ mà người ta có thể tới, nếu xảy ra một sự rủi ro do gió thổi ngược chiều, hoặc một tai họa bất ngờ nào khác. Và ngoài ra để thông tin đầy đủ về những nơi đó mà ông muốn hiểu rõ, xin ông biết rằng ở tất cả đảo đó không có ai sống ngoài những nhà buôn. Có nhiều tàu thủy thủy thủ và hàng hóa, như bất cứ nơi nào khác trên thế giới, nhất là tại một cảng đẹp gọi là Zaiton, ở đây hàng năm một trăm tàu lớn bốc và dỡ hàng hạt tiêu và có nhiều tàu chở những hương liệu khác”.

Đoạn trên có xuất xứ từ cuốn *Milione* của Marco Polo. Việc miêu tả một cách kỳ diệu được tiếp tục:

“Đất nước này cực đông dân cư, có nhiều tỉnh, vương quốc và thành phố không có số lượng dưới sự trị vì của một hoàng đế gọi là Đại Khan, chữ này có nghĩa là Vua của các vị Vua. Ông này sống hầu hết thời gian trong tỉnh Cataio. Những người trị vì trước ông rất muốn có những quan hệ và tình thân thiện với người Công giáo nên cách đây hai trăm năm, họ đã cử những đại sứ tới, yêu cầu Giáo hoàng cử nhiều người khôn ngoan và những học giả đến dạy họ đức tin của chúng ta, nhưng các đại sứ đã gặp nhiều trở ngại khác nhau và đã phải trở về không tới được Roma”.

Colombo sẽ bận tâm với việc tìm Đại Khan và đế quốc của ông này. Trong khi đoạn trên cũng được gợi hứng bởi Marco Polo thì trong đoạn tiếp theo, Toscanelli dựa vào một nguồn khác.

“Và còn một đại sứ nữa đến Giáo hoàng Eugenio IV. Vị này đã nói về tình hữu nghị sâu xa của những hoàng tử và nhân dân họ

đối với những người công giáo, và tôi đã nói dài dòng với ông về nhiều điều và về tầm cỡ lớn lao của các cung điện của nhà vua, chiều dài và chiều rộng của những con sông của họ. Và ông ta nói với tôi nhiều điều kỳ diệu về vô số thành phố và những địa điểm trên những bờ sông của họ. Ông ta nói rằng chỉ trên một con sông đã thấy trên hai trăm thành phố có những chiếc cầu bằng đá cẩm thạch, rất lớn và dài và được trang trí bằng nhiều cột. Đất nước này cũng xứng đáng như bất cứ nước nào khác đã được phát hiện, và ông có thể kiếm ở đó không những những món lời lớn mà cả vàng bạc và đá quý cũng như mọi loại hương liệu với số lượng lớn, những loại chưa bao giờ được đưa vào phần đất này của thế giới chúng ta”.

Eugenio IV là Giáo Hoàng từ 1431 đến 1447, đã sống tại Firenze một thời gian nào đó (Toscanelli cũng sống tại đây), vì Hội đồng Tòa Thánh được triệu tập tại Firenze từ 1438 đến 1443. Phần tái bút như sau:

“Từ thành phố Lisbon thẳng về phía tây, trên bản đồ là 26 khoảng cách, mỗi khoảng là 250 dặm (Anh) thì đến thành phố nguy nga Quisai, có mười cầu đá cẩm thạch. Tên thành phố này có nghĩa là Thành phố của nhà Trời và người ta kể về những điều kỳ diệu xung quanh sự vĩ đại của những thiên tài của thành phố, những công xưởng và mức thu nhập. Vùng này cũng gần như phần thứ ba của trái đất, và thành phố nằm ở trong tỉnh Mango, gần tỉnh Cataio, tại đây nhà vua đã ở phần lớn thời gian của ông”.

Bức thư của Toscanelli như vậy đã củng cố khái niệm của Colombo là châu Á nằm bên kia Đại Tây Dương và Colombo yên tâm vì có niềm tin và lạc quan là con đường đi tới đó không dài hoặc nguy hiểm. Trước khi đọc bức thư của Toscanelli Colombo đã không nghĩ rằng châu Á gần châu Âu như vậy. Ông nghĩ rằng những vùng đất gần nhất chỉ là những đảo và quần đảo, những tiền đồn của đại lục. Sau này ông tìm cách đặt Cipango cách đảo Hierro (trong quần đảo Canaria) hai mươi bốn dặm, khác với Toscanelli ước tính ba nghìn

dậm, bằng cách điều chỉnh lại những thực tế từ kinh nghiệm của ông, hoặc đơn thuần vì nhu cầu cần thuyết phục những kẻ hoài nghi. Nhưng chính bức thư của Toscanelli đã khiến Colombo coi cạnh của châu Á gần bờ biển Bồ Đào Nha hơn là sự suy nghĩ của ông trước kia và điều đó đã làm yên lòng ông nhất, và hỗ trợ cho kế hoạch của ông.

Toscanelli đã hỗ trợ cho Colombo cả về khoa học lẫn tinh thần. Dù những bức thư và bản đồ của nhà học giả Firenze có trực tiếp gửi cho Colombo hay không, thì nhiều bức thư và bản đồ ấy vẫn đã gây một ảnh hưởng sâu sắc đối với ông. Toscanelli là một nhà tiên tri về cuộc cách mạng trong địa lý, giống như bạn của ông Nicolo Cusano là một nhà tiên tri về cách mạng trong triết học. Toscanelli và Cusano là hai thiên tài trong số những thiên tài chói lọi nhất ở châu Âu thế kỷ XV. Hai ông là những người tiền trạm của thời đại mới; mà Colombo là người tiên phong, người đóng vai trò tích cực đầu tiên của thời đại đó - “người mở rộng thế giới” như Paul Claudel đã mệnh danh ông.

10

Ý ĐỒ THÀNH DỰ ÁN. VUA BỒ ĐÀO NHA BÁC BỎ

Ý tưởng đi tới châu Á bằng cách vượt Đại Tây Dương không còn là một giấc mơ, hay một ý đồ mà đã là một dự án rõ ràng và xác định: “Tới phương Đông bằng cách đi thuyền về hướng Tây”. Cuối năm 1483 đầu năm 1484, Colombo đã trình kế hoạch của ông lên Vua Giovanni Đệ Nhị của Bồ Đào Nha. Nhà Vua đã bác bỏ kế hoạch đó, và như vậy Bồ Đào Nha đã mất cơ hội phát hiện Thế giới Mới. Tuy nhiên hình như Bồ Đào Nha hơn bất cứ một quốc gia nào khác xứng đáng với đặc quyền mở rộng văn hóa và thương mại vượt qua Đại Tây Dương sang Trung và Nam Mỹ.

Cả địa lý lẫn lịch sử đều thuận lợi cho Bồ Đào Nha. Địa lý đã chứa đầy tâm hồn Bồ Đào Nha tình yêu Đại Dương và tình yêu đó thôi thúc hành động. Lịch sử Bồ Đào Nha trong thế kỷ XV là lịch sử những cuộc phát hiện đường biển. Nhằm vào Đại Dương, nơi trung tâm của hầu hết các cuộc phát hiện ở thế kỷ XV, đi đầu là về văn hóa, nhưng không chỉ nghệ thuật và văn hóa mà cả về khoa học thương thuyền, địa lý và thiên văn. Bồ Đào Nha hình như có định mệnh đi đến phát hiện châu Mỹ. Nhưng lịch sử đã rút lại ý kiến và từ bỏ logic của chính nó.

Có phải sự ngẫu nhiên đã tước đi của Bồ Đào Nha cuộc chinh phục rất xứng đáng này? Không phải chỉ có thế, mặc dù ngẫu nhiên đã đóng một vai trò. Có một lý do hợp logic cho việc mất cơ hội đó là giai cấp thống trị Bồ Đào Nha - Vua, triều đình, những học giả và những nhà đi biển có ảnh hưởng nhất - vẫn bướng bỉnh hướng theo việc tìm đường sang vùng biển Ấn Độ bằng cách đi thuyền vòng châu Phi. Họ đã không làm là năm 1487 Bartolomeo Diaz đã đi vòng mũi phía nam lục địa châu Phi và năm 1498, sáu năm sau khi

Colombo phát hiện ra châu Mỹ, Vasco da Gama đã tới Calicut, Ấn Độ.

Mặt khác, quả thật là nhiều thủy thủ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Genova, Pháp, Ireland cũng như nhiều người sinh sống ở quần đảo Azzorre, Madera, Porto Santo, quần đảo Canaria, nhắc đi nhắc lại và thề rằng họ đã trông thấy những vùng đất ở phía Tây Madera hoặc các đảo Ferro, Flores, Corvo. Chính vua Giovanni đã chỉ những cây sậy lớn cho Colombo và khẳng định rằng có nhiều chỉ dẫn đầu mối về đất liền ở quá biển Đen tối (Mar Tenebroso). Ở châu Âu không ai biết những cây sậy đó và chúng không thể từ châu Phi đến; người ta thấy chúng trên những bờ biển của các đảo Đại Tây Dương khi sóng, gió và bão thổi từ phía tây vào. Nhà Vua, triều đình, những nhà khoa học và những thuyền trưởng Bồ Đào Nha đã giải thích những đầu mối này chỉ đơn thuần là những dấu hiệu về những hòn đảo khác cần được phát hiện ở Đại Tây Dương. Họ đang đi tìm châu Á; họ có ý định là những người đầu tiên đến châu Á và thiết lập ở đó nền thương mại riêng của họ. Điều gì có thể làm cho họ quan tâm, ngoài những đảo Azzorre khác, hay những đảo Madera khác? Không một ai, không phải họ, không phải Colombo, cũng chẳng phải một người nào khác - nhà bác học, nhà nghệ thuật, nhà triết học, thủy thủ, hay nhà buôn, thầy tu hay thầy phù thủy - không một ai ở châu Âu tưởng tượng rằng có thể có một lục địa thứ tư.

Điểm này giải thích lý do từ chối của Giovanni và việc đánh mất cơ hội của người Bồ Đào Nha. Nhưng chỉ giải thích được một phần. Giả thiết nếu Henry “Người Đi Biển” còn sống chắc chắn ông sẽ chấp nhận kế hoạch của Colombo là có giá trị; đi đến những vùng đất mới ở bên kia quần đảo Azzorre và Madera. Nếu như có một nhà thiên văn học thiên tài và giáo sĩ giỏi dòng tu Francesco như cha Marchena ở triều đình Bồ Đào Nha, thay vì ở triều đình Tây Ban Nha, thì kế hoạch của Colombo đã được lắng nghe và chấp nhận. Chính vua Giovanni cuối cùng cũng đã thay đổi ý kiến, khi ông viết một bức thư cho Colombo vào năm 1488, nhưng đã quá muộn: lịch sử đã nghiêng về phía có lợi cho Tây Ban Nha.

Điều gì sẽ xảy ra nếu như trước đó, có hay không có Colombo, những tàu Bồ Đào Nha dành cho cuộc thám hiểm của Cabral đã phát hiện ra châu Mỹ? Một điều tất yếu xảy ra là tất cả Nam Mỹ sẽ nói

tiếng Bồ Đào Nha; và Tây Ban Nha sẽ thực hiện sứ mệnh của mình, trong tình hình xuất hiện vào đầu năm 1492: chinh phục miền Bắc châu Phi, từ Maroc đến Tunisi và biến miền tây Địa Trung Hải thành cái hồ Tây Ban Nha. Nhưng đi lạc vào các giả thiết là một điều vô nghĩa!

Sự từ chối của Vua Giovanni cũng còn vì lý do Colombo đã đòi hỏi quá nhiều, trong trường hợp ông ta thành công. Theo Casas, những điều kiện ông yêu cầu là nhà vua phong cho ông chức Kỵ sĩ để ông và những con cháu ông được gọi là *don* (Ngài); ông được mang danh hiệu “Đại Đô đốc của Đại Dương”, với tất cả quyền lợi và đặc quyền thuộc về những đô đốc của Vương quốc Castiglia; ông được phong làm Phó vương vĩnh viễn và Thống đốc tất cả các đảo và đất liền ông sẽ phát hiện được, và ông sẽ giữ lại một phần mười tất cả những thu nhập của nhà vua (vàng, bạc, châu báu, đá quý, kim loại, hương liệu và những thứ khác; tất cả những hàng hóa mua, buôn bán, tìm thấy, hay giành được trong phạm vi quyền Đô đốc của ông trên mặt biển).

Hình như rất có khả năng những đòi hỏi quá đáng này đã làm lệch cán cân quyết định khi người ta cho rằng Giovanni đã thỏa thuận với hai bày tôi của ông để cố gắng thực hiện ít nhất một phần kế hoạch của Colombo: sự phát hiện Antilia mà người Bồ Đào Nha gọi là “Hòn đảo của Bảy thành phố”. Fernao Dulmo, thuộc Terreira, đã yêu cầu cho phép đi hai chiếc thuyền buồm nhỏ “để tìm đảo lớn - hoặc những đảo, hoặc đất liền gần bờ biển của đảo lớn - mà người ta cho là đảo của Bảy thành phố, và làm tất cả việc này bằng chi phí riêng của ông. “Nhà vua cho ông ta bất cứ cái gì ông phát hiện và hứa cho ông “những danh hiệu vẻ vang” thích hợp, nếu ông thành công. Không có những phương tiện để thực hiện cuộc thám hiểm một mình, Dulmo đã hợp tác với một ông João Estreito nào đó, thuộc Funchal. Nhà vua khẳng định sự thỏa thuận của ông với cả hai người, Dulmo sẽ chỉ huy đội thuyền trong bốn mươi ngày đầu tiên sau khi rời Terceira và nhận tất cả những vùng đất phát hiện trong thời gian đó. Sau đó quyền chỉ huy sẽ chuyển sang cho Estreito, mọi thứ phát hiện sẽ thuộc ông này từ đó cho đến khi họ trở về. Trái với những chính sách cổ truyền của các vua Bồ Đào Nha đối với những nhà thám hiểm, Giovanni hứa sẽ ủng hộ Dulmo và Estreito bằng lực

lượng hải quân của ông, nếu những người dân sống ở Antilia chống lại.

Ngày tháng định xuất phát cuộc thám hiểm quan trọng này là 1 tháng 3 năm 1487. Từ một việc don Ferdinand gián tiếp nói tới vùng đất nhà Fernao Dulmo “cố phát hiện” và từ báo cáo mà Fernao Dulmo đề nghị viết, người ta có thể kết luận rằng, Dulmo và Estreito thực tế có đi, nhưng Dulmo không bao giờ phát hiện. Nhưng sự im lặng hoàn toàn về chủ đề này trong biên niên sử của Bồ Đào Nha chỉ cho rằng chuyến đi đã hoàn toàn thất bại. Như Morison đã quan sát một cách đúng đắn, nguyên nhân thất bại của chuyến đi là điểm xuất phát, quần đảo Azzorre. Giống như những đồng bào của họ đã đi trước họ trong việc thám hiểm Đại Tây Dương, Dulmo và Estreito đến vĩ tuyến của quần đảo Azzorre, gặp phải gió và những dòng nước biển làm cho họ không thể đến được bờ biển phía tây của Đại Dương, Colombo đã làm chủ phần lớn Đại Tây Dương bao quanh quần đảo Azzorre, nên ông đã cảm thấy điều đó sẽ xảy ra và đó là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong bí quyết của ông.

Đây có phải là cuộc thám hiểm bí mật do Vua Giovanni tổ chức để ăn cắp kế hoạch của Colombo mà don Ferdinand và Las Casas nói không? Cả hai nhà viết sử đều cho biết những người lãnh đạo cuộc thám hiểm đó đã trở về, không tìm thấy gì, trước khi Colombo rời khỏi Bồ Đào Nha, tức là trước năm 1485, hai năm trước cuộc thám hiểm của Dulmo và Estreito. Nhưng thực tế có cuộc thám hiểm bí mật đó hay không? Không chắc chắn rằng Giovanni đã phái thuyền đi thực hiện kế hoạch của Colombo. Dù cuộc thám hiểm bí mật này có thực hay tưởng tượng, Colombo vẫn tin là có và cho rằng ông đã bị lừa gạt.

Vì những lý do ngoại giao, hay xuất phát từ lòng trung thành đối với Giovanni, Colombo vẫn duy trì được những quan hệ tốt với Giovanni và đổ lên những người khác cái lỗi từ chối hay lừa gạt. Tuy nhiên ông đã không thể ở lại tại Lisbon. Ông nên làm gì? Kế hoạch lớn giờ đây đã chiếm đoạt tâm trí ông. Felipa, vợ ông, đã chết, chôn tại nhà thờ Carmine. Con trai ông, Diego, tuy còn là một đứa trẻ bốn hoặc năm tuổi, nhưng cũng đã đủ để đi theo ông, đứng được trên boong tàu với ông. Và như vậy Colombo đã tìm một chiếc tàu và bí mật đi về Palos thuộc Tây ban Nha.

11

Ở TÂY BAN NHA: CHA MARCHENA

Khi Colombo và con trai là Diego cập bến ở Palos, họ đến La Rabida, một nhà thờ phụ của một tu viện thuộc dòng tu Franceso cách hải cảng ba dặm rưỡi. Colombo, một người theo dòng tu Thánh Francesco, có thói quen dự lễ cầu kinh vào cuối cuộc hành trình, hoặc trong những chặng dừng chân dọc đường. Ông ta cũng cần một nơi để ở lại đêm đầu tiên trên bờ, cũng như để tìm hiểu tin tức những người thân thích nhà họ vợ. Violante Moniz Perestrello, chị của người vợ đã quá cố của ông đang sống với chồng là Miguel Muliart ở Huelva, một thành phố khá gần Palos.

Cuộc viếng thăm La Rabida là việc đầu tiên Colombo làm trên đất Tây Ban Nha. Cuộc thăm viếng này là mấu chốt đối với cuộc phát hiện vĩ đại nhất trong lịch sử, cũng như việc ông ta bị dạt vào bờ ở Lagos, vì tại Rabida Colombo đã gặp Cha Marchena. Nhiều sử gia không biết rõ về Cha Marchena. Trong thế kỷ XVI, một số sử gia đã lẫn lộn cha Marchena với Cha Pérez và tạo ra một nhân vật không bao giờ tồn tại: Cha Juan Pérez de Marchena. Thậm chí ngày nay một số sách phổ thông về Colombo và La Rabida nói về Cha Juan Pérez de Marchena. Họ là hai người riêng biệt, cả hai là tu sĩ dòng Francesco. Cha Pérez là tu sĩ sau này đã giới thiệu Colombo với triều đình nữ Hoàng Isabella. Tại Rabida năm 1485 Colombo đã phát hiện ra Cha Antonio de Marchena, người sẽ trở thành người cha tinh thần, thần hộ mệnh cho Nhà phát hiện tương lai, trong bảy năm khó khăn mà Colombo lưu lại Tây Ban Nha.

Cha Marchena không những là một giáo sĩ rất sùng đạo và nổi tiếng, mà còn là một nhà vũ trụ học và thiên văn. Colombo cần sự hỗ trợ khoa học và đã tìm được sự hỗ trợ ấy ở Toscanelli. Ông không

nghĩ rằng ông cần sự hỗ trợ tôn giáo, ông đã có đức tin khác thường, đi gần tới sự cuồng tín. Nhưng ông cần sự hỗ trợ tôn giáo, vì thời đó không thể làm điều gì mới, ở bên ngoài nhà thờ, hoặc không có sự hỗ trợ của nhà thờ. Thông qua Cha Marchena, Colombo còn có được một số người bạn có thể lực trong các giới tài chính và chính trị - hơn là chỉ có những đối thủ, những người thờ ơ và những kẻ nghi ngờ.

Cuộc gặp gỡ giữa Colombo và Cha Marchena có lẽ đã xảy ra ngay buổi tối Colombo cập bến Palos. Thời đó các tu viện dòng Francesco thường cho những người hành hương ở trọ không mất tiền và Colombo có thể đã ngủ tại một trong những gian của tu viện ở La Rabida với con trai nhỏ của ông. Ta có thể tưởng tượng nhiệt tình mà Colombo đã kể lại những ý nghĩa và kế hoạch của ông cho người đứng đầu tu viện Francesco ngay khi ông được biết vị tu sĩ quan tâm đến vũ trụ học và thiên văn học, Colombo đã nói dài, say sưa và đã bộc lộ tâm hồn của ông. Một nguồn tài liệu cho biết là Colombo đã nói *en poridal*, tức là nói tất cả mọi việc. Nói tất cả những việc gì vậy? Một số tài liệu khác lại nói Colombo đã nói với vị tu sĩ trong lúc xưng tội, nên vị giáo sĩ không thể nói lại với ai. (Chúng ta sẽ trở lại gợi ý này về sau và chỉ rõ rằng không có gì hỗ trợ cho chuyện đó cả).

Sự việc thực tế đơn giản hơn thế. Colombo đã để lộ tất cả tư tưởng của ông. Ông đã nói về những đầu mối chỉ dẫn của những đảo Đại Tây Dương và về Galway. Ông đã nói về cuộc đi biển của ông tới Băng Đảo và về thông tin ông đã thu thập được ở đó. Ông miêu tả những chuyến đi của ông tới Madera, quần đảo Canaria, quần đảo Azzorre những đảo Cape Verde và Guinée. Ông đã nói về chuyện đã sống một thời gian dài trên đảo Porto Santo, sàng lọc những ấn tượng, những đầu mối và kinh nghiệm của ông. Ông đã không giấu giếm những gì ông đã biết tại nhà Perestrello. Ông đã miêu tả những bước thăng trầm của ông tại triều đình Bồ Đào Nha. Ông đưa cho Cha Marchena xem bức thư của Toscanelli gửi Tu sĩ Martins. Ông kể lại dài dòng lòng tin của ông đối với vai trò của những dòng nước biển và gió ở Đại Tây Dương, đặc biệt là những dòng nước và gió không thay đổi ở vĩ tuyến thuộc quần đảo Canaria. Ông bày tỏ sự tin chắc rằng, bên kia Biển Đen tối là châu Á, là

Cipango và Cataio, những vùng đất rộng lớn giàu có và đông dân cư, những dân tộc ở những vùng đó đã đợi để được cứu rỗi trong nhiều thế kỷ, những người đã không bác bỏ, như người Hồi giáo, Kinh Phúc âm của chúa Ki Tô, mà chỉ đơn giản là chưa biết gì về điều đó. Tất cả những điều đó lại được kể trong lễ xưng tội chẳng?

Có sự ràng buộc lễ nghi tôn giáo hay không có? Chắc chắn Colombo đặt niềm tin vào Cha Marchena với một lời nguyện giữ bí mật.

Nhiều điều đã nói với Cha Marchena trong cuộc họp có tính chất quyết định đó, chắc chắn kéo dài hơn một buổi tối, Colombo đã không nói cho ai biết sợ rằng họ sẽ ăn cắp ý kiến của ông, điều đó không phải là không có lý do. Thí dụ ông đã không nói chuyện ông ở Băng Đảo, về bản đồ của Toscanelli, cũng chẳng nói gì về con đường hoặc hơn thế hai con đường, đi và về, mà ông đã biết rõ. Chúng ta sẽ thấy những lập luận Colombo đã tìm được, với sự giúp đỡ của Cha Marchena, để nói với các học giả, những lập luận dựa trên những văn bản cổ điển và tôn giáo. Những lập luận đó không phải là những lập luận đầu tiên đã thuyết phục Colombo và Cha Marchena.

Không cần thiết phải tìm một sự giải thích bí mật về sự ràng buộc đã nhanh chóng gắn bó Cha Marchena với Colombo. Người ta thấy điểm chủ chốt là hiện tượng tâm lý đơn giản chung cho cả hai người. Một nhà tư tưởng thường bị cuốn hút vào một con người hành động và hiến dâng bản thân mình cho con người hành động đó, sống tâm tưởng thông qua những hành động của người kia. Ngày nay người ta có thể quan sát hiện tượng này trong các lĩnh vực quan hệ xã hội, chính trị, khoa học và tôn giáo. Ngày nay hiện tượng đó xảy ra như nó đã luôn luôn xảy ra, vì bản chất con người không thay đổi, hay ít nhất không thay đổi từ thế kỷ XV. Đây là điều đã xảy ra giữa Cha Marchena và Colombo. Vị tu sĩ dòng Francesco Tây Ban Nha được khởi động lên bằng nhiệt tình của nhà thủy thủ Genova và sống lại trong những kinh nghiệm, những giấc mơ riêng của ông, như một nhà vũ trụ học và nhà thiên văn học.

Trong khi đó con trai Colombo Diego - lưu lại ở La Rabida, cho đến khi Colombo có thể gặp những bà con bên vợ của ông, Violante và Miguel Muliart. Colombo ở lại với họ trong ít ngày vì, một khi cuộc

gặp gỡ đó đã được thực hiện thì Diego sẽ đến sống với cô và chú ở Huelva, và Colombo sẽ tự do đi đây đi đó.

Cha Marchena giới thiệu Colombo tại triều đình và hỗ trợ ông những lúc khó khăn và thử thách nhất trong bảy năm, từ khi ông đến Palos cho đến chuyến du hành đầu tiên của ông. Ông thường xuyên ở bên cạnh Colombo, ngay cả sau khi ông rời La Rabida để cầm đầu những thành viên dòng tu Francesco chính thống tại Sevilla và ông giới thiệu Colombo với Cha Juan Pérez, người tổ chức cuộc tiếp xúc cuối cùng và quyết định với các vua Tây Ban Nha.

Colombo viết về Cha Marchena: *“Tôi không bao giờ nhận được sự giúp đỡ từ bất cứ ai ngoài Cha Antonio de Marchena, ngoài sự giúp đỡ của Chúa Vĩnh hằng”*. Như vậy Cha Marchena là thiên thần hộ mệnh của Colombo, sau chúa là Cha Marchena và chỉ có Cha Marchena dùng mạng lưới rộng lớn của dòng tu Francesco hùng mạnh để mở nhiều cánh cửa nặng nề của triều đình cho nhà thủy thủ Genova. Ngày 20 tháng 1 năm 1486, Isabella và Ferdinando đã tiếp Colombo ở thành phố Alcalá de Henares, không xa Madrid.

Colombo đã trình bày kế hoạch của ông với nhiệt tình và lòng tin của một người sùng đạo, với giọng của người nắm được sự thật. Để tăng thêm lòng tin vào những lập luận của mình, Colombo đã trình bày bản đồ thế giới mà ông đã làm cùng với người anh Bartolomeo, miêu tả những vùng đất và những biển phải phát hiện. Hai năm sau, Bartolomeo sẽ trình bày một bản sao bản đồ này cho nhà vua Anh, khi ông đưa ra dự án chưa được chấp nhận tại Tây Ban Nha. Colombo mang chính bản đồ này trên chuyến đi phát hiện đầu tiên của ông.

Ngày 24 tháng 2 Cha Marchena đã tự giới thiệu mình với triều đình tại lâu đài Madrid, để nói cho họ biết rằng những điều mà nhà thủy thủ nước ngoài đã nói với họ “là sự thật”. Nhưng Isabella và Ferdinando đã không tin Colombo. Họ coi trọng hơn những ý kiến phản bác của các học giả thuộc Hội đồng của họ. Tuy nhiên, họ biểu thị một sự tò mò nhất định đối với dự án kỳ lạ. Cùng năm đó, 1486, nhà vua theo Công giáo này đã có được một bản đồ Tolomeo; Honorato Mercader đã mua bản đồ đó từ một người bán sách Jaime Serra giá 160 soldi và gửi bản đồ đó cho nhà vua từ Valencia, Colombo chắc chắn đã nêu bản đồ Tolomeo trong việc giải thích

những lý thuyết về vũ trụ học có một không hai của ông vào ngày lịch sử 20 tháng 1 năm 1486, và cái tên ấy thế nào cũng gây một ấn tượng đối với nhà vua và Hoàng hậu.

Đến đây phải nhấn mạnh rằng từ ngày đến Tây Ban Nha, Colombo đã bắt tay vào việc nghiền ngẫm sách vở một cách kỹ lưỡng, tìm hiểu kỹ từng câu, từng ý, có thể hỗ trợ dự án của ông và sử dụng nhiều câu trích dẫn trong những đàm thoại và phần kết luận bài nói của ông. Như đã nêu, tuy vậy ông không nói về những kinh nghiệm của ông ở Băng Đảo, Galway, Porto Santo và bất cứ nơi nào khác ở Đại Tây Dương, và cũng không nói gì về bức thư của Toscanelli. Cả những kinh nghiệm lẫn bức thư đều là bí mật của riêng ông; về những kinh nghiệm, những học giả khó tin ông, trong khi từ bức thư, họ có thể học được quá nhiều và lấy cắp ý kiến của ông.

Colombo đã dùng những lập luận dựa trên những văn bản cổ điển và tôn giáo trước cuộc họp của Hội đồng các học giả, do kết quả lời kêu gọi trực tiếp của ông đến Vua và Hoàng hậu trong tháng giêng. Tuy nhiên sự tiến bộ rất chậm chạp. Hội đồng nghe ông và xem xét kế hoạch của ông từ tháng 11 năm 1486 đến tháng 4 năm 1487. Suốt năm 1486, Colombo đã theo triều đình chuyển từ Madrid đến Avila rồi đến Guadalupe và cuối cùng đến Córdoba. Tại Guadalupe, Colombo cầu lễ tại thánh đường nổi tiếng nhất Tây Ban Nha, nhà thờ Đức Bà Guadalupe. Tại Córdoba ông yêu Beatrice de Arana. Hai mối tình - thần thánh và trần thế - để lại những dấu tích sâu sắc và lâu dài trong cuộc đời và sự nghiệp của ông. Guadalupe là một trong những tên gọi đầu tiên được dùng tại những vùng đất mới. Colombo cầu khẩn Đức Bà Guadalupe khi ông cảm thấy mình bị cực kỳ nguy hiểm trong chuyến trở về, sau cuộc đi biển thứ nhất và đã gặp trận bão tồi tệ trong số nhiều trận bão mà ông đã trải qua. Beatrice de Arana cho ông sự thanh thoi của tâm hồn và thú vui thể xác trong những năm lo lắng và khó khăn chờ đợi lâu dài tại Castiglia.

Colombo không tự hạn chế mình trong việc cầu khẩn Đức Mẹ Đồng Trinh và yêu Beatrice. Ông tiếp tục xúc tiến con đường của ông vào các giới trong triều đình.

Nhiều người giễu cợt ông, những người khác lắng nghe và đánh giá cao ông, một số người thì say mê ông. Không nghi ngờ gì mặc dù có bản chất đa nghi, kín đáo và hãnh diện, Colombo có sức hấp dẫn khi ông giải bày tâm hồn mình cho người nghe. Một khi bắt đầu nói, ông không dừng, trở nên thích thú và có sức thuyết phục. Colombo có thuyết phục được Vua Ferdinando đọc Tolomeo không? Colombo có gây được ấn tượng sâu sắc với Hoàng hậu Isabella nghiêm khắc và khiêm tốn bằng sự mạnh dạn và kiêu hãnh của ông hay không?

Nhưng những điều này đã không giúp ích cho Colombo đối với hội đồng học giả. Những trí thức muốn giữ lại quyền lực không thể không bóp nghẹt tất cả những ý kiến mới. Điều đó đã như vậy trong mọi thời gian lịch sử. Mọi cuộc cách mạng về tri thức đe dọa cơ sở quyền lực của họ. Họ bị ám ảnh phải theo một đường lối tư tưởng hình thức chặt chẽ, làm ngơ và khinh miệt các linh cảm. Họ không nhận thức được thực tế của cuộc sống. Thực tế đó hình như rất vô lý và bị chi phối bởi sự ngẫu nhiên. Người ta chỉ có thể làm chủ thực tế đó bằng một tinh thần tự do, bằng trí tưởng tượng và sự cởi mở đối với các quan điểm khác nhau. Giả thiết nếu Colombo có nói với họ như nói với Cha Marchena, họ vẫn không hiểu ông. Nhưng ông không muốn tiết lộ với họ những bản đồ quan trọng và bí mật nhất. Vậy thay vào đó, ông đã dùng bản đồ thế giới và nêu những nhà địa lý cổ điển và kinh Cựu ước.

Tại Castiglia Colombo bắt đầu đọc và đọc lại những cuốn sách in lần đầu tiên về vũ trụ học và địa lý học. Những cuốn sách đó còn được lưu giữ với nhiều ghi chú của Colombo tại thư viện Colombo ở Seviglia. Những cuốn sách đó gồm có *Tractatas de imagine mundi* của Hồng y giáo chủ D'Ailly, in tại Louvain từ năm 1480 đến 1483; *Historia rerum ubique gestarum* của Enea Silvio Piccolomini, sau này là Giáo hoàng Pio II, in tại Venezia năm 1477; bản tóm tắt bằng tiếng Latin cuốn *Milione* của Marco Polo do Francesco Pipino di Bologna soạn, xuất bản tại Anversa năm 1485; *Historia naturalis* của Plinio, do Cristoforo Landino dịch sang tiếng Ý và xuất bản tại Venezia năm 1489, *Vidas de los ilustres Varones* của Plutarco, do Alfonso di Palencia, dịch sang tiếng Castiglia xuất bản tại Seviglia năm 1491; *Sumula Confessionis* của St. Antonino di Firenze in năm 1476; và một tập sách, trang sách bằng da *Những bi kịch* của Seneca. Colombo

còn biết đến và đọc những sách khác, ngoài những cuốn có trong thư viện Colombo. Thí dụ chắc chắn Colombo có đọc tác phẩm giàu trí tưởng tượng *Voyage d'outre mer* của Giovanni da Mandavilla và *de locis habitabilibus* của Giulio Capitolino; Andres Bernaldez cho biết như vậy vì Colombo đã từng là khách ở trong nhà ông ta. Hình như Colombo đã biết đến cả *Tavole Alfonsine*, một công trình đồ sộ về kiến thức thiên văn làm tại Toledo vào thế kỷ thứ XIII bởi một ủy ban các nhà thiên văn dưới sự bảo trợ của Alfonso, nhà thông thái ở Castiglia.

Colombo đã đọc những cuốn sách này không phải trước khi ông nghĩ ra kế hoạch lớn mà là sau đó, sau khi ý đồ của ông đã biến thành dự án. Hầu hết các nhà sử học đều lẫn lộn hai quá trình tuyệt đối riêng biệt, của kế hoạch phát hiện và sự học tập khoa học của Colombo. Hai quá trình được hoàn thiện ở những thời kỳ khác nhau. Sự ra đời của kế hoạch đã xảy ra không có học hỏi gì về khoa học, hoặc sự hỗ trợ nào, trừ bức thư của Toscanelli. Kế hoạch được vạch ra trên những boong tàu, trên đó viên Đô đốc tương lai đi từ đông sang tây, nam lên bắc, bắc xuống nam, trên những vùng rộng lớn của Đại Tây Dương, từ Băng Đảo đến xích đạo và từ Sagras đến quần đảo Azzorre xa nhất.

Colombo có được tri thức khoa học là từ việc đọc những sách đã nêu, từ thông tin và những gợi ý của Cha Marchena, nhà thiên văn. Colombo lấy việc đạt được tri thức này để thuyết phục những học giả của hội đồng. Có một sợi chỉ chung chạy qua những cuốn sách Colombo đã đọc ở những thời kỳ khác nhau, mặc dù chắc chắn ông đã đọc tất cả những cuốn sách đó sau khi ông đến Tây Ban Nha. Sợi chỉ đó mới nhìn lần đầu đã thấy rõ ngay, là sự khiêm nhường của người sinh viên trước cái mà ông ta đang đọc, tính giản dị chân chất, sự tầm thường rõ rệt của một số khái niệm mà ông ta đã chọn trong những văn bản và đánh dấu ở ngoài lề những cuốn sách.

Trong thực tế, Colombo không phải là nhà học thuật như Gómara đã bảo đảm với chúng ta. Theo Bernaldez, “Ông là một thiên tài vĩ đại nhất, mặc dù không phải là người có học vấn nhiều nhất”. Nhưng không cần viện ra ý kiến của những người khác; vì chỉ sự đánh giá của Colombo về bản thân ông cũng đã đủ. Bức thư năm 1501 của ông gửi cho Vua và Hoàng hậu có chứa một lời thú nhận

“Có lẽ bệ hạ và tất cả những người khác biết tôi, hoặc có thể đọc bức thư này, một cách riêng tư và công khai, họ sẽ mắng tôi bằng nhiều cách khác nhau, rằng tôi là con người ít văn hóa, một thủy thủ dốt nát, một con người tầm thường”. Tính từ cuối cùng Colombo dùng là *mundanal* ngày nay có nghĩa là “đời thường”, nhưng thời đó có nghĩa là “tầm thường”.

Ít nhất thì ông cũng đúng một phần. Chắc chắn Colombo không “tầm thường”, nhưng ông ta ít được học về khoa học, kho kiến thức lý thuyết của ông ta đứt khoát không đủ để đối đầu thành công với những học giả ở Castiglia có trách nhiệm xem xét dự án lớn của ông. Tuy nhiên dự án của ông vẫn lớn, và cuộc phát kiến xuất phát từ đó vẫn lớn nhất trong lịch sử, vì mọi thứ không thể quy thành tri thức khoa học, và khoa học cũng không thể làm được tất cả mọi chuyện.

Trực giác của Colombo thiên tài ngay cả trong những sai lầm đã vượt qua những kiến thức khoa học. Đó là trực giác của một thủy thủ, một người tự học, chỉ tìm cách hỗ trợ trực giác ấy bằng khoa học. Ông ta làm những gì ông ta có thể làm và đã tới những kết luận ông ta có thể tới. Nhưng những giới hạn về nhận thức địa lý mà ông đi tìm để khoác lên trực giác và kế hoạch lớn của ông không làm giảm giá trị và ý nghĩa mà cả điều này lẫn điều kia đã có trong lịch sử nhân loại; giới hạn và kế hoạch đó không hề làm giảm thiên tài phi thường của ông.

12 SỰ HỖ TRỢ CỦA BEATRICE

Công việc nghiên cứu một nhọc và việc hoàn thiện dự án không đi đến đâu cả! Việc đó chỉ làm kéo dài thêm cuộc thảo luận, nhưng không làm cho hội đồng thay đổi khuyến cáo, một khuyến cáo hoàn toàn trái với dự án. Tháng 8 năm 1487, nhà Vua và Hoàng hậu đã từ chối ý kiến của Colombo.

Đó có thể là lúc để tuyệt vọng, nhưng Colombo đã không tuyệt vọng. Anh của ông, Bartolomeo, đã không bỏ ông. Beatrice vẫn yêu ông. Quan hệ tình ái giữa Colombo và một người đàn bà góa chồng trong nhiều năm - Beatrice - là một trong quãng đời lãng mạn và đầy sức quyến rũ.

Beatrice de Arana là con gái của ông Fedro de Torquemada và bà Ana Nunnez de Arana, hai người lao động khiêm tốn ở Santa Maria de Trassiera, một làng vùng núi cách Córdoba khoảng mười lăm cây số. Cha nàng chết khi nàng còn rất bé: mẹ nàng chết ngày 2 tháng 6 năm 1471. Beatrice và anh trai của nàng đến sống với bà và cô. Hai người phụ nữ ngoan đạo này đã quyết để cho Beatrice được biết đọc và biết viết, thời đó là những kỹ năng chưa phổ cập. Nhưng rồi bà của nàng chết chỉ sau một thời gian ngắn, cô của nàng chết năm 1478, Beatrice đến ở với người anh em họ của mẹ là Rodrigo de Arana.

Rodrigo có một trình độ văn hóa nào đó và thông minh, giàu có. Những tài liệu còn lại cho biết công việc kinh doanh của ông, những quan hệ cá nhân và ngay cả mối quan hệ gián tiếp với Luciano và Leonardo Esbarroya, những dược sĩ Genova sống tại Córdoba. Có lẽ thông qua họ mà Colombo sống tại Córdoba trong nhiều tháng năm 1486 và 1487 và đã quen biết Beatrice. Colombo ba mươi bảy tuổi, còn Beatrice hai mươi tuổi. Tháng 8 năm 1488 người phụ nữ trẻ

này đã sinh hạ Ferdinando, con trai của Colombo. Không nghi ngờ gì là Ferdinando đã được sinh ngoài giá thú.

Cuối thế kỷ thứ XIX, những người ở Ý, Pháp và Tây Ban Nha cố gắng chứng minh rằng Colombo đã hợp pháp hóa những quan hệ lẳng mạn của ông, ít nhất dưới con mắt của nhà thờ nhưng họ đã không đưa ra được chứng cứ thuyết phục. Họ chỉ bận tâm với một ý nghĩ duy nhất: làm cho nhà phát kiến trẻ vĩ đại thành một vị thánh. Colombo xứng đáng một huyền thoại vì tài năng đi biển của ông, vì sự kiên cường cuồng nhiệt, vì lòng tin, vì sự hấp dẫn của ông vì sự nghiệp vĩ đại của ông đã đưa đến một kết cục thành công. Nhưng đó là huyền thoại của một thiên tài, một con người vĩ đại trong lịch sử, không phải của một vị thánh. Lòng mong muốn biến Colombo thành một vị thánh với bất cứ giá nào là sự cưỡng bách của các giáo sĩ trong lễ kỷ niệm 400 năm cuộc phát kiến, khi khuynh hướng trắng trợn và mạnh mẽ chống lại thuyết giáo quyền đã sản sinh ra một thuyết giáo quyền thô bạo không kém.

Colombo đã hoàn thành một cách chu đáo nghĩa vụ làm bố của mình. Ông đã hợp pháp hóa Ferdinando, cậu ta liền được danh hiệu *Ngài* (don), trở nên rất có học thức và có danh tiếng hơn người anh sinh ra trong giá thú là Diego. Tuy nhiên Colombo không cảm thấy là đã hoàn thành nghĩa vụ đối với Beatrice, chứng cứ là trong *Di chúc* để lại cho con trai thừa kế là Diego ông đã yêu cầu như sau:

“Nó có thể trông nom Beatrice Enriquez, mẹ của người con trai của tôi là don Ferdinando để bà có thể có phương tiện sinh sống lương thiện, vì là một người đã giúp đỡ tôi rất nhiều. Mong rằng việc đó có thể thực hiện được, để giảm bớt gánh nặng cho lương tâm tôi, một gánh nặng đè lên tâm hồn tôi, mà tốt hơn không nên nói rõ lý do ở đây.

Trong thực tế, Colombo không hào phóng với người phụ nữ mà ông ta chịu ơn nhiều. Một khoản tiền phụ cấp nhỏ, mười nghìn Maravedis một năm, đầu tư vào những lò sát sinh ở Córdoba, được dành cho bà năm 1493, sau khi ông trở về từ chuyến đi biển lần thứ nhất, và một khoản khác, cùng số lượng, theo *Di chúc* năm 1502. Đây là những bằng chứng duy nhất về sự hào phóng của ông ta, quả thật

là rất khiêm tốn. Cuộc sống không hạnh phúc của Beatrice đã kết thúc vào khoảng năm 1521, theo ngày tháng của những bản viết mà chúng ta có. *Di chúc* của don Diego, viết tại Santo Domingo ngày 8 tháng 9 năm 1523 đã quy định việc trả tiền phụ cấp cho những người thừa kế của bà, số tiền chưa trả trong ba hoặc bốn năm trước.

Đó là tất cả những điều chúng ta biết về Beatrice Enriquez. Có nhiều không? Hình như nhiều, nhưng có ít thực chất. Như một số người nói, chúng ta không thể xác định được Beatrice trẻ tuổi là người phụ nữ quyến rũ Colombo, hay như những người khác nói, bà chịu sự cám dỗ về nhân cách của ông. Chúng ta cũng không biết bà đã đối xử như thế nào sau khi Colombo ra đi trong chuyến đầu tiên, hoặc khi ông trở về, khi rõ ràng Colombo bỏ bà. Một số người nói rằng bà không trung thành với tình yêu thứ nhất của bà, nhưng người khác nói ngược lại. Không cần thiết phải coi như có những điểm xấu nhất về bà, để giải thích tại sao Colombo chẳng bao giờ bình thường hóa quan hệ giữa hai người. Colombo là một Đô đốc và Phó vương những đảo và đất India. Ông được sắc lệnh của nhà vua thăng lên những danh vị cao nhất trong Vương quốc Castiglia. Luật pháp nhà vua nói rõ cấm Colombo hòa trộn máu mình với máu của Beatrice Enriquez, một phụ nữ khiêm nhường ở Córdoba, con gái một người làm rượu nho khiêm tốn và hoàn toàn không phải dòng dõi quý tộc.

Luật lệ của nhà thờ Công giáo không ngăn cản hôn nhân giữa những người thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng luật dân sự thì cản trở. Bị ám ảnh về ham muốn trở thành quý tộc, Colombo đã không, hoặc không thể trả được món nợ của ông đối với người phụ nữ trẻ tuổi ở Córdoba, vì vậy trong thời gian còn lại của cuộc đời ông, ông thường bị giày vò vì hối hận, rõ ràng khi ông tin rằng ông sắp chết. Vì vậy mà có điều khoản trên trong *Di chúc* của ông.

Trong nhiều bản viết còn lại của Colombo, dù vụn vặt, chúng ta không thấy sự đề cao tình dục, hoặc tình yêu lãng mạn. Lịch sử không nói cho chúng ta biết những cảm giác cá nhân của ông về vấn đề này. Những chuyện yêu đương lãng nhãng của ông với người đàn bà góa trẻ tuổi ở Gomera nằm trong thần thoại. Ý kiến nói rằng Hoàng hậu Isabella yêu ông chỉ là chuyện bịa đặt và bị tất cả những nhà sử học nghiêm túc bác bỏ. Có thể Hoàng hậu đã cảm kích về tài

năng của ông chứ không có gì hơn. Bà có đạo đức và trước hết yêu sâu sắc và say đắm chồng bà. Tuy nhiên không khó khăn khi cho rằng chính tình yêu của Beatrice đã hỗ trợ cho Colombo trong một thời khắc đen tối nhất của đời ông. Người đàn bà này trầm lặng, gần như lén lút, xuất hiện bên ông khi ông bối rối nhất, khi mọi thứ và mọi người hình như thúc giục ông nên rời bỏ nước Tây Ban Nha, nơi ông đã đến để điều hành sự nghiệp lớn của ông. Người đàn bà này có những tình cảm thầm thiết.

Sau khi đã tìm hiểu những giai đoạn chủ chốt dẫn đến việc nhà phát kiến hình thành ở trong đầu kế hoạch lớn của ông, chúng ta xem lại những giai đoạn cụ thể mà ông đã hoàn tất kế hoạch đó. Có hai giai đoạn, cả hai đều cơ bản: gặp giáo sĩ, nhà thiên văn: Cha Marchena, và tình yêu của Beatrice. Nếu không có Beatrice có lẽ Colombo đã thất vọng và đi theo người anh Bartolomeo sang Bồ Đào Nha và Anh. Thay vào đó, khi Beatrice cho ông một con trai, ông đặt tên cho đứa con là Ferdinando, cố ý lặp lại tên của vua Tây Ban Nha. Colombo vẫn còn hy vọng; ông vẫn còn tin vào Tây Ban Nha. Và ở Tây Ban Nha sự may mắn đã cổ vũ hy vọng kiên cường đó, lòng tin bướng bỉnh đó.

13

TUYỆT VỌNG

Vào mùa xuân năm 1489, Colombo còn ở Castiglia. Bị nhụt chí, ông bắt đầu nghĩ đến việc đi sang Pháp. Một lần nữa, ông đã thổ lộ tâm sự mình cho Cha Marchena và cha đã khuyên ông không nên đi nơi khác và nói ông nên tìm cách yết kiến công tước có thể lực ở Medina Sidonia. Ngài Enrico di Guzman, người của một trong những đại gia của Tây Ban Nha. Giàu có và đầy quyền lực. Las Casas còn nói rằng thời đó ở toàn bộ Tây Ban Nha không có ai giàu hơn ông ta. Nhưng Colombo không được gì từ công tước này!

Colombo lại quay sang một vị công tước khác: don Luis de la Cerda Medinaceli sống tại Puerto Santa Maria. Medinaceli đã hỏi tỉ mỉ về kế hoạch của Colombo và đã suy nghĩ về kế hoạch đó như Las Casas nói cho chúng ta biết:

Medinaceli có cảm tình với sự thận trọng và lương tri của Colombo; ông đã xem xét cuộc đi biển một cách tích cực. Medinaceli coi mọi chi phí cần thiết là không thành vấn đề, nhất là khi Colombo đòi hỏi rất ít cho bản thân mình. Những ngày đó, Medinaceli biết Colombo có ít phương tiện chi tiêu thông thường, ông đã ra lệnh cung cấp mọi thứ mà Colombo cần.

Công tước bị thuyết phục bởi những lập luận Colombo đưa ra và đã hiểu tầm quan trọng và giá trị kinh tế, nếu không phải sự quang vinh, của sự nghiệp do Colombo đề nghị. Với sự rộng lượng và cởi mở, công tước đã quyết định không thảo luận nữa về vấn đề liệu sự nghiệp đó có thành công hay không, tựa như ông đang đề cập đến một vấn đề chắc chắn, ông đã ra lệnh cấp cho Colombo mọi thứ, lên tới ba hoặc bốn nghìn ducado để ông có được ba tàu hoặc thuyền buồm, đồ tiếp tế cho hơn một năm, các

thủy thủ và mọi thứ cần thiết, bảo đảm tàu được làm trong xưởng đóng tàu cảng Santa Maria và việc làm tàu sẽ không gián đoạn cho tới khi hoàn thành.

Tuy nhiên để có giấy phép chính thức, công tước đã kiến nghị Vua và Hoàng hậu ủng hộ và giúp đỡ ông, với nguồn tài chính của bản thân ông và gia đình ông cho con người đã đưa ra mọi chỉ dẫn rằng người đó có thể phát hiện ra những thứ tuyệt vời và nguồn của cải lớn.

Nhưng Hoàng hậu Isabella lại nghĩ khác. Một sự nghiệp như thế, nếu được thực hiện thì phải là mối quan tâm của Nhà Vua và chỉ Nhà Vua mà thôi. Bản thân Hoàng hậu sẽ chịu trách nhiệm - Las Casas cho biết thêm - và Hội đồng Hoàng gia sẽ phải thu xếp mọi chi phí cần thiết.

Như vậy, ngay cả những ý định tốt của công tước Medinaceli cũng không thể ảnh hưởng đến kế hoạch, nhưng ý định ấy đã có một kết quả quan trọng: Hoàng hậu Isabella thiết lập lại việc tiếp xúc với Colombo. Bà đã gửi một bức thư lịch sự mời ông đến triều đình ngay lập tức. Isabella đã tiếp Colombo tại Jaén. Đó là vào mùa hè năm 1489 Hoàng hậu tiếp một mình, vì Vua Ferdinando đang tham gia việc bao vây Baza. Trong cuộc nói chuyện Hoàng hậu đã bày tỏ hy vọng tích cực là khi “sự kiện Granada” được giải quyết thì vấn đề này sẽ được giải quyết. Colombo lại phải kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi kết thúc thành công chiến dịch Baza. Với chiến dịch này, Vua và Hoàng hậu hy vọng chấm dứt cuộc Thập tự chinh nhiều thế kỷ chống những người Hồi giáo. Trong thời gian đó Colombo có thể sống tại triều đình.

Colombo cảm thấy an tâm. Ông đã có lời hứa của Hoàng hậu. Ông tháp tùng Hoàng hậu và triều đình tới chiến trường Baza. Đúng 27 ngày sau khi Hoàng hậu đến chiến trường, pháo đài chính của người Moor đã thất thủ.

Ngày 4 tháng 12 là ngày lễ Thánh Barbara. Những sự kiện nối tiếp dồn dập. Ngày 22 tháng 12, Vua và Hoàng hậu theo Công giáo đã vào Almeria, và ngày 30 tháng 12 họ vào Guadix. Cuộc chiến tranh hình như đã kết thúc. Sự thật là Vua Hồi giáo Boabdil vẫn ở

Granada, nhưng theo một hiệp ước ký năm 1487 ông ta là chư hầu của của Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha. Họ phải trao thủ đô Vương quốc Hồi giáo càng sớm càng tốt khi hoàn cảnh cho phép. Bây giờ đã đến lúc đối thủ đáng ghét của ông vua Tây Ban Nha là vua Guadix phải biến khỏi chính trường, vĩnh viễn.

Hoàng hậu đã cho Colombo “hy vọng chắc chắn” rằng bà ta sẽ xem xét lại kế hoạch của ông ngay khi cuộc chiến tranh kết thúc. Bây giờ là lúc quyết định. Nhưng một lần nữa những hy vọng của ông bị tan vỡ. Cuộc chiến tranh không hoàn toàn kết thúc. “Những người Moor trả lời rằng họ không thể thực hiện những điều họ đã hứa”. Các nhà sử học đã tường thuật một cách vắn tắt như vậy. Tiếp theo là cuộc trao đổi những đại sứ và những bức thư giữa Ferdinando và Boabdil, kết quả là cuộc chiến tranh để chinh phục dứt khoát Granada lại nổ ra.

Tháng kéo dài thành năm và mãi đến ngày 2 tháng Giêng năm 1492, khi cuộc đầu hàng của Granada kết thúc cuộc chiến tranh và hủy bỏ những tàn dư cuối cùng của quyền lực Moor trên bán đảo Iberia, lời hứa tháng 7 năm 1489 mới được thực hiện. Trong thời gian đó, Colombo lúc là khách của công tước Medinaceli, lúc là khách của Quintanilla, lúc là khách của những người Francesci ở Rabida, đã thay đổi từ hy vọng đến thất vọng, rồi lại từ thất vọng đến hy vọng. Công tước chủ quản ngân khố, Cha Deza và Cha Marchena, tất cả đều khuyên Colombo nên kiên nhẫn, nhưng Colombo đã chán ngấy; sự tuyệt vọng đã khống chế ông. Ý nghĩ bỏ Tây Ban Nha đi để thử vận may tại nước Pháp luôn ở trong tâm trí ông.

Tại La Rabida, nơi ông đến lần thứ hai vào mùa thu năm 1491, Colombo đã gặp Cha Juan Pérez, thông qua Cha Marchena. Sau này Colombo thường nói hai vị tu sĩ này là những người duy nhất luôn luôn trung thành với ông, không bao giờ ngừng ủng hộ ông. Cha Pérez là người làm lễ giải tội cho Hoàng hậu. Ông đã cưỡi lừa đi từ Palos đến triều đình, Hoàng hậu nói với cha Juan Pérez rằng: bà không quên người thủy thủ nước ngoài và gởi cho Colombo hai mươi nghìn Maravedis, kèm theo một chiếu thư gọi Colombo đến. Như thế, một lần nữa Colombo đến triều đình, và một lần nữa ông ta đi cùng một người thuộc dòng tu Francesco lần này là Cha Pérez. Đó

là tháng 12 năm 1491. Triều đình khi đó đóng ở Santa Fe. Cuộc chiến tranh gần kết thúc.

Ngày 2 tháng Giêng năm 1492, Colombo cùng với Vua và Hoàng hậu đi vào Granada. Colombo viết trong lời giới thiệu cuốn *Nhật ký* của ông: “Tôi trông thấy những lá cờ của Hoàng gia bay trên những tháp của Alhambra, và tôi đã trông thấy vua Moor đi ra ngoài cổng thành, hôn tay bệ hạ và hoàng tử. “Cuộc chiến tranh kết thúc. Người Hồi giáo cuối cùng rời khỏi Tây Ban Nha, chấm dứt vương quốc Moor trên bán đảo Iberia, được thành lập từ năm 711 tại Jerez de la Frontera, kết thúc năm 1492 tại Granada. Gần chín thế kỷ!

Hoàng hậu Isabella chưa bao giờ quên dự án của Colombo. Bà hiểu và kính trọng ông. Bà đã triệu tập một Hội đồng đặc biệt để có một kiến nghị dứt khoát. Hội đồng gồm có ba Tổng giám mục, mười bốn Giám mục, hai trưởng dòng tu, chín công tước, bốn hầu tước, mười bá tước, cùng nhiều nhà triết học, thiên văn học và vũ trụ học. Tại những cuộc họp trước ở Salamanca và Córdoba, mọi người đã nhất trí bác bỏ dự án; tất cả đã nói đề nghị của Colombo là không thể thực hiện được. Trái lại trong dịp này, “ý kiến đã phân tán”. Đức Ông Geraldini ở Amelia, Umbria đã cho chúng ta biết thông tin quan trọng đó; ông là nhân chứng đã có mặt tại tất cả các cuộc thảo luận bàn bạc.

Tại Santa Fe, có thể Hồng y giáo chủ Mendoza đã bảo vệ sự nghiên cứu của vị Đô đốc tương lai, chắc chắn Geraldini cũng đã bảo vệ Colombo kể cả thông qua người anh nay đã quá cố, nhưng đã từng giúp đỡ Colombo tại Seviglia. Las Casas nói có thể một số học giả cũng đã ủng hộ Colombo. Họ hành động một cách dè dặt, vì đa số trong Hội đồng vẫn phản đối. Những người trong triều đình, bè bạn của Colombo, cũng đã ủng hộ kế hoạch của ông một cách nhiệt tình. Tuy nhiên đại đa số vẫn chống lại dự án.

Đối diện tình thế đó, Cha Fernando de Talavera, chủ tịch Hội đồng đặc biệt Santa Fe, đồng thời là linh mục nhận lễ xưng tội của Hoàng hậu Isabella có thể làm gì khi ông ta chỉ có thể khuyên Hoàng hậu không nên bảo trợ một sự nghiệp mà theo sự xem xét của những nhà thông thái trong Vương quốc, có vẻ không đạt được. Không những thế người nước ngoài khinh suất này còn đòi những danh vọng và chức tước cao nhất, ngoài những phần thưởng về kinh

tế đáng kể: chức Đô đốc và Phó vương vĩnh viễn, cho đến lúc đó chỉ mới ban cho ngài Alfonso Enriquez, chú của vua Ferdinando. Xét điểm cuối này, người ta có thể hiểu bầu không khí trong Hội đồng như thế nào, và điều đó đã không cho phép cha Talavera can thiệp với Vua và Hoàng hậu để giúp Colombo.

Sau thất bại dứt khoát này, Colombo từ biệt bạn bè, cảm ơn tất cả sự quan tâm và giúp đỡ mà họ đã dành cho ông trong suốt những năm ông đã ở trong triều đình và chuẩn bị rời nhóm người ủng hộ để đi Córdoba. Colombo sẽ đi một nơi nào khác để theo đuổi kế hoạch lớn của ông. Nhưng đi đâu? Không sang Bồ Đào Nha, hoặc nước Anh. Ông đã giao nhiệm vụ cho người anh của ông là Bartolomeo, đưa trình bày lần cuối cùng lên nhà vua Bồ Đào Nha và sau đó đi Luân Đôn, đề nghị việc đảm nhận công việc thám hiểm. Mười ba năm trước đây Colombo đã biết lòng dũng cảm, tính kiên cường và ý thức đi biển vốn có của người Anh, và như vậy ông hy vọng họ sẽ đánh giá cao dự án của ông. Nhưng sự việc cũng không suôn sẻ tại Luân Đôn. Bartolomeo không đạt được gì và chuẩn bị về Pháp.

Giờ đây chính Colombo cũng đang nghĩ đến việc đi Pháp; thậm chí ông cũng không quên nghĩ đến việc trở về Genova. Trong văn bản viết năm 1535 nhiều năm sau cuộc phát kiến, Ramusio đã thuật lại, từ nguồn tin của nhà sử học trong triều đình, Pietro Martire d'Anghiera rằng: Colombo, lúc bốn mươi tuổi (năm 1491), đã đề nghị sự nghiệp Đại Tây Dương với quê hương ông. Pietro Martire d'Anghiera là một người thông minh khác thường, nghiêm túc và chính xác trong những báo cáo của ông và là một người bạn của Colombo khi Colombo trở thành Đô đốc, Pietro Martire là một nguồn tin cậy nhất cho loại thông tin này. Chứng cứ của ông được khẳng định bởi nhà địa lý học Thổ Nhĩ Kỳ vĩ đại nhất của thời đại, Piri Reis. Đây là một sự khẳng định quan trọng vì rằng Piri Reis biết được chứng cứ ấy từ một nô lệ Tây Ban Nha gần gũi Colombo và người nô lệ này không có thể bịa thông tin này.

Một lần nữa Colombo nghĩ đến Genova khi những cố gắng của ông tại triều đình Tây Ban Nha không đưa đến kết quả gì. Ông đã nghĩ về thành phố này, mặc dù năm 1479 ông đã nhận thấy có ít hy vọng ở chốn này. Những bạn người Genova ở Seviglia và Córdoba đã gợi ý: “Tại sao ông không thử với quê hương chúng ta một lần

nữa?” Có lẽ Colombo đã thử, dù ông không thể tránh được sự từ chối nữa của các nhà lãnh đạo Genova, những người không tin vào thành công cuối cùng của sự nghiệp Đại Tây Dương. Không phải họ không tin. Trong thực tế chính những người Genova là những người đầu tiên vấp phải vấn đề Đại Tây Dương và những người đầu tiên vượt qua những mê tín thời Trung cổ về Nam bán cầu và những nơi ở bên kia trái đất. Họ không coi Colombo là một người mơ mộng, cũng như những người Genova ở Seviglia và Córdoba không cho Colombo là người mơ mộng; họ luôn là những người gần gũi với Colombo, ủng hộ ông và tài trợ cho ông.

Như đã chỉ rõ, lý do của khuynh hướng hoài nghi ở những người Genova là ở chỗ khác, ở tính cách của những người dân vùng Liguria, những con người không bao giờ làm một việc gì quá sức mình: Họ biết rõ những giới hạn của họ. Họ thực tế một cách đáng sợ. Những người Genova biết rõ rằng họ có thể phát hiện ra những đảo và những lục địa khác, như những đồng bào của họ, Antonio da Noli, Lanzarotto Marocello, Usodimare và Niccoloso da Rocco đã làm. Nhưng khi phát kiến thành công như đã có lần thành công thì những kẻ khác sẽ hưởng kết quả chứ không phải họ. Những người Genova biết những giới hạn của họ trong một thời đại, khi các quyền lực quốc gia ở khắp châu Âu - trừ Ý và Đức - đang thay thế những quyền lực của vùng và thành phố. Những người Genova dần dần giảm vai trò của họ trong việc buôn bán đồ tiếp tế cho tàu biển và quay sang hoạt động ngân hàng. Vào thế kỷ thứ XVIII họ trở thành những nhà tín dụng đối với Tây Âu; vào thời gian đó Genova trở thành một thành thị lớn, một trung tâm mở rộng nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản. Như vậy cố gắng làm ăn với Genova, hoặc thông qua nước cộng hòa, hoặc thông qua ngân hàng San Giorgio đều vô ích. Không có khả năng quay về Bồ Đào Nha, nhất là sau cuộc thám hiểm của Bartolomeo Dias đã mở ra tuyến đường phía đông, đi sang các đảo và vùng đất Ấn Độ. Công việc của người anh là Bartolomeo tại triều đình nước Anh đã thất bại. Colombo tuyệt vọng. Ông phải ra đi. Rời Santa Fe trên lưng lừa hướng thẳng đến Palos, từ đó dự định đi thuyền sang Pháp.

14

MỌI ĐỀ NGHỊ ĐỀU ĐƯỢC CHẤP THUẬN

Tại triều đình những người bạn của Colombo vẫn không chịu thua. Gia sư của Hoàng tử, Nhà thần học, Cha Deza nhấn mạnh thêm nhiều lần. Viên chủ sự ngân khố Quintanilla cũng nhấn mạnh thêm nhiều lần. Cận thần của Nhà Vua, Juan Cabrero cũng nói thêm nhiều. Bà hầu tước Moya nhấn mạnh với Hoàng hậu, bà Juana de Torres, nữ quản gia thân thiết và cao tuổi, nhấn mạnh với Hoàng tử. Những chủ ngân hàng người Genova, người Firenze, những người Do Thái đã cải đạo mà tất cả triều đình đều nợ họ, cũng nhấn mạnh. Cha Marchena và Cha Pérez nhấn mạnh với những lời khẩn cầu và những việc làm thực tế, thuyết phục những người trong triều. Thậm chí Cha Fernando de Talavera, vị giáo sĩ đã nghe lẽ xưng tội của Hoàng hậu, người đã gợi ý Hoàng hậu nên chú ý tới lời khuyên cáo của Hội đồng, lại tìm cách đảo ngược lại gợi ý đó, gợi ý mà trong lương tâm ông cảm thấy cần thiết lúc bấy giờ, nhưng không phù hợp với lợi ích cao nhất của Nhà Vua.

Vào cuộc này còn có cả người giữ ngân khoản riêng của nhà vua, Luis Santángel, gia đình ông này đã cải đạo từ đạo Do Thái. Ông là con trai một nhà buôn và anh em họ của một giám mục. Cha ông cũng mang tên Luis, một nhà kinh doanh phối hợp với những nhà buôn Genova, Milano và Aragon, tham gia vào hoạt động thu thuế nhập khẩu tại những cảng của Catalonia. Người con mang tên Luis có những quan hệ kinh doanh thân thiết với một số người Genova, đặc biệt với Francesco Pinelli một người bạn của Colombo. Santangel trở về với Hoàng hậu cùng ngày tháng Giêng, khi Colombo rời khỏi triều đình, đã đưa ra những lập luận ủng hộ sự

nghiệp thám hiểm. Tất cả những lập luận ấy, theo Juan Manzano, người Tây Ban Nha, có thể tóm tắt lại như sau:

- Đúng là những nhà khoa học được hỏi ý kiến đã bác bỏ những đề nghị của Colombo. Nhưng người ta cũng phải hiểu rằng một trong những chuyên gia này đã bỏ qua mà không có trả lời thỏa đáng với một số lý lẽ và lập luận của Colombo. Ngược lại, Colombo luôn giữ được bình tĩnh và trả lời sự phản bác của các đối thủ. Hơn nữa không phải mọi người được hỏi ý kiến đều đã bác bỏ dự án. Colombo không điên đầu lên, trái lại ông giữ được thăng bằng, thận trọng trong lời nói và biết cách trình bày những lập luận của mình. Nếu dự án thám hiểm là điên rồ như những đối thủ của ông đã nói, thì ông đã không đề nghị một cuộc đi biển như thế và chỉ yêu cầu nhà vua cấp cho một triệu Maravelis, còn mình thì chỉ ra phần còn thiếu.

Colombo không đòi hỏi những phần thưởng, hoặc sự đền bù trước. Sự trả công của Hoàng gia, chỉ được phát sau khi ông phát hiện những đất mới. Rủi ro đối với nhà Vua là tối thiểu, trong khi lợi ích của họ có thể lớn hơn điều mà trí óc con người có thể tưởng tượng: đến được nước Ấn Độ đã tìm kiếm từ lâu, với những mỏ giàu kim loại quý và những hương liệu đắt tiền, mang lại cho Vua Tây Ban Nha những lãnh thổ mệnh mệnh, phút chốc sẽ biến nhà Vua Gia tô giáo này thành vị vua có thể lực nhất trong thế giới Công giáo, không phải chỉ có thế mà còn trên toàn thế giới.

Đối với một số nghi ngờ còn lại phải chăng không xứng đáng để làm thử chăng? Phải, sự nghiệp thám hiểm có thể thất bại, nhưng tấm gương của người Bồ Đào Nha không nói lên điều gì hay sao? Người Bồ Đào Nha luôn luôn dám đưa người và tiền của vào những cuộc thám hiểm đường biển; một số cuộc thám hiểm cũng không có gì chắc chắn hơn cuộc thám hiểm đang được bàn cãi. Tuy vậy không một ai trên thế giới phê phán những cố gắng của người Bồ Đào Nha, dù những cố gắng ấy có vẻ là vô ích.

Một mặt khác, Cha Fernando de Talavera, linh mục nhận lễ xưng tội của Hoàng hậu, chắc đã phải lý luận như sau: “Nếu tôi khẳng từ chối sự nghiệp thám hiểm và nếu do kết quả việc không khoan nhượng của tôi, Colombo bị bãi miễn và đi đến một nước khác, tại đó, ông ta nhận được sự ủng hộ mà ông tìm kiếm và đến

được những đảo và vùng đất Ấn Độ thì trong những ngày còn lại của đời tôi, tôi sẽ ân hận đến như thế nào, vì đã làm mất đi sự vinh quang và những của cải cho đất nước và Nhà Vua của tôi! Tôi đã làm nghĩa vụ của tôi, lương tâm của tôi trong sáng, vì tôi đã nói rõ cho Nhà Vua những cảm tưởng chung của các nhà khoa học, cũng như của bản thân tôi về vấn đề này. Tuy nhiên nếu Cha Deza Cabrero, Santangel và những người bạn khác của Colombo thuyết phục Nhà Vua và Hoàng hậu về khả năng kết thúc thành công kế hoạch, tôi sẽ không tiếp tục phản đối kế hoạch ấy, để tôi khỏi trở thành người cản trở vô trách nhiệm. Điều duy nhất còn lại mà tôi phải làm là khuyến cáo một sự thận trọng lớn nhất về phần Nhà Vua và Hoàng hậu, để cho rủi ro của cuộc mạo hiểm sẽ là ít nhất”.

Cùng với những suy tưởng này và những ý nghĩ tương tự, Cha Talavera đã đi đến quyết định. Ông Deza và Cabrero đã khuyên Vua Ferdinando “đảm nhận cuộc thí nghiệm dù cuộc thí nghiệm đó tốn kém nhiều, vì lợi ích lớn lao và danh vọng mà người ta hy vọng tới từ những đảo và đất đai Ấn Độ”. Nhận xét rằng những lập luận khoa học và về đi lại đường biển không có giá trị gì, là điều kỳ cục. Phải chấp nhận có những điều không chắc chắn; có sự may rủi một nửa. Nếu tất cả đều tốt thì sẽ mang đến uy tín, quyền lực và của cải. Nếu xấu sẽ mất gì? Không lo lắng gì về việc mất uy tín sau thắng lợi huy hoàng đối với người Moor. Còn việc liều lĩnh sinh mạng, điều đó sẽ do Colombo và những người đi với ông ta đảm nhiệm. Sự liều lĩnh duy nhất đối với Vua và Hoàng hậu là chi phí trang bị cho ba chiếc tàu. Và Santangel đã đề nghị một cách tài trợ sáng tạo.

Ông ta không những là người giữ ngân khoản riêng của nhà vua mà còn là Thủ quỹ của Quỹ “Huỳnh Đệ thần thánh”, một cơ quan thời Trung cổ để bảo vệ nền văn minh Công giáo và là Thủ quỹ cho quỹ những cuộc Thập tự chinh - cùng với người Genova Francesco Pinelli. Năm 1492 cả hai tổ chức đều thua lỗ sâu sắc. Tuy nhiên ngoài Pinelli còn có những nhà buôn Genova có nhiều tiền để đầu tư mà chưa có việc gì để đầu tư. Những nhà biên niên sử đương thời đã liệt kê tên mấy người. Và có Gianotto Berardi, một nhà buôn Firenze, tự nguyện cho công cuộc thám hiểm vay tiền với rủi ro mất tiền, nếu sự việc không diễn ra tốt đẹp, nhưng ông ta đòi được trả gấp một trăm lần tiền cho vay nếu sự việc diễn ra như kế hoạch. Nhưng danh

dự Tây Ban Nha phải được bảo vệ. Để cho một sự nghiệp như thế tài trợ hoàn toàn bằng tiền của nước ngoài là điều không thể tưởng tượng được. Santangel nhắc nhở Vua và Hoàng hậu rằng thành phố Palos phải trang bị hai thuyền cho Vua và Hoàng hậu để chịu phạt tội buôn lậu, việc này sẽ cung cấp một phần đáng kể những gì cần thiết. Đối với phần còn thiếu, Santangel sẽ cung cấp từ quỹ mà ông điều hành. Vấn đề tiền đã được giải quyết. Ngay cả vua Ferdinando cũng được thuyết phục. Hoàng hậu Isabella không đợi gì khác; chồng bà bây giờ bắt đầu tin, trong khi đó bà đã tin được một thời gian rồi. Bà lập tức gọi Colombo trở lại. Một sứ giả cưỡi ngựa, đuổi kịp Colombo tại cầu Pinos, cách Santa Fe bốn dặm, khi Colombo đang trên lưng lừa. Colombo liền quay trở lại.

Sự đảo ngược bất ngờ về cơ may là nhanh và mạnh gần như trên sân khấu. Colombo có đặt kế hoạch cho sự đảo ngược đó để làm một mảnh khoe thuyết phục Vua và Hoàng hậu hay không? Hay Vua và Hoàng hậu đã diễn trò đảo ngược đó để vượt qua sự chống đối cương quyết của những học giả, những triều thần và những nhà vũ trụ học đối với dự án thám hiểm? Chúng ta biết Colombo trở lại không một chút dấu hiệu gì là ăn năn. Những thăng trầm, vất vả và đau đớn của rất nhiều thất bại đã không làm ông thay đổi ý kiến. Những đòi hỏi của ông vẫn không kém trước. Nhưng điều này có quan hệ gì không? Nếu dự án thám hiểm không thành công, tất cả những nhượng bộ trong thỏa thuận giữa Colombo và nhà Vua sẽ không có giá trị. Nếu dự án thám hiểm thành công, lợi nhuận dự kiến sẽ biện hộ cho sự đau đớn của việc ký bất cứ nhượng bộ nào.

Những người Genova, Firenze và những người Do Thái đã đầu tư vào sự nghiệp rủi ro này. Quả thật Vua và Hoàng hậu kính trọng những người này khi tính đến tiền. Vua và Hoàng hậu không có cách nào ngoài việc noi gương họ, thế là Vua và Hoàng hậu đã ký bản thỏa thuận và dự án bắt đầu hình thành. Dự án được tài trợ như sau: 1.140.000 maravedis vay của Luis de Santangel. Tiền là của ông ta, hoặc của Francesco Pinelli, hoặc có khả năng nhiều hơn thuộc cả hai. Colombo đã đóng góp 500.000 maravedis. Ai đã cho ông ta vay món tiền đó? Vấn đề duy nhất của Colombo là chọn một người nào đó. Tên của những nhà hoạt động ngân hàng Genova đều được biết và quan hệ của họ với Colombo được bộc lộ trong nhiều tài liệu:

Francesco Rivarolo, Francesco Doria, Francesco Castagno và Gaspare Spinola đã đóng góp một cách dứt khoát vào phần chi phí của viên Đô đốc trong chuyến đi biển lần thứ tư (một phần tám). Cha Aspa liệt kê những người ủng hộ chuyến đi lần thứ nhất là Jacop di Negro, một người ở Siviglia; Zapatal ở Jerez; và Luigi Doria ở Cádiz. Cuối cùng có người lái buôn Firenze giàu có, sống ở Siviglia, Gianotto Berardi, người chắc chắn tham gia vào công việc kinh doanh của Colombo bắt đầu với chuyến đi thứ nhất. Chỉ còn thiếu 360.000 maravedis để có đủ 2 triệu cần thiết. Khoản này được những công dân ở Palos cung cấp để trả hết tiền phạt của Hoàng gia đã nêu trước, khoản tiền phạt này đòi họ trang bị hai chiếc thuyền. Tiền Genova, tiền Firenze, tiền Do Thái, hoặc Castiglia đều được thanh toán kịp thời, và một khi tiền đó được trao tay không ai quan tâm tiền đó từ đâu đến.

Những quyền lợi được thỏa thuận, điều kiện nhượng bộ ký kết sau những cuộc thương lượng kéo dài. Những quyền lợi và điều kiện đó cho Colombo tất cả những thứ ông tìm kiếm trong trường hợp thành công: chức tước, danh vọng, của cải. Nhưng với tất cả lòng kính trọng đối với các nhà kinh tế và các luật gia, tiền không phải là mọi thứ, quyền lợi cũng vậy. Còn thiếu con người. Cần có một người chỉ huy: Colombo, nhưng những thủy thủ lấy ở đâu? Ngày thứ tư, 23 tháng 5 năm 1492, tại nhà thờ Thánh George ở Palos, đã công bố lời tuyên cáo ngày 30 tháng 4 của Hoàng gia. Có mặt tại buổi lễ long trọng này, ngoài Colombo và cha Pérez, là hai thị trưởng, ba ủy viên hội đồng, viên công chứng thành phố và đông đảo dân chúng. Colombo đã trao cho chính quyền bức thư của Vua và Hoàng hậu, được viên công chứng đọc to lên. Vua và Hoàng hậu cử Colombo làm chỉ huy đội tàu, gồm ba chiếc, sẽ đi tới những phần nhất định của biển Đại dương.

Để chuẩn bị cho chuyến đi này, những công dân Palos được yêu cầu cung cấp cho Colombo hai thuyền, trang bị đầy đủ người và đồ tiếp tế. Những người Palenan sẽ làm việc cho Vua và Hoàng hậu trên những chiếc thuyền trong hai tháng, tuân theo mệnh lệnh của viên thuyền trưởng. Như thế là thành phố đã trả được món phạt.

Colombo có được một mệnh lệnh khác nữa của Hoàng gia, lệnh này ân xá, hay đúng hơn hoãn việc xét xử, hay kết án, đối với những

tội nhân ký tên đồng ý xin đi thám hiểm. Nói cách khác, Colombo có thể chở những người phạm tội, những người bị kết án tù, hay tử hình, và ông đã làm như thế. Nhưng có bao nhiêu người? Trái với truyền thống, việc nghiên cứu thận trọng những tài liệu đang tồn tại chỉ rõ chỉ có bốn. Để tuyển dụng những người khác, Colombo có một con chủ bài hiệu quả nhất được dự trữ trong tay áo: Juan de la Cosa, người chủ chiếc tàu Gallega, được đặt tên lại là *Santa Maria*, chiếc tàu này sẽ là chiếc quan trọng nhất trong đội tàu. Juan sẽ lái tàu như một ông chủ. Colombo đã biết Juan từ khi ông là khách của công tước Medinaceli năm 1488 và 1489. Khi công tước quyết định tài trợ cho sự nghiệp thám hiểm, Juan có lẽ đã muốn tham gia vào công cuộc đó với Colombo. Bây giờ với hai chiếc thuyền do những người Palenan trang bị, thêm chiếc tàu *Santa Maria* đã giải quyết những lo lắng của Colombo về việc chuẩn bị đội tàu, Juan de la Cosa đã mang theo một số thủy thủ với ông nhưng chúng ta không biết những thủy thủ ấy có đủ để điều khiển chiếc tàu của ông hay không, chưa nói đến hai chiếc tàu khác.

Lúc đó Colombo có ba tàu: một chiếc *nao* và hai tàu nhỏ có buồm. Ông có một người chủ tàu và một phần thủy thủ cho chiếc *nao*; những người của Juan de la Cosa và bốn phạm nhân. Colombo có một chỉ huy cho đội tàu, người thủ trưởng hành chính mà trách nhiệm chính là nước uống. Ở cương vị này, một cương vị tế nhị nhất, Colombo đặt một người ông tin cẩn tuyệt đối: anh em họ của Beatrice: Enriquez Diego de Arana thuộc Córdoba. Colombo vẫn cần những thủy thủ và thuyền trưởng cho hai chiếc thuyền buồm. Ông cần ít nhất sáu mươi người có kinh nghiệm hơn, một số người trong đó là những chuyên gia, và không một ai tình nguyện cả. Vì Colombo là một người nước ngoài, một anh chàng bình thường, một người mơ mộng nghèo và lầm lạc, dốc tâm làm một việc không thể thực hiện được. Những người Palenans không biết gì về kỹ năng đi biển của ông. Họ chỉ thấy ông trên đất khô. Con người bần cùng này, được bảo vệ bởi sự bảo trợ của những thầy tu hành khất ở La Rabida, có thể bảo đảm gì cho những thủy thủ lão luyện? Không, và do đó mọi người đều từ chối lái tàu với ông. Những thủy thủ Palos và Mogue nhất định không phải là những kẻ hèn nhát. Ngược lại, họ đã tỏ ra có bản lĩnh mạnh mẽ và lòng dũng cảm trong những chuyến đi

nguy hiểm đến Guinée và trong những trận thủy chiến với những tàu cướp biển Saracen và vài người Bồ Đào Nha lảng giềng. Nhưng sự nghiệp đường biển được đề nghị với họ thì hoàn toàn khác; đó là một “cuộc mạo hiểm mới chưa từng được biết đến”, “một cuộc du hành trước đây chưa từng làm thử”. Và vì như Mosen Diego de Valera nói với Vua và Hoàng hậu, “những cuộc hành trình trên biển luôn luôn bất trắc nhất”, điều mà Colombo đề nghị hoàn toàn là táo bạo.

Đứng trước những thủy thủ miền cực nam Tây Ban Nha cứng đầu cứng cổ và miễn cưỡng Colombo buộc phải dựa vào triều đình. Đó là những ngày đắng cay đối với ông. May mắn là ông có bên cạnh mình một người bạn lớn và người bảo vệ cố tri: Cha Antonio Marchena. Tại Palos, Marchena được mọi người biết, kính trọng và yêu mến. Trong công việc khó khăn về tuyển thủy thủ này, vị giáo sĩ hành khát kiêm nhà thiên văn, đã hơn một lần là con người phù hợp đúng lúc, vì ông có tình thân hữu mạnh mẽ nhất với một trong những thuyền trưởng giỏi nhất Palos, Martin Alonso Pinzón. Cũng như Colombo, Pinzón đã đi biển từ hồi còn trẻ, vươn lên hoa tiêu, rồi thuyền trưởng. Ông đã đi thuyền trong Địa Trung Hải tới nước Ý và từ Đại Tây Dương tới quần đảo Canaria và Guinée. Trong cuộc chiến tranh với Bồ Đào Nha ông ta đã xử sự một cách dũng cảm và biểu thị kỹ năng về đi biển. Pinzón đã tích lũy của cải, sở hữu một chiếc tàu và thuê một hay hai chiếc tàu khác.

Sau này con trai của Pinzón cho rằng Martin Alonso Pinzón đã được biết tại Roma về những vùng đất “chưa được phát hiện”, thông qua một người bạn là nhà vũ trụ học tại Vatican. Khi Cha Marchena nói với Colombo về Pinzón, ông ta đã chỉ rõ rằng Pinzón lúc đó đang ở Roma. Tuy nhiên, Pinzón đến đây không phải để nghiên cứu những tài liệu về đi biển, hoặc về sự phát hiện, mà là để dỡ những thùng cá sardine. Điều đó không phải để nói rằng Pinzón không phải là một nhân vật chủ chốt trong giai đoạn mở đầu của việc chuẩn bị cho cuộc phát hiện. Ngay khi Pinzón từ Roma trở về Palos, Cha Marchena đã thăm ông, nói với ông về sự nghiệp thám hiểm và để ông tiếp xúc với Colombo.

Trái với những gì ông giữ lại với những người khác, Colombo đã không giấu Pinzón mục tiêu của cuộc hành trình trên Đại dương: Ấn

Độ của Đại Khan. Để tranh thủ người Palenan có khả năng kia vào sự nghiệp này, Colombo đã cho Pinzón xem những bức thư ông đã mang từ Santa Fe đến, quan trọng nhất là những quy ước và bức thư gửi các vua ở phương Đông. Tuy nhiên đối với Pinzón điều quan trọng hơn sự ủng hộ của Hoàng gia, là kinh nghiệm lớn lao của Colombo và ý thức lớn lao của ông về biển cả. Cuộc gặp gỡ giữa hai người là cuộc gặp gỡ giữa hai thủy thủ xuất sắc. Những số liệu, những đầu mối, những trực giác mà Colombo đã thu lượm được ở Băng Đảo, Ireland, các quần đảo Đại Tây Dương và Guinée có thể không đáng gì đối với các học giả trong triều, nhưng dứt khoát rất quý giá đối với Pinzón. Là một thủy thủ đã ở quần đảo Canaria và Guinée, ông ta có thể hiểu những thứ ấy và đánh giá tầm quan trọng của chúng.

Martin Alonso tin người ngoại quốc kia, vì ông lắng nghe; Martin nhận thấy rằng ông ta là một thủy thủ đặc biệt, vì vậy Martin tham gia vào. Ông đã nói với người anh là Vicente Yanez, cũng là một thủy thủ lành nghề, và thay mặt Colombo, trao cho Vicente Yanez việc chỉ huy một trong hai thuyền buồm. Vì Vicente tham gia sự nghiệp thám hiểm, hai anh em bắt đầu nhiệt tình tuyển thủy thủ. Lúc một mình, lúc cùng với Colombo, họ đã đi qua ba thành phố trong vùng Palos, Mogue và Huelva và để tìm thủy thủ, hoa tiêu, và những người khác trong hạm đội. Colombo, Martin Alonso và Vicente Yanez sẽ là ba thuyền trưởng của đội tàu, người thứ nhất sẽ là người chỉ huy tối cao trên chiếc *Santa Maria*, còn hai người em kia chỉ huy hai chiếc thuyền buồm.

Các nhà sử học phân tán ý kiến trong việc đánh giá Martin Alonso Pinzón. Say sưa vì chủ nghĩa dân tộc, người Tây Ban Nha có khuynh hướng đánh giá quá cao vai trò của người thuyền trưởng từ Palos, trong khi những người Ý thì lại có khuynh hướng hạ thấp vai trò đó. Những người vốn thường phê phán Colombo đã đi xa tới mức dồn hết uy tín cho Pinzón trong công cuộc thám hiểm này, trong khi những người khác coi Pinzón là một lực lượng về cơ bản là tiêu cực. Cuộc tranh cãi trầm trọng hơn, bởi có thể vì những đánh giá khác nhau về thái độ của Pinzón trên đường về, sau cuộc hành trình, Pinzón là một nhân vật chủ chốt. Không ai có thể tranh luận điều đó. Từ cuộc gặp giữa hai thủy thủ, nảy ra giải pháp cho vấn đề cuối

cùng, nằm trong phương pháp thực hiện kế hoạch lớn sinh ra trên biển, trên Đại Dương. Giải pháp cho cản trở lớn cuối cùng để thực hiện kế hoạch lớn ấy là từ nỗi sợ cảm về biển của hai thủy thủ vĩ đại này.

GOMERA: NƠI SINH RA CHÂU MỸ

Chiếc *Santa Maria* và hai chiếc thuyền buồm rời Palos từ năm đến sáu giờ sáng ngày thứ sáu, 3 tháng 8 năm 1492. Có khoảng chín mươi người trên thuyền: tám mươi tư người Tây Ban Nha, hầu hết là dân miền Cực Nam Tây Ban Nha, nhưng cũng gồm cả những người ở Tây-Bắc và Đông-Bắc nước này, một vài người Basque (miền Cực Bắc Tây Ban Nha), một người da đen từ quần đảo Canaria, hai người Genova (Colombo và Jacome el Rico); một ; một người Venezia; một người ở Calabria Tây Nam nước Ý; và một người Bồ Đào Nha. Những hoa tiêu không nghi ngờ gì về hướng đi, vì lệnh của Colombo đơn giản: đi tới quần đảo Canaria.

Colombo đã chọn Gomera ở quần đảo Canaria làm điểm xuất phát để vượt Đại Tây Dương. Có nhiều lý do để lựa chọn nơi này. Lý do thứ nhất là lý do địa lý. Vịnh San Sebastian tuyệt vời - thủ phủ của đảo Gomera - là hải cảng tốt cuối cùng của thế giới mà người ta đã biết, trên một vĩ tuyến đủ xa để lợi dụng gió xích đạo. Xa hơn nữa ở phía nam là những đảo Cape Verde, do Bồ Đào Nha sở hữu nên không thành vấn đề. Phía tây Gomera là hai đảo nữa, đảo La Palma và đảo Hierro (Ferro). Nhưng người Tây Ban Nha chưa chiếm được đảo Palma, và đảo Hierro không có cảng tốt và điều kiện cung cấp chắc chắn.

Nhu cầu cung cấp là lý do thứ hai khiến Colombo chọn Gomera, và nhu cầu ấy có thể tóm lược trong ba chữ: nước, thịt và gỗ. Gomera có nhiều nước, nhiều hơn ngày nay. Khe núi tận cùng trên bãi biển San Sebastian có một con sông, ngày nay thỉnh thoảng khô, nhưng lúc đó mang nước ngọt suốt năm, từ suối Bosco di Cedro [\[*\]](#), chảy giữa những ngôi nhà của thành phố nhỏ nhắn đó, dưới chân tường của pháo đài và đi xuống biển. Nước ngọt và trong cũng được lấy lên từ nhiều giếng; một trong những giếng mà những thủy thủ của

Colombo lấy nước lên vào chiều tối ngày 5 tháng 9 trước khi bắt đầu cuộc vượt biển lớn, ngày nay vẫn cho khách du lịch đến xem.

Đồng cỏ chăn nuôi trên đảo Gomera tốt. Trước khi người Tây Ban Nha đến đảo này, dê, lợn, thỏ cung cấp thịt quay hảo hạng cho thổ dân Guanche. Người bản địa còn quay cả chó, thien và nuôi để ăn thịt. Không phải chó đã làm cho Colombo và những thủy thủ Tây Ban Nha của ông quan tâm mà là dê và lợn, những động vật này đã được đưa vào đảo với những số lượng lớn. Một số dê hoặc lợn sống, có thể đã được đưa lên thuyền để ăn trong cuộc hành trình, nhưng hầu hết đồ tiếp tế là thịt đã làm rồi, vì người ta thấy thịt chất lượng cao ở Gomera, tại đây thịt đã được muối. Những tàu từ bán đảo Iberia đến, thường được cung cấp thực phẩm tại đây và khởi hành, từ tám đến mười ngày sau trở lại.

Về gỗ, Gomera có nhiều thông, chưa kể một số rừng nhỏ gỗ sồi tốt nhất quần đảo Canaria. Gỗ sồi là một trong những loại củi tốt nhất. Colombo đã biết rất rõ điều đó. Ông của Colombo đã dạy ông điều đó tại ngôi nhà ở Quinto. Ông của Colombo rất quen với những cây sồi ở núi Caucaso, ngay đằng sau làng Mocónesi ở Liguria. Củi tốt là điều cốt yếu cho việc vượt Đại Tây Dương, vì một khi chiếc tàu bắt đầu cuộc hành trình ra biển, nó luôn giữ một ngọn lửa cháy ở đuôi tàu để tránh phải dùng bật lửa luôn, một việc làm không dễ khi sóng quét lên boong tàu và phun bụi nước ra khắp nơi. Lửa dùng để phát ra tín hiệu khi tàu đang chạy như Colombo thường làm. Ở đuôi tàu treo một đèn hiệu, trong đó các thủy thủ đốt khói ban ngày và lửa ban đêm, dùng vài bạt ẩm và đuốc dầu nhựa thông. Những số lượng khác nhau về lửa và khói chỉ rõ những mệnh lệnh chỉ huy khác nhau: đổi hướng, hạ hoặc giảm buồm, đến gần tàu Đô đốc để nhận lệnh bằng lời nói, vân vân... Có được nhựa thông tốt để làm đuốc và gỗ sồi để giữ lửa trong đèn hiệu là điều quan trọng. Trên đảo Gomera, Colombo thấy cả hai.

Gomera không những cho một hải cảng tuyệt nhất, có nước, gỗ và thức ăn, mà còn có cả bà Beatrice di Bobadilla xinh đẹp, vợ góa của Thống đốc Hernán de Peraza, bị những người Guanche giết năm 1488. Theo Michele da Cuneo, người bạn từ hồi còn niên thiếu của Colombo, cùng đi với ông trong chuyến du hành thứ hai, Colombo “bị khơi lên tình yêu” đối với bà Beatrice này. Đây là trường

hợp duy nhất đề cập đến tình cảm yêu đương của con người Genova này trong những bài viết dài và phức tạp về những chuyến đi phát kiến. Cuneo, một nhà biên niên sử dễ thương, không viết dài về chủ đề này. Ông chỉ đơn thuần thuật lại việc đó. Có lý do gì mà ông lại phải kể những câu chuyện tán gẫu không có thực? Có lẽ người ta có thể coi câu chuyện là phóng đại và Cuneo đã giải thích sự tương đắc bình thường và trao đổi lời lẽ lịch sự kia là chuyện tán tỉnh yêu đương lãng mạn. Nhưng Beatrice không phải là người phụ nữ chỉ dừng lại ở sự tương đắc và trao đổi lịch sự. Tính tình và cuộc đời phiêu lưu của bà chỉ rõ Cuneo là một nhà biên niên sử trung thành và đáng tin cậy.

Nhà phát kiến tương lai không thể gọi là một người lãng nhãng chim chuột. Hoàn toàn ngược lại. Sự ý tứ khi ông viết thư cho Hoàng hậu Isabella ngoan đạo có thể gán cho ông chủ nghĩa cơ hội, nhưng ông đã dùng cùng một phong cách viết như thế ở bất cứ chỗ nào, vì phong cách rõ ràng của Colombo đã thể hiện cả trong những bức thư khác của ông mà Colombo là một người quan sát thận trọng những hiện tượng tự nhiên và do đó cả về phụ nữ và những quan hệ giới tính. Colombo đã tỏ ra có sức quyến rũ đặc biệt khiến cho ông được cả sự tôn trọng lẫn tình yêu sâu sắc, cũng như lòng căm thù và oán hận sâu sắc. Sự hấp dẫn của ông đã gây ấn tượng cho Isabella vĩ đại mà không khơi lên tình cảm yêu đương thực sự, vì bà chỉ tha thiết yêu chồng bà. Nhưng Beatrice di Bobadilla không chia sẻ quan hệ một vợ một chồng và đạo đức của Isabella. Lịch sử không thể chứng minh hay phủ nhận khả năng rằng tình yêu giữa Beatrice và Colombo bắt đầu sớm hơn nhiều, khi ông cố xoay chuyển giấc mộng của ông đến phương Đông bằng cách đi thuyền về hướng Tây thực sự thành một công trình.

Dù sao chăng nữa, không cần so sánh Beatrice với Didone, hoặc mụ phù thủy Circe. Sự bận tâm của Colombo về dự án của ông mạnh mẽ hơn bất cứ sự say đắm lãng mạn nào, vì Colombo thành thật một cách sâu sắc và ngoan đạo một cách thành thật, hầu như ông dốc hết lòng thành một cách huyền bí cho Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Francesco. Ông luôn luôn tìm cách bẻ cong mọi lý luận, mọi kế hoạch, dù ông không luôn luôn thành công - để thờ Chúa, phổ biến lòng tin và thắng lợi của Thiên chúa giáo. Về phía mình, Beatrice

không phải là một phụ nữ yêu điên cuồng, giống như Didone, không giống Circe, bà không có ý định ngăn cản một sự nghiệp thuộc lợi ích đặc biệt đối với quê hương Tây Ban Nha của bà cũng như đối với Rivarolo, một gia đình Genova giàu có ở Seviglia và quần đảo Canaria, mà bà liên hệ chặt chẽ trong công việc kinh doanh. Ngoài ra, sau khi Colombo rời đi vẫn còn những “con người danh dự” - như Colombo gọi họ trong *Nhật ký* - để bà tự an ủi.

Những “người danh dự” này, sống trên đảo Hierro và gặp ông trên đảo Gomera với Dona Peraza, bảo đảm với Colombo rằng “hàng năm họ trông thấy đất liền ở phía tây quần đảo Canaria và những người dân khác của đảo Gomera cũng thế như vậy”. Colombo đã nghe thấy nhiều câu chuyện như thế không những ở quần đảo Canaria mà ở cả quần đảo Madera và Porto Santo, trên quần đảo Azzorre và Ireland, đến mức ông cho câu chuyện đó là ít quan trọng. Tuy nhiên ông ghi lại những tin như thế trong *Nhật ký* vì ông dùng tin tức đó để cho các thủy thủ niềm hy vọng và sự đảm bảo. Điều đó càng hữu ích vì ngọn lửa bùng lên từ ngọn Teide đã làm lan tỏa nỗi sợ hãi mê tín trong số những người của ông.

Vào ngày 4 và 5 tháng 9, chiếc *Santa Maria*, *Pinta* và *Nina* nhận được cung cấp số lượng đáng kể thịt muối. Những đồng gỗ thông và sồi được chất lên mọi xó xỉnh. Những thùng chứa đầy nước. Tất cả đã sẵn sàng. Rạng đông ngày thứ năm, 6 tháng 9 thuyền trưởng Colombo dự lễ Misa tại nhà thờ Đức Mẹ, lên tàu và ra lệnh gióng buồm. Như vậy cuộc hành trình phát kiến vĩ đại bắt đầu. Gomera, hòn đảo trong quần đảo Canaria có thể tuyên bố một cách chính đáng là “Dạ con sinh ra châu Mỹ”.

16

CUỘC VƯỢT ĐẠI DƯƠNG LẦN THỨ NHẤT

Cuộc vượt Đại Tây Dương bắt đầu ngày 9 tháng 9, khi Colombo đi qua những vùng đất đã biết lần cuối cùng, và kết thúc ngày 12 tháng 10. Trước đó đã có những cuộc thám hiểm của người Scandinave ở miền Bắc, nhưng ở những vĩ tuyến cao hơn thì con đường ngắn hơn nhiều. Đã có những cuộc thám hiểm khác về phía nam không? Do những người Công giáo thực hiện - Ireland, Genova, Catalan, Bồ Đào Nha? Do những người Fenici hay những người Ai Cập? Nhiều người nói về những cuộc thám hiểm đó, những học giả, những nhà thám hiểm và nhất là buồn thay những kẻ tài tử, mỗi năm người ta đưa ra một lý thuyết mới nào đó hoặc một lý thuyết cũ nào đó, được sống lại. Nhưng có quan trọng gì? Bất cứ cuộc phát hiện nào không truyền lại cho những người khác thì cũng mất đi trong lịch sử, và như vậy việc Colombo vượt Đại Dương là sự kiện có tính quyết định, độc đáo dẫn đến cuộc phát kiến vĩ đại nhất trong lịch sử.

Tuy nhiên đó không phải là một cuộc du hành khó khăn mệt nhọc nhất, bị kịch nhất. Quả thật, những khổ cực khác chờ đợi Colombo, từ khi ông trở về sau chuyến đi thứ nhất đến những thử thách trong vùng biển Caribe trong chuyến đi thứ tư. Chỉ có trong truyền thuyết mới có nỗi sợ sệt chung về vùng biển Sargasso, sự khủng khiếp về sự chuyển động lạ lùng của chiếc la bàn tại vùng nghiêng từ tính và cuộc nổi loạn của thủy thủ thấy chuyến đi quá dài, tại một vùng biển không quen biết. Không một nhà sử học đáng tin cậy nào cố nặn ra tấn bi kịch. Những sự khác nhau trong các bản tường thuật của họ chỉ hạn chế ở chỗ nhấn mạnh ít hay nhiều về những sự kiện thực tế đã diễn ra và từ đó truyền thuyết đã tạo ra

những huyền thoại mang đầy kịch tính. Những thực tế cần được xem xét là:

- Tàu đi vào biển Sargasso ngày 16 tháng 9 và rời biển này ngày 17 tháng 10^[*].
- Ngày 17 tháng 9 người ta thấy kim la bàn lệch về hướng tây, dấu hiệu về việc này được nói đến lần đầu tiên trong *Nhật ký* ngày 13 tháng 9.
- Cuộc hành trình trên vùng biển chưa được quen biết hình như vô tận.

Tảo biển có những bong bóng chứa khí và những hình lá cuộn tròn. Những bong bóng giống như một quả cây, nhưng chứa đầy khí và nổi trên mặt nước. Tảo biển này, qua tác động của sóng và những dòng nước biển đã tụ lại tại một vùng rộng lớn ở Đại Tây Dương xấp xỉ từ 30° đến 75° Tây, 22° và 40° Bắc^[*]. Một hệ động vật phong phú sống trong tảo biển, có nhiều loại: sâu, loài tôm cua, loài nhuyễn thể, cá và vô số loài côn trùng. Thời cổ người ta đã biết biển Sargasso. Trong thế kỷ XIV và XV những thủy thủ đã mất công tìm những đảo Antilia (Bảy Thành phố), và Thánh Brendano đã nói về cỏ đại bao phủ biển ở phía Tây. Tảo biển này làm sống hy vọng rằng đất liền ở ngay gần, nhưng nó cũng gây ra lo lắng, sợ hãi và khủng khiếp.

Như vậy chắc chắn rằng trước khi xuất phát cuộc đi vĩ đại, ít nhất Colombo đã gián tiếp biết về hiện tượng khác thường này. Có lẽ ông cũng có kinh nghiệm trực tiếp về hiện tượng đó từ một số những chuyến đi trước. Ta cần nhớ rằng đảo Flores và đảo Corvo, những đảo xa nhất của quần đảo Azzorre, nằm ở quá 30° về phía Tây. Ngày 16 tháng 9, cách quần đảo Canaria khoảng chín trăm dặm ở 28° Bắc và 35° Tây, ba tàu đã đi vào những mảng tảo biển xanh nhất. Colombo viết thêm một cách thơ mộng rằng không khí ôn hòa như tháng 4 ở Andalusia và “nấm” không khí buổi sáng thì rất thú vị; cảnh đó chỉ thiếu tiếng hót của chim sơn ca. Ngày 17 tháng 9, tảo biển trở nên dày hơn, xuất hiện như một con sông. Người ta thấy một con “*cangrejo*” còn sống. Trong cuốn *Lịch sử* của ông, Alfonso Ulloa đã

dịch “*Cangrejo*” là “tôm”, nhưng đó là một sai lầm; đó là một loài cua phổ biến ở biển Sargasso.

Ngày 19 tháng 9, quả chì thăm dò được thả xuống với hai trăm sải đường dây thả ra, nhưng nó không chạm được đáy. Ngày 21 tháng 9, 28° Bắc và 48° Tây, tảo biển đọng lại đến nỗi “biển hầu như hoàn toàn cong lên”. Ngày 22 tháng 9, họ hầu như không trông thấy tảo, nhưng ngày hôm sau tảo lại “hoàn toàn dày đặc”. Ngày 26 tháng 9, “biển giống như một con sông và không khí thơm và hầu như ôn hòa”. Ngày 29 tháng 9, Colombo nhắc lại bài thơ trước đây của ông “không khí rất thơm ngon, nó không thiếu gì, ngoại trừ tiếng hót của con chim sơn ca”. Vẫn “còn nhiều tảo”. Lại nhiều tảo vào ngày 30 tháng 9 và 2 tháng 10, nhưng giờ đây nó đến từ phía đông và đi sang phía tây, ngược với con đường từ trước đến nay. Chuyển động này là do kết quả tác động của sóng, một dòng liên tục đã giới hạn tảo biển tới vùng rộng lớn của Đại Dương đã chỉ rõ ở trên. Ngày 3 tháng 10, tảo biển vẫn còn nhiều, nhưng một phần già, một phần còn rất tươi. Ngày 5 tháng 10, không có tảo biển. Nhưng ngày 8 tháng 10 một số tảo biển lại xuất hiện. Đây là lần cuối cùng người ta thấy tảo biển. Có lẽ ba tàu đã vượt qua 72° Tây. Như vậy cản trở biển Sargasso đã được vượt qua mà không xảy ra chuyện bi đát nào. Colombo là người đầu tiên vượt qua biển này.

Trái với hiện tượng tảo biển, hiện tượng độ từ thiên sang phía tây là hoàn toàn mới lạ và chưa ai từng thấy. Hiện tượng từ thiên là do một kim nhiễm chệch sang phía đông, hay phía tây, hình thành dưới ảnh hưởng của từ trường trái đất với đường thẳng lý tưởng từ tâm của kim đến cực thiên văn. Góc này thay đổi từ nơi này đến nơi khác. Ít lâu nay người ta đã biết độ từ thiên sang phía đông, nhất là ở Địa Trung Hải. Nhưng cho đến ngày 13 tháng 9 năm 1492 người ta chưa biết có trường hợp nào ghi lại độ từ thiên sang phía tây. Hôm đó khi màn đêm buông xuống, Colombo thấy kim từ lệch về phía tây sao Bắc Đẩu, trong khi vào buổi sáng, những kim ấy còn lệch về phía đông. Ông đã viết trong *Nhật ký*: “Hôm nay vào lúc trời bắt đầu tối, các kim từ quay về tây bắc, và buổi sáng chúng lại quay cùng một khoảng về phía đông bắc”.

Cần nhớ rằng trong chuyển động biểu kiến hàng ngày sao Bắc Đẩu vẽ thành một vòng tròn quanh thiên trục. Năm 1492 dường như

có chuyển dịch khoảng $3^{\circ}27'$ (ngày nay ít hơn). Vào lúc mặt trời lặn ngày 17 tháng 9 việc chuyển dịch về bên phải của cực, cộng với độ từ thiên sang hướng tây, nhưng kim từ đã lệch mạnh về phía trái. Thủy thủ không nói gì, nhưng họ rất lo lắng. Họ rất cần được làm yên lòng và Colombo đã làm việc đó bằng cách giải thích cho họ một cách khéo léo. Colombo biết vòng tròn nhỏ do sao cực vẽ nên, trong khi hầu hết các hoa tiêu khác không ai biết điều đó. Colombo tập hợp họ lại và chỉ rõ độ chênh lệch vào lúc rạng đông. Khi sao Bắc Đẩu chuyển về bên trái và vì vậy độ chênh của những kim từ giảm đi mặc dù vẫn còn lệch. Tổng thuyền trưởng Colombo nói rằng những kim từ chỉ chuyển dịch hướng theo sao Bắc Đẩu. Sao Bắc Đẩu di chuyển thì những kim từ vẫn giữ khả năng chỉ hướng.

Nhật ký cho biết rằng Colombo đã ra lệnh cho các hoa tiêu lặp lại việc quan sát vào lúc hừng sáng và đi về hướng bắc, họ thấy các kim chuyển động tốt. Thế là đám thủy thủ hiểu rằng sở dĩ có độ lệch của kim không phải vì kim chuyển động mà vì sao Bắc Đẩu chuyển động. Colombo không tin những lập luận như thế, trong thực tế ông tiếp tục quan sát một cách cẩn thận những độ lệch của kim la bàn, thay đổi hướng đi một phần để giữ nguyên cái góc khó hiểu này. Mỗi ngày độ lệch về bên trái của những kim từ càng lớn. Ngày 30 tháng 10 có lẽ đội tàu đã ở hướng thiên lệch bảy độ về phía tây, đến chiều tối các kim lệch một điểm về phía tây. Góc này cộng với bảy độ từ thiên cho tổng số dưới một điểm một chút ($11\frac{1}{4}^{\circ}$). Vào lúc bình minh quan sát thấy những kim “chỉ đúng hướng sao Bắc Đẩu”; trong khi đó sao Bắc Đẩu đã chuyển về hướng tây của thiên cực và góc ban đầu $11\frac{1}{4}^{\circ}$ đáng lẽ đã phải giảm đi, dù không mất hẳn. Colombo khẳng định rằng “từ hiện tượng này rõ ràng sao Bắc Đẩu cũng di chuyển như các sao khác và các kim luôn luôn nói lên sự thật”. Có phải niềm lạc quan đã làm ông tin rằng ông đang đề cập đến một hiện tượng tự nhiên, hay là lòng tin không lay chuyển của ông vào thành công đã hỗ trợ ông? Cả hai lý do đều là câu trả lời, chứng cứ về hai mặt đối lập trong nhân cách của ông, một nhà phát kiến, vừa khó hiểu vừa hấp dẫn.

Tảo biển cũng như độ từ thiên đều không ảnh hưởng một cách có ý nghĩa đến cuộc vượt biển lớn. Ngược lại mối lo âu lớn nhất là từ chiều dài của cuộc hành trình, mối lo này tăng thêm do sức đẩy liên tục của gió xích đạo từ đông sang tây; mọi người trên thuyền

không biết trước nên lo lắng ngày càng tăng về khả năng có thể quay trở về. Thủy thủ không biết kế hoạch của tổng thuyền trưởng. Colombo đa nghi, đã luôn luôn cẩn thận tránh tiết lộ những kế hoạch ấy. Ông tránh không nói rằng chính vì gió thổi không ngừng từ hướng Đông-Bắc, ông đã chọn hướng đi một lộ trình khác tại vùng gió thay đổi để trở về. Mọi người trên thuyền đặc biệt sợ gió luôn luôn không đổi hướng làm mất khả năng trở về, họ còn có tâm lý phải đi đến một miền không biết, điều này cũng luôn luôn tạo ra nỗi sợ hãi; cuộc đi càng kéo dài sự sợ hãi càng lớn.

Colombo đã thấy trước cả hai nỗi lo đó. Đối với nỗi lo thứ nhất, sự may mắn đã giúp ông vì ông đã luôn luôn giữ được đội thuyền ở trong giới hạn gió xích đạo, và những giới hạn đó thì không tuyệt đối cố định mà thay đổi theo mùa. Gió ấy cũng không thổi một hướng từ mùa này sang mùa khác. Gió xích đạo tháng 9 và tháng 10 năm 1492 hóa ra đặc biệt thuận lợi. Xuất hiện bất ngờ luồng gió ngược lại (22 tháng 9) là sự may mắn thêm. Colombo viết: “Gió ngược rất thuận lợi cho tôi. Người của tôi vui vẻ và được cổ vũ vì luồng gió đó, vì họ cứ tưởng rằng ở những biển này không có gió thổi về Tây Ban Nha. “Ngày hôm sau một điều gì đó khác thường đã xảy ra: biển trở nên rất động, dù gió chưa nổi. Điều đó một mặt làm thủy thủ sợ hãi, mặt khác làm cho họ yên tâm vì trước đó, khi mặt biển luôn luôn phẳng lặng, họ lầm bầm rằng vì không bao giờ biển có sóng nên “sẽ không có gió để trở về châu Âu”.

Cuối cùng Colombo may mắn khi tới 70° Tây, Colombo liền đi về phía bắc của ranh giới phía trên của gió xích đạo. Vào lúc đó một đàn chim bay đã làm ông thay đổi hướng đi về phía tây-nam. Colombo rời Gomera ở 28° Bắc. Ngày chủ nhật, 7 tháng 10, Colombo đã thấy mình ở kinh tuyến 67° Tây, vĩ tuyến 26° Bắc. Ông đã đi xuống phía nam hai độ, nhờ có gió đông - bắc; mặc dù hướng đi là về phía tây, gió đã đẩy mạnh ông về hướng tây-nam. Lúc rạng đông ngày hôm đó, thủy thủ của chiếc thuyền *Nina* đã giương cờ, tin rằng họ đã trông thấy đất liền. Tin báo không đúng, đất liền không xuất hiện ngày hôm đó, hay tối hôm đó. Tuy nhiên, rất nhiều đàn chim đã xuất hiện, chúng đang bay từ phương bắc đến tây-nam, như vậy người ta có thể dễ dàng tin rằng chúng đang bay đi ngủ trên đất liền khô ráo, hay có lẽ đang trốn mùa đông; mùa đông có thể đang xuống những vùng đất chúng

đã rời khỏi. Như vậy viên Đô Đốc đã đồng ý rời bỏ hướng tây và quay hướng tây- tây nam, với ý định bám lấy hướng mới này trong vài ngày.

Với sự thay đổi hướng, đoàn thuyền đã đi bốn ngày tới 24° Bắc. Như vậy họ ở trong phạm vi gió xích đạo và đã đi vào biển thuộc quần đảo Bahamas trước đó.

Về nỗi lo sợ chung hơn và nghiêm trọng về cuộc hành trình dài đi về miền đất không biết, Colombo đã nghĩ về nó trước khi khởi hành. Ngày mà Hierro biến đi khỏi chân trời, ông viết trong *Nhật ký*: “Ngày đó chúng tôi đã đi 15 dặm (9 tháng 9) và tôi đã quyết định nói ít hơn là đoạn đường chúng tôi đã đi được, để nếu cuộc hành trình còn dài đoàn thủy thủ sẽ không sợ, hoặc mất tinh thần”. Những ngày và tuần lễ qua đi, bản *Nhật ký* nhắc đi, nhắc lại điệp khúc này; Colombo viết đến hai mươi năm lần rằng số ghi trong *Nhật ký* hoa tiêu thực ra ít hơn số đã đi được.

Ông cho đoàn tàu còn phải đi bao nhiêu dặm nữa?

Colombo có hai điểm làm căn cứ: Cipango (Nhật Bản) mà theo ông cách quần đảo Canaria 2.400 dặm, Quinsay (Hàng Châu), một thành phố của Cataio (Trung Quốc) mà ông cho là ở cách xa 3.550 dặm^[*]. Rồi đến ngày thứ ba, 25 tháng 9, đoàn tàu đã đi được 2.400 dặm. Theo tính toán của Colombo (chúng ta sẽ xem chính xác hay không chính xác như thế nào), đó là khoảng cách dự tính giữa Canaria và Cipango. Cùng ngày hôm đó Martin Alonso Pinzón từ đuôi tàu *Pinta*, đã hét lên với viên Tổng thuyền trưởng: “Thưa ngài! Đất liền! Đất liền!” Nhiều người tin họ đã trông thấy đất liền. Nhưng họ đã nhầm!

Ngày 3 tháng 10, Colombo nói một cách rõ ràng rằng, trong tuần qua ông trông thấy nhiều dấu hiệu về đất liền cũng như trong những ngày này”. Tuy nhiên ông nói thêm rằng, họ không phải đổi hướng tàu, biết rằng có những đảo ở gần đấy. Mục tiêu của ông là tới những đảo Ấn Độ và “đi chậm chạp là đại đột”. Ở đây *Nhật ký* có vẻ như tranh luận về những mối lo ngại của thủy thủ. Nhưng từ ngày 5 đến 6 tháng 10, chắc hẳn mối lo lắng đã ảnh hưởng đến viên Tổng thuyền trưởng. Ông nghĩ rằng họ đã đi 913 hải lý (3.652 dặm), dài hơn

khoảng cách ông đã tính từ Canaria đến Cataio, tức là đến lục địa châu Á, 100 dặm.

Và người ta chưa trông thấy đất liền. Những ngày lo lắng đã qua đi, những ngày cuối cùng của cuộc vượt biển, nhưng chưa đủ ngày để sự căng thẳng trên tàu trở thành một tấn bi kịch. Tôi tin rằng tấn bi kịch thật sự không bao giờ ở đó; đó chỉ là truyền thuyết. Về chứng cứ từ những nguồn nguyên thủy, cuốn *Nhật ký* chỉ nói về sự càu nhàu và phản đối, chưa bao giờ nói đến bạo động, hay những cuộc nổi loạn thực sự. Chuyển đi biển quan trọng nhất trong lịch sử đã qua những biển yên tĩnh nhất của tám cuộc vượt Đại Tây Dương của Colombo. Trừ một ít giờ ngày 23 tháng 9, Đại Dương chưa bao giờ nổi sóng, dữ tợn hoặc tối đen. Những con tàu lướt nhẹ trên mặt nước luôn luôn phẳng lặng như “dòng sông ở Seviglia”. Rồi chính ngày cuối cùng, “biển đầy sóng gió, nhiều sóng gió hơn họ thấy trong suốt cuộc hành trình”. Những làn sóng bao phủ đuôi tàu, tăng sức đẩy đi tới đích. Lịch sử mà gần như truyền thuyết: hình như có một bàn tay tiên đã hướng dẫn những con tàu.

17

SAN SALVADOR: CUỘC KỲ NGỘ ĐẦU TIÊN

Một đốm sáng yếu ớt trong đêm tối đã chỉ rõ đất liền do đàn chim bay gợi ý trước. Chiều tối ngày thứ năm, 11 tháng 10, Colombo đứng trên chòi đuôi tàu, hơi cao hơn mũi tàu và từ đó, 10 giờ đêm, một giờ trước khi trăng mọc, Colombo đã trông thấy, hay nghĩ rằng ông đã trông thấy, một đốm sáng trong đêm tối, giống như một ngọn nến sáp nhỏ nhấp nhô như ông viết trong *Nhật ký*. Colombo bảo Pedro Gutiérrez nhìn và Gutiérrez cũng trông thấy ánh sáng, còn Pedro Sanchez de Segovia không trông thấy gì từ chỗ ông đứng. Sau cuộc bàn bạc lịch sử này, tia sáng xuất hiện một hoặc hai lần rồi không trông thấy nữa.

Người ta đã nói, viết và in những bình luận, nhận xét, giải thích và tranh luận về ánh sáng này. Người ta đã gợi ý rằng toàn bộ sự kiện này là bịa đặt, đó hoàn toàn là sự dối trá. Colombo đã viết về việc trông thấy ánh sáng sau khi phát hiện ra đất liền. Mục ghi chép ngày 11 và 12 tháng 10 không tách rời nhau trong *Nhật ký*; vì vậy có sự nghi ngờ cho rằng Colombo đã bịa ra sự kiện này để đạt được danh vọng là người đầu tiên trông thấy đất liền, cũng như được khoản trợ cấp mười nghìn maravedis^[4] hứa cho bất cứ ai phát hiện ra đất liền.

Sự nghi ngờ này không thể dễ dàng bác bỏ. Chỉ có những người điên và những kẻ chê bai thiên vị mới phủ nhận thiên tài về biển cả của con người vĩ đại ở Genova. Huyền thoại tương ứng với thực tế trong lĩnh vực này. Nhưng hoàn toàn không đúng thực tế là huyền thoại tạo ra bởi những người muốn gán cho ông tất cả những đức tính và đồng thời không thừa nhận một thiếu sót nhỏ nhất nào của ông. Những sự kiện sau này khẳng định Colombo rất có thể bịa

ra những sự giả dối mà nhiều nhà sử học gán cho ông. Tuy nhiên có một chuyện đặc biệt làm cho người ta càng tin sự kiện thực tế đã xảy ra: nhiều thủy thủ khác có nhìn thấy hiện tượng, một người trong số đó được nêu đích danh. Hình như Colombo đã lường trước những nghi ngờ và thận trọng nêu những chứng cứ thích hợp trong *Nhật Ký*. Nếu đó không phải là dối trá thì đó có thể là ảo giác không? Giải thích đó đã bị loại trừ sau khi thực hiện những thí nghiệm trên hiện trường. Những thí nghiệm ấy cũng loại trừ cả khả năng ánh sáng đó là từ một ngọn đuốc, ánh sáng duy nhất mà người bản xứ dùng.

Chỉ còn khả năng đó là một đồng lửa vì khoảng cách nên giống như một ngọn đuốc. Ruth Durlacher Wolper và tác giả sách này đã làm thí nghiệm trực tiếp và có thể khẳng định rằng sự kiện Colombo miêu tả có thể xảy ra. Tại một khoảng cách hai mươi bảy dặm biển, đúng trong điều kiện ánh trăng và khả năng có thể nhìn thấy được như những điều kiện lúc mười giờ tối 11 tháng 10 năm 1492, những đồng lửa đốt lên vách đá nhìn từ những tàu của Colombo là có thể trông thấy được.

Tại sao những người dân sống ở San Salvador đốt lửa? Câu trả lời đơn giản. Tháng mười mùa mưa kết thúc. Hồ và ao đầy nước, những côn trùng, nhất là ruồi cát nhiều không thể chịu được. Để giữ cho chúng không vào nhà “người Ấn Độ” đã đốt những đám lửa lớn về ban đêm ở trước những túp lều của họ - Colombo gọi họ như vậy vì nghĩ rằng ông ta đã tới những hòn đảo ngoài khơi Ấn Độ. Những cuộc khai quật khảo cổ xác minh rõ làng mạc của người Indians nằm ở đằng trước những tàu của Colombo đến từ phía đông. Đó không phải là ánh sáng siêu nhiên như người nào đó đã nói. Tuy nhiên sự kiện này bao hàm những ý thần bí và lãng mạn. Trước hết đàn chim bay, rồi một điểm sáng nhỏ. Thế giới Mới đã tự giới thiệu mình với những người của Thế giới Cũ như vậy.

Hai giờ sáng ngày 12 tháng 10, mặt trăng tuần cuối cùng ở vị trí tốt nhất để chiếu sáng bất cứ cái gì nằm trước những con tàu. Lúc này Juan Rodriguez Bermejo, từ đài cao ở mũi tàu của chiếc *Pinta*, đã nhìn thấy một cồn cát trắng, một cồn cát nữa nằm dịch về phía nam một ít, và ở giữa là một khối đá đen. Lần này không còn nghi ngờ gì nữa! Đất liền! Đúng là đất liền, cách thuyền buồm sáu dặm về phía trước, lúc đó thuyền ở $74^{\circ}20'$ Tây và $23^{\circ}57'$ Bắc. Đó là những

vách đá High Cay và Hinchinbrooke, rìa phía đông nam của đảo Guanahani, theo tên gọi của người Indians. Colombo đặt tên cho đảo đó là San Salvador. Đảo này dài 13 dặm và rộng 6 dặm, nằm ở 24° Bắc và 74°30 Tây và có diện tích bề mặt sáu mươi dặm vuông. Nó là một bộ phận của Khối Thịnh vượng chung Bahamas, một thành viên độc lập của khối thịnh vượng chung của Anh. Giống như những đảo Bahama, San Salvador là một đảo san hô và vì thế có mặt bằng.

Điều chưa từng biết khi đổ bộ trong cuộc phát kiến vĩ đại này là đá ngầm san hô ngăn cản bao quanh toàn bộ San Salvador. Colombo quen với san hô thật, loài *Corallium rubrum*, thấy ở Địa Trung Hải và quần đảo Canaria. Nước Cộng hòa Genova là một thị trường lớn, một trung tâm thu thập san hô từ những vùng biển gần cũng như xa, đồng thời gia công và bán san hô. Những vách cản san hô được gọi tên như thế do một sự bất ngờ về từ nguyên, vì trong tiếng Anh, từ Coral áp dụng cho tất cả những chất hữu cơ có vôi tạo ra những vách san hô và những đảo.

Không một thủy thủ nào trong Thế giới Công giáo trước thời Colombo biết hiện tượng khác thường này. Trong cuốn *Milione* Marco Polo cũng không nói đến hiện tượng này. Tuy nhiên theo cuốn *Nhật ký* thì hình như Colombo không nhận rõ tầm quan trọng của việc nhận biết hiện tượng đó. Ông chỉ đơn giản nhận xét rằng “*một vùng nông có đá ngầm vây quanh đảo*”. Ông không muốn mô tả dài dòng về biển, ông thích nói về đất liền và cư dân nhiều hơn, dù những kỳ quan của biển đó chắc chắn làm ông say mê.

Trong phạm vi vịnh san hô, nước ấm và trong, có một dải màu sắc từ màu xanh thẫm đến màu xanh lá cây có thể thay đổi như màu lá mùa xuân. Từ mặt nước những lùm cây được rậm rạp tiến ra biển; rễ cây chúi sâu dưới nước mặn và mặt cát tìm nước ngọt, một chất không thể thiếu để sống. Những nơi cây được không mọc và những khu vực nhiều màu sắc như vườn cây, những cây cọ và cây thân cao mọc sát ngay bờ biển, sóng vỗ nhẹ nhàng khi nước triều lên cao. Người châu Âu chưa từng biết hiện tượng cây và rừng tiếp xúc trực tiếp với biển. Colombo viết sự yên tĩnh của nước đã cho phép có sự tiếp xúc như thế, “giống như trong một cái giếng”. Sự yên tĩnh được bảo đảm bởi vịnh chắn san hô, trên đó sóng biển vỡ ra và trở nên yên lặng dưới tác động tiếp tục của bọt nước không ngừng biến động; sự

chuyển động, màu trắng và tiếng động của biển thì vô cùng đa dạng. Lúc đó Colombo không thực sự hiểu hiện tượng vĩa chắn, nhưng kỹ xảo đi biển của ông đã giúp ông hành động như đã hiểu.

Ngay khi Colombo chắc chắn rằng cuối cùng ở phía tây cũng có đất liền ngay trước mặt, cách khoảng sáu hải lý, ông ra lệnh cuốn buồm và đi chậm lại, hầu như không chuyển động cho đến rạng sáng. Bất cứ ai đã đi biển bằng thuyền buồm đều biết đến gần bờ trước gió thì khó khăn như thế nào, vì có nguy cơ đâm vào đá. Nhưng tại sao có đá xa đất liền như thế? Ít khi người ta thấy như vậy. Tuy nhiên có đá, mặc dù đó là một loại đá cho đến bây giờ những thủy thủ và những nhà địa lý chưa biết. Colombo đã cảm thấy sự nguy hiểm và ông đã dừng.

Dưới ánh sáng ban ngày ta không thể bỏ qua bọt trắng tung tóe do sóng đập vào những tảng đá. Giống như một cái khung của bức tranh, vĩa ngăn cách bao quanh toàn bộ đảo San Salvador. Ngoài khơi đảo High Cay. Hinchinbrooke Rocks và Low Cay - ba đảo đá nhỏ hình thành mũi phía đông nam của đảo San Salvador - vĩa san hô chạy song song với bờ biển, vỡ thành một hình quạt vuông góc với bờ biển, buộc những người đi biển phải đi vòng mũi đất ra biển và Colombo đã đi như thế. Đến gần bờ biển phía Tây, Colombo chợt thấy một khoảng trống trong vĩa san hô và ba chiếc tàu đi qua khoảng trống đó tới bờ biển.

Viên Đô đốc - lúc này Colombo đã đạt được danh hiệu ông đã từng thèm khát - đi vào bờ, trong chiếc thuyền có vũ trang cùng với hai người của Pinzón. Ông bước lên cát trắng mịn, hôn cát, ngược mắt nhìn lên trời, cảm ơn Chúa và khóc. Khóc vì xúc động và vui sướng. Các thuyền trưởng Genova và Tây Ban Nha cũng khóc trước một đám đông những đàn ông và đàn bà trần truồng và sợ hãi, - tiếng khóc đó đã tổng kết ý nghĩa nổi bật của cuộc gặp gỡ bất ngờ quan trọng nhất trong lịch sử loài người. *Gặp gỡ bất ngờ*, chính xác hơn là *phát kiến*, vì không phải nhân loại phát hiện ra một vùng đất mới, không có người, mà là hai bộ phận nhân loại, hai Thế giới đến với nhau vào sáng hôm đó, trên đảo Guanahani - San Salvador. Viên Đô đốc mở tung lá cờ Hoàng gia và anh em Pinzón mở hai lá cờ có hình chéo xanh lá cây, một mang chữ F (Ferdinando) và chiếc kia mang chữ Y (Ysabel). Viên Đô đốc triệu tập Rodrigo de Escobedo,

thư ký của đoàn thuyền, và Pedro Sánchez de Segovia, một thủy thủ, và bảo họ xác nhận và chứng kiến ông đang chiếm hữu và thực tế đã chiếm hữu đảo cho Vua và Hoàng hậu như thế nào trước mặt họ. Những quy ước thích hợp sẽ được viết ra.

Sau nghi lễ cuộc gặp tiến hành. Hai Thế giới cho đến lúc đó chưa biết nhau đã trở nên quen biết. Rủi ro họ không hiểu nhau. Đây là ấn tượng đầu tiên của cuộc gặp gỡ: “Ngay tức khắc họ trông thấy những người trần truồng”. Một thực tế đập ngay vào mắt họ, câu viết đó không mang ý nghĩa giới tính; nó chỉ biểu thị sự ngạc nhiên. “Tất cả họ đều trần truồng như khi mẹ họ sinh, ngay cả những người phụ nữ, và một trong những người đó rất trẻ. Nhưng tất cả những người tôi trông thấy đều trẻ vì tôi không trông thấy người nào quá ba mươi tuổi và tất cả họ đều cân đối, với một cơ thể đẹp và một diện mạo duyên dáng. Họ có tóc thô. Giống như một bờm ngựa, cắt ngắn và xõa xuống mắt, trừ một túm hất ra đằng sau và để mọc dài, không bao giờ cắt. Một số người sơn thân họ màu xám (màu của những người trên đảo Canaria, không đen và cũng không trắng), những người khác sơn trắng, đỏ, hoặc màu khác nữa. Một số người sơn mặt, những người khác sơn toàn thân, hoặc chỉ đôi mắt, hoặc mũi.

Họ không mang vũ khí và cũng chẳng biết về vũ khí. Tôi chỉ cho họ những thanh kiếm, họ cầm những thanh kiếm đó đằng lưỡi vì không biết và bị đứt tay. Họ không có một loại sắt nào cả. Những cái giáo của họ là những chiếc gậy không có sắt; chỉ một số cái có răng cá ở đầu.

Tôi thấy một số người mang những dấu vết vũ khí trên mình họ và tôi ra hiệu hỏi họ đó là những gì. Họ làm cho tôi hiểu rằng, từ những đảo khác lân cận, người ta thường đến bắt họ và họ tự bảo vệ mình. Tôi tin và biết rằng những người từ đất liền đến đây bắt họ làm nô lệ. Họ phải là những đầy tớ tốt và thông minh; Họ nhắc lại ngay những lời tôi nói với họ và tôi tin rằng họ rất dễ trở thành những người công giáo, vì hình như họ không thuộc giáo phái nào. Nếu hợp ý muốn của Chúa Trời thì khi rời nơi đây tôi sẽ mang theo sáu người này cho Bệ hạ, để họ có thể học nói như chúng ta”.

Đó là những ấn tượng của ngày đầu tiên. Vào ngày thứ hai Colombo nói rằng ông quan tâm trước hết đến việc tìm hiểu xem kiếm vàng ở đâu. Ông nhận thấy rằng một số người Indians đeo một

miếng vàng nhỏ qua một lỗ dùi ở mũi. Họ nói với ông - hay ông hiểu như vậy - rằng đi thuyền về phương nam, ông sẽ thấy một ông vua có những tàu lớn và rất nhiều cục vàng. Viên Đô đốc muốn một trong những người Indians dẫn ông ta đi đến xứ sở may mắn đó, nhưng ông nhận thấy họ từ chối đi với ông.

Như thế là cả hai bên đã bắt đầu hiểu lầm nhau. Cái cân giá trị của người châu Âu khác cân giá trị của những người bản xứ. Họ cho mọi thứ họ có là nhỏ, không đáng kể; rõ ràng một cái nhỏ trên cán cân của người châu Âu lại không phải như thế đối với người bản xứ. Đối với họ “một mảnh sành vỡ, hay một chén thủy tinh vỡ” đáng giá “mười sáu cuộn chỉ bông”. Colombo cảnh cáo rằng việc đó không bao giờ được làm, vì từ việc buôn bán không hạn chế giữa hai khả năng trí tuệ, hai khái niệm giá trị sẽ dẫn đến kết quả bất công nghiêm trọng. Vì vậy ông lập tức cấm việc buôn bán bông, không cho phép một người nào mua bông và hoàn toàn dành việc mua đó cho nhà vua Tây Ban Nha. Một điều cấm chính đáng không dễ đề ra cho chín mươi người. Sức mạnh nào có thể cần có khi chín trăm, chín nghìn, hoặc chín chục nghìn người Âu sẽ đến? Đó là những rắc rối đầu tiên trong một cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hai Thế giới không hiểu nhau.

Ngày chủ nhật, 14 tháng 10, viên Đô đốc đi thuyền dọc theo bờ biển của đảo và thăm những làng mạc. Một số người bản xứ mang nước, những người khác mang thức ăn và còn những người khác lao mình ra biển và bơi ra để gặp đoàn thuyền. Colombo viết: “Chúng tôi hiểu, họ tin là chúng tôi từ trên trời xuống.” Những người Tây Ban Nha được tiếp đón như những vị thần. Viên Đô đốc cảm động đến nỗi trong khi tìm kiếm một nơi để xây dựng một pháo đài, ông ghi trong *Nhật ký*:

“Rằng không cần thiết xây dựng một pháo đài vì những người này rất chất phác trong hành động vũ trang, như Bệ hạ sẽ có thể xét từ bảy người tôi ra lệnh lấy, để mang họ về Tây Ban Nha, dạy họ nói tiếng của chúng ta, rồi đưa họ trở lại nhà họ”.

Ông viết thêm:

“Nếu Bệ hạ ra lệnh đưa tất cả họ về Castiglia, hoặc giữ họ làm nô lệ trên đảo của họ thì việc đó có thể thực hiện một cách dễ dàng, vì với khoảng năm mươi người, ta có thể kiểm soát và khuất phục tất cả bọn họ, bắt họ làm bất cứ điều gì ta muốn”.

Capitivos có nghĩa là nô lệ. Khó cho nó một giải thích rộng lượng hơn. Colombo sống trong thời đại của ông, là một người của thời đại ông, suy nghĩ như những nhà lãnh đạo và những người khác của thời đại ông mà không giống như vị một thánh.

18

CUBA LÀ “CHÂU Á”

Những chiếc tàu Tây Ban Nha tới San Salvador ngày thứ sáu, 12 tháng 10. Ngày hôm sau, thứ bảy, họ đi thăm đảo. Viên Đô đốc chỉ đi vài dặm rừng nhũ hương và cây dứa thì sang đến Hồ Lớn, một vùng nước có vĩa san hô bao quanh. Quá đấy là điểm cao nhất của đảo, Núi Kerr, cao 43 mét. Ngày chủ nhật, 14 tháng 10, Colombo hoàn thành cuộc thăm dò bằng thuyền tới cảng Graham's (một cảng được bảo vệ bằng vĩa chắn san hô, có khả năng chứa “tất cả những tàu của thế giới Công giáo”). Ở sườn phía bắc của đảo, Colombo trông thấy hai hoặc ba làng. Những làng khác ở sườn phía đông mà Colombo đã trông thấy đầu tiên. Trên cơ sở những phát hiện khảo cổ học, người ta có thể sẵn sàng cho rằng có nhiều người hơn là bảy trăm người hiện nay đang sống tại đảo San Salvador.

Chiều tối chủ nhật Colombo ra đi, thuyền hướng về phía tây nam. Tới Santa Maria de la Conception (nay là Rum Cay), Fernandina (Long Island), Isabela (Crooked Island), Colombo dừng lại tại mỗi đảo và luôn luôn hỏi người Indians cùng một câu: “Vàng ở đâu?”. Colombo đã thấy những con vẹt ở đó. Hương liệu ông ta mong đợi cũng có ở đó. Nhưng còn vàng? Từ đảo này đến đảo khác những người dân đều chỉ về phương Nam. Tại đó có một đảo lớn gọi là Coba, hay Cuba - tất cả đều khẳng định như vậy bằng dấu hiệu và lời nói, mặc dù khó hiểu. Một sự yên tĩnh như chết và mưa đã cản trở việc đi biển, nhưng cuối cùng trước khi màn đêm buông xuống ngày thứ bảy, 27 tháng 10, các thủy thủ đã thấy đảo, đất liền thực sự rộng lớn. Vào buổi bình minh ngày hôm sau, đất liền đã hiện ra với những ngọn núi, những thung lũng và đồng bằng, có cây cối rậm rạp, hoa vàng trăm màu sắc, quả hàng trăm loại, và rất nhiều chim lớn, chim nhỏ, hót ngọt ngào, Colombo chưa bao giờ thấy một “cảnh đẹp hơn”. Không nghi ngờ gì nữa, Cuba là Cipango (Nhật Bản). Ý đồ lớn

thế là đã được thực hiện: họ đã tới phương Đông bằng cách đi thuyền về phương Tây.

Khi đổ bộ lần đầu tiên Colombo lập tức nghĩ rằng San Salvador là một trong nhiều hòn đảo mà theo truyền thống và theo Marco Polo thì vị trí của chúng là ở phía đông Cataio. Lòng tin cậy được khẳng định trong chuyến đi qua Bahamas. Nhưng cái gì đã làm cho San Salvador, Santa Maria de la Concepcion, Fernandina, và Isabela bị hiểu là đất châu Á? Đối với chúng ta có rất ít, quả thực không có gì, nhưng đối với Colombo? Có những cây cọ, nhưng ông đã thấy ở châu Phi, cũng như châu Á, đều có cây cọ. Có những cây cao lớn, đồ sộ và những giống cây mới. Nhưng Colombo và những thủy thủ Tây Ban Nha đã đi thuyền đến quần đảo Canaria và quần đảo Madera - và còn nhiều người khác nữa đã biết rằng hệ thực vật ở đây rất khác hệ thực vật châu Âu thì không phải là chứng cứ đủ để kết luận đó là châu Á; hệ thực vật đó chung cho tất cả mọi miền nhiệt đới và á nhiệt đới. Có những con rắn và thằn lằn to hơn những loài này ở châu Âu. Nhưng viên Đô đốc đã trông thấy những rắn và thằn lằn to như vậy ở Guinée.

Lòng tin của Colombo dựa trên bốn chỉ dẫn: những con vẹt, hương liệu, vàng, và những đặc điểm về nhân chủng của người bản xứ. Ngay khi đổ bộ lên San Salvador, Colombo đã hết sức vui mừng gần như ông cho là một dấu hiệu từ Thượng đế khi những người Indians đầu tiên ông gặp đã cho ông những con vẹt. Và ông rất sung sướng viết trong *Nhật ký* vào ngày phát kiến vĩ đại: “Trên đảo này tôi không thấy những động vật thuộc bất cứ loại nào, trừ con vẹt. Trên đảo Long Island ngày 16 tháng 10, ông nhắc lại: “Trên đất liền tôi không thấy những con vật thuộc bất cứ loại nào, trừ những con vẹt và những con thằn lằn”. Và ngày 21 tháng 10 “Những đàn vẹt làm tối mặt trời”. Những con vẹt tượng trưng cho những đảo và lãnh thổ miền Đông Á. Marco Polo và những nhà du hành thời Trung cổ khác đã miêu tả những kỳ quan của châu Á xa xôi và đã nói về những con vẹt. Colombo biết rằng vẹt không sống ở châu Âu, hoặc ở bất cứ nơi nào tại Địa Trung Hải. Một số loại thấy ở nhiều nơi thuộc Guinée, một vùng đất người Bồ Đào Nha và Colombo đã biết. Tuy nhiên không ai nói về những con vẹt châu Phi này, có lẽ vì chúng sống trong rừng sâu, nơi những người Bồ Đào Nha cũng như Colombo đã không đi

vào, hoặc có lẽ vì chúng thường là những con vẹt đuôi dài, không phô bày những màu lông rực rỡ khác nhau, tiêu biểu cho những anh em họ của chúng tại châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương. Như vậy Colombo không biết rằng vẹt có ở tất cả những miền nhiệt đới và á nhiệt đới trên thế giới, từ Kenya đến Papua và Polynesia. Cũng như tất cả những người đương thời với ông, ông tin rằng vẹt là chứng cứ để khẳng định đây là châu Á.

Còn vàng, tin tức của thời bấy giờ nghi ngờ về số lượng mang về nước trong chuyến đi biển đầu tiên. Người ta nói phòng ngủ của nhà vua ở Barcelona và tủ đựng bánh thánh tại nhà thờ lớn Toledo được giát bằng vàng từ Ấn Độ, nhưng điều đó chưa được chứng minh. Hình như chỉ một lượng nhỏ vàng được mang về châu Âu trong chuyến đi biển lần thứ nhất. Tuy nhiên niềm tin cho rằng kim loại quý tìm thấy ở những vùng đất mới không phải là một ảo tưởng, vì ngay từ đầu người ta đã thấy những dấu hiệu, dù khiêm tốn của kim loại quý ấy. Thật vậy nhiều năm đã trôi qua, trước khi những mỏ vàng và bạc lớn nhất được phát hiện thì lòng tin của Colombo chỉ là ảo tưởng và là một tài năng “chói sáng”, mở cho chiếc cổng đi tới những vùng có vàng.

Chứng cứ cuối cùng làm cho Colombo tin rằng ông ta đang ở châu Á là đặc tính thể chất của nhân dân. Họ không giống những người châu Âu, những người Moor (Ả-rập), và thậm chí những người châu Phi ở Guinée. Ngày hôm sau, 13 tháng 10 Colombo cố nhấn mạnh sự khác biệt của họ: “Tóc của họ không xoắn (rõ ràng một liên hệ gián tiếp đối với người da đen) mà thẳng và thô như lông ngựa... Đầu họ to và trán rộng, to hơn bất cứ giống người nào mà tôi đã trông thấy trước, và mắt họ thì cực đẹp và không nhỏ”. Ông nhấn mạnh rằng họ không phải là những người da đen: “Không một người nào trong số họ đen. Ngược lại họ có màu da của dân chúng trên đảo Canaria, hoặc những người nông dân rám nắng. Bụng họ không to và cân đối”. Trong khi đó nhiều người da đen ở Guinée có bụng to vì thiếu protein và những biến chuyển bệnh tật.

Mặc dù có những con vẹt, những đặc tính về chủng tộc, một số vàng và hy vọng về hương liệu, có những yếu tố khác hẳn báo cáo của Marco Polo. Ấn tượng tức khắc về cuộc gặp gỡ bất ngờ đầu tiên là “họ trông thấy những người trần truồng”. Tất cả đều trần truồng

trên đảo San Salvador, và tất cả đều trần truồng trên đảo Santa Maria de la Concepcion. Người bản xứ sơn đen, trắng, đỏ, hoặc nâu, những người bản xứ có những vòng trang trí và những miếng vàng trên cánh tay, chân, hoặc cổ, trong lỗ tai, hoặc lỗ mũi - và luôn luôn trần truồng. Làm sao ông có thể quên được là người châu Á mặc quần áo và mặc rất đẹp? Hơn nữa từ ngày đầu tiên Colombo ghi lại trong *Nhật ký* rằng những người bản xứ không biết “một loại sắt nào cả”. Colombo đã đọc cuốn *Milione*, hoặc ít nhất bản tóm lược cuốn sách đó, ông phải biết rằng những người châu Á cũng quen với sắt như người châu Âu.

Không biết sắt, trần truồng, phong cách xây dựng nhà ở và làng mạc - tất cả đều chỉ rõ một tình trạng nguyên thủy, thấp hơn cả những điều kiện ở Guinée. Được ăn uống tốt hơn, trông họ không khổ cực như những người ở Guinée, nhưng sự phát triển vật chất của họ nói chung thấp hơn. Làm sao họ có thể là người châu Á? Colombo vẫn cứ giữ sai lầm của mình vì ông tin rằng ông đã đến những tiền đồn của châu Á, những đảo nhỏ xa nền văn minh Cataio và Cipango. Quả thật chính cuốn *Milione* đã kể lại những đảo Socotera (Socotra) và Zenzibar (Zanzibar), nơi đây người ta trần truồng, hoặc chỉ đóng khố. Có thể Colombo đã nghĩ rằng chỉ ở trên đất liền và những đảo lớn ông ta mới thấy nền văn minh giàu có và tráng lệ mà Marco Polo đã nói đến. Cipango, Cataio và Ấn Độ là những mục tiêu của ông. Những người bản xứ đã nói với ông về “một hòn đảo rất lớn”. Viên Đô đốc không nghi ngờ gì: “Tôi nghĩ rằng đó phải là Cipango, xét theo thông tin mà những người Indians thu phục được, đã cung cấp cho tôi”. Ông đã viết như thế ngày 21 tháng 10 và ông nhắc lại điều đó ngày 23 và 26 tháng 10, một niềm tin bối rối. Viên Đô đốc cũng bị lừa dối bởi khái niệm về địa lý của ông mà ông tin tưởng một cách ương ngạnh. Ông cho rằng khoảng cách trên đất liền từ Bồ Đào Nha đến Trung Quốc lớn hơn thực tế nhiều. Không những Toscanelli mà cả cuốn *Historia Rerum* của Piccolomini và chuyện kể của Marco Polo đã làm ông nghĩ rằng Cataio và miền đất Khan vĩ đại kéo dài về phía đông xa hơn là thực tế. Như vậy ông đã chấp nhận nguyên tắc quả đất tròn, do đó ông tin chắc rằng châu Á cách Lisbon ba nghìn dặm bên kia Đại Tây Dương, cách đảo Hierro hai nghìn bốn trăm dặm.

Nếu Colombo không tin chắc như vậy, ông đã không đề ra dự án của mình một cách nhiệt tình như thế, ông đã không gây sức ép với các học giả và quan chức về dự án đó một cách say sưa như thế, ông đã không thuyết phục Pinzón đi theo ông và đã không đương đầu với cuộc phiêu lưu vượt Đại Tây Dương. Bây giờ ông đã thấy đất liền, hay đúng hơn những vùng đất liền ngay tại nơi ông mong chờ được thấy đất liền đó, ngay tại nơi những tính toán của ông đã chỉ rõ, ngay tại nơi thuyết địa lý “của ông” đã nói những vùng đất ấy phải ở đó, làm sao ông có thể bỏ mục tiêu của mình, một sự ám ảnh và một ngôi sao Bắc Đẩu đối với ông trong những năm hy vọng, sợ hãi, đối đầu và tranh cãi? Trong nhiều năm ông vẫn cho rằng vượt quá Biển Đen Tối, vượt quá Đại Tây Dương là châu Á, rằng ông có thể tới phương Đông bằng cách đi thuyền buồm về phương Tây. Bây giờ ông đã thấy nhiều đảo và cuối cùng một khối đất liền rộng lớn ở bên kia Đại dương. Có những con vẹt, có vàng, có hương liệu, và nhân dân không giống những người châu Âu và những người châu Phi. Làm sao ông có thể không tin rằng ông đã đến châu Á?

Las Casas tìm cách giải thích sai lầm của Colombo, ông thường xuyên dẫn đến bản đồ của nhà vật lý Paolo, tức là Toscanelli và nói rằng Colombo giữ ý kiến này, tức là ý kiến cho rằng những vùng đất này thuộc Khan vĩ đại, chính là vì bản đồ và những thông tin của Paolo gửi trong những bức thư của ông cổ vũ mạnh mẽ Colombo. Nhưng nhiều lần khác nhà thám hiểm Genova buộc phải chọn giữa lý thuyết và kinh nghiệm bằng cách thay đổi và sửa chữa những điều cần thiết sau khi tới những vùng Đất Mới, Colombo tiếp tục là một người quan sát sắc bén, một nhà hàng hải hạng nhất, và một nhà địa lý giỏi, vì ông tin vào kinh nghiệm của mình. Nhưng trong dịp này ông đã không xem xét một chút nào những chỉ dẫn chứng tỏ ông đang ở những vùng đất rất khác với châu Á được miêu tả trong cuốn *Milione*.

Milione miêu tả những vương quốc hoa lệ, nhiều sùng bái và tôn giáo lớn, những ngọc trai, kim cương, ngà voi, gỗ đàn hương và long diên hương, thậm chí hàng hóa từ nước Nga và Bắc cực, một ảo cảnh có một không hai của những dân tộc và các nước văn minh. Thêm vào đó một phần lớn cuốn *Milione* đã dành cho hệ động vật đa dạng của châu Á: hổ, báo, linh miêu, chó sói xám, voi, tê giác, kỳ lân,

khí đầu chó, hoặc khí dữ, chó Tây Tạng “to bằng con lừa”, hươu, lợn rừng, khí và rắn. Tất cả những thứ này đều không thấy lặp lại trong những kinh nghiệm và miêu tả của con người thành Genova: lòng tin của ông, ý nghĩ cố định của ông chiếm ưu thế, bất chấp thực tế, bất chấp thiên nhiên của những vùng Đất Mới. Tại sao? Vì có những chứng cứ mang tính lừa dối khác và nhất là vì Nhà Phát kiến bướng bỉnh và bị chi phối bởi tham vọng và lòng kiêu hãnh. Nhờ tính bướng bỉnh của mình, ông đã có sức mạnh để kiên trì trong bảy năm trời ở thời kỳ ưu việt nhất của cuộc sống con người - từ ba mươi tư đến bốn mươi mốt tuổi - chờ đợi quyết định của Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha. Cuối cùng ông đã tìm thấy đất liền ở bên kia Đại dương, nhưng ông không phải là Đô đốc vĩ đại của Đại dương ấy, tính cố chấp của ông trở thành ngu xuẩn đã cản trở lý trí của ông.

Tính bướng bỉnh thường là đặc tính của những con người vĩ đại. Ở Colombo tính bướng bỉnh ấy mãnh liệt và cứng nhắc đến mức, vừa là đức tính vừa là thói xấu. Trước đó nó là đức tính: tại Lisbon, trong những cuộc đi ở Địa Trung Hải và Đại Tây Dương của ông, từ Băng Đảo đến Porto Santo và tới Guinée; sau này ở Tây Ban Nha và cuối cùng trong ba mươi ba ngày vượt Đại Tây Dương. Bây giờ, nó là thói xấu khi viên Đô đốc của Đại dương đã phát hiện ra những vùng đất kỳ diệu và say mê nhất mà không nhận ra, đó không phải và không thể là châu Á.

Như ông đã bí mật nuôi dưỡng về ý đồ lớn của mình trong bảy năm, tin tưởng rằng ông sẽ hoàn thành sứ mạng thiêng liêng, bây giờ khi đã tới miền đất bên kia “biển Đen tối”, ông càng tin tưởng hơn bao giờ hết là ông đã hoàn thành công việc mà Chúa mong muốn, đem lại vinh quang không bao giờ phai nhạt cho ông, quyền lực và của cải cho con cháu ông. Trong thực tế ông đã đạt được vinh quang nhưng không bao giờ ông nghĩ mình được niềm vinh quang đó, vì phát hiện ra những lục địa mới, rộng lớn, giàu có, gần quan trọng như châu Á, quan trọng hơn châu Âu và châu Phi nhiều.

Một lục địa mới vượt quá mọi lý thuyết khoa học, vượt quá trí tưởng tượng. Những biện hộ của Las Casas không phải là không trúng. Paolo Toscanelli và những học giả khác đã nhất trí loại bỏ sự tồn tại của những lục địa ngoài châu Âu, châu Phi và châu Á. Do đó nếu những đất này không phải là châu Á thì là những đảo cách xa

Cataio và Ấn Độ. Phát hiện những đảo Đại Tây Dương không phải là một sứ mệnh thần thánh, đáng khích lệ; Colombo tự cảm thấy mình đã được định sẵn cho sứ mệnh đó, sự phát hiện đó không có tác động gì đối với tiến trình lịch sử. Đã có nhiều hòn đảo, có thực, hoặc tưởng tượng, trên mọi bản đồ Biển Đen tối; việc phát kiến, hoặc phát kiến lại lần nữa quần đảo Canaria, Madera và Azzorre đã không làm thay đổi tiến trình lịch sử.

Nhận rằng những Đất Mới không phải là Cataio, hoặc Cipango, sẽ đòi hỏi sự khiêm nhường, một điều Colombo không thể thực hiện được. Ông quá kiêu hãnh để tự hạ mình. Chính vì bản chất kiêu hãnh và bướng bỉnh của mình, ông đã thành công trong một sự nghiệp mà đối với nhiều người hình như không thể thực hiện được, thậm chí là vô lý. Để làm chủ được Đại Tây Dương, để xây dựng ý đồ lớn của mình, Colombo dễ dàng uốn nắn lý thuyết theo kinh nghiệm riêng và trực giác về biển cả của ông, vì làm như vậy phù hợp với những mong muốn và khát vọng vinh quang của ông. Bây giờ ông lại phải đặt lý thuyết thấp hơn thực tế, thực tế của biển Caribe, một môi trường thú vị và đáng lưu ý nhưng với kiến trúc vật tư và công cụ khiêm tốn - tóm lại toàn bộ cơ cấu xã hội và trình độ văn minh thấp hơn nhiều so với điều ông mong chờ.

Đặt những lý thuyết riêng của ông dưới thực tế hiển nhiên như thế đòi hỏi một đức tính mà Colombo không có. Nếu Colombo có tính khiêm nhường và thái độ sẵn sàng bỏ cuộc trước năm 1492 thì ông đã không đạt được cuộc phát kiến vĩ đại nhất trong lịch sử. Nếu Colombo có những lý thuyết đó sau ngày 12 tháng 10 của năm quan trọng ấy thì ông đã không phạm sai lầm lớn này; ông đã thoát khỏi sự ám ảnh đã theo ông tới lúc chết, đã cướp đi của ông cái danh dự bất tử được lấy tên ông đặt cho hai lục địa lớn nhất, giàu nhất và quan trọng nhất trên trái đất. Mặt khác điều đã ám ảnh ông tỏ ra càng ngày càng hữu ích. Colombo tin rằng mình đã tìm thấy châu Á. Ông đã trở lại ba lần, luôn luôn bướng bỉnh tìm cách đi đến những thành phố truyền thuyết bằng thuyền theo hướng Tây; hy vọng luôn luôn được khích lệ, thực ra là lòng tin sẽ tới được Ấn độ. Trong cuộc tìm đường điên cuồng tới Ấn Độ, cuộc phát kiến vĩ đại đã được mở rộng ra quá Cuba và đảo Hispaniola, tới những đảo khác trong biển Caribe và trước hết tới đất liền, tới những cửa sông Orinoco, nơi ông đã tìm ra

Venezuela ở Nam Mỹ. Ông đã xác định đó không phải là châu Á, nhưng ông không quan tâm vì ông đang bận tâm đi tới Ấn Độ.

Cuba bây giờ nằm trước mặt ông; Cuba quyến rũ như một nàng tiên, tỏa ra mùi thơm giống như mùi thơm ông đã bị kích thích lần đầu tiên, một luồng khí không thể quên được khi ông còn là một thanh niên trên đảo Chio, có lẽ đây là Cipango hay Cataio. Dù sao chẳng nữa, đó là châu Á! Vào buổi bình minh ngày chủ nhật, 28 tháng 10, ba tàu đi vào cửa một con sông và bỏ neo. Colombo đã đặt tên con sông là San Salvador và đất mới là Juana. Nay không còn tên nào còn tồn tại. Đảo lớn ngày nay mang lên bản xứ là Cuba. Làng mang tên San Salvador đã biến mất, tuy nhiên nhiều làng ở tỉnh Oriente tuyên bố họ ở trên mảnh đất nguyên thủy. Tuy nhiên có thể khẳng định hải cảng tự nhiên mà Colombo nói là “không có những bờ cát, hoặc cản trở gì nguy hiểm” là vịnh Baria. Về cuộc gặp bất ngờ với hòn đảo lớn đầu tiên của châu Mỹ, cũng như hòn đảo nhỏ nằm ở bên ngoài, xin nghe Nhà Phát Kiến phát biểu: “Đây là hòn đảo xinh đẹp nhất trong các đảo mà mắt người đã trông thấy. Đảo có nhiều núi non rất đẹp và rất cao, mặc dù không dài lắm, và phần đất còn lại cao như ở Sicilia”. Ngày 29 tháng 10, tàu chuyển hướng về phía tây. Chiều tối tàu tới cửa một “con sông rất lớn”, ngày này là Puerto Gibara, lớn hơn và dễ vào hơn bất kỳ hải cảng thiên nhiên nào gặp trước đó.

Ngày 30 tháng 10, Colombo thấy một mũi đất bao phủ toàn cây cọ, vì vậy ông đặt tên cho mũi đất đó là “Capo delle Palme”. Ngày nay mũi đất đó gọi là Punta Uvero, và ở đây vẫn còn rất nhiều cây cọ. Rồi gió chuyển hướng tây, trở nên mạnh đến nỗi ngày 31 tháng 10 đoàn tàu phải hạ hết buồm để đi được. Gió lại chuyển hướng về phía bắc, nhiệt độ hạ thấp; một cơn bão hình thành, Colombo biết không thể đổi hướng tàu với gió hướng bắc, dọc theo bờ biển chạy theo hướng bắc-tây bắc, nên ông đã ra lệnh quay ngược hướng tàu. Ông đã trở về Puerto Gibara vào buổi bình minh ngày 1 tháng 11, và lưu lại đây 11 ngày.

Họ rời Puerto Gibara ngày thứ hai, 12 tháng 11, đi đến một đảo “mà nhiều người Indians trên tàu gọi là Baneque”, ngày nay là Great Inagua.

Một cơn bão mới đến từ phía bắc; Colombo quyết định tìm nơi trú ẩn ở một nơi nào đó trên bờ biển Cuba. Ông chợt nhận thấy một lạch rộng khoảng hai trăm Yards^[*]. Giữa kênh rộng trên 40 Fathoms^[*], như vậy đoàn tàu có thể đi vào. Cuối hành lang quanh co mở ra Vịnh Tanamo, được bảo vệ bởi nhiều núi cao và đảo nhỏ nổi lên nhọn như những “mũi kim cương”, hoặc bằng phẳng như những “cái bàn”. Đoàn tàu ở lại Tanamo bốn ngày. Ngày thứ hai, 19 tháng 11, Colombo nhả neo vào sáng sớm theo hướng đông bắc-bắc, cách hướng gió sáu điểm trên la bàn. Ở đây xảy ra một sự kiện mà các học giả nghiên cứu về Colombo đã đoán và tranh luận không dứt, sự kiện đó được gọi là “sự đào ngũ của Martin Alonso Pinzón”, *Nhật ký* cho biết như sau:

Hôm nay Martin Alonso Pinzón trên chiếc thuyền buồm *Pinta* đã rời tàu, không có lệnh và trái với ý của viên Đô đốc. Pinzón hành động như thế, xuất phát từ ý muốn kiếm lợi, nghĩ rằng ông ta sẽ thấy nhiều vàng hơn, theo lời khuyên của một trong những người Indians mà viên Đô đốc đã mang lên tàu. Như vậy Pinzón đã rời đoàn tàu và không đợi những chiếc khác, không thể viện lẽ vì thời tiết xấu, mà chỉ vì muốn đi và còn nhiều điều tồi tệ khác mà ông ta đã nói và làm.

Đó không phải là một cuộc bỏ ngũ theo đúng tên gọi của nó. Pinzón đã đi đến Baneque để tìm vàng, rồi đổ bộ lên bờ biển phía bắc Haiti, ở đây ông biết viên Đô đốc là người kiên quyết. Ông không mang theo - và cũng không tìm cách mang theo - người em trai là Vicente Yanez, người này vẫn ở lại trên chiếc *Nina*, bên cạnh viên Đô đốc. Về sau ông đã gửi thư cho Colombo và, không thấy trả lời, ông đã đi để gặp Colombo.

Chúng ta hãy trở lại chuyến đi của các tàu *Santa Maria* và *Nina*. Trong hai ngày và đêm - 22 và 23 tháng 11 - dòng nước biển đã đưa họ về phía tây. Cuối cùng vào buổi sáng ngày 24 tháng 11, họ tới bờ biển Cuba, chính xác là ở Cayo Moa Grande. Nơi này làm cho họ say mê. Nhiều cây thông thẳng như những con suốt. Colombo tưởng tượng chúng như những chiếc dầm ở hai cạnh thuyền, hoặc những cột buồm của những tàu lớn nhất của Tây Ban Nha. Rừng đủ làm

một đội tàu; những thân cây chưa ai đung tời trong rừng châu Mỹ đã là nguyên liệu, hàng hóa cho thành phố lớn, một nguồn của cải không thể tính toán được và sức mạnh của Hải quân. Hai ngày sau cảnh tượng trở nên cụ thể và chi tiết hơn: Vua và Hoàng hậu có thể dễ dàng chinh phục những đảo mới, cải tạo dân cư, xây dựng thành phố và pháo đài. Để bảo đảm đế quốc của họ tồn tại lâu dài, họ sẽ làm tốt để không cho phép bất cứ một người ngoại quốc nào buôn bán, hay đặt chân lên đó, trừ những người Công giáo. Gerbi bình luận, chỉ sáu tuần lễ trước đó, người ngoại quốc Colombo đã đặt chân lên châu Mỹ; bây giờ ông ta lại ghen tỵ với mọi người di cư khác vì lợi ích của nước Tây Ban Nha. Thiên đường phát kiến chưa bao lâu đã bị thôn tính cho nhà vua Castiglia.

Ngày 26 tháng 11, đoàn tàu rời Puerto Cayo Moa và ngày hôm sau đã đến một hải cảng làm cho người ta rất đổi ngạc nhiên, Puerto Baracoa, bao vây bởi những cánh đồng và làng mạc. Tại đây Colombo lưu lại một tuần lễ và đã có dịp khảo sát vùng xung quanh, tiếp xúc với nhiều người bản xứ Cuba, đánh giá lại những phát kiến của ông. Colombo cảm thấy rất phấn chấn và sung sướng. Những đảo nhỏ thuộc quần đảo Bahamas đã làm cho ông thích thú, trong vùng đất vĩ đại này, sự xum xuê mới lạ và đẹp đẽ của thiên nhiên, cao hơn nhiều không những so với cảnh quan của châu Âu mà của cả Guinée nữa, đã khuấy động và khích lệ ông. Hình như Colombo bị chìm ngập trong ba tình cảm: phấn khởi vì cái mới của hệ thực vật ở quần đảo Antilles, khâm phục vì cảnh đẹp đặc biệt và thất vọng vì không có khả năng, do thiếu thời gian và không hiểu biết về thực vật để đánh giá đầy đủ giá trị dinh dưỡng và dược liệu của nó. Trên những vùng đất được phát kiến, thiên nhiên đa dạng và làm cho người ta phải ngạc nhiên, thậm chí hiếm thấy. Trên bình diện thẩm mỹ, thiên nhiên đẹp và thú vị; trên bình diện thực tiễn, thiên nhiên phải được sử dụng và khai thác ở mức tối đa.

19

CÁI MỚI CỦA VÙNG ĐẤT MỚI

Sau khi rời Cuba, ngày 6 tháng 12, chiếc *Santa Maria* và chiếc *Nina* đã cập bến một hải cảng tự nhiên mà Colombo đặt tên là San Nicola, trên đảo Hispaniola. Hải cảng thực độc đáo, những hòn đảo còn đáng ghi nhớ hơn, vì nó giống Tây Ban Nha: “Hòn đảo hình như được hoàn toàn cày cấy, hoặc gần như thế và những cánh đồng trông giống ruộng lúa mì vào tháng năm tại vùng nông thôn Córdoba... nhiều loại cây giống hệt như Tây Ban Nha, thí dụ, cây sồi xanh, cây sồi, cây dương mai. Thủy thủ bắt cá bơn và những cá khác như ở Castiglia. Họ thấy cây mía, những cây cỏ khác, đất và núi giống như ở Castiglia. Ngay cả mưa và lạnh cũng giống Castiglia vào tháng mười. Tất cả những điều này đã khiến viên Đô đốc đặt tên cho hòn đảo là Espanola mà Peter Martyr dịch sang Latin là Hispaniola, cái tên vẫn còn được dùng tại Italia, khi người ta muốn chỉ toàn bộ đảo, gồm có hai quốc gia. Haiti và nước Cộng hòa Dominicana.

Sau này trong cuốn *Nhật ký* Colombo nói rằng những gì ông trông thấy trên đảo Hispaniola “là một kỳ quan”. Ông đã tìm thấy gì tại những vùng Đất Mới? Mối quan tâm đầu tiên của ông là xác minh cây cối lớn và nhỏ. Ông nghĩ rằng ông đã nhận thấy cây lô hội và quyết định cắt và kéo lên tàu khoảng mười tạ cây ấy, vì theo người ta nói, “gỗ cây ấy là loại giá trị nhất”, và đúng như thế. Lá và nhựa cây lô hội đã được dùng để sản xuất thuốc từ hồi cổ đại. Cuối thời Trung cổ và mãi đến cuối thế kỷ trước, người ta vẫn tin rằng từ cây lô hội có thể chế một loại thuốc trường sinh. Như vậy Colombo không sai về giá trị của cây lô hội, nhưng ông sai trong việc nhận biết cây lô hội: cây mà ông mang về không phải là cây lô hội mà chỉ là loại gỗ có mùi hăng.

Một sai lầm khác nữa là về cây nhũ hương; sai lầm này chắc phải xảy ra ngay sau đó, mặc dù lần này con người thành Genova không sai lầm trong việc nhận biết cây ấy. Ngày nay người ta còn

thấy cây nhũ hương ở vùng biển Caribe. Cây có lá rất to và cũng có mùi thơm như cây nhũ hương Địa Trung Hải, trên các đảo Egeo, Sardegna và ở Liguria. Khi Colombo bắt gặp mùi nhũ hương từ một đồng lửa lớn để xảm thuyền^[4], ông nhớ lại rất rõ những cây nhũ hương ở Chio và giá trị của chúng, ông quyết định tìm cây đó.

Sau khi phát hiện ra cây nhũ hương ở Cuba, các thủy thủ lại tìm thấy cây đó, hoặc ít nhất một cây tương tự với số lượng lớn ở đảo Hispaniola; đảo này dày đặc những cây nhũ hương nên người ta thu được nhiều tinh dầu, nhưng lúc đó chưa phải mùa thu hoạch, vì trong mùa này những giọt nhựa giở xuống từ trên cây không cứng lại, Colombo đã ghi lại như vậy cho ngày 10 tháng 12. Ngày hôm sau ông viết “Nhiều người lại được cử lên bờ và họ lại thấy nhiều tinh dầu nhũ hương”.

Hồi tưởng lại những kinh nghiệm của ông ở Chio, Colombo ghi lại trong *Nhật ký* ngày 12 tháng 11 rằng từ những cây nhũ hương ở Chio những nhà buôn ở Genova đã kiếm được “năm mươi nghìn duca một năm”. Đây là một nguồn của cải. Chưa thể bảo đảm là có vàng và ngọc trai và ông không thể nói chắc chắn là có hương liệu. Những cây nhũ hương thì có. Tuy vậy những cây nhũ hương ở đây không cùng một loại. Cây nhũ hương ở vùng biển Caribe giống cây nhũ hương vùng Địa Trung Hải; tuy nhiên cả hai không cho nhiều của cải; là thuốc thông thường thì đúng, nhưng không có giá trị thương mại lớn. Cây nhũ hương ở Chio là một ngoại lệ, gần như một xảo thuật của thiên nhiên, và chỉ ở miền Nam của đảo này cây nhũ hương mới sản sinh đủ tinh dầu để làm một sản phẩm có giá trị cho cả doanh nghiệp nhỏ lẫn công nghiệp.

Không phải chỉ có cây nhũ hương đã làm cho Colombo phấn chấn. Trên đảo Cuba, “khi ông ngửi thấy một mùi tuyệt diệu, ông chắc rằng đã tìm thấy cây và cỏ thơm” (2 tháng 11). Khứu giác của Colombo không đánh lừa ông. Những đảo Caribe là những vùng đất của hương liệu, sau này nhiều hương liệu châu Á đã được đưa vào đây, khác hương liệu bản xứ nhưng không kém thơm. Như vậy thất vọng và hy vọng xen kẽ nhau và tiếp tục tại Haiti, nơi mà Colombo tin rằng hạt tiêu thực sự là một hương liệu. Ông viết: “Hạt tiêu của họ tốt hơn hạt tiêu của chúng ta và không ai ăn mà không cho thêm thứ gia

vị này, hương liệu này hỗ trợ nhiều cho sức khỏe. Một năm người ta có thể chở đầy năm mươi thuyền buồm hương liệu từ đảo này. Sau này Peter Martyr bình luận rằng: “Họ cũng mang từ đó về một số hạt có vết nhăn, màu sắc khác nhau, cay hơn hạt tiêu Caucase, và những cành cây cắt phơi khô giống như quế, nhưng về mùi vị vỏ cây và ruột giống như gừng cay.” Đó là quả và thân của một loại cây mà cho đến thời đó Thế Giới Cũ chưa biết đến, quả hạt tiêu hình loe. Ngày nay những quả hạt tiêu hình loe và ớt được trồng và dùng trên mọi lục địa. Không những người ta thấy hạt tiêu hình loe và ớt muối ở các nhà trong mọi nước mà còn trong việc nấu ăn thông thường trên thế giới, nó đã thành quen miệng cũng như đã được phổ biến khắp mọi nơi.

Những cây cọ tại Cuba gây ấn tượng cho Colombo, vì có nhiều và khác với những cây cọ ở Guinée và Tây Ban Nha. Những cây đầu tiên Colombo trông thấy có chiều cao trung bình: Những cây ấy có thân lớn, không có vỏ ở gốc và lá rất to, người bản xứ dùng lá cây để lợp nhà. Ngày 28 tháng 10, viên Đô đốc viết như vậy. Như đã nêu trong chương trước, ngày 30 tháng 10, Colombo đặt tên một mũi đất là Capo Delle Palme, những cây cọ vẫn còn đó. Mục ghi trong *Nhật ký* ngày 14 tháng 11 nói “những lùm cây cọ nối tiếp nhau vô tận”. Và cuối cùng ngày 17 tháng 11, ông đã gặp “những cây cọ rõ ràng hơi cao hơn những cây mà ông đã từng trông thấy”. Mười ngày sau đó ông lại phát hiện “những cây cao và đẹp nhất” chưa từng thấy trong các loại cọ. Đó là loại cọ vua, từ trước đến hồi đó châu Âu chưa hề biết. Những cây cọ khác mà Colombo phát hiện ra ngay, không phải là những cây chà là nổi tiếng ở Tây Ban Nha và châu Phi thuộc vùng Địa Trung Hải và cũng không phải là những cây dừa như một số người nghĩ. Cây dừa ngày nay rất nhiều ở vùng biển Caribe đã du nhập sau này. Những cây ấy cũng không phải là có dầu như ở Guinée, Colombo đã nhận xét chúng là một loại khác, người ta vẫn còn thấy ở quần đảo Bahamas và ở nơi này, nơi khác trên những đảo thuộc vùng Caribe. Người ta gọi chúng là cọ lùn vì chiều cao của chúng, mặc dù hoàn toàn bình thường, vẫn còn kém xa chiều cao của những cây cọ vua đồ sộ.

Nhưng những phát kiến thực vật học quan trọng nhất không phải là những cây cọ vua, gây nhiều ấn tượng và uy nghi, cũng

không phải những cây thông, có nhiều một cách khác thường, thậm chí cũng không phải những loại hương liệu mới, mà là những cây khi đưa vào nền kinh tế châu Âu và thế giới sẽ tạo ra một cuộc cách mạng thực sự: ngô, khoai, thuốc lá, và những loại bông mới. Một vài con số thống kê đủ để chỉ rõ tầm quan trọng hiện nay của những loại cây ấy và không ai phủ nhận điều đó. Hàng năm người ta trồng hơn 330 triệu tấn ngô, gần một nửa số ngô trong Thế Giới Cũ; hơn 330 triệu tấn khoai, gần hai phần ba số khoai ở châu Âu và châu Á; và hơn 5,5 triệu tấn thuốc lá, gần ba phần tư số thuốc lá ở châu Âu và châu Á.

Lần đầu tiên trông thấy ngô, Colombo đã nhầm nó với một loại kê, và trên đảo Haiti ông đã nhầm nó với lúa mạch. Ferdinando thì chính xác hơn, nói về “một loại hạt khác, mà người ta gọi là *Mahiz*; khi nấu, nướng, hoặc xay làm cháo, loại bột này có mùi vị tuyệt diệu nhất. Peter Martyr chưa bao giờ trông thấy một cánh đồng ngô nên đã nhầm lẫn khi nói rằng có rất nhiều loại “lúa mì, hoặc cỏ khô cho súc vật ăn”. Lời khẳng định này không thể có vào năm 1493. Colombo đã mang cây đó về Tây Ban Nha sau chuyến đi đầu tiên của ông. Nhưng giống cây trồng mới này chỉ tràn lan khắp châu Âu sau nhiều năm và thậm chí nhiều thập kỷ. Hình như cây này đánh dấu sự nhầm lẫn đã định sẵn, vì ngay cả cái tên trong lời nói hàng ngày - *Granoturco* (hạt Thổ Nhĩ Kỳ) ở nước Ý, *Turkey Wheat* (lúa mì Thổ Nhĩ Kỳ), ở Anh *Blé de Turquie* (lúa mì Thổ Nhĩ Kỳ), ở tiếng Pháp thì một từ ngữ mơ hồ, không có quan hệ gì với Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng trong thế kỷ thứ XVI *Turkish* (thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ) được áp dụng cho bất cứ cái gì ngoại lai đối với thế giới Công Giáo.

Khoai không xuất hiện trong *Nhật ký* trong chuyến đi biển lần thứ nhất, cũng không xuất hiện trong những bản tường thuật về những cuộc đi biển sau. Khoai tây thực sự không thể nói là ở trong số những phát kiến của Colombo. Dân Caribe không trồng khoai tây và ngày nay người ta cũng không trồng, vì nó không thích ứng với khí hậu. Người ta mới chỉ tìm thấy khoai tây mấy thập kỷ sau tại vùng núi Andes ở miền bắc Chile, Peru và Ecuador. Nhưng nếu về thuật ngữ khoai tây không phải là một phát kiến của Colombo, nó vẫn có thể được coi như vậy, vì hai loài gần giống với nó là khoai lang (người Indians gọi là *ajjes*) và sắn (ngày nay ở Trung và Nam Mỹ còn gọi là

Yuca). Những thứ này không phải là họ hàng thân thuộc về ý nghĩa chặt chẽ của khoa học thực vật, nhưng khoai tây, khoai lang và sắn, tất cả đều là những củ có cùng những đặc tính dinh dưỡng, có thể thay thế cho nhau, hoặc khi đói kém thiếu ăn có thể thay thế cho các loại hạt, ngô, hoặc gạo. Như vậy việc phát hiện ra khoai lang và sắn có thể coi là một sự lường trước việc phát hiện ra khoai tây.

Đầu tiên Colombo nghĩ rằng khoai lang vùng Caribe là cùng loại với *ajes*, khoai *Yams* ở Guinée. “Những vùng đất này rất màu mỡ; sản xuất một lượng lớn *Niames*, giống như cà rốt có mùi vị hạt dẻ”, Colombo đã viết như vậy ngày 4 tháng 11 trên đảo Cuba và ngày 6 tháng 11, ông viết “đất phì nhiêu và trồng khoai *Yams*”. Ngày 15 tháng 11, Ông viết trong *Nhật ký*: “Những rễ của cây này người Indians dùng làm bánh của họ”, ông nhắc đi nhắc lại trong suốt cuộc khảo sát Haiti.

Tin vang dội về phát kiến của Colombo là những củ này. Không phải chỉ có dân Guinée ăn khoai, các dân tộc ở Thế Giới Mới cũng trồng và ăn khoai; khoai sinh trưởng dưới mặt đất, giống như rễ cây và về mặt thực vật học, đó là rễ cây, hoặc một bộ phận của rễ cây. Colombo và những người Tây Ban Nha ăn những loại củ này và thấy rằng bánh sắn ngon, hơi giống vị hạt dẻ; họ quen ăn bánh ấy. Sau khoai lang họ thử ăn *yuca* - sắn đã lọc chất độc - và thấy bổ và ngon. Họ cũng không coi thường khoai vùng Caribe; họ rửa, chặt, nghiền và thêm vào súp, hoặc những món ăn có thịt. Như vậy cuộc cách mạng về ăn uống đã bắt đầu và bùng nổ với khoai tây.

Khoai tây thực sự chỉ xuất hiện vào giữa thế kỷ thứ XVI. Nó khó tồn tại ở các thuộc địa châu Mỹ và việc nó đi vào châu Âu là khiêm nhường. Tuy nhiên một thế kỷ sau, thành công của nó là hiển nhiên. Năm 1645 nhờ có khoai, nước Đức đã thoát khỏi nạn đói kinh khủng. Tại nước Pháp năm 1771 người ta thưởng cho ai tìm được thứ thay thế ngũ cốc trong bữa ăn chính. Parmentier trở về từ một nhà tù ở Đức, đã gợi ý khoai tây. Cuối cùng loại thức ăn này đã lôi cuốn sự chú ý của Louis XVI. Vị vua này gọi khoai là “bánh mì của người nghèo” và thúc đẩy việc trồng khoai.

Vốn là “bánh mì của người nghèo”, khoai tây đã thay thế bánh mì lúa mạch đen và trong hàng trăm năm là thức ăn chính của nông dân châu Âu. Khi người ta coi bánh mì làm từ lúa mạch đen là

nguyên nhân của một trong những bệnh dịch đáng sợ nhất trong bệnh học thời Trung cổ do nấm trên hạt ngũ cốc này gây ra, việc sử dụng khoai tây thay lúa mạch đen rõ ràng đã cải thiện sức khỏe dân chúng, ít nhất là cho đến khi tìm ra những phương tiện tối tân để tẩy lọc lúa mạch đen.

Khoai tây đã tạo ra một cuộc cách mạng thực sự trong nông nghiệp, kinh tế, sự ăn uống, và trước hết là sức khỏe của các dân tộc ở Thế Giới Cổ bằng sự góp quyết định của nó vào việc loại trừ một phần những tai họa do nạn đói và bệnh dịch gây nên. Cuộc cách mạng mở rộng đến cả chiến lược quân sự. Người ta đã nhận xét một cách đúng đắn rằng, nếu không có khoai, Napoleon đã không thể đạt được những thắng lợi. Việc chuyển quân nhanh chóng - nguyên tắc chủ chốt trong chiến lược của vị tướng người đảo Corse vĩ đại này - đã không thể thực hiện được nếu hàng chục, hoặc hàng trăm nghìn quân của ông không chở những số lượng lớn khoai thay cho bột tốn kém hơn, dễ hư hỏng hơn và khó xử lý hơn nhiều.

Người châu Âu mất ít thời gian học cách sử dụng thuốc lá hơn là dùng khoai tây: mất gần hai thế kỷ để dùng khoai, mất khoảng bảy mươi năm để dùng thuốc lá. Khi đổ bộ lên San Salvador, thuốc lá được lập tức phát hiện. Ngày 15 tháng 10, trên đảo Fernandina, Colombo viết trong *Nhật ký* “một số lá khô mà dân ở đây đánh giá cao, vì trước đó họ đã tặng cho tôi trên đảo San Salvador”. Ngày 6 tháng 11 ông cử hai người Tây Ban Nha đi khảo sát đảo Cuba, họ đã kể việc “gặp nhiều người đàn ông, đàn bà đang đi về làng, tay cầm một que củi đang cháy và những lá cỏ để uống cái khói theo phong tục của họ”. Tôi đã dùng nguyên văn cách nói của tiếng Castiglia “uống cái khói”, vì đây là lần đầu tiên người châu Âu nói đến việc hút thuốc. Trong thực tế *Tomar Sus Sahumerios* có nghĩa là hít khói vào. Trên đảo San Salvador và đảo Long, lần đầu tiên những người châu Âu biết lá thuốc lá và trên đảo Cuba, hai thủy thủ Tây Ban Nha trông thấy việc sử dụng thuốc lá kỳ lạ lần đầu tiên.

Don Ferdinando tường thuật không thay đổi gì những điều được kể lại đơn giản trong *Nhật ký*. Qua báo cáo chính xác hơn của Las Casas, chúng ta biết rằng thực tế Cigar hồi đó giống như hiện nay, thật là đáng ngạc nhiên. Cần nói thêm rằng danh từ *tabaco* trong tiếng Arawak có nghĩa là “cigar”, chứ không phải như ngày nay có

nghĩa là cây mà người ta thu lượm lá. Hai thủy thủ Tây Ban Nha, như Las Casas, đã nói một cách chi tiết sự xuất hiện của Cigar, lưu ý rằng đàn ông và đàn bà cầm “một thanh củi cháy trong tay,... và những củi khô”, đặt trong một lá khô, giống như những pháo nhỏ của những con trai Castiglia làm cho lễ Pentecoste. Họ đốt một đầu và hút khói từ đầu kia; bị say, họ vẫn không cảm thấy mệt.

Trong số những phát hiện nói đến từ trước đến nay, thuốc lá có ảnh hưởng lớn trong việc làm thay đổi thói quen của đàn ông và đàn bà của Thế Giới Cũ, lớn hơn cả khoai, ngô, cà chua, đậu và hạt tiêu. Tất cả những thứ đó đã làm thay đổi cách ăn uống của người châu Âu và châu Á. Đó là một ảnh hưởng còn lớn hơn nhiều phát kiến khác, quan trọng hơn về phương diện khoa học.

Tôi đã nêu cà chua và đậu; người ta có thể thêm cacao vào bản liệt kê những sản phẩm đã cách mạng hóa ngành nông nghiệp, cách ăn uống và nền kinh tế của toàn thế giới. Nhưng Colombo đã không biết ba cây này, hoặc ít nhất ông không nói rõ rằng ông quen với những cây ấy, trừ việc đề cập đến hạt cacao những người Indians dùng làm tiền trên một chiếc thuyền ở ngoài khơi Honduras trong chuyến du hành lần thứ tư. Sau này tôi sẽ nói về vấn đề đó.

Cuối cùng là cây bông, không phải là một trong những phát hiện của Colombo, nhưng những loại và tiểu loại bông thấy ở Thế Giới Mới thì chưa ai biết ở Thế Giới Cũ. Cùng với cây nhũ hương, bông là một trong vài thứ mà cả hai bên thế giới đều biết trong cuộc gặp gỡ. Nếu Colombo đã sai lầm trong việc tiên đoán những lợi ích kinh tế lớn lao từ cây nhũ hương, ông đã không sai lầm về bông. Ông ta đã báo cáo về bông sau lần đổ bộ đầu tiên lên đảo San Salvador. Colombo đã ghi trong *Nhật ký* ngày 13 tháng 10 “bông mọc trên đảo này” và ông thêm rằng ông đã trông thấy những người bản xứ bán mười sáu cuộn sợi bông nặng hai mươi nhăm đến ba mươi cân Anh để lấy mấy xu. Ông lập tức cấm việc buôn bán này và không cho phép ai làm như thế, “để dành hoàn toàn bông cho Vua và Hoàng hậu nếu chúng ta thấy khối lượng lớn bông.”

Ngày 6 tháng 11 trên đảo Cuba viên Đô đốc nói rằng những người Tây Ban Nha “đã trông thấy bông thô đã xe và dệt, và họ ước lượng rằng một nhà thu hoạch được hơn năm trăm Arrobas^[*] và mỗi

năm người ta có thể thu hoạch bốn nghìn tạ”. Viên Đô đốc nói thêm, ông tin rằng dân bản xứ không trồng bông và bông sinh sản quanh năm; bông hoàn toàn đẹp và có quả nang rất to. Một loại bông khác, loại của Thế Giới Cũ, xù xì hơn, có lá thường chia thành ba thùy, thay vì năm thùy, những cánh hoa trắng không có chấm. Bông của Thế Giới Cũ có những cánh hoa vàng có một chấm đỏ. Colombo không tường thuật tất cả những điểm khác nhau này, nhưng ông nhận ra rằng bông của đảo Cuba “có một quả nang rất to và rất đẹp”, như vậy ông ta phải biết bông của Thế Giới Cũ, có lẽ từ miền Andalusia, nơi mà trong thế kỷ thứ IX những người Moor đã đưa bông vào, tuy với một quy mô nhỏ. Hai chi tiết của Colombo như mọi lần cho thấy khả năng quan sát nhạy bén của ông về thiên nhiên, không những chỉ về biển cả, khả năng của ông về biển cả thì phi thường rồi, mà cả trong vương quốc các cây cỏ, đúng là bông ở Trung Mỹ xù xì hơn, quả nang to hơn, với đầu quả nổi nhọn hơn.

Colombo đã nhìn thấy trước rằng có thể sản xuất một lượng lớn bông tại Cuba, như Las Casas đã báo cáo, và người ta có thể bán nhiều bông ấy. Sự phát triển của ngành công nghiệp bông ở châu Mỹ đã hoàn toàn đáp ứng trực giác của Nhà Phát kiến. Tuy nhiên trong khi ngô, khoai, thuốc lá, cà chua, đậu, hạt tiêu, cacao và những cây khác đã gây ra một cuộc cách mạng trong phong tục của toàn thế giới, đơn thuần vì việc du nhập chúng, cuộc cách mạng kinh tế khởi đầu bằng bông chỉ bắt đầu với bốn phát minh cơ khí lớn trong thế kỷ thứ XVIII.

Bắt đầu năm 1738, Wyatt, Hargreaves Arkwright, và Crompton đã phát minh và hoàn thiện những thiết bị khác nhau và cuối cùng đã dẫn đến một máy quay sợi nổi tiếng vào năm 1779, một con suốt cơ khí cuối cùng đã cho phép một người đàn ông và bốn người con trai làm công việc của sáu trăm phụ nữ. Năm 1785 James Watt đã phát minh ra máy hơi nước, giải phóng nền công nghiệp khỏi phụ thuộc vào sức vật và sức nước. Cùng năm 1785, Edmund Cartwright đã phát minh khung cửi máy, khung cửi này dệt một ngày bằng nghìn người dệt tay. Cuối cùng năm 1792 Eli Whitney thuộc Massachusetts đã được cấp giấy chứng nhận quyền phát minh về máy cán bông, máy này đơn giản hóa việc tách hạt ra khỏi bông.

Người ta có thể nhận thấy ý nghĩa của những sự kiện này bằng cách xem xét hai con số. Vào giữa thế kỷ thứ XVIII, nước Anh đã nhập khẩu một ít tấn bông từ Mỹ; trong thập kỷ thứ hai của thế kỷ XIX, nước Anh nhập khẩu 385.000 tấn. Việc trồng bông vải nhiều loại khác nhau và những loại có thể thích ứng được, đã lan tràn ra tất cả những vùng nhiệt đới và ôn đới trên thế giới. Sự phát triển xoáy tròn của công nghệ, với việc tạo ra và sự lan tràn ngày càng tăng của sợi tổng hợp, đã không chặn đứng, hoặc thậm chí làm chậm được, sự phát triển của bông. Gần đây việc sử dụng bông làm cây mang dầu đã làm cho cây bông còn lan rộng thêm nữa, hầu như khắp mọi nơi người ta trồng bông, vì hai mục đích, hoặc để lấy sợi, hoặc để lấy hạt có dầu.

Những “sợi chỉ của quỷ” dùng đến 10 triệu người ở châu Mỹ, 12 triệu người ở Khối Thịnh vượng chung của Anh và có lẽ 100 triệu người trên toàn thế giới. Vàng trắng đã có vị trí, cùng với vàng màu vàng và vàng màu đen (dầu). Trong ba loại này Colombo không nghĩ đến, thậm chí cũng không tưởng tượng được, sự tồn tại của vàng đen. Ông lập tức thấy tầm quan trọng của vàng trắng và tiên đoán sự phát triển của nó tại những vùng đất mới của cuộc phát kiến vĩ đại. Còn vàng màu vàng ông tiếp tục cuộc lùng kiếm say mê.

20

CƯ DÂN Ở NHỮNG VÙNG ĐẤT MỚI

Như chúng ta thấy, Colombo đã miêu tả những đặc điểm thể chất của các dân cư thuộc những vùng Đất Mới nhiều lần trong *Nhật ký*, bắt đầu bằng cuộc gặp gỡ đầu tiên ngày 12 tháng 10. Họ là một dân tộc cao, đáng đẹp. Tóc họ không xoăn, nhưng trơn và thô như đuôi ngựa; trán và đầu rộng, rộng hơn hầu hết bất cứ một giống người nào khác; mắt họ đẹp, không nhỏ; da không có màu đen nhưng có màu giống như những người trên đảo Canaria; chân thẳng một cách khác thường; và bụng không to mà cân đối.

Họ là những người Taino, những dân tộc bản xứ ở tất cả những đảo Bahamas, Haiti, và Cuba, nói tóm lại, thuộc quần đảo Đại Antille. Ngôn ngữ của họ là Arauco, hay Arawak. Hiện nay họ hoàn toàn bị diệt chủng; chỉ còn lại một số đặc điểm của họ trong những người da đen mà họ đã kết hôn. Trong thế kỷ thứ XIV và XV, những người Taino đã lan tràn từ Haiti đến phần phía đông của Cuba, tới Jamaica, Puerto Rico, và quần đảo Bahamas, trục xuất, hoặc bắt làm nô lệ những cư dân sống ở các nơi này trước đó.

Những cuộc khai quật khảo cổ học tại những vùng có người Taino sống cho thấy sự phát triển có ý nghĩa văn hóa trong thuật trang trí dùng trong nghi lễ và thể thao. Họ có ba giai cấp: quý tộc, bình dân và nô lệ. Những người đứng đầu có quyền sinh sát đối với những bề tôi của họ. Họ trông nom, hướng dẫn những ngày lễ, các công việc đồng áng, săn bắt và đánh cá. Địa vị và của cải của họ được truyền lại theo mẫu hệ.

Những người Taino có bản chất dịu dàng và mến khách. Như Colombo đã nhận xét: đàn ông trần truồng, đàn bà đôi khi mặc tạp dề nhỏ, hay váy bằng sợi bông. Họ dùng nhiều màu khác nhau - đỏ,

trắng, đen, và vàng - để vẽ trên mình họ. Họ có thói quen nắn xương sọ cho méo và khoét lỗ ở mũi và tai. Họ có ít đồ trang sức, đều bằng đá, xương, vỏ ốc, và đôi khi bằng vàng. Trên một số đảo thuộc quần đảo Bahamas và một lần trên đảo Cuba, những người Tây Ban Nha đã gặp những người Indians có những miếng vàng, hoặc bạc, trong lỗ mũi của họ. Khi họ nhảy múa, họ mang những đồ trang sức và mặt nạ bằng lông vũ. Trống bằng gỗ dùng trong những cuộc khiêu vũ giống trống có hai giọng của người Mexico.

Về tôn giáo, người Taino quan niệm có một vị thần trên trời, đó là mặt trời và mẹ của mặt trời là mặt trăng. Loài người sinh ra từ đó. Họ giữ và thờ *zemi* (“những tượng nhỏ”) tại nơi họ ở. Mỗi *zemi* có một tên và một lịch sử cá nhân, có liên quan đến một vị chủ soái đã chết nào đó. Mỗi tượng nhỏ làm chức năng đại loại như một người phát ngôn để đưa ra những lời tiên tri; việc sử dụng người phát ngôn đó là bí mật. Những hình vẽ thấy ở nơi này nơi khác trên các vách đá có lẽ cũng dựa trên khái niệm thôi thúc việc tạo ra *zemi*. Người chết được chôn ở tư thế trước khi sinh. Vợ chính của vị chủ soái bị chôn theo chồng.

Colombo và những người của ông đã không gặp những chủng tộc khác trong cuộc hành trình thứ nhất. Cuốn *Nhật ký* thường nói đến những người Caribo và Canibale và cho biết những người Taino rất sợ người Caribo và Canibale nhưng những giống người này chỉ xuất hiện trong cuộc hành trình thứ hai. Lần này những cư dân chỉ là người Taino. Như đã nói, họ nói cùng một thứ tiếng. Colombo nhận xét “Tại Guinée, tình hình khác hẳn: họ nói một nghìn thứ tiếng; cư dân ở một nơi này không thể hiểu cư dân ở một nơi khác”. Ngày 11 tháng 12 viên Đô đốc đã có thể tường thuật trong *Nhật ký* rằng: “Hàng ngày chúng tôi hiểu nhiều hơn, mặc dù rất thường xuyên chúng tôi hiểu lầm họ, hoặc họ hiểu lầm chúng tôi”. Điều này giải thích tại sao những người phiên dịch không khó tìm. Một trong số những người đó được đưa về Tây Ban Nha và được làm lễ đặt tên tại nhà thờ công giáo là Diego Colón. Ông này sẽ là một thông dịch viên trong chuyến du hành thứ hai.

Người Taino không có trình độ văn minh cao, nhưng họ cũng không ở trạng thái nguyên thủy. Việc họ ở trần truồng và không muốn làm việc không thể hiện những tính cách nguyên thủy mà chỉ rõ

những hệ quả tự nhiên của môi trường. Không cần mặc quần áo trong thời tiết tuyệt diệu ở vùng Caribe và không cần làm việc nặng nhọc để có thức ăn. Thiên nhiên cho nhiều loại thức ăn ngon, bổ của biển cả, hiện vẫn phong phú dọc theo bờ biển của quần đảo Bahamas, Cuba và Haiti. Việc ăn cá sống đã làm cho don Fernando phải kinh ngạc, nhưng không còn làm cho những người sành ăn hiện nay ngạc nhiên nữa. Những con nhện và những con sâu trắng, nếu don Fernando coi là ghê tởm thì lại là những thức ăn cũng ngon lành như một loại sên ăn được mà nghệ thuật nấu ăn của Pháp và Ý đánh giá cao. Ngoài thức ăn do thiên nhiên ban cho một cách hào phóng, có một thứ người ta cần lao động thực sự mới có được: bánh làm từ khoai lang nạo, hoặc từ ngô giã, hoặc nghiền, mà người Tây Ban Nha gọi là bánh *Cassava* hoặc *Cazzabi*. Để có được *yuca* cần lao động khá nặng nề, nhất là loại bỏ chất độc từ sắn.

Nhà ở của người Taino làm bằng rơm rạ hoặc lá cọ, giống những ngôi nhà thường thấy ngày nay tại vùng nhiệt đới châu Mỹ, châu Phi và châu Á. Nhà thường hình chữ nhật và có mái dốc, có khi nhà tròn có mái hình nón, đôi khi nhà xây dựng trên những cột. Các khu định cư của người Taino đều có những bãi chơi. Trò chơi dùng những quả bóng cao su không được chạm tay vào. Phát hiện này có ý nghĩa đáng kể khi người ta xem xét tầm quan trọng của môn bóng đá trong thế kỷ này. Bóng đá là một môn chơi trong đó người ta không được chạm tay vào quả bóng.

Cao su, dưới hình thức đầu tiên là một quả bóng, đã nảy và nhảy vào lịch sử trên đảo Cuba và Haiti của Thế Giới Mới trước con mắt kinh sợ của những người từ Thế Giới Cũ đến. Oviedo chú ý sự khác nhau giữa những quả bóng này với những quả bóng mà người ta đã biết trong thế giới Công giáo: “Những quả bóng này nảy nhiều hơn những quả bóng khác, khi người ta ném chúng xuống đất chúng lại bật nhiều lần rồi mới giảm dần”. Cao su cứng có nhiều loại khác nhau - loại nổi tiếng nhất là *Hevea brasiliensis* đã được những người Indians biết đến trước thời Colombo. Người châu Âu có kiến thức đầy đủ hơn về cao su thông qua công trình của La Condamine; năm 1839 Goodyear đã phát minh ra cách lưu hóa cao su.

Trở lại những ngôi nhà ở, chúng lớn và giống những lều trong một trại lính, “chúng không xếp theo hàng lối và do đó không làm

thành những đường đi mà rải rác mọc lên tại bất cứ chỗ nào”. Ngày 3 tháng 12, Colombo đã thấy trong một căn nhà “những sợi cây cọ, những dây thừng, một lưới câu làm bằng sừng, những lao móc làm bằng xương, những công cụ khác để đánh cá và nhiều bếp lửa ở phía trong. Ghế ngồi là những khúc gỗ đơn, đẽo thành những con vật có đuôi vươn cao lên làm chỗ để tựa đầu.

Vật khác thường nhất mà người châu Âu thấy trong nhà người Indians là cái võng. Ngày 18 tháng 10 lần đầu tiên Colombo thấy võng trên đảo Fernandina: “Những giường và tấm phủ để những người này ngủ là một loại lưới bông”. Ngày 27 tháng 10 trên đảo Cuba, Colombo đã thăm hai ngôi nhà và ở cả hai nơi ông thấy “những lưới họ bằng sợi cây cọ”. Ngày 3 tháng 11, ông xác định đó là “những lưới họ nằm ngủ, những cái võng”. Las Casas tỉ mỉ và chính xác hơn trong miêu tả của ông. Ông gần nhận xét về tập tục ngủ võng với cấu trúc của ngôi nhà:

Võng có hình dáng một cái quai, những sợi dài của võng không dệt với nhau như lưới mà khá thưa để ngón tay có thể thò vào giữa. Những sợi này đan với những sợi khác to hơn giống như đăng ten ở Seviglia. Chúng dài và đảm bảo sự thoải mái khi nằm, đến đầu dây các sợi tách ra thành nhiều sợi. Mỗi sợi lại nối vào những sợi mịn khác bằng một chất liệu dai hơn bông giống như gai. Vòng rộng 113 cm (khoảng 45 inch). Đầu võng ken thành nút to bằng nắm tay và buộc vào cột ở hai bên nhà để treo cái võng trong không khí và dùng nó ở vị trí đó. Võng dài 3-4 yard và khi dùng võng mở ra như một cái quai khổng lồ.

Những người Indians chứa nước trong những quả bí khoét rỗng. Họ quấn bông xe thành những cuộn tròn như quả bóng. Nhiều lần người Tây Ban Nha thấy trong nhà những tượng nhỏ bằng gỗ, những hình phụ nữ gọt sò sài và những mặt nạ làm công phu. Nhưng họ không thể xác định được những tượng nhỏ đó mang tính chất tôn giáo hay nghệ thuật. Ngay từ đầu, ngày 12 tháng 10 Colombo nói về những mũi lao của họ trong *Nhật ký*. Ngày 15 tháng Giêng, ông lại nêu những thứ ấy trên đảo Haiti: “Những cái cung của người Indians to bằng những cái cung dùng ở Pháp và Anh, còn tên

thì giống những mũi lao. Đầu mũi tên rất sắc, bằng gỗ hay bằng răng cá. Tuy nhiên thường những cung tên đó không gây tác hại lớn. Cũng ngày 15 tháng Giêng Colombo nhắc lại rằng “những cư dân trên đảo này không có sắt, hoặc bất cứ kim loại nào khác mà người ta đã biết”, điều ông đã nhận xét trên đảo San Salvador.

Chiếc thuyền độc mộc đã gây lên sự thích thú đặc biệt. Don Fernando so sánh nó với chiếc *artesa*, khoét trong đoạn thân cây ở Castiglia. Có những thuyền lớn và nhỏ, dài và hẹp, tất cả đều làm từ một thân cây, khoét rỗng bằng những miếng đá sắc như lưỡi dao bào. Đầu thuyền hình chữ nhật. Các mái chèo đều có cán để cầm, đầu mái chèo dài hơn đầu mái chèo của người châu Âu và người Ả-rập thời đó và ngày nay vẫn dùng. Colombo nói về những chiếc thuyền độc mộc trong *Nhật ký*, ngay từ cuộc gặp gỡ đầu tiên. Ngày 13 tháng 10 ông viết như sau:

Họ đến tàu của tôi trong những thuyền kiểu dáng đẹp, làm từ nguyên một thân cây. Có thuyền chứa được đến bốn mươi người. Những mái chèo của họ giống như những chiếc xẻng đưa bánh vào lò của người làm bánh mì và họ có thể chèo thuyền đi nhanh đến mức diệu kỳ. Nếu thuyền bị lật, mọi người trên thuyền bắt đầu bơi, lật thuyền lại và dùng những quả bí để tát nước ra.

Ngày 30 tháng 11 ông viết: “Gần một trong những con sông này, người ta trông thấy một *almadia*, hay thuyền độc mộc, dài 95 cây sọ, làm từ nguyên một thân cây rất đẹp, có thể chứa ít nhất 150 người”. Con số này chắc không đúng khi sao chép lại. Gần với sự thật hơn là mục ghi vào *Nhật ký* ngày 3 tháng 12: Họ gặp một nhà thuyền làm cẩn thận, có mái che nắng mưa. Dưới nhà là một ca nô, làm từ nguyên một thân cây theo hình một chiếc galley, với 17 ghế lái cho người chèo thuyền: nhìn vẻ đẹp và kỹ xảo của nó là một sự thú vị. Đây là những công cụ của những dân tộc mới, thực ra còn rất ít, nhưng trong điều kiện khí hậu và thiên nhiên phong phú đó cũng đủ để đạt được một cuộc sống thích hợp.

Một sự kiện sẽ minh họa bản chất dễ bảo và nhút nhát của người Taino. Ngày 3 tháng 12 Colombo đi trên một chiếc thuyền trên

một con sông ở đảo Haiti. Nhiều người Indians tụ tập trên bờ sông; một người trong số họ đi xuống sông và nói một câu đe dọa. Anh ta gior chiếc nỏ đã lắp tên chĩa vào người Tây Ban Nha và nói rằng bọn họ sẽ chết hết vì chiếc nỏ có thể giết người từ xa. Người Tây Ban Nha rút gươm ra khỏi bao, vung gươm và cũng nói như thế, đến đó tất cả những người Indians đều chạy trốn. Trước khi kể lại sự kiện này, Colombo đã rút ra một kết luận cay nghiệt: “Những người Indians này rất hèn nhát và sợ sệt, mười người của chúng ta có thể làm cho một vạn người của họ chạy trốn”. Đây chỉ là một trong nhiều hiểu lầm giữa thế giới của những người phát kiến và thế giới của những người bị phát kiến.

21 HUYỀN THOẠI VỀ VÀNG

Một số người đã nói không đúng là Colombo bị lừa về chuyện vàng trong chuyến đi thứ nhất. Đúng, Colombo đã không tìm thấy những mái nhà và những chiếc cầu bằng vàng, đồ sứ có khảm vàng, như Marco Polo miêu tả, hay những mỏ vàng. Nhưng ông cũng đã tìm thấy vàng ngay từ đầu. Dân cư thuộc quần đảo Bahamas và đảo Cuba có vàng, nhưng phải nhận là số lượng ít. Họ chất phác, gần như nguyên thủy trong cách ăn mặc. Colombo nhấn mạnh việc họ trần truồng làm một lý do. Hình như Colombo đã nghĩ rằng những người dân ở đây trần truồng và nghèo khổ, tự trang điểm cho mình bằng những miếng vàng nhỏ; ai biết chúng ta sẽ tìm thấy bao nhiêu vàng tại một nơi mà nền văn minh và cách ăn mặc tương xứng với những miêu tả của Marco Polo? Thực tế có vẻ hỗ trợ cho lòng tin này. Trên đảo Haiti, đất đai được trồng trọt khắp nơi, những người Indians đẹp hơn, được ăn uống tốt hơn và là những người buôn bán sắc sảo hơn. Ở đây trình độ văn minh tỏ ra cao hơn và nông thôn giống châu Âu, cuối cùng những người Genova đã tìm thấy vàng.

Ngày 12 tháng 12, thủy thủ đã bắt người phụ nữ đẹp nhất cuộc hành trình rồi thả người này ra; người phụ nữ này có một miếng vàng nhỏ trong mũi, “chứng cứ rõ ràng là có vàng trên đảo”. Ngày 17 tháng 12 *Nhật ký* nêu một sự kiện đã được kể lại trước đó về một tù trưởng đổi chác một lá vàng cắt thành từng miếng nhỏ. Cùng ngày, những người Indians nói trên đảo Tortuga có vàng; đảo nhỏ này ở ngoài khơi phía tây-bắc đảo Haiti sau này trở thành căn cứ nổi tiếng của bọn cướp biển. Ngày 18 tháng 12 một tù trưởng cho viên Đô đốc một thất lưng có hai miếng vàng chạm trổ. Ngày 21 tháng 12 một thôn trưởng người Indians đã tiếp những đại diện của Đô đốc tại làng ông ta và “biếu họ một số mảnh vàng”. Ngày 22 tháng 12 *Nhật ký* ghi lại rằng những người Indians đã đổi một số miếng vàng lấy sáu hột

cường bằng thủy tinh, và một tù trưởng đã cho những người Tây Ban Nha “ba con ngỗng rất béo và một số mảnh vàng”. Ngày 23 tháng 12 viên Đô đốc cử hai người Indians đến những làng ở gần các tàu, khi trở về họ nói rằng ở những làng đó có nhiều vàng.

Những sự kiện tương tự xảy ra hàng ngày. Đặc biệt có ý nghĩa là món quà tù trưởng Guacanagari tặng Colombo ngày 22 tháng 12. Món quà ấy được gia công khéo léo tuyệt vời chưa từng thấy. Một dây đai bằng bông có đính những xương cá màu trắng và đỏ, dây đai dệt như một áo lễ Castiglia thêu bằng những chỉ vàng. Dây đai rộng bốn ngón tay và dệt chặt đến nỗi một phát súng hỏa mai cũng không chọc thủng được. Ở giữa dây đai là một mặt nạ có tai, lưỡi, và mũi bằng vàng đặc.

Colombo bắt đầu tin rằng cuối cùng ông đã tìm đến vùng đất ở đó vàng được khai thác từ các mỏ. Những cư dân vùng bờ biển bây giờ không chỉ ra các đảo nữa mà chỉ một vùng ở ngay trong đất liền mà họ cho nó một cái tên Cibao. Một lần nữa sự tình cờ lại lừa dối. Người Genova này cũng có phần trách nhiệm vì lúc nào cũng sẵn sàng tìm ngay điều ông đang mong ước. Những người Indians nói Cibao và ông dịch là “Cipango”. Đó là ngày 28 tháng 12. Rồi tàu của ông bị hỏng (về sự kiện này tôi sẽ nói ở dưới). Người tù trưởng biết Colombo muốn nhiều vàng, cho nên ngày 26 tháng 12, để làm cho ông vui lòng người tù trưởng đã ra hiệu chỉ rõ địa phương có nhiều vàng không cách xa lắm và chắc Colombo hài lòng vì ông sẽ toại nguyện muốn có bao nhiêu vàng cũng được.

Nhật ký ngày 26 tháng 12 ghi rằng viên Đô đốc đã nhận “một mặt nạ lớn có những cục vàng lớn ở tai, mắt và những chỗ khác nữa; người tù trưởng cho ông cái mặt nạ cùng với những đồ trang sức bằng vàng mà ông ta đeo trên đầu và chung quanh cổ; ông ta còn cho những người Công giáo khác nhiều châu báu. Như thế viên Đô đốc hài lòng và được an ủi. Hai ngày sau, viên Đô đốc nhận được một “đĩa lớn bằng vàng”.

Ngày 29 tháng 12 “một người cháu trai của viên tù trưởng nói rằng một cuộc hành trình bốn ngày về phía đông sẽ dẫn đến một hòn đảo gọi là *Guarione*, và có những đảo khác trên đó người ta thấy vô số vàng... có rất nhiều và tại nhiều nơi, trên đảo Hispaniola này. Viên Đô đốc viết: “đến nỗi đó là một kỳ quan”. Ngày 30 tháng 12 “hai tù

trường đến Guacanagari vào buổi sáng và đến viên Đô đốc, mỗi tù trưởng biểu viên Đô đốc một cái đĩa lớn bằng vàng”. Như vậy, Haiti có vàng, với số lượng đáng kể.

Vấn đề vàng có một vị trí đặc biệt và khác thường trong kinh nghiệm của Colombo, bắt đầu từ cuộc hành trình thứ nhất. Người ta có thể thảo luận dài dòng, và không bao giờ đi đến một câu trả lời rõ ràng cho câu hỏi điều gì chiếm hàng đầu trong tâm trí ông: tham vọng hay tự hào, tính hiếu kỳ khoa học hay tinh thần mạo hiểm, một sự say mê với điều chưa biết hay cảm giác thần bí cho là mình được chọn cho một sứ mệnh thiêng liêng. Ở những thời gian khác nhau, một trong những động cơ này chiếm ưu thế, hoặc có lẽ tất cả những động cơ ấy cùng hiện diện đồng thời. Một điều chắc chắn là việc tìm vàng tự nó không phải là một mục tiêu. Là một người Genova thực sự Colombo biết cách theo những lợi ích riêng của bản thân; ông mong ước chiếm lĩnh của cải cho bản thân và cho con cháu. Điều đó không thể phủ nhận, nhưng không phải là mối quan tâm đầu tiên của ông. Đó không phải là động lực duy nhất mà là một trong những động lực, và cũng không phải là động lực quan trọng nhất. Những động lực quan trọng nhất - chúng ta phải nhắc lại những động lực ấy - là tham vọng, lòng tự hào, tính hiếu kỳ khoa học, tinh thần mạo hiểm, sự say mê với điều chưa biết và cảm giác thần bí rằng mình được chọn cho một sứ mệnh thiêng liêng. Động lực cuối cùng này là một phần của thế giới quan bắt nguồn từ Gioachino da Fiore, mà Colombo cũng như nhiều người thuộc dòng tu Francesco cùng thời với ông đã chịu ảnh hưởng một cách có ý thức.

Chắc chắn Colombo tìm vàng, *một sự ám ảnh thần bí* chiếm lĩnh tâm hồn ông. Điều đó có nghĩa là vàng đối với ông không có nghĩa là một nguồn của cải, một sự tiến triển kinh tế, mà trước hết một công cụ quyền lực đối với Thiên chúa giáo, một phương tiện giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh chống người Thổ Nhĩ Kỳ và trong việc chinh phục lại Mộ Chúa; thậm chí - tại sao không - đó là phương tiện cần thiết để mở ra thời đại Gioachino thứ ba, thời đại phúc lợi và hoàn thiện chung. Và như vậy người ta có thể coi việc tìm kiếm những vùng đất Ấn Độ là sự tái sinh phục hưng việc tìm kiếm hòn đá triết gia (chế tạo vàng) thời sơ kỳ Trung cổ.

Không may thay, trong cuộc hành trình lần thứ hai vàng trở thành một sự ám ảnh độc hại đối với viên Đô đốc, một nguồn bất công bóc lột nô lệ, tàn phá và chết chóc. Trong chuyến du hành thứ nhất, không xảy ra một điều nào trong những điều này, nhưng trong *Nhật ký* về cuộc hành trình thứ nhất, Colombo nêu vàng 134 lần, trong khi ông chỉ nói có 36 lần về hương liệu, bằng những lời lẽ chung chung hay cụ thể. Như vậy bắt đầu với cuộc du hành thứ nhất, động lực hàng đầu là tìm một tuyến đường mới tới những vùng đất Ấn Độ đã thay đổi và chuyển một cách quyết định từ hương liệu sang vàng. Công cuộc này trở nên sôi động và bùng nổ trong suốt cuộc hành trình thứ hai, nhưng từ cuộc hành trình thứ nhất người ta có thể thấy rằng sự chuyển từ hương liệu sang vàng là sự thay đổi cơ bản và quyết định. Từ cây nhũ hương ở Chio đến những thùng vàng; người ta có thể tóm tắt việc chuyển từ mục tiêu này sang mục tiêu khác trong tâm trí của Colombo như vậy.

Nếu chúng ta muốn thấy mặt trái tấm mề đay của cuộc phát kiến vĩ đại này và chú tâm đến những hậu quả kinh tế của việc chuyển từ hương liệu sang vàng, chúng ta phải lưu ý rằng không phải ngẫu nhiên mà một người Genova lại là người đóng vai chính trong những sự kiện này. Trong thế kỷ XV cũng như trong những thế kỷ sau, người Genova trở nên giàu có từ việc buôn bán trên biển của họ, không có cơ hội đầu tư vào nông nghiệp - cũng như những người Venezia - vì ở Liguria hiếm đất, và như vậy họ đã đầu tư vào những lâu đài, những bức họa, và những đồ quý giá có thể góp nhặt được, nhất là vàng. Họ phủ đồ đạc của họ và trần nhà của họ bằng vàng lá; họ chứa đầy những căn buồng của họ những đồ vật bằng vàng và những kết của họ bằng những đồng tiền vàng. Nhằm làm cho vàng có tác dụng đối với họ, họ cho vay, trở thành những chủ nợ và do đó họ bị căm thù (hơn là được yêu) bởi những nhà doanh nghiệp, những đại gia tộc, những vua chúa, và những người có thế lực ở gần như khắp nơi của thế giới Công giáo.

22 ĐẮM TÀU

Đêm Giáng sinh, chiếc *Santa Maria* chuyển hướng dọc theo bờ biển đông bắc Haiti, đi ngược gió xích đạo đến từ hướng đông. Chiếc tàu Đô đốc tiến từ từ cho tới khi nó cách xa mũi đất ngày nay gọi là Punta Picoulet, phía tây-bắc Cap-Haiti.

Mười một giờ. Người phục vụ trên tàu mở chiếc đồng hồ cát. Một người lái tàu mới nhận bàn giao nhiệm vụ. Viên Đô đốc đi vào phòng mình tụng kinh và ngủ. “Đã hai ngày một đêm ông ta không ngủ”. Viên Đô đốc vừa đi khỏi xuống phía dưới thì những người trên boong tàu - những người gác và những người phục vụ - cũng nằm dài ra ngủ.

Juan de la Cosa, nhân viên tổ trực trên tàu đã chỉ cho người lái tàu hướng đi dễ dàng: theo chiếc *Nina*, buồm của chiếc tàu này căng gió và được ánh trăng mờ nhạt thấp dưới chân trời chiếu sáng. Biển lặng, nước trong, như “một chiếc bát yên tĩnh” Juan de la Cosa bảo người lái tàu gọi anh ta, nếu gió hay thời tiết thay đổi, hoặc có điều gì xảy ra, rồi anh ta cũng đi xuống. Người lái tàu cũng mệt lử và lay người phục vụ dậy; nhiệm vụ của người này chỉ là trông nom chiếc đồng hồ cát. Người lái tàu trao bánh lái cho người phục vụ, mặc dù Colombo đã có lệnh nghiêm cấm việc đó, rồi anh ta cũng nằm xoài ra ngủ. Thế là số phận của chiếc tàu Đô đốc nằm trong tay một người phục vụ, người duy nhất còn thức.

Mặt trăng quá thấp nên không thể thấy bọt trắng nơi mà đợt sóng dài đập vào vách san hô. Dù sao, người phục vụ đứng ở phần cuối tàu đã làm tất cả mọi điều có thể làm để điều khiển bánh lái, nhưng không nhìn thấy vách san hô. Dòng nước biển đưa chiếc tàu đến một trong những chỗ nông và gầm thét to đến mức cách xa cũng có thể nghe thấy nhưng chiếc tàu đã vượt qua vách san hô một cách lặng lẽ, người phục vụ không cảm thấy gì cả. Ông chỉ kêu lên khi

cảm thấy bánh lái kẹt lại và nghe đánh ầm một tiếng. Colombo là người đầu tiên có mặt trên sân lái của tàu. Juan de la Cosa và những người khác cũng lên với ông. Tình hình thật rõ ràng. Chiếc *Santa Maria* đã đâm mũi vào vĩa san hô. Vì đuôi tàu hút nhiều nước hơn mũi tàu, để giữ cho chiếc tàu nổi phải ném neo ra quá vách san hô, đặt cáp qua tời lớn tại mũi tàu và kéo lùi tàu ra, đuôi tàu ra trước. Đó là những lệnh của Colombo cho Juan de la Cosa; đưa chiếc thuyền đi song song với con tàu (chiếc thuyền vẫn được kéo theo sau con tàu), cắt neo và cáp lên và vượt qua vách san hô tìm một độ sâu để neo. Juan de la Cosa không làm như thế, ông ta lên chiếc thuyền rồi đi thẳng tới chiếc *Nina*. Người ta cho rằng hình như ông ta hoảng hốt vì chiếc *Santa Maria* là tài sản của ông ta. Vicente Yanez Pinzón trên chiếc *Nina* đã làm một việc đúng, không cho người này lên tàu và cử một số thuyền và thủy thủ đến giúp đỡ Đô đốc. Nhưng quá muộn. Đuôi tàu đã đổi hướng, chiếc tàu nằm chéo trên biển; một đợt sóng lại nâng chiếc tàu lên, hay nhấn nó xuống một cách nặng nề trên vĩa san hô. San hô, hơn hết mọi loại đá khác, chọc thủng lỗ trên thân tàu bằng gỗ.

Để làm nhẹ bớt chiếc tàu, viên Đô đốc đã cho dỡ cột buồm chính, nhưng chưa đủ. Nước thủy triều đang xuống và chiếc tàu “không nằm được yên; nó bập bênh một cách nặng nề, những đường gấn toác ra, và nước vào đầy từ phía dưới”. Như vậy đã xảy ra một vụ đắm tàu châu Âu lần đầu tiên mà người ta biết ở châu Mỹ, gần Cap-Haiti ngày nay. Ngày Giáng sinh đã qua đi trong việc cứu hàng hóa của chiếc *Santa Maria* và chuyển viên Đô đốc và đoàn thủy thủ sang chiếc *Nina*. Dân đảo Guacanagari đã giúp những người Tây Ban Nha nhiệt tình và với lòng trung thực tuyệt đối. Kết thúc những hoạt động cấp cứu, Colombo đã ghi trong *Nhật ký* rằng họ không bỏ mất một tí gì cả.

Sau vụ đắm tàu thì sự kiện quan trọng nhất trong cuộc phát kiến vĩ đại là việc thiết lập thuộc địa La Navidad, thuộc địa đầu tiên của châu Âu tại Mỹ. Quyết định nhanh chóng, nó không thể giải thích được nếu Colombo không nghĩ đến việc ấy trước khi tàu bị hỏng. Hai dòng trong *Nhật ký* đã nói rõ rằng, không những ông đã nghĩ về thuộc địa đó, mà ông còn nói về việc lập một thuộc địa trước đó: “Tuy

nhien, một điều hoàn toàn có thực là nhiều người của tôi đã xin tôi và nhờ người khác xin hộ để họ được ở lại nơi này.”

Ba mươi chín người ở lại, trong đó có Diego de Arana, sĩ quan lễ tân của đoàn tàu và là anh em họ của Beatrice de Arana, người yêu của Colombo ở Córdoba; Pedro Gutierrez, người phụ trách trang phục của nhà vua; và Rodrigo d' Escobedo, người thư ký.

Đối với ba người này, viên Đô đốc chuyển giao cho quyền lực mà Vua phong Hoàng hậu đã ban cho ông. Ông phong cho Diego de Arana làm Tổng chỉ huy. Trong số những người ở lại có Luis de Torres, người Do thái đã cải đạo làm nhiệm vụ phiên dịch; hai nhà giải phẫu, Juan và Alfonso; người thợ may Juan de Medina; người thợ đánh vec-ni Diego Pérez, người thợ xảm thuyền Lope; người thợ mộc của chiếc tàu *Nina*, Alonso Morales; người thợ đóng và chữa thùng Domingo Vizcaino; người thủy thủ Genova Jacome el Rico, và người quê ở Calabria Anton Calabres. Còn có một người phụ trách súng trên tàu, Colombo để lại cùng một số người Lombardi và ra lệnh xây dựng một tháp, một pháo đài và một đường hào, một viên quản lý neo buồm chịu trách nhiệm một chiếc thuyền được để lại nhằm khảo sát bờ biển, phát hiện mỏ vàng, và thành lập một thuộc địa mới ở một địa điểm tốt hơn; vì thuộc địa hiện tại chỉ là tạm thời.

Địa điểm chính xác của La Navidad chưa được xác minh. Chúng ta biết rằng nó ở một nơi nào đó trong vùng kéo dài khoảng bốn dặm dọc theo bờ biển và hai vùng trong đất liền. Trong phạm vi hình chữ nhật này ngày nay là một làng nhỏ Bord-de-Mer de Limonade, một nhà thờ, nhiều nhà nhỏ và một số thuyền nhỏ của ngư dân Haiti; đó là một khoảng biển có đáy là cát, nối với biển bằng một dải đầm lầy với rừng nước ngập mặn.

Một lý do khác khiến cho khó xác minh địa điểm chính xác của thuộc địa là đường bờ biển từ năm 1492 đến nay đã thay đổi. Đồng bằng, đất bồi đã mở rộng ra biển, và hướng nước chảy xuống từ những ngọn núi đã thay đổi; người Pháp đã đưa nước của con sông Lớn chảy về chi nhánh cực tây của chỗ hợp lưu hồi đó. Ngày nay, con sông Lớn chảy theo một đường thẳng từ nam tới bắc, hai bên người Pháp giồng hai hàng cây cao để đánh dấu rõ hướng mới của con sông. Về phía đông hai con kênh vẫn gần biển, những di tích của hai chi nhánh khác của con sông trước thời gian người Pháp đổi

dòng. Gần một trong những dòng nước này mà trong thời Colombo có lẽ là nhánh sông chính, nổi lên làng của người Guacanagari. Như vậy, La Navidad ở vào khoảng một nửa dặm phía đông của con kênh hiện nay thuộc sông Lớn và khoảng một dặm về phía tây-nam của bãi biển hiện nay mang tên Bord-de-Mer de Limonade, gần bờ phải của một trong những con kênh ở phía đông.

Người Tây Ban Nha là những chuyên gia xây dựng thành phố, thường họ không định cư trên đồng bằng đất bồi và một điều hoàn toàn hợp logic là Colombo đã nghĩ tới những nơi khác để lập thuộc địa vĩnh viễn. Điều này được nêu rõ trong *Nhật ký*. Ngày 31 tháng 12 Colombo chỉ rõ ý định của ông đi thuyền suốt dọc bờ biển Haiti “để tìm nơi tốt nhất thiết lập một trạm, tại đó người ta có thể nhập khẩu súc vật và những mặt hàng khác”. Ngày 2 tháng Giêng, Colombo hy vọng rằng trên đường trở về “họ có thể chỉ cho ông nơi tốt nhất để thành lập một thành phố, vì nơi ông đang rời đi này không thuận tiện”.

Colombo để lại cho ba mươi chín người định cư một số lớn hàng hóa, tất cả những hàng hóa Vua và Hoàng hậu đã cho phép buôn bán, như vậy hàng hóa ấy có thể trao đổi lấy vàng, những người ở lại định cư còn được tất cả mọi thứ trên chiếc tàu *Santa Maria*: cung cấp lương khô[☐] trong một năm, rượu và nhiều súng đạn. Là người rất sắc sảo và nhìn xa trông rộng, Colombo cảm thấy yên tâm. Ngày 4 tháng Giêng, khi ông đi xuống kênh Limonade về phía biển khơi, ông đã trông thấy pháo đài La Navidad, từ sân lái của chiếc tàu *Nina* lần cuối cùng và không hình dung nổi số phận thuộc địa đầu tiên của người Âu tại những vùng đất mới tìm thấy sẽ buồn như thế nào.

TÌM ĐƯỢC CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ

Sau khi rời đảo Hispaniola, Colombo muốn thăm một đảo khác trước khi hướng tới Đại Tây Dương, đảo Cariba, hay đảo Phụ Nữ. Ngày thứ tư, 16 tháng Giêng, ông thay đổi ý kiến, quyết định bắt đầu vượt Đại Tây Dương trở về nước. “Ông quay mũi tàu về phía Tây Ban Nha, hướng đông bắc về phía đông”. *Nhật ký* ghi như vậy. Mục tiêu là đi về phía bắc của vùng gió xích đạo. Ông nhận ra rằng ông đã rời gió xích đạo vào khoảng ngày 23 tháng Giêng, vì ông viết trong *Nhật ký*: “Tối nay gió chuyển hướng nhiều”. Từ điểm đó trở đi tàu đi xuôi gió, luôn luôn đi về hướng đông và bắc. Ngày 25 tháng Giêng họ ở 60° Tây, ngày 1 tháng 2 họ ở 55° và ngày 3 tháng 2 ở 50°. Tại điểm này đối với viên Đô đốc hình như ngôi sao Bắc đẩu cao như ở Capo San Vincenzo ở Bồ Đào Nha, một sự quan sát rất gần thực tế, và đặc biệt khi nhìn bằng mắt trần. Colombo lúc đó ở 35° Bắc, trong khi Capo San Vincenzo ở 37° Bắc.

Từ lúc đó, Colombo không còn điều gì nghi ngờ nữa. Ông biết rằng điểm cực tây của quần đảo Azzorre, nơi ông đã tới trước khi tiến hành ý đồ lớn của mình, ở trên cùng vĩ tuyến với Capo San Vincenzo và những đảo khác nằm ở phía bắc một chút, như vậy ông đi về hướng đông. Ngày 10 tháng 2 hai chiếc tàu ở 31° Bắc. Colombo có muốn ghé lên quần đảo Azzorre hay không? Ngày hôm sau Colombo ở phía nam đảo Fayal và Pico. Cho đến ngày ấy, ông đặc biệt may mắn. Ngày 22 tháng Giêng biển lặng đến nỗi “những người Indians nhảy xuống biển để bơi”. Ngày tiếp theo biển luôn luôn phẳng lặng như một con sông, “cảm ơn Chúa vô cùng”. Ngày 1 tháng 2 ông ghi “Cảm ơn Chúa, biển luôn luôn cực kỳ tĩnh lặng”; ngày tiếp theo “biển rất yên gió, cảm ơn Chúa, và nhiệt độ rất dễ chịu”; ngày tiếp theo, “biển rất lặng gió”.

Ngày 12 tháng 2 biển bắt đầu nổi sóng. Colombo nhận thấy không khí của cơn bão sẽ bùng lên trong hai ngày sắp tới. Đêm đó “chớp lóe lên ba lần ở phía đông bắc”, dấu hiệu của một trận bão lớn sẽ đến từ hướng đó hay từ hướng đối diện. Ở thời điểm này trước một trận bão, những tính toán và suy luận không còn hiệu lực nữa. Những lực lượng không thể hiểu được, hoặc không theo khuôn mẫu nào, đã tác động, đó là những lực lượng của tự nhiên. Trận bão nổ ra lần này là một trong những cơn bão tồi tệ nhất người ta có thể gặp trên Đại Tây Dương.

Chúng ta không có tài liệu, không có sự đề cập nào của Colombo hay của những nhà biên niên sử cùng thời nói đến những trận bão trước đó. Chắc chắn Colombo đã thấy nhiều trận bão ở Địa Trung Hải và Đại Tây Dương trong kinh nghiệm lâu năm về đi biển trước cuộc hành trình phát kiến lần này. Chúng ta biết trong tình huống khẩn cấp này, Colombo đã hành động một cách bình tĩnh và khéo léo. Trước hết, ông ra lệnh giữ buồm đi bão với buồm ngọn trước gió và bánh lái đặt đối diện với buồm ngọn. Ông chọn cách làm này khi gió và biển đã mạnh đến mức không còn giữ được những cánh buồm thông thường và không duy trì được hướng đi mà không gây nguy hiểm. Giữ buồm đi bão có nghĩa là để cho chiếc tàu gần như đi ngược gió và chỉ giữ đủ buồm để cản chút ít lực của gió đối với buồm và thân tàu, chỉ làm cho tàu trôi ngang một ít sang một bên, chứ hầu như không tiến lên chút nào. Sự trôi dạt này tạo ra một luồng nước bảo vệ, sóng sẽ đập vào đó trước khi tới tàu.

Chiếc *Nina* tiếp tục trôi và tránh gió. Nhưng sức mạnh của gió tăng thêm và tốc độ tạt ngang của sóng biển trở nên đáng sợ hơn. Cho nên lúc đó viên Đô đốc chỉ giữ buồm ngọn rất thấp để cho chiếc tàu nhô lên trên sóng, sóng đập vỡ vào nhau mà không làm chìm tàu. Colombo nhận thấy giữ buồm đi bão, ông đã liều lĩnh cho nước vào đầy tàu *Nina*, vì thành tàu rất thấp. Ông quyết định lướt theo gió và ra lệnh cho người lái tàu hướng phần đuôi tàu theo hướng cơn bão, để mặc gió đưa con tàu đi. Con tàu lướt đi trước gió, phải giữ một chút buồm để điều khiển và hướng sóng về đuôi, hoặc hông tàu, đồng thời giảm bớt tác động của gió càng nhiều càng tốt. Thiết kế của chiếc tàu rất hợp với sự điều khiển đó. Chiếc tàu không thể tồn tại lâu với chiếc buồm đi bão, nhưng nó có khả năng chịu đựng biển cả

bằng cách lướt nhanh trước gió, nhờ đuôi tàu cao hơn nên có tác dụng bảo vệ.

Martin Alonso Pinzón, như một thủy thủ giỏi, cũng lướt trước gió. Hai chiếc tàu không có phương tiện nào khác để thoát khỏi trận bão và bão lần nữa lại tách chúng ta. Lúc này Pinzón chắc chắn không muốn tách rời nhau bằng bất cứ giá nào. Ở sát bên nhau trong hoàn cảnh khó khăn khủng khiếp này thì rất tiện cho ông cũng như cho Colombo. Sự dữ tợn của cơn bão đã tách xa hai con tàu và không có dấu hiệu giảm bớt. Thay vào đó, mặc dù thiết kế của chiếc tàu và nghệ thuật đi biển của thời đại cho phép có những biện pháp đối phó hữu hiệu, sự nguy hiểm vẫn nghiêm trọng. Sự nguy hiểm tăng lên vì thiếu vật nặng làm đầm chiếc tàu; sự tiêu thụ thức ăn, nước uống và rượu đã giảm bớt trọng lượng của nó. Trước đó viên Đô đốc đã không chuẩn bị trọng tải dành cho tàu, vì thời tiết tại các đảo luôn luôn lý tưởng, và theo kế hoạch ông sẽ lấy đồ dành trên đảo Phụ Nữ. Nhưng ông không đến đó và đã vượt biển không có đồ dành. Bây giờ cách bổ cứu là đổ đầy những thùng không có rượu và nước ngọt bằng nước biển, càng sớm càng tốt, và bằng cách đó vấn đề được bổ cứu (*Nhật ký* ngày 14 tháng 2).

Không còn gì để làm thêm bằng sức người nữa, Colombo và thủy thủ quay sang nhờ sự phù hộ của sức mạnh siêu nhiên. Họ đã rút thăm để xem ai sẽ đi hành hương tới đền thờ Santa Maria thuộc Guadalupe, ai sẽ đi đến Santa Maria thuộc Loreto, trong cuộc đi tới thành phố Ancora trong vùng đất thuộc đức Giáo Hoàng và ai sẽ thức đêm cầu nguyện tại nhà thờ Santa Clara thuộc Moguer. “Rồi viên Đô đốc và tất cả thuộc hạ thề trong chuyến đổ bộ đầu tiên, họ sẽ đi rước để cầu nguyện tại một nhà thờ Đức Mẹ Đồng Trinh”.

Colombo không sợ chết nhưng sợ mất cái danh tiếng đã làm cuộc phát kiến vĩ đại. “Vì thời gian không có nhiều, tôi đã viết tóm tắt trên một miếng da cừu, việc đi tìm ra những vùng đất mà tôi đã hứa đi tìm như thế nào, hết bao nhiêu ngày và đường đi đến những vùng đất ấy, giá trị của những nước đã gặp, bản chất cư dân và họ đã biến thành bầy tôi của Bệ Hạ như thế nào”. Miếng da lừa được quấn chặt gói trong vải có sếp, đặt trong một bánh sếp, để vào một thùng lớn, gắn kín và vớt xuống biển. Thủy thủ tin rằng đó là một nghi lễ tôn giáo và vì thế họ không sợ nữa.

Một thùng khác cũng đựng một miếng da cừu được buộc vào đỉnh của đuôi tàu, chiếc thùng ấy sẽ luôn nổi trên sóng, mặc cho số phận dun dủi nếu chiếc tàu bị đắm. Chiếc thùng này còn lại với tàu *Nina*. Chiếc thùng kia trao cho biển cả, không ai lấy lại được. Ngay cả trong trường hợp chiếc *Nina* đã bị chìm với viên Đô đốc, Vicente Yáñez Pinzón, và những thủy thủ khác, vẫn còn chiếc *Pinta* của Martin Alonso Pinzón để mang tin lớn về châu Âu. Nhưng khi viết bản tường trình, Colombo đã biểu lộ lòng tin mà chúng ta đã quen thuộc: ông, và chỉ một mình ông, đã được chúa Thánh Thần chọn trước để hoàn thành sự nghiệp vĩ đại này. Ông đã viết bản tường trình để báo được tin thắng lợi vĩ đại của ông với Vua, Hoàng hậu và thế giới, mặc dù ông có chết.

Nhưng ông đã không chết. Sau khi mặt trời lặn vào ngày 14 tháng 2 “bầu trời bắt đầu sáng về phía tây”. Vào lúc mặt trời mọc ngày hôm sau, họ đã nhìn thấy đất liền. Một số thủy thủ cho rằng đó là quần đảo Medera, số khác tin rằng đó là hòn Sintra, gần Lisbon. Colombo chắc chắn rằng ông ở gần đảo Azzorre. Ông không nghi ngờ gì về vấn đề này, ông chỉ không biết đó là đảo nào thôi. Họ trông thấy một hòn đảo khác ở phía tây bắc, trong khi họ đi vòng quanh đảo thứ nhất để đổi hướng tàu theo hướng gió. Hóa ra đó là đảo Santa Maria, còn đảo mà người ta nhìn thấy là đảo San Michele. Colombo cũng bị rắc rối với người Bồ Đào Nha trên đảo Santa Maria, và điều đó biện hộ giả thuyết cho rằng ông luôn luôn nghi kỵ và ông đã định tránh quần đảo Azzorre, ông chỉ đổ bộ lên đảo ấy vì cơn bão.

Viên thuyền trưởng thống đốc của đảo này đã rất kính trọng mời Colombo lên bờ, nhưng viên Đô đốc không chịu rơi vào bẫy và không rời khỏi boong chiếc tàu *Nina*. Mười người trong đoàn thủy thủ đã đổ bộ lên để thực hiện một trong những lời thề trong trận bão. Người Bồ Đào Nha đã cầm tù họ và chỉ thả họ khi họ nhận thấy viên Đô đốc tiếp tục đi về Tây Ban Nha và tố cáo việc lộng quyền của họ.

Ngày chủ nhật, 24 tháng 2, Colombo tiếp tục hành trình về nước. Trong ba ngày, chiếc tàu buồm, nay còn lại một mình, đã đi nhanh về hướng đông trên biển cả lặng gió. Ngày 27 tháng 2 họ gặp khó khăn vì ngược gió và sóng biển dâng cao. Tình hình này còn tiếp tục ngày hôm sau nữa, nhưng đến ngày 1 tháng 3 thì đã lặng xuống. Vào lúc mặt trời lặn ngày chủ nhật, 3 tháng 3, khi đã có “dấu hiệu chỉ rõ đã

gần đất liền, họ đã tới gần Lisbon”, nhưng một trận bão khác lại nổi lên, mạnh và bất ngờ, “cơn bão đã xé rách tất cả những cánh buồm”. Trong đêm, cơn bão càng hung hãn, có lẽ tồi tệ hơn cơn bão trước. Biển cả sục sôi dữ dội, gió thổi từ mọi hướng, tưởng như sẽ tung chiếc tàu lên trời, trong khi đó mưa đổ xuống như thác và chớp lóe lên mọi phía. Một lần nữa họ lại tìm sự giúp đỡ của thần thánh, kết quả là viên Đô đốc làm một cuộc hành hương mới và thủy thủ lại thề ăn chay bánh mì với nước. Cuối cùng trong canh một, đất liền xuất hiện.

Đó là Rock Sintra, ở cửa sông Tagos. Colombo muốn dừng lại ở cửa sông tại Cascais, nhưng cơn bão dữ dội đã buộc ông đi vào sông. Người trên bờ đã để cả buổi sáng cầu nguyện cho các thủy thủ trong chiếc tàu gặp nguy hiểm. Khi chiếc tàu đã an toàn vào sông Tagos, mọi người đã xuống tàu “để thăm họ và bày tỏ sự kinh ngạc hết sức về việc là họ đã tự cứu mình khỏi tình huống có vẻ chắc chắn là chết”. Thế là kết thúc cuộc vượt biển trở về, nó gây ấn tượng mạnh mẽ hơn hành trình lượt đi và cũng không kém phần quan trọng, vì qua những sai lầm, những sự gần đúng, những thí nghiệm, và những cơn bão, Colombo đã thiết lập được con đường trở về châu Âu từ châu Mỹ.

24

SỰ CHẾ NHẠO VÀ THẮNG LỢI

Ngày 8-3-1493 Vua Giovanni II của Bồ Đào Nha đã đón tiếp Colombo. Tám năm trước Nhà Vua này đã bác bỏ đề nghị đi đến những vùng đất Ấn Độ bằng cách đi tàu biển về phía Tây. Không biết Nhà Vua và nhà Phát kiến nói gì trong những cuộc hội thoại ngày 9 và 10 tháng 3, nhưng có thể dễ dàng tưởng tượng ra nội dung của chúng. Nhà Vua quan tâm muốn biết có phải những vùng Đất Mới rộng lớn đã thực sự được phát kiến, như ông đã hy vọng, hay chỉ là một quần đảo xa xôi nào đó ngoài Đại Tây Dương như quần đảo Azzorre chẳng hạn. Colombo đã làm biến hết mọi nghi ngờ bằng cách cho Nhà Vua xem một bản vẽ phác quần đảo Bahamas, đảo Hispaniola và đảo Cuba. Ông nói rằng đảo Cuba “rộng đến nỗi không biết đó là một hòn đảo hay một lục địa”. Hai người Indians đã cho chứng cứ riêng, định vị trí hòn đảo trên bàn bằng những hạt đậu lớn và nhỏ. Không còn nghi ngờ gì nữa chỉ còn hy vọng là những vùng này là ở miền Nam, trong vùng mà Tây Ban Nha đã có qui ước dành cho Bồ Đào Nha. Không, Colombo nói dối, như ông đã nói dối trong *Nhật ký*, những vùng ấy đất ở 42° độ vĩ Bắc, thuộc kinh tuyến Galizia của Tây Ban Nha.

Không còn làm gì được nữa. Thành công của người Genova là không thể tranh giành được, cũng không thể phủ nhận. Hoàng thái hậu, đang ở tu viện Thánh Antonio, muốn gặp ông. Ngày 11 tháng 3, Colombo đã đến tu viện đó và đưa những người Indians đến trình diện Thái hậu, Công tước Emanuele, anh của Vua và Hầu tước Villa Real. Có tin nói rằng vua Giovanni II đã vỗ vào ngực mình và kêu lên: “Ôi kém khôn ngoan! Tại sao ta đã không thực hiện một sự nghiệp quan trọng như thế?”. Ông cảm thấy bị nhục và bàng hoàng. Mĩa mai của lịch sử đã làm nhục không chỉ một mình ông, mà cả dân tộc ông. Vài năm sau, Cabral sửa lại tình hình này, chiếm được Brazil, nhưng

cơ hội đã mất vẫn ám ảnh cuộc sống của dân tộc đáng kính này trong nhiều thế kỷ.

Sáng sớm ngày thứ sáu, 15 tháng 3 năm 1493, chiếc tàu *Nina* đã vượt qua bờ các cửa sông Saltes và đến trưa tàu đi vào cảng Palos. Khi những cư dân Palos trông thấy chiếc tàu đã ra đi bảy tháng trước trong một cuộc vượt biển mà hầu hết mọi người nghĩ rằng không có ngày về, họ chạy xuống cầu tàu để gặp các thủy thủ, ôm chầm lấy những người thân, chào mừng họ, và hỏi tin tức về sự nghiệp kỳ diệu.

Công việc ngừng lại, cửa hàng đóng cửa, chuông rung lên liên hồi. Mọi người đi cùng với viên Đô đốc và thủy thủ tới nhà thờ chính và hát lên bài thánh ca *Te Deum*.

Để tăng hơn thêm sự phấn khởi chung, có tin rằng một chiếc tàu nữa đang vào cảng, chiếc *Pinta* của Martin Alonso Pinzón. Trong buổi chiều cùng ngày, ông ta đã từ Baiona [\[4\]](#) trên bờ biển tây bắc Tây Ban Nha đến, sau khi hoàn thành cuộc vượt Đại Tây Dương. Điều gì đã xảy ra lúc này giữa viên Đô đốc và Pinzón thì khó xác minh. Chúng ta chỉ có thể chắc chắn về hai việc: Ngay khi ông tới Baiona, Pinzón đã gửi một thông điệp đến Nhà Vua Thiên chúa giáo. Và vài ngày sau khi đến Palos ông đã chết không ai biết rõ vì bệnh gì. Với hai việc này, các nhà sử học đã tưởng tượng ra nhiều giải thích trái ngược nhau. Tuy nhiên, chắc chắn rằng Pinzón đã ốm nặng và chết trước khi ông có thể tham gia vào thắng lợi ở Barcelona - và có thể cả lễ mừng tại Palos ông cũng không tham gia. Đó là sự kết thúc đau buồn và không xứng đáng nhất, vì ông đã đóng góp một cách quyết định vào việc tổ chức cuộc hành trình và đã chứng tỏ một cách không thể chối cãi rằng mình là một chuyên gia và một thủy thủ dũng cảm.

Colombo lưu lại ít nhất một tuần lễ tại La Rabida. Từ đó ông đi Seviglia. Tại đây, ngày lễ Phục sinh, 7 tháng 4, hay vào ngày thứ hai sau đó. Ông đã nhận được thư của Vua và Hoàng Hậu. Bức thư mở đầu như sau: “Kính gửi Ngài Cristobal Colón, Đô đốc của Đại dương, Phó vương và Thống đốc những đảo Ấn Độ mà ông đã phát kiến”, và kết thúc bằng chữ ký: “Tôi, Vua” và “Tôi, Hoàng hậu”. Sau đó, ông lập tức được ban những chức tước, thậm chí ông đã không phải đợi cho

đến khi ông đưa ra những chứng cứ về phát kiến của mình: những người Indians, những con vẹt và những chiếc mặt nạ bằng vàng.

Ông lại khởi hành, đi từ Seviglia tới Córdoba và Valencia. Viên Đô đốc không bỏ qua một điều gì để làm cho việc ông vào Barcellona gây ấn tượng cho nhà vua, các triều thần và nhân dân. Những người Indians giảm xuống còn sáu - một người đã chết trong cuộc hành trình và ba người bị ốm - nhưng sáu người này gây ấn tượng sâu sắc, thân thể họ mang hình vẽ và trang điểm bằng những đồ trang sức nhỏ bằng vàng. Những thủy thủ Tây Ban Nha mang về những con vẹt, những động vật khác, cây cối và những thứ kỳ lạ thu thập tại những vùng Đất Mới. Viên Đô đốc đi sau cùng đám rước ngoạn mục và sinh động ấy.

Ferdinando và Isabella tiếp nhà phát kiến trong cung điện nhà vua, những nhà quý tộc và các quan chức cấp cao của Triều đình vây quanh. Colombo quỳ gối và xin hôn tay Vua và Hoàng hậu. Vua và Hoàng hậu đứng dậy, chìa bàn tay ra và mời Colombo kể chuyện về cuộc hành trình và những phát kiến của ông. Ngồi trước mặt vua là một dấu hiệu được tri ân đặc biệt. Colombo cảm động đến chảy nước mắt, giọng nói của ông rõ ràng và giòn giã, nhưng để lộ cảm xúc của ông.

Ông nói dài, đưa ra những đồ trang sức bằng vàng, những đồ vật thu thập được, những người Indians, ca ngợi sự vĩ đại và vẻ đẹp của những nước ông đã thăm. Vua và Hoàng hậu chỉ có thể có được một khái niệm mờ nhạt về của cải ở những nước này qua những thứ bày trước mắt họ. Colombo nói rằng ông chắc chắn có thể chở về Tây Ban Nha những kho vàng thần kỳ, những đá quý và hương liệu, nếu ông có được phương tiện đầy đủ hơn cho một cuộc viễn chinh thứ hai. Ferdinando và Isabella, các triều thần đi đến nhà thờ nhỏ trong cung điện và cất tiếng hát bài thánh ca cảm ơn Chúa, bài thánh ca *Te Deum*. Khi buổi lễ kết thúc, nhà vua đi cùng viên Đô đốc tới một căn phòng rộng rãi và suốt thời gian viên Đô đốc lưu tại Triều đình, ông được đối xử đặc biệt lịch thiệp và được hưởng mọi sự ưu đãi.

Sau đó Pedro Gonzales de Mendoza, Hồng y giáo chủ và Tổng giám mục Tây Ban Nha, quen gọi là “Vua thứ hai”, đã thết cơm Colombo và mời Colombo ngồi tại “một vị trí cao quý nhất, gần Giáo chủ, mời ông dùng một đĩa ăn có đậy kín và thức ăn dành cho

Colombo được nếm trước để thử chất độc. Đó là lần đầu tiên thức ăn của Colombo được nếm thử trước và đặt ở trong đĩa đậy kín và từ đó trở đi ông được mời ăn một cách trang trọng và cao quý theo đúng tước vị Đô đốc”.

Las Casas kể lại như thế. Và Salvador de Madariaga bình luận: “Nếm thức ăn cho Colombo là thừa nhận cấp bậc của Colombo, vì chỉ có những nhân vật lớn mới có nguy cơ bị đầu độc”. Như thế, chỉ một sớm một chiều, một người nước ngoài có nguồn gốc khiêm tốn đã trở thành một trong những con người vĩ đại nhất Tây Ban Nha, và tin tức về cuộc phát kiến vĩ đại lan truyền khắp châu Âu.

CHUYẾN DU HÀNH THỨ HAI

Colombo mất bảy năm để thuyết phục những vị vua theo công giáo và để tổ chức chuyến du hành phát kiến đầu tiên. Colombo mất dưới bảy tháng để tổ chức chuyến du hành thứ hai. Đội tàu cho cuộc khảo sát này tập trung tại Cádiz vì cảng Palos quá nhỏ. Có mười bảy chiếc tàu: ba chiếc *nao*, 12 chiếc tàu có trang bị buồm vuông và hai tàu buồm tam giác. Một số tàu rất nhẹ và có độ chìm nông, thích hợp khi đi ở những vùng có đá ngầm san hô và khi đi ngược dòng sông. Việc đo độ sâu của nước hồi đó cũng chưa tin cậy được. Tàu chỉ huy - chiếc *Santa Maria* mới, biệt hiệu là *Maria Galante* - to hơn nhiều chiếc tàu bị hư hại tại vịnh Cap Haitien trong cuộc du hành đầu tiên. Có lẽ chiếc tàu mới này nặng khoảng hơn hai trăm tấn. Không biết rõ được nhưng các nhà sử học nhất trí cho rằng con số đó khoảng từ 1200 đến 1400 người, kể cả đoàn thủy thủ. Con số 1200 có lẽ đúng hơn. Có cả cha cố và thầy dòng, những người có học và những người không có học, những người sống trên biển và những người sống ở đất liền.

Tuyến đường lại theo hướng Tây-Nam tới quần đảo Canaria. Đoàn tàu mất sáu ngày đêm để tới đảo Grand Canaria, tại đây đoàn tàu dừng lại một thời gian ngắn trong ngày 2 tháng 10 và nhả neo vào nửa đêm. Ngày thứ bảy, 5 tháng 10, đoàn tàu đến San Sebastian thuộc Gomera. Tại đây, viên Đô đốc được đón tiếp bằng những phát súng Lombardia, lửa hiệu và pháo hoa. Beatrice de Bobadilla đã không quên thần tượng năm trước, có lẽ bà muốn khoe với những nhà quý tộc đã ve vãn bà và thi nhau lấy lòng bà, nên bà đã chọn người thuyền trưởng nước ngoài trong khi có ít người tin ông ta. Những nhà biên niên sử không nói rõ trong thời gian ngắn ngủi lưu lại đây, mối quan hệ cũ có nối lại hay không. Thay vào đó họ nói về những đồ tiếp tế mà viên Đô đốc đưa lên tàu biển: hạt giống cam,

chanh, thanh yên, dưa hấu và mọi loại rau. Họ mang lên tàu những con dê, cừu và tám lợn nái, mỗi con giá bảy mươi maravedis... Đây là “những hạt giống”, sau này Las Casas viết: “Từ đó sinh ra tất cả những thứ ngày nay người ta thấy ở đây, gốc là từ Castiglia”.

Cuộc vượt biển hết 24 ngày, từ 12 tháng 10 đến 2 tháng 11. Cuộc hành trình chỉ bị trắc trở bởi một trận bão kéo dài bốn giờ vào ngày 26-10; nếu không có trận bão đó, biển luôn luôn “phẳng lặng như đá cẩm thạch đánh bóng”. Gió xích đạo thổi liên tục và mạnh hơn trong cuộc hành trình trước. Trong cuộc hành trình đầu tiên những con tàu giữ vị trí ở giữa 28° và 26° bắc cho đến khi trông thấy chim bay, mới xuống 24° ; lần này đoàn tàu xuống 16° ngay sau khi khởi hành, một vùng gió xích đạo mạnh hơn.

Colombo đã vận dụng kinh nghiệm chuyến du hành đầu tiên, trong đó, như tôi đã nói nhiều lần, ông đã phát hiện ra không những châu Mỹ mà cả những con đường giữa châu Âu và châu Mỹ. Không có gì ngạc nhiên, con đường hoàn thiện trong chuyến đi thứ hai được giữ nguyên qua bốn thế kỷ tiếp theo - thật ra cho đến hôm nay - con đường vẽ trên các bản đồ hàng hải là tốt và đã chỉ rõ phương hướng cho các nhà hàng hải dùng tàu đi tới bất cứ nơi nào ở những vùng giữa Mỹ và Nam Mỹ, phía bắc đảo Barbados. Con đường sau khi rời đảo Hierro thì không đi thẳng phía tây mà đi về phía tây từ phía Nam.

Những con tàu đang ở 16° Bắc khi phát hiện thấy đất liền, vào buổi bình minh ngày chủ nhật, 3-11. Michele da Cuneo viết: “Vào ngày chủ nhật chúng tôi đã trông thấy đất liền, năm đảo chưa từng biết”. Colombo đặt tên đảo thứ nhất có những ngọn núi cao là Dominicana, vì người ta trông thấy đảo ấy vào buổi bình minh ngày chủ nhật. Hòn đảo mà họ đổ bộ lên được ông đặt theo tên chiếc tàu chỉ huy Maria Galante (ngày nay tên này viết theo tiếng Pháp là Marie Galante). Ông gọi tên hòn đảo nhỏ nhất mà họ thấy ở phía đông-bắc là Deseada (“Mong ước”) vì là hòn đảo xa nhất về phía đông, hòn đảo ấy gần Thế giới cũ nhất và do đó các nhà hàng hải đã vượt đại dương và sẽ vượt đại dương mong ước được tới đó.

Những hòn đảo ngày nay gọi là Les Saintes đã được viên Đô đốc đặt tên là Todos los Santos, vào sáng ngày 4 tháng 11, để kỷ niệm ngày lễ các thánh đã được tổ chức ở trên tàu, ba ngày trước đó

khi còn chưa thấy đất liền. Hòn đảo xinh đẹp nhất ông đặt tên là Santa Maria di Guadalupe (ngày nay là đảo Guadeloupe), làm đúng lời ông hứa với các thầy ở tu viện, nơi ông đã thực hiện lời thề trong cơn bão khủng khiếp ở Đại Tây Dương. Đức Mẹ Đồng trinh Guadalupe là một trong những Nhà thờ Đức Mẹ nổi tiếng linh thiêng nhất ở Tây Ban Nha. Ngày nay có nhiều tu viện trên thế giới tín phụng và nhờ sự tôn kính đó mà lan truyền tại các nước châu Mỹ. Ngay cả trước khi Tòa thánh Mexico được xây dựng vào năm 1531, sự lan truyền đó vẫn còn nổi tiếng hơn cả ở Tây Ban Nha, Colombo, một người hết lòng tin vào sự hiển linh của Đức Mẹ Đồng trinh, đã đóng góp vào việc lan truyền đó bằng cách đặt tên cho một trong những hòn đảo đẹp nhất trên thế giới...

Colombo không tìm thấy một hải cảng nào ở bờ biển phía đông bắc của Dominicana. Colombo đã cử một chiếc tàu đi tìm một hải cảng, nhưng khi chiếc tàu ấy hợp lại với đoàn tàu, thì ông đã tìm được một nơi bỏ neo bảo đảm khỏi bị những nguy hiểm của đá san hô tại một vũng tàu đậu trên bờ biển chắn gió của đảo Marie Galante. Tại đó Colombo đã lên bờ với một chiếc cờ của nhà vua, chiếm quyền sở hữu với danh nghĩa Vua và Hoàng hậu, dựng một cây thánh giá và làm lễ Mi-sa, buổi lễ đầu tiên tại châu Mỹ, kể từ buổi lễ trong thời kỳ thực dân Vi-king chiếm cứ đất tại Greenland.

Thiên nhiên trên quần đảo Tiểu Antilles đa dạng đến mức làm cho người ta sửng sốt. Đất đã góp phần vào tính đa dạng này, vì đất trên một số đảo đá vôi và trên một số đảo khác là đá núi lửa. Chế độ mưa thay đổi làm cho người ta kinh ngạc cũng góp phần vào đó. Mây do gió xích đạo thổi vào từ Đại Tây Dương, bay trên những núi nham thạch, tỏa ra mát rượi. Lượng mưa từ 80 inches một năm trên những đồng bằng đến 300 inches trên những đỉnh núi cao. Lượng mưa cao tạo ra những cánh rừng có cây cối khổng lồ, những dây leo, những mùa hoa nở bất ngờ và có nhiều màu sắc khác nhau.

Dominicana và khối núi lửa ở phía tây đảo Guadeloupe hiện ra trước mắt Colombo như thế. Đối lập một cách rõ rệt là những đảo đá vôi thấp - đảo La Désirade^[*], Les Saintes và nửa phía đông đảo Guadeloupe - không có những điểm cao và vì vậy gió đưa mưa vào không bị cản, những bụi gai mọc tại những cảnh quan khô cằn, đôi

khi là những thảo nguyên, đá trơ và những vách đá xám, hoặc nâu, rải rác đây đó trong đám xương rồng. Nhìn qua cũng có thể thấy năm, sáu, bảy đảo chúng tương phản nhau rõ rệt, từ rừng chưa khai phá đến sa mạc. Điều kỳ lạ là những tương phản này không chỉ xảy ra từ đảo này đến đảo khác mà trong phạm vi mấy dặm trên cùng một đảo. Thí dụ, bờ biển đầu tàu thuộc đảo Guadeloupe, dọc theo đó đoàn tàu đã đi vào, buổi sáng ngày 4 tháng 11, thì khô cằn, trong khi cách “ba dặm” trong đất liền các thủy thủ thấy “một vách núi cao, nhọn, từ đó một thác nước khổng lồ đổ xuống”, “từ những tàu biển người ta có thể nghe thấy tiếng nước ào ào”. Xung quanh đó là một cánh rừng mênh mông làm say mê lòng người. Đỉnh núi cao nhất là La Soufrière, một trong những kỳ quan của quần đảo Tiểu Antilles.

Colombo không nói nhiều về La Soufrière; ông chỉ khen con thác đẹp. Don Fernando nói rằng ở đó người Tây Ban Nha thấy cây lô hội, cây nhũ hương, cây đàn hương, cây gừng, cây gỗ trầm, “một số cây nếm vị và ngửi mùi hình như là quế” và nhiều cây bông. Họ cũng trông thấy “diều hâu, chim ác là, quạ, chim bồ câu, chim gáy, gà gô, ngỗng, và chim sơn ca”. Một thiên đường của người đi săn! Ngoài ngỗng, giống ngỗng của chúng ta, có nhiều vẹt, có màu khác nhau, xanh lá cây, trắng và đỏ, to như gà trống thông thường và cây bí và những quả trông giống như những quả thông màu xanh nhưng lớn hơn nhiều. Bên trong, ruột giống như dưa hấu. Quả này xuất xứ từ một giống như hoa huệ tây, hoặc cây lô hội”. Đó là don Fernando đang miêu tả quả dưa, một phát kiến khác nữa mà đảo Guadeloupe đã cho người Tây Ban Nha trong thời gian may mắn họ lưu lại đầu tháng 11 năm 1493. Don Fernando báo cáo rằng người ta phát hiện cây dưa trồng sau này, có lẽ tốt hơn những cây dưa dại, nhưng ngay cả những cây dưa dại “ngửi và vị ngon hơn” những quả dưa hấu ngon nhất của vùng biển Địa Trung Hải.

Đảo Guadeloupe cũng cho người Tây Ban Nha một điều mới nữa, điều quan trọng nhất; tiếp xúc với những người Caribi, những kẻ ăn thịt người. Về cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa người Công giáo và người Caribi (hay Caniba hoặc Cannibali như Colombo gọi họ ở những lần khác nhau), cần thiết phải thận trọng, vì người ta không thể tránh ấn tượng cho rằng những người đương thời với Colombo không bám sát thực tế. Hình như họ có nói quá và sáng tạo ra những

chi tiết, làm cho khó tránh sự nghi ngờ rằng trí tưởng tượng đã chiếm ưu thế.

Colombo lên bờ và thăm một số ngôi nhà không có người ở. Nhiều người Caribi vắng mặt. Họ đã đi lên trên mười chiếc thuyền độc mộc do vua của họ dẫn đầu trong cuộc lùng sục để kiếm nô lệ và tích trữ lại nguồn cung cấp thịt người, theo một phụ nữ Arawak trốn lên tàu kể lại. Một số ít đàn ông và vợ họ, cùng với vợ của những người đàn ông Caribi vắng mặt, đang ẩn náu trong rừng. Trong các ngôi nhà, Colombo thấy nhiều bông, vừa bông đã xe lẫn bông nguyên liệu, ông nhận thấy những khung cửi để dệt bông khác những khung cửi dùng ở châu Âu. Ông cũng nhận xét rằng những ngôi nhà ở đây tốt hơn bất cứ những ngôi nhà nào khác mà họ đã trông thấy trong chuyến du hành đầu tiên và trong nhà có tích trữ đầy đủ thức ăn, đồ đạc và vũ khí - nỏ và tên. Ông thấy trong nhà có treo những đầu lâu và những hòm chứa xương người chết. Đó cũng là tất cả những vật mà Colombo thực tế đã trông thấy. Phần còn lại là từ những lời kể lại của những người Tây Ban Nha khác, hay từ những lời khai của những người Arawak đã trốn.

Las Casas bám sát vào chi tiết cuối cùng này: những đầu lâu và những hòm đựng xương - luôn luôn sốt sắng bệnh vực người bản xứ. Ông khẳng định rằng đó là những di vật của tổ tiên giữ lại vì lý do tôn giáo, không phải là những thứ còn lại của các bữa tiệc. Điều này có thể đúng với đầu người. Tuy nhiên Pietro Martire lại cho chúng ta một chi tiết khó hòa hợp với một giả thuyết ngoan đạo như thế: “Họ cũng thấy đầu lâu của một thanh niên mới bị giết treo trên một sàn nhà và vẫn còn đầm máu”, một thanh niên rõ ràng không thể là tổ tiên. Dù sao chẳng nữa, bất cứ ở đâu có tục ăn thịt người thì việc đó ít nhiều đều có liên hệ đến những nghi lễ ma thuật hay tôn giáo, như vậy giải thích của Las Casas ít nhất cũng đúng sự thật một phần về những đầu người. Nhưng còn những hòm đựng xương; giải thích của Pietro Martire có vẻ đúng sự thực hơn: “Họ rất cẩn thận giữ lại xương cẳng chân và xương cẳng tay để làm đầu mũi tên. Quả thật họ làm những đầu mũi tên bằng xương, vì họ không có sắt”.

Sau khi giải quyết vấn đề về đầu người và xương, chúng ta phải xem xét vấn đề quan trọng nhất: Những người Caribi có ăn thịt người hay không? Câu trả lời là có, họ ăn thịt người, và không phải

chỉ thỉnh thoảng mới ăn, hoặc coi như một phần của một nghi lễ. Họ ăn để dinh dưỡng. Những bản tường thuật của Bác sĩ Chanca, nhà phẫu thuật của đoàn tàu và Michele da Cuneo là những chứng cứ đầy đủ. Cần kể thêm những chứng cứ hỗ trợ của những nhà khảo sát đi theo họ ở quần đảo Tiểu Antilles và trên bờ biển đối diện thuộc đại lục Nam Mỹ.

Sau khi kéo dài việc lưu lại trên đảo Guadeloupe, Colombo nhỏ neo đi về phía tây-bắc. Miền bắc đảo Guadeloupe không phải là một vùng biển mở. Sau khi qua hành lang Guadeloupe; người ta đến một hòn đảo, cũng là nham thạch và do đó có cây cỏ bao phủ. Colombo đặt tên cho đảo đó là Santa Maria de Montserrat, theo tên một tu viện gần Barcelona, nổi tiếng hồi đó cũng như hiện nay không những của Tây Ban Nha mà trong khắp thế giới Công giáo. Tên này thích hợp, vì hòn đảo nổi lên từ biển cả như một ngọn núi cao. Ngày nay đó là một trong những viên đá quý của quần đảo Tiểu Antilles. Thế kỷ XVII, người Anh đã biến đảo này thành thuộc địa, dân trên đảo da màu đen và biết trồng trọt; rừng vẫn còn nguyên vẹn. Cái tên mà Colombo đặt cho đảo vẫn còn, nhưng rút ngắn lại thành Montserrat.

Từ đảo Montserrat đến Puerto Rico, một dãy đảo trải ra, tất cả xinh đẹp và rất khác nhau về độ lớn và hình dáng. Những tên mà Colombo đặt cho các đảo này đã thay đổi nhưng vẻ đẹp mê hồn của chúng thì không thay đổi: Redonda, Antigua, Nevis, St. Kristopher, St. Eustatius, Saba, St. Barthelemy, St. Martin, Anguilla, Dog Island, St. Croix và cuối cùng là những đảo Virgini tuyệt vời không thể tưởng tượng được. Colombo không dừng lại ở tất cả những đảo đó, ông nóng lòng đi đến đảo La Navidad. Colombo dừng lại một ngày và một đêm trên đảo Puerto Rico, đảo lớn nhất và đẹp nhất trong số những đảo này. Ông không thể cho phép mình bị lôi cuốn bởi những bãi biển, những cánh rừng, những vịnh và những đảo nhỏ của Puerto Rico, hàng nghìn sự quyến rũ làm say mê những nhà du lịch hiện đại.

Đế quốc Tây Ban Nha đầu tiên ở Địa Trung Hải của châu Mỹ có bốn trụ cột lớn: Hispaniola, hay Haiti, Cuba, Giamaica và Puerto Rico. Trong bốn đảo lớn này, Puerto Rico, đảo gần châu Âu nhất, là đảo nhỏ nhất, nhưng chắc chắn không phải là có ít vẻ đẹp thiên nhiên nhất và ít tài nguyên kinh tế nông nghiệp nhất.

Đó là đảo duy nhất Colombo đã bỏ qua. Tuy vậy, dân cư Puerto Rico không phải là những người Caribi độc ác mà là kẻ thù của những người Caribi, do đó họ là bạn của những người Tây Ban Nha. Đảo của họ không đáng bị Colombo bỏ qua - điều đó là do một trong những trò đùa của ngẫu nhiên thường gặp trong lịch sử. Ngẫu nhiên Colombo đã tìm thấy Puerto Rico vào lúc mà tiếng gọi của La Navidad và hi vọng đi đến mục tiêu ông hằng mong ước là Cataio và Ấn Độ đang thôi thúc ông mạnh mẽ.

Chỉ mất một ngày (19 tháng 11) là đủ để chạy theo bờ biển phía bắc đảo Puerto Rico. Chiều tối hôm đó Colombo đi tìm một cái vịnh và đã tìm thấy ở bờ biển phía Tây, vào khoảng giữa Rincón và Rio Grande de Anasco. Đó là một con sông tốt để lấy nước và đủ rộng để thả neo, lại kín gió xích đạo và gió từ hướng Bắc. Đoàn tàu được cung cấp lại nước ngọt và thực phẩm - cá và vật săn bắn - và đã rời Puerto Rico buổi sáng sớm ngày 22 tháng 11 và khi màn đêm buông xuống, đoàn tàu đã thấy đầu phía đông đảo Haiti.

Colombo, Michele da Cuneo, bác sĩ Chanca, Pietro Martire, don Fernando, Las Casas, cũng như Nicolo Scillacio đều không nêu ý nghĩa của các đảo, từ Dominicana đến Puerto Rico, trong toàn bộ bức tranh của cuộc phát kiến vĩ đại được phát hiện từ 3 đến 20 tháng 11 năm 1493.

Quần đảo Tiểu Antilles không phải là những đảo san hô và không bằng phẳng như quần đảo Bahamas. Những đảo đó là phún thạch và thường có núi, một số ngọn núi rất cao. Tất cả các đảo đều có người ở và thường được trồng trọt. Quần đảo Tiểu Antilles khẳng định cho Colombo một thực tế không mấy thú vị là những vùng Đất Mới có những người “xấu”, ngoài những người Taino “tốt” trong cuộc hành trình thứ nhất. Colombo đã lường trước điều đó nhưng chỉ qua những báo cáo. Bây giờ điều đó đã được chứng minh.

Quần đảo Tiểu Antilles đã cho các thủy thủ của mười bảy chiếc tàu chiêm ngưỡng cảnh đẹp thiên nhiên có một không hai. Nhưng một trăm hòn đảo của quần đảo Tiểu Antilles đã nói gì với Colombo về mặt địa lý? Đặc biệt những đảo ấy nói gì với ông về địa lý biển, mà về món này ông là người có giác quan thứ sáu? Nếu cộng một trăm đảo lớn và nhỏ của quần đảo Virgini với những đảo khác mà họ đã đi dọc theo bờ, hoặc trông thấy, từ Dominicana đến Puerto Rico, thì có

tới 130 hay 140 đảo. Quần đảo này rất khác những quần đảo đã biết trước tại Đại Tây Dương, quần đảo Azzorre, Canaria và Cape Verde. Giờ đây, Colombo nhận ra rằng xung quanh những vùng đất lớn phát hiện trong cuộc hành trình đầu tiên, Cuba và Hispaniola, có một vòng tròn các đảo từ nam tới đông-bắc: quần đảo Bahamas từ bắc đến đông nam, và quần đảo Tiểu Antilles ở miền Nam.

Một dãy đảo như thế phải là một dấu hiệu, một tiền đồn của một lục địa gần đấy và Colombo tiếp tục tiếp nhận những dấu hiệu của vùng đất liền và những gợi ý mơ hồ được nhiều người bản xứ mà ông đã đưa lên tàu liên tục nhắc đi nhắc lại. Và những người Caribi hung dữ đã từ đâu đến, nếu không phải từ lục địa? Như vậy, chính cuộc phát kiến nhỏ nhưng quan trọng về quần đảo Tiểu Antilles và Puerto Rico đã giúp khẳng định sai lầm lớn của Colombo. Ông nghĩ rằng ông đã đến châu Á, rằng ông đi qua vòng tròn các đảo mà ông đã được đọc trong sách của Marco Polo và thế giới công giáo đã biết, là tiền đồn phía đông của lục địa châu Á.

26

THẨM KỊCH

Ngày 28 tháng 11 Colombo đã đến La Navidad và đã thấy tấn thảm kịch mà có lẽ ông đã cảm thấy những ngày trước đó. Ba mươi chín người di cư đến đất nước này đều đã chết, nhà và pháo đài của họ bị đốt cháy. Khó nói tấn thảm kịch đã xảy ra như thế nào. Bác sĩ Chanca nói rằng “số tin tức ít ỏi được biết từ những người Indians và những lời giải thích không rõ ràng của họ càng làm cho tâm trí chúng tôi thêm bối rối, đến nỗi cho đến tận bây giờ vẫn không thể biết được sự thật về cái chết của những người của chúng ta”. “Cho đến tận bây giờ” người ta chưa biết toàn bộ sự thật.

Tuy nhiên một số sự việc đã rõ ràng. Hình như không còn nghi ngờ gì nữa là những lộn xộn ở La Navidad là do chính những người Tây Ban Nha gây ra giữa họ với nhau, về phụ nữ, về vàng và có lẽ về những vấn đề vụn vặt khác nữa, chứ không phải do người Indians gây ra. Ta phải dùng trí tưởng tượng để tái tạo hoàn cảnh cuộc phiêu lưu thứ nhất của người Âu tại những vùng đất mới được phát kiến. Ba mươi chín người này không phải là những tội nhân và cũng chẳng phải là thánh, thường bị những trận bão ở biển khơi đập vào, quen sống xa gia đình và sự thỏa mãn những khát vọng giới tính của họ bằng những phụ nữ họ gặp tại những hải cảng họ đến. Ở đây họ kiếm được phụ nữ theo sở thích và tất cả đều tự do.

Nhưng cuộc đời sẽ quá dễ dàng nếu sự tôn trọng lẫn nhau và tình yêu tự do gắn liền với nhau; điều đó đã không xảy ra và cũng sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Những người Indians này không phải là những gái mại dâm, chỉ đơn giản là họ có mặt ở đó, nhưng thậm chí nếu họ có là những gái mại dâm đi nữa thì một người đàn ông vẫn có thể yêu một gái mại dâm, như những tường thuật trong lịch sử và thời nay đã chỉ rõ. Nhưng nếu một người đàn ông đòi quyền sở hữu một

người đàn bà, chỉ cho riêng mình thì sẽ có sự tranh giành của một người đàn ông khác.

Có được vàng thì khó hơn; thêm khát và đánh nhau để lấy vàng, và ai cũng giấu giấu giếm giếm bí quyết kiếm được vàng. Khi một nhóm tìm được một số vàng, cuộc tranh giành tất yếu sẽ nổ ra về việc chia vàng. Và khí hậu? Những tháng và những mùa qua đi, nhưng nhiệt độ thì luôn luôn không đổi, độ ẩm luôn luôn cao. Mưa rơi nặng nề, các mùa thay đổi, cây cối nở hoa, nhưng khí hậu không chuyển biến. Đã hơn mười tháng mà không có một ngày mùa đông lạnh lẽo, dễ chịu như ở Castiglia, không có một ngày mùa hè khô, nóng, tốt đẹp như ở Andalusia.

Đặc biệt đáng lưu ý là thực tế mười một người đã chết gần đây, bị giết cuối tháng 9 năm 1493, chín tháng sau khi thành lập thuộc địa. Đó là một chỉ dẫn rằng bầu không khí trở nên nặng nề hơn với thời gian và khí hậu chắc chắn ảnh hưởng đến hệ thống thần kinh của người châu Âu. Về bản chất, những người Tây Ban Nha mạnh dạn, khí hậu đã làm tăng thêm những thiếu sót của họ và làm cho họ sa sút tinh thần. Những thủy thủ tốt thích ứng với công việc trên đất liền một cách khó khăn và chỉ khi bị bắt buộc. Ở đây họ không thể bị cưỡng bức, vì những người Indians ở làng gần đây thuộc đảo Guacanagari là một nguồn lao động không bao giờ cạn để bóc lột.

Thêm vào đó, người lãnh đạo đám người Tây Ban Nha không thể bắt họ làm bất cứ việc gì và cũng không thể lãnh đạo họ. Diego de Arana không có kinh nghiệm làm người chỉ huy. Colombo đã chọn Diego de Arana, chỉ vì là bà con nên ông tin cậy. Napoléon cũng làm như thế trong nhiều thế kỷ sau. Người thành Genova vĩ đại nhất ^[*] và người đảo Corse ^[*] trong lịch sử là hai người trung thành với gia đình. Cả hai ưu đãi những người bà con, đặt họ vào các địa vị quyền lực, mỗi khi họ có thể làm được (ngay cả khi đáng lẽ họ không nên làm). Ta có thể hiểu việc Colombo cử Arana làm quản trị trưởng của đoàn tàu trong chuyến du hành đầu tiên, nhiệm vụ của Arana là giám sát việc cung cấp nước ngọt cho toàn bộ đội tàu, một chức vụ tế nhị, đòi hỏi sự cẩn mẫn, nhưng không đòi hỏi thiên tài hoặc bản lĩnh. Tuy nhiên, ta không thể hiểu được việc cử ông làm người chỉ huy đảo La Navidad. Arana là người trung thành nhưng ông không khổng chế

được sự tranh giành của những người dưới quyền, hoặc kiềm chế được lòng tham và tính dâm dăng của họ trong quan hệ với người Indians, đã tỏ ra là những người bạn chân chính.

Người ta có thể cảm thấy những người định cư ở đảo La Navidad đã trụy lạc tới mức độ nào trong một đoạn tường thuật ngắn, nhưng mạnh mẽ của don Fernando và Las Casas: “Vì một trong những người đã chết đã thông báo sai cho Guacanagari về các vấn đề thuộc tín ngưỡng của chúng ta, nói rằng luật lệ của những người Công giáo là vô ích, rằng chính Colombo phải đứng ra bảo vệ tín ngưỡng đó”. Không cần mất nhiều công tưởng tượng điều gì đã xảy ra. Chính vì ông ta đã tự coi mình là bạn của Colombo và những người của Colombo, Guacanagari không thể không cảm thấy bị xúc phạm về thái độ của người Tây Ban Nha, vì qua nhiều tháng thái độ ấy ngày càng trở nên ngạo mạn và tồi tệ hơn. Rõ ràng, Guacanagari đã biểu lộ sự ngạc nhiên, nhận xét rằng loại thái độ đó không xứng với điều mà Colombo đã nói với ông ta về những ý định của họ và những ý định của Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha, chưa nói đến tôn giáo của họ, Chúa Giê-su, và Đức Mẹ đồng trinh. Những câu trả lời là sự khinh miệt đáng tối cao, và lời mỉa mai và sự nhạo báng.

Trong tình hình này, những quan hệ giữa những người Âu châu và những người Indians nhất định xấu đi. Làm sao có thể phê phán phản ứng đúng đắn của người Indians? Caonabó từ trên núi xuống để kết thúc thái độ bi ối đó, giết những người da trắng còn sống sót, đốt làng và pháo đài của họ. Caonabó là một trong hai tù trưởng người Caribi, một người Caribi đảo Haiti đã bỏ thói quen ăn thịt người, nhưng chưa mất lòng dũng cảm và tính hiếu chiến của những người Caribi. Trong sự kiện này Caonabó là người báo thù, không phải là một mối thù truyền kiếp mà chỉ là một việc trả thù, sự trừng phạt theo logic của Chúa nghiêm khắc trong kinh Cựu ước.

Hình như Guacanagai không chống đối Caonabó, và cũng không gọi Caonabó đến, vì chúng ta biết rằng quan hệ giữa những tù trưởng Caribi và Taino không thân thiện, Guacanagari đã trông thấy những diễn biến dẫn đến những sự kiện thê thảm, nhưng không thể ngăn chặn chúng, thậm chí đã không cố gắng để giúp người Tây Ban Nha, điều đó đã giải thích câu của Bác sĩ Chanca: “Quả thật, những kẻ thù đã làm nhiều việc cho người Taino của Guacanagari”. Nhưng

cũng có thể là khi những người Caribi của Canabó từ trên núi xuống để tiêu hủy La Navidad, họ đã quấy rầy và gây thương tổn cho người Taino, mặc dù người Taino không liên minh với người da trắng và cũng không bảo vệ người da trắng. Sự thù địch truyền thống giữa hai tù trưởng và sự giúp đỡ của Guacanagari đối với người lạ sau khi tàu biển bị tai nạn dễ dàng giải thích những cuộc xung đột giữa người Taino và người Caribi.

Giả thuyết có khả năng nhiều nhất là Guacanagai vẫn trung lập trong sự kiện La Navidad, và những lời của Guacanagari và của bộ hạ nói với Colombo là nửa thật nửa dối, vì họ sợ bị trừng phạt. Sự sợ hãi đó không phải là không có cơ sở. Quả thật, cha Boil muốn bỏ tù Guacanagari và những người Tây Ban Nha khác cũng chia sẻ quan điểm đó. Một điều có thể hiểu được là những quý tộc Tây Ban Nha và các thủy thủ theo quan điểm đó, nhưng nếu cha Boil được cử đi truyền đạo cho những người chưa theo tôn giáo nào mà cũng mang theo quan điểm đó thì không đúng đạo lý.

Dù sao báo cáo lại phản ánh đầy đủ lập luận mà Las Casas gán cho Colombo về việc ông đã để cho Guacanagari được tự do; bỏ tù viên tù trưởng cũng không làm sống lại được những tín đồ Công giáo đã chết và cũng không đưa họ lên trời được, nếu họ không ở đó rồi. Colombo thêm rằng nếu điều Guatanagari nói là đúng, thì bỏ tù ông ta sẽ là một bất công lớn, và tất cả những người Indians sẽ cảm thấy ác cảm và căm thù đối với những người Công giáo, và họ sẽ coi viên Đô đốc là vô ơn đối với sự giúp đỡ của họ trong cuộc hành trình đầu tiên và nguy hiểm mà Guacanagari đã chịu trong việc bảo vệ người Công giáo. Vua và Hoàng hậu đã cử ông đi chinh phục thuộc địa, và cần tránh bất cứ điều gì ngăn cản mục tiêu đó, tránh bất cứ điều gì gây ra xung đột và không hòa hợp giữa hai dân tộc. Sự thiệt hại đối với “đức tin của chúng ta, đức tin gần gũi nhất với tấm lòng của các vị vua Công giáo” sẽ còn lớn hơn nữa. Bài học đẹp đẽ này từ một người ngoại đạo cho một tín đồ có thể kết luận lịch sử bi thảm của La Navidad.

Không còn dấu hiệu nào về khu định cư. Xây bằng gỗ, khu ấy đã cháy hoàn toàn. Ba mươi chín cư dân của khu ấy chết tất cả, không để lại lời tường thuật nào bằng chữ viết hay bằng lời nói. Ngay cả vị trí khu định cư cũng khó xác minh. Những công trình nghiên cứu ưu

việt nhất gần đây đã xác minh địa điểm của ngôi làng Guacanagari và địa điểm của thành phố Tây Ban Nha Puerto về sau này. Tuy vậy một điều gì đó vẫn còn chưa rõ, đúng vậy: những đứa trẻ em sinh ra từ những quan hệ tình yêu và những vụ hiếp dâm bạo lực của mười tháng đó, những đứa con của những người Tây Ban Nha và những người Indians. Một số trẻ em nhất định ra đời trước tháng 11 không may mắn, khi Colombo phát hiện ra thảm họa của các thuộc địa đầu tiên của ông. Nhiều đứa trẻ khác trong tử cung đang lớn dần của những người Indians có chữa, những trẻ em của một thảm họa. Chúng là những trẻ em đầu tiên của sự liên kết mà qua nhiều bi kịch khác, cuối cùng đã thành tựu, sự liên kết của các dân tộc Indians với nền văn hóa của châu Âu Công giáo, một sự liên kết mà người Tây Ban Nha, mặc dù có nhiều sai lầm và không ít hành động tàn ác, đã đạt được - không giống những người Anglo-Saxons.

Chúng ta hãy trở lại Colombo, phản ứng đầu tiên của ông không rõ ràng. Rõ ràng ông không xúc động, thậm chí còn lạnh lùng - ít nhất là vẻ bề ngoài. Ông ra lệnh cho những người của ông tìm vàng mà những người chết có thể đã chôn và tìm một địa điểm phù hợp hơn để làm một thuộc địa. Colombo đã che giấu bất cứ ảnh hưởng nào của thảm họa này đối với tâm hồn ông, ít nhất là trong thời gian trước mắt: sự bí mật là một trong những đặc tính nổi bật nhất của ông.

Nhưng cơn sốc chắc chắn đã làm ông choáng váng. Dễ dàng tưởng tượng những phản ứng của một nghìn hai trăm người đã nhiệt tình tình nguyện đi theo cuộc phiêu lưu thứ hai. Được đi, họ đã trông thấy nhiều cái mới, trong số đó không chỉ có những người Taino hiền lành được Colombo hết lời ca ngợi ở Tây Ban Nha, mà cả những người Caribi dữ tợn, ăn thịt người. Tuy nhiên, họ đã rời Tây Ban Nha không phải để thỏa mãn tính tò mò mà để làm giàu, để ở tại những vùng đất chưa có ai ở, hay do những người hiền lành và nhút nhát ở, loại người dễ dàng bị khuất phục và bị bóc lột.

Thay vào đó một tình huống khác đã xảy ra, họ không ở trong tay những người ăn thịt người ở đảo Guadeloupe, mà ở trong tay những người Indians của đảo Hispaniola, những người mà Colombo đã bảo đảm là những người hiền lành nhất trên trái đất. Những ngôi nhà đều bị cháy và cái giếng đáng lẽ phải đầy vàng thì trống tuếch, trống như hốc mắt lõm ở xác một người da trắng. Đó là điều mà

Colombo phải chỉ cho những người Tây Ban Nha bị mất tinh thần và thất vọng thấy.

Từ thời điểm này ngôi sao Colombo bắt đầu đi xuống. Tại đây, ông ở trong một xứ sở thù địch, trong những cánh rừng không lành mạnh, với 1200 người để lãnh đạo. Ông là con người sinh ra để chỉ huy ở biển cả, ông chỉ có thể biểu hiện tài năng làm một người lãnh đạo thực sự, khích lệ được mọi người trên biển cả. Không làm gì khác được ngoài việc quay trở lại dọc theo bờ biển phía đông? Colombo biết rất rõ ràng ở phía Tây nơi ông đã thành lập thuộc địa La Navidad là hải cảng tốt nhất trên toàn bộ bờ biển miền Bắc Haiti, hiện nay là Cap Haitien. Từ cuộc hành trình thứ nhất ông đã phải biết điều đó. Dù sao, trong dịp này ông đã dùng hai chiếc tàu để khảo sát bờ biển xung quanh La Navidad, một chiếc đi theo hướng đông và chiếc kia đi theo hướng tây.

Chắc chắn Cap Haitien là nơi tốt nhất thiên nhiên đã chọn lựa, vì độ ẩm thấp, so với cánh đồng phía đông, vì sự che chở của ngọn núi dốc đằng sau Cap Haitien và vì hải cảng đẹp được bảo vệ bởi hai, có khi ba vách san hô. Đó là một nơi đặc biệt thích hợp cho việc định cư của người Âu và trong một vài thế kỷ sau này sẽ trở thành “Paris của vùng biển Caribe”. Nhưng Colombo quyết định không dùng Cap Haitien “vì nó ở xa mỏ vàng”. Chắc chắn sẽ tìm thấy mỏ vàng trong đất liền, ở phía đông cửa sông Yaque del Norte chạy dưới ngọn Monte Cristi, Colombo đã xác định điều đó trong chuyến du hành đầu tiên. Vì vậy ông đã quyết định định cư tại Cap Haitien và quay trở lại, quay mũi tàu của ông về phía đông.

Colombo nhớ hai nơi ở phía Đông La Navidad phù hợp cho một thành phố, vì đó là những hải cảng tốt: Bahia de Gracias, ngày nay là Luperón Puerto Plata, ở chân Monte Plata. Bahia de Gracias là hải cảng mà chiếc tàu *Pinta* đã lưu lại mười ngày; tại đó Martin Alonso Pinzón đã thu thập một số vàng, như vậy nó có vẻ là mục tiêu lý tưởng. Colombo viết trong *Nhật ký* của chuyến du hành thứ nhất: “Lối vào hẹp vì có một bờ chỉ có hai sải nước; tuy nhiên, ở bên trong là một hải cảng tốt, kín đáo và được bảo vệ tốt”. Nhưng “nó có nhiều sương mù” và có nhiều con hà đã gây hư hại nhiều cho chiếc tàu *Pinta*, do đó Colombo không xem xét hải cảng đó, còn Puerto Plata thì sao? Ngày nay đó là thành phố đông dân nhất và nổi tiếng nhất

trên bờ biển phía bắc nước Cộng hòa Dominicana. Cảng này đã hưởng vị thế đó từ lâu, trước hết như một căn cứ quân sự chống lại bọn cướp biển và sau này trong những cuộc chiến tranh vùng Caribe. Con mắt sắc sảo của nhà đi biển vĩ đại đã thấy những thuận lợi của Puerto Plata. Tại sao Colombo không thành lập một thuộc địa mới ở đó? Vì, xin nói thẳng ra, ông không thể làm dịu bớt nỗi lo lắng của những người của ông. Có lẽ lần đầu tiên từ khi Colombo vạch ra một cách chính xác kế hoạch của ông về một cuộc phát kiến vĩ đại, Colombo đã phạm một sai lầm, không phải xuất phát từ tính ương ngạnh, hoặc kiêu hãnh, cũng không phải từ tính háms lợi, tham vọng, hay thậm chí sự cuồng tín về tôn giáo. Hình như đó là một sai lầm đặc trưng của những người không thể chịu được sự trì trệ, dù chỉ chút xíu, nhưng chúng ta sẽ thấy không phải như thế. Gió đã góp phần vào sai lầm này, gió xích đạo mà trong nhiều trường hợp khác đã là đồng minh tốt nhất của Colombo.

Ta chỉ thử phiêu lưu đi dọc theo bờ biển phía bắc Haiti và nước Cộng hòa Dominicana trên một chiếc thuyền buồm để đánh giá những khó khăn của việc đi ngược gió xích đạo trên biển cả. Tuy nhiên, tháng Giêng 1493 chiếc tàu *Nina* đã mất bảy ngày để đi từ La Navidad đến Puerto Plata. Giờ đây, sau hơn mười tháng, Colombo đã rời La Navidad ngày 7 tháng 12 và tới núi Monte Cristi ngày hôm sau. Colombo lại ra đi, hoặc đúng hơn là tìm cách ra đi ngày 9. Mãi đến ngày 2 tháng 1 ông mới tới nơi sẽ lập ra thành phố Isabela. Chúng ta hãy xem xét những khoảng cách:

- TỪ LA NAVIDAD ĐẾN MONTE CRISTI LÀ 30 DẶM HIỆN ĐẠI (38 DẶM ĐỊA TRUNG HẢI).
- TỪ MONTE CRISTI ĐẾN ISABELA LÀ 33 DẶM HIỆN ĐẠI (42 DẶM ĐỊA TRUNG HẢI).
- TỪ ISABELA ĐẾN PUERTO PLATA LÀ 26 DẶM HIỆN ĐẠI (32 DẶM ĐỊA TRUNG HẢI).

Hai mươi lăm ngày để đi ba mươi ba dặm! Hơn một dặm một chút trong một ngày, không gặp cản trở, nhưng để tưởng tượng những tàu đó sẽ phải dùng bao lâu và thường xuyên như thế nào vì không có gió, có lẽ một, hoặc hai tuần lễ.

Colombo không nêu sự khổ thực sự này vì ông ngừng viết *Nhật ký*. Chứng cứ duy nhất là bằng chứng ngắn gọn nhưng mạnh mẽ của bác sĩ Chanca: “Gió ngược đến nỗi đi ba mươi hải lý trong hoàn cảnh đó thì khó khăn đối với chúng tôi hơn là đi toàn bộ đoạn đường từ Castiglia”. Chanca, một bác sĩ hơn là một thủy thủ, đã nhầm hải lý với dặm, không phải ba mươi hải lý mà là 120 dặm. Thực tế hơn 42 dặm một chút, theo những tính toán của Colombo, đo bằng dặm Địa Trung Hải.

Những thủy thủ, những quý tộc, những binh lính, những người đi định cư ở Đất Mới và những con ngựa đã làm gì? Rõ ràng họ luôn luôn ở trên tàu. Họ không lên bờ, vì đến gần bờ biển từ bên ngoài vĩa san hô thì không thể. Một số thuyền có thể đã đổ bộ để lấy nước và người ta có lẽ đã bắt được nhiều cá. Nhưng ngựa không ăn cá, và hai mươi năm ngày đối với con người là một thời gian vô tận tuyệt vọng trong một khí hậu nóng nực và ẩm, rất khác khí hậu ở châu Âu. Thủy thủ kiệt sức vì liên tục làm buồm và chín trong số mười lần không đạt kết quả. Những người khác không hoạt động, không thể vận động, trừ chèn chúc nhau trên boong tàu, cũng không thể bơi hay xuống nhúng nước vì biển có đầy cá mập.

Đây là một tai họa khác nữa sau tai họa La Navidad, vì chỉ có Colombo biết, từ kinh nghiệm của ông trong năm trước, rằng đó là một tình hình khác thường có thể khắc phục. Puerto Plata gần, đi thuyền chưa đến một ngày, nếu họ có gió thuận lại. Nhưng gió không đến. Như vậy làm thế nào họ đến được Puerto Plata? Bằng những con ngựa chết? Bằng sự nổi loạn của hàng trăm người?

Colombo đã phải bó tay, đã phải ngừng, cuối cùng đã phải lên bờ và đã tìm thấy thành phố mới, thuộc địa hứa hẹn. Nhưng ông nên chọn địa điểm ở đâu? Ông đã bác bỏ đồng bằng ở cửa sông Yaque del Norte; nước trong vịnh đó đầy bùn lầy.

Sau đó, dải đồng bằng đầu tiên trên bờ biển là ở cửa sông Bajabonico. Ngày nay nó đổ ra cách xa một dặm về phía tây, rồi đập vào một cái gò, cao khoảng hai mươi thước Anh, ngay trên biển cả. Tại đó Colombo đi lên bờ và có một quyết định nhanh chóng và cần thiết, thành lập thuộc địa mới. Colombo không đặt tên thuộc địa mới là Navidad mới, vì ngay cả cái tên của thuộc địa đã thất bại cũng cần phải biến đi khỏi trí nhớ. Ông đặt tên thuộc địa mới là La Isabela,

Hoàng hậu đã hỗ trợ, giúp đỡ và bảo vệ ông. Như thế, hai lần không may mắn đã làm nảy sinh ra thành phố đầu tiên của Thế Giới Mới.

27

MỎ VÀNG

La Isabela được thành lập ngày 2 tháng 1 năm 1494. Ngày 6 tháng Giêng, bữa tiệc lễ kết thúc mùa Giáng Sinh, đã chứng kiến lễ Misa lần đầu tiên tại Thế Giới Mới. Cha Boil - một người thuộc tỉnh Catalan ở Đông bắc Tây Ban Nha, thuộc dòng tu thánh Benedic, đại sứ của Đức Giáo hoàng - đã làm lễ. Cùng dự lễ là những cha thuộc dòng tu Francesco Juan de la Ducla và Juan de Tisin, cha thuộc dòng tu khổ hạnh Roman Pane, bốn thầy tu thế tục, và năm thầy tu hành khất thuộc dòng tu Francesco từ tu viện Montserrat ở Catalogna. Lễ Misa được tiến hành tại một nhà thờ nhỏ lập tạm, trang hoàng bằng những bức trướng màu đỏ sẫm sắc sỡ do Hoàng hậu Isabela người Công giáo đã lấy từ nhà thờ nhỏ của Hoàng gia ban cho để dùng trong nghi lễ.

Ngày 2 tháng 2 nhà thờ đã làm xong, nhà thờ gồm có nơi ở của các cha xứ và nơi thờ cúng, có tường bằng đá bao quanh để đề phòng những cuộc tấn công của người bản xứ. Những ngôi nhà công cộng khác cũng làm bằng đá; chỉ có những nơi ở riêng tư là bằng gỗ và rơm rạ. Ngày 24 tháng 4 năm 1494, theo các tài liệu, La Isabela đã có những công chứng viên, một thị trưởng và những ủy viên Hội đồng thành phố và những người giám sát việc cung cấp nước. Đó là chính quyền đô thị tự trị đầu tiên ở châu Mỹ.

Ngày 10 tháng 3 năm 1496, khi Colombo lên đường về Tây Ban Nha, kết thúc cuộc hành trình phát kiến thứ hai, ông đã cử hai người anh của ông là Bartolomeo làm toàn quyền và Diego làm phó toàn quyền. Việc trao quyền đã diễn ra tại La Isabela, gồm cả lễ phong chức thị trưởng cho Francisco Roldán. Những mối bất hòa giữa Roldán và Bartolomeo và sau này giữa Roldán và viên Đô đốc đã góp phần làm suy tàn La Isabela. Trong những năm cuối của thế kỷ XV thành phố mới Santo Domingo trên bờ biển phía nam đảo

Hispaniola bắt đầu có tầm quan trọng ngày càng lớn. Nhưng những cuộc đấu tranh huynh đệ tương tàn cũng như sự cạnh tranh của Santo Domingo đều không giải thích được một cách đầy đủ sự suy sụp nhanh chóng của La Isabela. Năm 1499 thành phố đã hấp hối. Một năm sau những ngôi nhà đá, những chứng kiến buồn tẻ của một thời đã qua, đều im tiếng. La Isabela đã biến đi, không có vinh dự được chứng kiến sự kiện to lớn nào, dù nhân tạo hay tự nhiên.

Thành phố đầu tiên do Colombo xây dựng, một đô thị tự trị đầu tiên của Tây Ban Nha, gốc rễ đầu tiên của thế giới châu Mỹ La tinh - rất nhiều cái đầu tiên cho La Isabela. Và còn một cái đầu tiên nữa - đó là chết đầu tiên, trong khoảng sáu năm. Thành phố đó không tái sinh. Tin cho rằng nơi này có ma đã lan truyền sớm và nhanh đến nỗi Las Casas kể lại đã nghe thấy chuyện đó mấy năm sau: những người định cư ở đất mới đã chết tại đó lại đi bộ, lang thang khắp khu nhà đổ nát, chào một cách nghi thức những người liều đi vào những phố đã bị bỏ hoang, và sau đó tan biến thành bột khi có người ôm ghì họ, bắt tay họ, hay sờ vào họ bằng bất cứ cách nào.

Những chuyện nói rằng nơi này có ma không phải là yếu tố duy nhất ngăn cản sự tái sinh của La Isabela. Bờ biển phía bắc đảo Hispaniola chịu những cuộc lung sục lặp đi lặp lại của bọn cướp và những ảnh hưởng của những cuộc chiến tranh giữa các cường quốc châu Âu nhiều hơn vùng bờ biển phía nam.

Ngày nay Isabela không phải là một đô thị, cũng không phải là một huyện và thậm chí một “làng” cũng không. Chỉ có những ngôi nhà nhỏ trên đồi, sáu trăm người bản xứ sống ở đó làm nghề đánh cá, nông nghiệp và kiếm một ít tiền từ những khách du lịch thỉnh thoảng đến đó thăm nguồn gốc của đế quốc Mỹ La tinh, một đế quốc đã suy tàn về chính trị nhưng về văn hóa thì rất sinh động và tốt đẹp.

La Isabela không hồi sinh, đầu tiên vì nó không có một hải cảng. Điều gì đã làm cho Colombo không chọn một hải cảng tốt? Ông không sinh ra để thành lập các thành phố mà là một nhà đi biển xuất sắc, ông là người xét đoán giỏi nhất về những hải cảng. Chỉ có một lý do: kinh nghiệm thử thách mà tôi đã nói đến rất dài dòng. Nỗi khổ tâm phải đi chỉ có ba mươi dặm trong hai mươi năm ngày đã buộc Colombo phải lựa chọn tồi. Việc lựa chọn đó không tốt, không phải vì

đồi La Isbela không gợi cảm mà vì vịnh không thích hợp cho một hải cảng và cũng không được kín gió.

Lễ Misa kết thúc mùa Giáng sinh chưa kết thúc thì viên Đô đốc đã ra lệnh cho Alonso de Hojeda và Ginés de Gorvalán đi vào phía trong đảo để tìm mỏ vàng. Sau khi vượt qua “Dãy núi phía bắc”, họ đi xuống Vega Real, một cánh đồng rộng với “một dòng nước lớn, rộng hơn và lớn hơn dòng nước ở Siviglia”, như Michele da Cuneo miêu tả dòng sông Rio Yaque del Norte. Năm trước Colombo đã đặt tên dòng sông này là Rio de Oro vì đã thu lượm được nhiều bột vàng ở đó. Nhiều con suối xuất phát từ những ngọn núi bên trái đảo Cibao chảy vào sông Rio Yaque. Như Pietro Martire viết: “Trong cát của những con sông này, những người Indians đi cùng với những người Tây Ban Nha đã thu lượm vàng bằng cách thọc tay tới một độ sâu khoảng một thước Anh và múc cát lên. Từ đáy lỗ họ xúc cát bằng tay trái và nhặt vàng bằng tay phải và, dễ dàng như vậy, họ để những cục vàng vào tay chúng tôi. Nhiều người nói họ đã trông thấy nhiều cục vàng to bằng hạt đậu. Chính tôi sau này đã trông thấy một cục vàng giống như một hòn đá trên sông nặng chín ounce; chính Hojeda đã tìm thấy cục vàng đó”.

Michele da Cuneo bảo đảm với chúng tôi rằng trong số những mẫu vàng tặng cho viên Đô đốc có ba miếng đáng giá 8, 15, và 22 castellanos (khoảng 165, 300 và 450 đô la Mỹ, theo giá đô la năm 1987). Ước tính của Cuneo về vấn đề vàng, hoặc tiền bạc, giống như những ước tính của mọi người Liguria, không nói quá mà thận trọng.

Như vậy là có vàng! Có những mỏ vàng! Như Cuneo đã viết: “Viên Đô đốc và tất cả chúng tôi, không quan tâm gì đến hương liệu nữa mà chỉ quan tâm đến sự may mắn tìm thấy vàng. Chúng tôi tổ chức ăn mừng thịnh soạn”, Colombo lấy lại lòng tin và quyết định cử mười hai trong số mười bảy tàu trở về Tây Ban Nha. Nếu Colombo có thể gửi nhiều thùng vàng thay vì những mẫu vàng thì tốt hơn, nhưng những mẫu vàng vẫn chứng tỏ không phải ông đã bị lừa dối vì giàu trí tưởng tượng trong bản tường thuật cuộc hành trình thứ nhất. Cùng với những mẫu vàng, ông cũng cử Gorvalán, một trong những người chỉ huy cuộc thám hiểm trở về Tây Ban Nha. Cùng với người kia, Hojeda, Colombo đã đến Cibao để đích thân xác minh sự tồn tại của các mỏ vàng.

Đó là một cuộc khảo sát quan trọng, cuộc đi bộ đầu tiên vào trong đất liền, cuộc khảo sát đó được coi như là mô hình những người Tây Ban Nha chinh phục châu Mỹ thế kỷ thứ XVI, từ Balboa đến Cortés, Pizarro, Orellana và nhiều người khác cho đến khi người ta biết tất cả những con đường có thể qua lại được trong bán cầu từ 40° đến 50° Nam. Từ khi bắt đầu cuộc phát kiến lần thứ nhất đây là lần đầu tiên Colombo đã đi nhiều dặm cách xa biển và cũng là lần ông đi xa như vậy vào đất liền. Nơi ông đến mà tôi sắp nói, cách La Isabela gần bốn mươi dặm theo đường chim bay.

Năm trăm người đi khảo sát, chia theo hàng ngũ “như vẫn thường diễn ra khi họ đi ra chiến trận, kèn thổi lên và cờ mở ra”. Họ mang súng hỏa mai, và khi đi vào làng, hoặc rời khỏi các làng, họ thổi kèn và bắn những loạt đạn để những người Indians có thể thấy được “sức mạnh của những người Công giáo”. Tuy nhiên, có vẻ người Indians ngạc nhiên hơn về những con ngựa. Ngoài bộ binh ra, Colombo đã mang theo kỵ binh và những thiết bị để xây dựng một pháo đài nhằm bảo vệ an ninh cho tỉnh Cibao, và giữ cho người Tây Ban Nha được an toàn không bị xúc phạm, hoặc tổn thương nào sau khi thu lượm vàng. Kinh nghiệm đáng buồn ở La Navidad đã dạy viên Đô đốc phải đề phòng trước.

Colombo ra đi ngày 12 tháng 3 năm 1494, lội qua Bajabonico, con sông cung cấp nước cho La Isabela. Rồi ông đi ngược dòng đến bên bờ trái một chi lưu của sông Bajabonico. Con đường hiện nay từ biển đi đến địa phương dễ chịu ở Los Hidalgos phần lớn theo cùng một con đường. Sát phía Nam Los Hidalgos con đường lên cao tới 1.640 thước Anh ở đèo, về phía tây là một ngọn núi 2.700 thước Anh, ở phía đông-nam nổi lên dãy Cordillera Settentrionale mà những ngọn hiểm trở và sắc cạnh, lởm chởm của nó tới 4.100 thước Anh. Ngày nay đèo có một đường rải nhựa tốt. Có lẽ hời đó chỉ là một con đường mòn khiêm nhường mà người Indians đã đi qua và liên tục bị cản trở bởi cây cỏ xanh tươi bao phủ, mọc ra sau mỗi trận mưa.

Bên kia đèo một toàn cảnh thần thoại mở ra trước những người Tây Ban Nha.

Như vậy ngày nay, bất cứ thời gian nào trong năm, nhưng nhất là trong tháng 3 và tháng 4, mưa làm cho mọi nơi của vùng nông thôn xanh tốt, và không khí dịu dàng tươi mát. Đó là cảnh Vega Real, cánh

đồng lộng lẫy. Colombo đã đặt tên như vậy và có lý do, tên ấy đã sống qua nhiều thế kỷ vì trong số vô vàn kỳ quan của vùng biển Caribe người ta hiếm thấy một đồng bằng rộng, phong phú, và trong xanh vây quanh bởi những ngọn núi xanh tươi đẹp đẽ. Đây là miêu tả của Las Casas; ông đã trông thấy cánh đồng ấy mấy thập kỷ sau Colombo: “Đồng bằng tám mươi dặm, và từ trên ngọn núi nơi Colombo và những người của ông đứng, ta có thể thấy từ cạnh này sang cạnh kia hai mươi, hoặc ba mươi dặm. Ở đây tươi xanh và thoáng đãng, có nhiều màu chói lọi đẹp đến nỗi, người ta nghĩ ngay rằng mình đang đi vào một góc của thiên đường”.

Đội quân bắt đầu đi xuống “với sự thích thú vui vẻ” vì sau khi xem toàn cảnh có một không hai của Vega Real, họ đi qua những cánh rừng làm cho người ta say mê. Ngày nay những cánh rừng vẫn còn quyến rũ và phát triển, mặc dù những cây bản xứ đã được thay thế bằng những cây nhập khẩu từ vùng nhiệt đới châu Á và châu Phi, trước hết là dừa, nhưng cũng có những cây bưởi, cây chuối, cây hạt tiêu, nhục đậu khấu và nhiều cây khác. Niềm vui đã chiếm lĩnh tâm hồn đội quân năm trăm người của Colombo, cũng làm siêu lòng người du khách ngày nay tới những vùng huy hoàng này của nước Cộng hòa Dominicana.

Michele da Cunao, don Fernando và Las Casas không đồng ý sự tiến triển của các sự kiện sau khi đoàn khảo sát rời Vega Real. Tuy nhiên họ đồng ý với nhau về nơi sắp tới có sự kiện, một vùng ngày nay gọi là Fortaleza, ở phía tây nam thành phố Jánico, trên một đường dốc chia lưu vực sông Rio Bao với lưu vực sông Rio Jánico.

Từ Jánico người ta có thể đi một phần đường bằng xe, rồi phải đi bộ hoặc cưỡi la. Như don Fernando đã chỉ rõ, những vùng rộng lớn vẫn không có cây, nhưng dọc theo những bờ sông Jánico và sông Bao là rừng rậm. Sông Bao mang một khối nước lớn ngay trong mùa khô. Con sông này chảy xiết và có những ngọn núi có cây cối tươi tốt bao quanh. Đây là một phong cảnh náo động và thể nào cũng gây ấn tượng cho những người Tây Ban Nha, nhất là những người chưa đi lên bờ đảo Guadeloupe. Rừng ở vùng núi trung tâm sẫm hơn rừng ở dãy núi Settentrional và cũng làm say mê lòng người.

Tuy nhiên, không có gì lôi cuốn bằng vàng. Colombo đã thu thập mười kilôgam vàng từ những người Indians và nhận thấy rằng đảo Cibao không giống quần đảo Bahamas, bờ biển đảo Hispaniola, và cũng không giống Guinée, tại những nơi này người ta dùng vàng để buôn bán như ở Genova. Ở đây người ta tìm thấy vàng ở trạng thái tự nhiên, ở đây có các mỏ vàng. Người ta vẫn còn tìm thấy vàng ở đó, không phải ở đảo Cibao mà gần đấy. Năm 1983 nước cộng hòa Dominicanana báo cáo đã sản xuất số một lượng vàng quan trọng: 11.240 kilôgam.

Đây là phát kiến vĩ đại thứ hai Colombo đã mong ước từ ngày 12 tháng 10 năm 1492, khi ông trông thấy một người Taino đeo vòng vàng ở mũi. Bây giờ ông rất phấn khởi và tin tưởng. Ông bố trí sơ đồ một pháo đài, chỉ huy việc khởi công xây dựng và quyết định để lại một đội kỵ binh phi ngựa làm cho những người Indians sợ và năm mươi người dưới quyền chỉ huy của Mosén Pedro Margarite. Sau khi đào những hào và xây dựng hàng rào, họ bố trí lực lượng đồn trú ở pháo đài, làm nơi ẩn náu an toàn và trung tâm khai thác mỏ.

Colombo nhận ra rằng Cibao không phải là Cipango (Nhật Bản). Nhưng bây giờ Cipango làm cho ông ít quan tâm hơn. Cuộc du hành thứ hai đã làm ông rất yên lòng: tại những vùng đất mới có nhiều cây trước đây chưa biết, nhiều hương liệu, những khu rừng tuyệt diệu, những cánh đồng phì nhiêu hơn bất cứ cánh đồng nào ở châu Âu, mưa nhiều và nhiều sông, những biển làm say mê lòng người ở cả bên trong lẫn bên ngoài những vách san hô, nhiều thực phẩm biển phong phú, ngon và lạ. Nói tóm lại những vùng đất mới có tất cả lòng hào phóng của Chúa, trong đó có vàng đủ làm giàu nhà vua Tây Ban Nha và toàn bộ nước Tây Ban Nha. Còn lại gì để phát kiến nữa. Ấn Độ, mục tiêu của kế hoạch lớn. Tuy nhiên tới Ấn Độ đòi hỏi tìm ra đất liền. Đảo Cibao không phải là Nhật Bản, nhưng điều đó không còn làm cho Colombo lo lắng. Vấn đề là tìm ra lục địa Trung Hoa, để cuối cùng tới Ấn Độ.

KHÁM PHÁ CUBA VÀ JAMAICA - NHỮNG RỦI RO TẠI LA ISABELA.

Từ 24 tháng 4 đến 29 tháng 9 năm 1494, Colombo khảo sát bờ biển miền Nam Cuba bằng ba chiếc tàu, đã phát hiện ra Jamaica và đi trở lại dọc bờ biển phía Nam của đảo Hispaniola, đi vòng đầu phía đông của hòn đảo này. Trong quá trình cuộc thăm dò, ngày 12 tháng 6, Colombo đã gọi viên công chứng hoàng gia và ra lệnh cho ông ta hỏi các thuyền trưởng, hoa tiêu, thủy thủ của cả ba chiếc tàu, yêu cầu họ tuyên bố rằng Cuba là bắt đầu các đảo Đông Nam Á, đại lục châu Á. Nếu ai có ý kiến khác, Colombo thuyết phục người đó tin rằng mình sai lầm. Người nào ký tên vào bản tuyên bố mà sau đó phản bội lại sẽ bị phạt mười nghìn maravedis và bị cắt lưỡi. Bốn mươi hai người - thuyền trưởng, hoa tiêu và thủy thủ, trong đó có Juan de la Cosa - thề rằng họ chưa bao giờ trông thấy, hoặc nghe thấy, một hòn đảo kéo dài 335 dặm từ đông sang tây (Cuba thực tế dài hơn nước Anh, dù nhỏ hơn) hoặc bắt cứ một đảo nào khác ở châu Âu; do đó đất này phải là một phần của đại lục. Nếu họ tiếp tục đi, chẳng bao lâu họ sẽ gặp “dân tộc văn minh và thông minh hiểu biết thế giới”. Thế là họ đã thề và ký tên.

Ngày nay việc làm trên đây có vẻ kỳ lạ và đã gây ra sự chế nhạo từ những người chê bai Colombo. Tuy nhiên, việc ấy đã được thực hiện trước bởi các nhà khảo sát khác. Bartolomeo Diaz cũng đã làm như thế, sau khi đi vòng quanh mũi Nam châu Phi và tin chắc rằng ông đang trên đường đi đến những vùng đất Ấn Độ, kết quả chỉ đưa đến việc đoàn thủy thủ buộc ông phải quay trở lại.

Colombo biết rõ sự kiện; việc ông làm không phải là trường hợp lạ kỳ đối với thời đại ông. Cách làm việc được xác nhận một cách nghiêm ngặt đã giúp giải thích một quyết định bất ngờ. Colombo đã

nói dối và biết là mình nói dối. Biết rõ ràng mình đang nói dối, Colombo muốn chính thức hóa và hợp pháp hóa sự giả dối này và thỏa hiệp với những người có liên quan với ông tới một trong những sự kiện quan trọng nhất của cuộc phát kiến vĩ đại.

Cần cố gắng để hiểu đầy đủ và nếu có thể thâm nhập vào tâm trí của Colombo trong tháng 6 năm 1494 gian khổ đó. Giờ đây ông biết chắc chắn rằng những vùng Đất Mới không phải là vùng đất khác của nhiều quần đảo rải rác khắp Đại Tây Dương do trí tưởng tượng thời Trung cổ của những nhà vẽ bản đồ. Colombo nói với Pietro Martire sau chuyến đi thứ hai rằng ông đã gần đến Chersoneso tức Bán đảo Mã lai (Malacca). Nếu ông tin rằng ông đã đến Mã Lai, hoặc gần đến Mã Lai, Colombo cũng tin chắc rằng ông đang ở gần Ấn Độ. Theo địa lý thời Trung cổ giữa Mã Lai, và Ấn Độ, trên thực tế là vịnh Bengal.

Colombo nói với Andrés Bernaldez rằng, với hy vọng Cuba là một bán đảo ở châu Á, đầu tháng 6 năm 1494 ông đã xem xét việc đi qua bán đảo ấy rồi vượt Ấn Độ Dương trở về Tây Ban Nha, từ Đông sang Tây, hoặc bằng cách đi vòng Hào Vọng Giác, hoặc bằng cách lên bờ ở Hồng Hải, đi trên đất liền, qua Jerusalem và đi thuyền từ Jaffa đến Cádiz. Đó là một kế hoạch đầy tham vọng, nghĩ lường trước cả Magellan. Colombo có thực sự nghĩ rằng ông có thể thực hiện được kế hoạch đó hay không? Ông có nghĩ rằng ông có thể thực hiện được việc đó trong dịp này không? Ông biết rằng ông không thể thi hành kế hoạch đó bằng ba chiếc tàu được trang bị tồi. Nhưng ông đã nghĩ đến kế hoạch đó. Và ông tin, ông hy vọng, ông đang đi dọc bờ biển bán đảo Mã Lai. Ông sẽ trở lại đó và cuối cùng thực hiện giấc mộng chưa hoàn thành được: Tới Ấn Độ và đi vòng địa cầu.

Nhưng ngày 11 tháng 6, tiền đề cơ bản của kế hoạch này đã tan biến khi Colombo được những người Indians cho biết: Cuba là một hòn đảo. Ông ta phải chấp nhận thực tế đáng buồn là Cuba không phải là bán đảo Mã Lai. Ngày ấy ông đến Bahia Cortés, cách Cabo Corrientes (“những dòng nước”) là mũi phía tây-nam của Cuba ngót một trăm dặm.

Các nhà sử học thích nói rằng với một chút kiên nhẫn Colombo đã có thể xác định rằng Cuba là một hòn đảo, và họ tha hồ tưởng

tượng về điều gì sẽ xảy ra tiếp theo đó. Sau một cuộc vượt biển ngắn, Colombo sẽ tới Yucatán, hay nếu ông tiếp tục đi theo bờ biển của hòn đảo dòng Gulf Stream sẽ đưa những con tàu đến dãy đảo Florida Keys ở phía nam Florida, ngay trong tầm mắt và từ đó Colombo dễ dàng tới một phần khác của đại lục: Florida.

Những kết luận dựa trên giả thiết “nếu” này rõ ràng là đa dạng. Tuy nhiên, có sự nhất trí đáng ngạc nhiên - so với những tranh luận về rất nhiều mặt khác của cuộc đời Colombo. Colombo đã có thể chứng minh Cuba là một hòn đảo. Tôi không đồng ý nói như vậy. Ông đã thôi không đi dọc bờ biển Cuba nữa, không những vì mệt mỏi, thiếu đồ tiếp tế, các đoàn thủy thủ kêu ca, và điều kiện tồi tệ của các tàu, mà trước hết vì ông đã không muốn xác minh xem Cuba có phải là hòn đảo hay không. Ông biết từ những người hướng dẫn Indians rằng ông đang ở gần mũi phía tây của Cuba và ông tuyệt đối không muốn thừa nhận bằng kinh nghiệm của chính mình rằng Cuba không phải là bán đảo Mã Lai, như ông đã tin cho đến lúc đó. Ông tin rằng có đất liền, tin đến mức cho rằng dù Cuba và tất cả những đảo khác phát hiện cho tới lúc đó là những hòn đảo, thì những đảo ấy chỉ là vành đai vây quanh đại lục. Vì thế ông đã đòi phải thề. Ông đã bắt buộc những quý tộc, nhân viên và thủy thủ phải thề rằng Cuba là một bán đảo, không phải để tránh lời buộc tội ông là đã quay trở về quá sớm mà để làm dịu bớt sự nghi ngờ rằng những đảo đó là một quần đảo khổng lồ cách xa châu Á.

Giải thích này gần với giải thích của Madariaga, trừ việc Madariaga coi sự kiện đó như một chứng cứ trong nhiều chứng cứ về tính điên rồ của Colombo. Tuy vậy, không cần coi Colombo là một người điên để giải thích tâm lý của ông, trong trường hợp này cũng như trong nhiều trường hợp khác, chỉ là một sự pha trộn phức tạp, mâu thuẫn của những lòng tin cũ rích thời Trung cổ và đoán trước những tư tưởng thời Phục hưng và hiện đại. Con người hiện đại biểu thị tính sắc bén và sự quan sát chính xác ở Colombo về mọi sự việc. Từ tính sắc bén và tinh thần quan sát đó, Colombo đã hình thành một ý nghĩ đúng đắn: những đảo được phát hiện đã báo hiệu một lục địa ở gần đó. Con người Trung cổ thể hiện khi Colombo không dùng sự thật thực nghiệm mà dùng trực giác để chứng minh những tài liệu, khi trực giác và sự giả dối kết hợp làm một, khi những dấu hiệu biến

thành chứng cứ, những giải thích sự việc biến thành bản thân sự việc có thực và trực giác biến thành thực tế. Khi Colombo trở lại Isabela ngày 29-9, ông biết rõ chưa tìm thấy đại lục, chưa nói đến Ấn Độ, bất chấp những lời thề giã dối.

Một điều thất vọng khác nữa đợi Colombo ở Isabela. Hàng trăm người, thực ra gần một nghìn người Tây Ban Nha đã định cư tại La Isabela vào đầu tháng giêng, rải rác từ La Isabela tới San Tomaro. Tất cả đều là đàn ông: thủy thủ, những người định cư, những nhà quý tộc, các cố đạo và các tu sĩ. Những người khác gồm có phụ nữ và trẻ em từ châu Âu đến trong các cuộc du hành sau này và cùng sống với họ. Những chuyến đến đầu tiên đã sống mười một tháng tại những vùng đất mới, chín tháng ở miền Bắc đảo Hispaniola, lấy La Isabela làm căn cứ. Chưa có ai hiểu biết một cách chính xác những vùng đất mới này. Những vùng đất mới ấy có phải là những tiền đồn phía đông châu Á hay không, những vùng ấy có phải là một thế giới mới hay không, mới về khí hậu, biển cả, đất đai, hệ thực vật, hệ động vật và con người.

Trước hết nói về khí hậu, mười một tháng đủ để chứng minh rằng những vùng đất mới không có những mùa của châu Âu. Tại châu Âu, lạnh về mùa đông và nóng về mùa hè; ở vùng Caribe suốt cả năm nhiệt độ chỉ thay đổi chút ít, giảm về mùa đông, nhưng không bao giờ xuống dưới 20°C. Nhiệt độ trung bình ở La Isabela là 22.8°C vào tháng Giêng và 26.6°C vào tháng 7. Không có mùa thu hoặc mùa đông. Cây cối nảy mầm quanh năm, rất nhiều hoa nở, khi có những tia nắng đầu tiên sau một cơn mưa đông dữ dội, và những cánh đồng và đồi cỏ luôn luôn xanh. Rải rác đây đó trong những tháng không mưa có những mảng màu vàng hoặc xám, cách xa những con sông, nhưng ngay khi trời đổ mưa thì chỉ mấy ngày sau những mảng ấy lại xanh trở lại.

Tính chất màu mỡ lớn lao của những vùng đất mới phát kiến gây ấn tượng mạnh mẽ đối với những nhà sử học đương thời. Đây là bản tường trình của don Fernando:

Khi viên Đô đốc từ đảo Cibao trở lại La Isabela vào ngày 29 tháng 3, ông thấy một số quả dưa đã chín, mặc dù chỉ mới trồng được hai tháng. Tương tự như vậy, những quả dưa hầu sau hai mươi ngày đã sẵn sàng ăn được và một cây nho dại đã sản sinh ra

những quả nhỏ tốt, tròn khi được chăm sóc. Ngày hôm sau 30 tháng 3, một nông dân đã thu hoạch lúa mỳ trồng từ cuối tháng giêng, và đậu hạt thu hoạch to hơn hạt giống đã gieo ban đầu. Mọi thứ đều nảy mầm trong phạm vi ba ngày sau khi trồng, và trong phạm vi mười lăm ngày, đã ăn được. Rễ cây đầy lên những chồi trong bảy ngày và cành nho mới cắt sẽ mọc lá trong bảy ngày. Mía cũng vậy.

Michele da Cuneo cho ta biết thêm nhiều chi tiết về những cây và quả mới phát hiện trên đảo Hispaniola, trong đó có những rễ cây “rất to và thuộc nhiều loại, rất trắng, người ta làm bánh từ những rễ cây này”. Ông cho biết thêm về nhiều hạt giống đã đưa từ Tây Ban Nha sang, những giống nào mọc tốt và những giống nào không tốt. Những hạt giống nảy mầm tốt là dưa hấu và các loại dưa, bí, củ cải, những hạt giống nảy mầm không tốt là hành, các loại rau diếp, tỏi tây. Lúa mỳ, các loại đậu mọc nhanh, nhưng cũng héo và khô nhanh chóng, như vậy người ta phải thu hoạch nhanh để những cây ấy khỏi bị cháy khi nhiệt độ quá cao. Nói chung, độ phì nhiêu của đất và tiềm năng nông nghiệp rõ ràng là tích cực.

Nhưng còn một vấn đề khác, sức khỏe, điều kiện thể chất của những người định cư. Về mặt này bản tổng kết không chỉ là tiêu cực mà còn tai hại. Khi từ Cibao trở về, Colombo đã thấy nhiều người ốm tại La Isabela; ngày 28 tháng 9, sau khi thăm dò Cuba và Jamaica trong năm tháng, ông đã thấy Isabela trở thành một bệnh viện, và thêm nhiều ngôi mộ tại Nghĩa trang Công giáo đầu tiên ở những vùng Đất Mới. Tại sao? Đặc biệt, tại sao cuộc hành trình thứ hai có ảnh hưởng xấu đối với sức khỏe con người, khác với cuộc hành trình thứ nhất?

Giải thích đầu tiên nằm trong lịch. Việc lưu lại lần thứ nhất tại châu Mỹ diễn ra từ 12 tháng 10 năm 1492 đến 14 tháng Giêng 1493 theo lịch Julius, hoặc từ 22 tháng 10 đến 24 tháng Giêng theo lịch Gregory dùng ngày nay.

Ngược lại, thời kỳ đầu tiên của cuộc hành trình thứ hai - lưu lại vào thời điểm chúng tôi đã nói tới trong bản tường thuật của chúng tôi - diễn ra từ 4 tháng 11 năm 1493 đến 29 tháng 9 năm 1494 (14 tháng 11 năm 1493 và 9 tháng 10 năm 1494). Mặc dù vùng Caribe không có thay đổi thực sự về mùa, từ tháng 6 đến tháng 8 sức nóng rất ẩm, ngột ngạt và căng thẳng. Thời gian ở lại châu Mỹ trong

chuyến đi thứ nhất đã được hoàn thành ngoài những tháng đó, trong một mùa tốt nhất đối với những người quen với khí hậu Địa Trung Hải.

Một giải thích thứ hai về hậu quả khác nhau của hai chuyến đi, đó là trong chuyến đi thứ nhất có ít người tham gia (dưới một trăm người). Tất cả những người này là những thủy thủ (hầu hết đã quen sống trong những miền khí hậu khác nhau), và họ đều sống toàn bộ thời gian trên tàu, trừ số người lưu lại La Navidad và một số được cử đi khảo sát sâu trên đảo Cuba để tìm đất nước “Đại Khan”. Thủy thủ các tàu *Santa Maria*, *Pinta* và *Nina* không bao giờ ngủ trên bờ. Thức ăn trên tàu toàn những thứ họ đã quen ăn, khẩu phần tiêu chuẩn của thủy thủ Địa Trung Hải: bánh quy khô, hay bánh quy biển, dầu ô liu, dấm, rượu, tỏi và thịt muối. Họ không kiêng cá, hải sản, chim và những vật săn bắn được ở địa phương, nhưng đó là thức ăn bổ sung. Những món cơ bản trong khẩu phần của thủy thủ luôn luôn sẵn sàng trong chuyến đi thứ nhất. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ là họ đã thiếu bánh quy khô, dầu hoặc rượu.

Trong chuyến đi thứ hai, tình hình hoàn toàn khác. Không thể nào chuẩn bị đủ bánh quy khô, dầu và rượu cho một nghìn hai trăm con người trong mười một tháng, thậm chí lâu hơn nữa. Bánh quy khô, thịt muối mang theo từ Tây Ban Nha, hoặc Gomera còn lại đã bị thối rữa do ẩm và nóng, rượu thì hóa chua. Những người định cư ở La Isabela lại phải làm quen với việc ăn bánh sắn. Chúng ta biết làm bánh sắn như thế nào, phải thái mỏng, rồi xát thành bột, nhưng giờ cũng phải dùng bột nhiều thứ củ: khoai từ, khoai lang, hay yuca, không có nhiều prôtêin như bột mì. Ngoài biển có nhiều cá, trai sò và các loài có vỏ khác, nhưng nhiều vị quý tộc và cả nông dân không quen xài hải sản, lại không biết thêm loại gia vị nào vào các món ăn này. Ngoài việc thiếu ngũ cốc và rượu, chất béo cũng khan hiếm. Còn rau và quả thì có đủ loại mọc trên ven sông Bajabonico và sông Yaque del Norte, nhưng người Tây Ban Nha lại chưa quen ăn. Dạy con người thường quen theo thói cũ, thay đổi món ăn khác thì sẽ sinh phản ứng. Vì vậy nhiều người bị đói và gầy sòm đi. Năm quả trứng gà phải hạn chế để dành cho người ốm, năm cân đậu hạt chỉ đủ cho 18 người ốm.

Tuy nhiên đất đai vẫn sản xuất ra ngũ cốc loại tốt nếu thu hoạch kịp thời. Viên Đô đốc ra lệnh cho mọi người phải lao động, kể cả quý tộc. Thế là họ cần nhàn, bức dọc. Ông còn ra lệnh cho họ xây dựng những nhà máy chạy bằng sức nước để trị thủy sông Bajabonico. Nhưng họ không muốn làm; những nhà quý tộc thấy bị xúc phạm vì buộc phải lao động chân tay. Ngay cả những nông dân dẻo dai của miền Andalusia cũng cảm thấy yếu đi vì khí hậu. Họ không những không muốn làm việc mà còn là không thể làm việc được nữa.

Nhiều năm, nhiều thập kỷ trôi qua, người da trắng thích ứng với khí hậu nóng ẩm, tìm đủ các thứ thuốc chữa bệnh, kết hợp một cách có hiệu quả trái cây, cá và những sản phẩm khác của Thế Giới Mới với những thành phần cơ bản của khẩu phần châu Âu. Họ học cách tránh bệnh nhiệt đới bằng vệ sinh, thuốc và phát triển một phong cách sống khá dễ chịu, thậm chí thích thú trong môi trường về cơ bản là lành mạnh ở Haiti và Cộng hòa Dominicana, Cuba, Jamaica, Puerto Rico và quần đảo Tiểu Antilles.

Nói tóm lại, họ giải quyết được tất cả những vấn đề môi trường của người châu Âu, trừ sự thích ứng với công việc. Công việc ở ngoài đồng, trong các đồn điền, trong xây dựng, những người định cư đất mới không thể thích nghi với lao động chân tay trong một khí hậu nóng và ẩm như thế. Chẳng bao lâu người ta đã cảm thấy hậu quả tai hại của hoàn cảnh này. Ở đây tôi sẽ xin nói là, mặc dầu viên Đô đốc đã ra lệnh rõ ràng, những người ở La Isabela không muốn, hoặc không thể làm việc, vì vậy họ đã không giải quyết được vấn đề bảo đảm thực phẩm. Đã đến lúc khẩu phần hàng ngày “gồm có một đĩa hạt ngũ cốc nghiền bằng máy quay tay (nhiều người đã luộc hạt để ăn), một miếng thịt lợn muối đã ôi, hoặc một miếng pho mát mốc với một ít đậu”. Las Casas nói với chúng ta như vậy, và ông thêm rằng: “Còn về rượu, cứ như là không còn giọt nào trên thế giới”. Để sống còn, người Tây Ban Nha đã ăn thịt một loài chó không sữa, và một loại thỏ nhỏ hơn thỏ châu Âu. Họ đã quen ăn những con kỳ đà và những loài bò sát khác. Với những động vật này và cá họ được thỏa mãn nhu cầu về thịt, nhưng không có gì để thay thế dầu và rượu. Sắn và Yuca chỉ là một thức ăn tạm thay thế cho bánh mì. Sự gầy yếu và nạn đói của những người định cư kéo theo những bệnh nhiệt đới phổ biến trong khí hậu ấy.

Những người định cư bị thiếu ăn yếu đi, đã dễ dàng trở thành nạn nhân của nhiều bệnh. Trong thời gian này - từ tháng Giêng đến tháng 9 năm 1494 - “mụn mủ” đã xuất hiện. Đó có phải là bệnh giang mai hay không? Theo Las Casas và Oviedo thì đó là bệnh giang mai, cũng theo Oviedo, bệnh đó đã được đưa sang châu Âu bởi những người trở về Tây Ban Nha với thuyền trưởng Antonio de Torres vào tháng 2 năm 1494. Bác sĩ Tây Ban Nha Ruy Diaz de Isla đã viết một cuốn sách về chủ đề này năm 1539, bệnh giang mai đã đến châu Âu sau chuyến đi thứ nhất, những người Indians truyền bệnh cho gái mại dâm ở Barcelona năm 1493. Theo những học giả khác, có một hình thức giang mai truyền nhiễm ở cả châu Âu và châu Mỹ trước cuộc phát kiến lớn. Tuy nhiên, có vẻ chắc chắn “mụn mủ” là bệnh giang mai. Dù do nguyên nhân gì đi nữa bệnh đã lây lan theo sự tiếp xúc giới tính ở châu Âu, chắc chắn bệnh “mụn mủ” lan tràn tại La Isabela vì những người Tây Ban Nha thường xuyên cưỡng hiếp phụ nữ Indians.

Điều này đưa chúng ta đến chủ đề phong tục giới tính của người Indians trước khi người châu Âu đến và ảnh hưởng của những thủy thủ và người định cư Tây Ban Nha đối với thái độ giới tính của người Taino. Ở mọi nơi, những người Taino trên quần đảo Bahamas, Cuba và ở Hispaniola có một thói quen hoàn toàn tự do. Họ quan hệ tình dục hậu môn, và phụ nữ thì quan hệ tình dục với nhiều người. Sự trụy lạc của Anacaona, vợ của Caonabó, sau khi bà ta góa chồng đã trở nên mạnh mẽ và không kiềm chế được, đến nỗi có thể so sánh bà ta với Semiramide. Tuy vậy cũng có giới hạn: không ai quan hệ tình dục với mẹ, con gái, hoặc chị em gái. Tất cả mọi người đều ghê tởm sự loạn luân. Có những phụ nữ kín đáo, nhưng ngay cả những người không công khai mong muốn về tình dục cũng dễ dàng quy phục những người Công giáo, không bao giờ từ chối.

Sự quan hệ tình dục đầu tiên được biết do Michele da Cuneo tường thuật. Sự kiện này xảy ra giữa tháng 11 năm 1493 tại Vịnh St. Croix, quần đảo Tiểu Antilles.

Trên thuyền tôi đã mang theo một phụ nữ Cannibale đẹp nhất mà viên Đô đốc đã cho tôi. Khi tôi có người ấy trong phòng, người ấy trần truồng như phong tục của họ, tôi cảm thấy muốn có thú vui với người ấy và muốn thực hiện ý định. Người phụ nữ ấy không muốn

quan hệ tình dục với tôi và cào cấu tôi làm tôi nghĩ đáng lẽ tôi không bao giờ nên bắt đầu như thế. Để nói cho bạn biết việc đó kết thúc như thế nào tôi lấy một đoạn dây thừng quật mạnh và người đàn bà ấy thét lên những tiếng kêu sợ hãi mà bạn không thể tin được. Cuối cùng chúng tôi đi đến thỏa thuận, theo một cách mà tôi có thể bảo đảm với bạn là người phụ nữ đó hình như đã qua một trường huấn luyện gái mãi dâm.

Sự kết thúc có hương vị như trong truyện của Boccaccio^[*]. Những chuyện xảy ra ở La Navidad càng có tính chất Boccaccio hơn nữa. Như đã nói ở trên sự ghen tuông của những người đàn ông về phụ nữ là một trong những nguyên nhân của tấn thảm kịch. Trong khi chắc chắn một số người Tây Ban Nha đã cãi cọ và đánh nhau, thậm chí giết nhau về phụ nữ, rõ ràng những người Indians đã trả đũa người Tây Ban Nha về sự ngạo mạn, vì những cuộc lòng sục và cướp bóc hơn là vì những vấn đề phụ nữ. Phụ nữ Indians rõ ràng thừa thãi đến nỗi nam giới không bị công phần. Bị nhầm lẫn vì sự tự do đó, những người định cư đương nhiên coi như không có giới hạn nào nữa, thậm chí không tôn trọng cả vợ và con gái những tù trưởng.

Đúng như họ đã lạm dụng phụ nữ, những người định cư lạm dụng sự mến khách ngây thơ của người Indians. Người Indians đã cho người Tây Ban Nha bất cứ những gì họ có.

Diego Colombo, người mà Colombo để lại để chỉ huy La Isabela và toàn bộ hòn đảo, đã không duy trì được sự kiểm soát. Người đương thời nói ông ta phù hợp với cuộc sống ở nhà tu hơn là hoạt động chính trị. Dù nguyên nhân là gì đi nữa, khi Colombo trở lại, ông thấy một tình hình đáng sợ: nạn đói, bệnh tật, sự thái quá về giới tính và không có hy vọng gì về bất cứ loại quan hệ có ý nghĩa nào với người Indians.

Một câu hỏi tự nhiên phải nêu ra là, làm sao sự việc có thể thay đổi một cách cơ bản như thế, từ cuộc gặp thứ nhất tại Bahamas đến mối quan hệ của cuộc đi thứ hai? Hình như những đảo ở biển Caribe lúc đó cũng như bây giờ là một thiên đường trên mặt đất. Tất cả đều đẹp. Nhưng ngay cả những điều tốt cùng lâu dần quen đi. Ngủ đu đưa trong một chiếc võng là hay, tuy nhiên có bao nhiêu người châu Âu công nhận hoặc các nhà chuyên nghiệp sẵn sàng đổi giường lấy

võng? Mùi vị dứa, đu đủ, quả mơ là tốt, nhưng nếu bạn đem những thứ đó cho binh lính Ý, hoặc Tây Ban Nha, đã quen với táo, lê, và cam, quả lạ sẽ bị vứt đi như một thứ bẩn thỉu. Bơi trong biển ngoài khơi La Isabela là tuyệt diệu, tôi đã hưởng thú vị đó nhiều lần, nhưng những nhà quý tộc, những nông dân thời đó tuyệt đối không ham thích bơi dưới biển. Đây là ba ví dụ chỉ rõ thiên đường trên mặt đất biến thành nơi chuộc tội đối với người Tây Ban Nha như thế nào?

Cũng nhớ lại nơi chuộc tội - nếu bản thân nó không phải là địa ngục - một cơn bão đã ập đến La Isabela vào một ngày tháng không nhớ rõ, có lẽ vào mùa thu năm 1495, Pietro Martire viết: “Một trận gió dữ dội đã xuất phát từ phía đông bắc, người ta chưa bao giờ thấy một trận bão như thế ở châu Âu”.

Không ai có thể hồi tưởng lại một sự việc nào giống như thế, vì người ta chưa biết một sự việc nào giống như thế ở châu Âu. Chữ *huracán* là tiếng Maya và có nghĩa “người có một bàn chân”, để chỉ vị thần bão. Người Tây Ban Nha đã chấp nhận tên gọi đó cho một loại bão lớn, gây tác hại nhiều hơn một trận động đất. Mùa thu năm 1495 một cơn lốc đã làm bật gốc những cây khổng lồ tại thung lũng Bajabonico, làm đứt những thừng néo tàu biển, và làm đắm hai ba chiếc tàu thả neo trong vịnh La Isabela. Pietro Martire bình luận: “Một sự kiện kỳ lạ khủng khiếp”. Đó không chỉ là một sự kiện kỳ lạ mà là một sự mới lạ nữa trong số nhiều cái mới lạ của cuộc phát kiến vĩ đại, một sự kiện làm cho cuộc gặp gỡ của những người Châu Âu với Thế Giới Mới càng thêm khó khăn hơn.

CHIẾN TRANH VÀ NÔ DỊCH

Không những làm quen với khí hậu là việc khó khăn, phát triển quan hệ giữa người da trắng và người Indians, lúc đầu rất tình cảm nay biến thành chua chát và cay đắng. Như vậy đến cuối tháng 9 năm 1494, tình trạng thuộc địa rất nghiêm trọng.

Trước khi rời đi Cuba và Jamaica, với cương vị là Tổng trấn, Colombo đã ra lệnh xây một con kênh từ Bajabonico đến trung tâm thành phố để cung cấp thêm nước và sức đẩy cho một máy xay. Mọi người đều phải làm việc, nhưng như đã nhận xét theo Las Casas, những người quý tộc “cảm thấy lao động chân tay là bất hạnh, cũng như chết hoặc tồi tệ hơn, nhất là họ không được ăn uống tốt”. Những người định cư khác có thể muốn làm việc nhưng họ không thể làm việc vì khí hậu và dinh dưỡng tồi tệ, Las Casas cũng tường thuật lại: “Như vậy Colombo phải dùng bạo lực để thực hiện ý muốn của mình”. Oviedo còn nói tỉ mỉ hơn: “Colombo đã treo cổ một số người, đánh những người khác và trở nên nghiêm khắc và khắt khe hơn bình thường”. Cha Boil, giáo chức đại diện phận Tòa thánh đã tố cáo Colombo quá nghiêm khắc. Như vậy bắt đầu một cuộc đấu bi hài giữa quyền lực tinh thần của Cha Boil và quyền lực trần tục của Colombo. Cha Boil cấm vị Tổng trấn tham gia những buổi lễ và hoãn những buổi lễ ban phước. Viên Tổng trấn đáp lại bằng cách cắt suất ăn của vị tu sĩ, suất ăn đã định khẩu phần một cách chặt chẽ. Đói đã buộc cha Boil phải đầu hàng.

Những hành động như thế không khuyến khích việc tôn trọng chính quyền và cũng không thúc đẩy sự phát triển khuôn phép của thuộc địa. Những sai lầm khác của Colombo cũng không giúp ích gì. Ông là một nhà hàng hải vĩ đại, không phải là một nhà chính trị. Ông đã sai lầm khi trao quyền hành cao nhất cho don Diego không có khả năng khi ông vắng mặt lâu dài; một sai lầm khác là để cho Margarite

chịu trách nhiệm thăm dò Vega Real. Khi cử đoàn tiến hành cuộc thăm dò đó, Colombo có ảo tưởng giải quyết mấy vấn đề cùng một lúc: hoàn thành việc khảo sát đảo, giữ cho mấy trăm người có việc làm, tránh căng thẳng về đồ tiếp tế tại La Isabela, và làm cho mọi người quen với thức ăn của người bản xứ. Thay vào đó, những người của Margarite đi lướt qua Vega Real, sống xa cách người bản xứ, gây ra mọi sự xúc phạm có thể tưởng tượng được.

Trước khi viên Đô đốc trở lại, Margarite và Cha Boil đã quyết định về Tây Ban Nha bằng những chiếc thuyền đã chở Bartolomeo là anh của Colombo và những người định cư mới đến. Họ định nói với Vua và Hoàng hậu rằng người Genova đáng nguyên rủa ấy đã lừa họ bằng những lời hứa hẹn sẽ có vàng, ngọc trai, hương liệu, vậy mà tất cả những cái họ thấy là nạn đói, bệnh tật, đau khổ và sự căm thù của người Indians. Khi viên Đô đốc trở lại sau khi khảo sát Cuba và Jamaica, những tội ác mà những người định cư tại La Navidad đã phạm được lặp lại trên một quy mô lớn hơn nhiều tại La Isabela. Những người Tây Ban Nha đã đi từng nhóm hai ba người trên đảo Vega Real và những ngọn đồi lân cận, hiếp phụ nữ, bắt một số và buộc những người đàn ông phải lao động nô lệ.

Tuy nhiên, viên Đô đốc thấy thoải mái khi gặp lại Bartolomeo, người đã đi nước Anh khi thấy Tây Ban Nha có vẻ không bảo trợ dự án lớn. Bartolomeo đã trải qua nhiều nghề - làm cướp biển, ở lại Luân Đôn một thời gian dài làm nghề vẽ bản đồ, đi khắp nước Pháp - cho đến khi ông nghe tin về cuộc phát kiến vĩ đại, ông trở về triều đình Tây Ban Nha. Vua và Hoàng hậu Công giáo đón tiếp ông một cách thuận lợi, cho ông tước vị *don* và cho ông chỉ huy ba chiếc thuyền chở đồ tiếp tế đến Hispaniola.

Sự có mặt của Bartolomeo tại Thế Giới Mới là một may mắn bất ngờ. Tính tình ông không giống tính tình Diego. Colombo có ý thức gia đình rất lớn, suốt cuộc đời mình, Colombo giao những nhiệm vụ tế nhị nhất cho những người bà con. Ông đã làm như thế với Diego de Arana và don Diego. Bây giờ ông lập tức cho Bartolomeo danh tước *adelantado*. Đó là sự sai lầm và lạm dụng về mặt quyền hạn. Vua và Hoàng hậu phạt ý, vì chỉ có Vua và Hoàng hậu, chứ không phải Tổng trấn có quyền ban những tước vị cao như thế. Nhưng đó cũng là sự xét đoán sai lầm vì nó xúc phạm tính tự hào của Tây Ban

Nha. Những nhà quý tộc Tây Ban Nha có thể chấp nhận người nước ngoài thực hiện phát kiến vì ông có may mắn tìm ra những vùng đất mới cho nhà vua Tây Ban Nha. Nhưng tại sao Bartolomeo một người Genova khác lại có quyền hành cao hơn những đại diện chân chính của quốc gia Tây Ban Nha?

Sự bất mãn trong số những người định cư tăng thêm, tình hình không tốt lên mà trở nên tồi tệ hơn. Như thường vẫn xảy ra, khi các vấn đề khó khăn phát triển đến lúc có vẻ không thể giải quyết được nữa thì những người cầm quyền dùng chiến tranh để giải quyết. Đó là trường hợp trên đảo Hispaniola vào cuối năm 1494 và đầu năm 1495. Tháng 3 - 1495 chiến tranh công khai đã nổ ra giữa những người Indians và những người Tây Ban Nha, Colombo không chủ tâm chọn chiến tranh; ông chỉ đơn thuần không biết sử dụng quyền lực chính trị. Trên tàu, ông đã giữ quyền thuyền trưởng, thi hành quyền đó một cách khéo léo, mạnh dạn và với trí tưởng tượng nhanh nhất. Nhưng quyền lực chính trị và quyền lực trên biển thì khác nhau hoàn toàn và Colombo không quen hoạt động chính trị. Do đó cần bác bỏ thuyết cho rằng ông muốn chiến tranh, ông cố tình chọn phương tiện tồi tệ nhất với hy vọng giải quyết mọi vấn đề bằng bạo lực. Trong thực tế, một cuộc chiến tranh du kích đã diễn ra trước khi viên Đô đốc trở về sau cuộc khảo sát hàng hải dài ngày của ông. Ông bị hoàn cảnh lôi cuốn vào chiến tranh: những sai lầm của ông và của những người giúp việc ông và nỗi lo sợ người Indians sẽ lợi dụng sự yếu kém của người Tây Ban Nha.

Đầu tháng Giêng 1494, trong khi soạn bản ghi nhớ để Antonio de Torres mang về cho Vua và Hoàng hậu, Colombo đã nhận xét rằng người Indians “chất phác và không có ác ý”, nhưng ông lấy làm ngạc nhiên họ đã thay đổi và phá hủy mọi thứ, mạng người và đồ tiếp tế. Colombo viết tiếp: “Một người Indians có thể dễ dàng đốt những ngôi nhà, vì người Tây Ban Nha luôn luôn đi lại ngày đêm, vì như vậy chúng tôi phải gác khu vực xung quanh, bởi lẽ thành phố để ngỏ và không có phòng vệ”. Vua và Hoàng hậu ghi chú ngoài lề “tốt”, tức là, ông đặt những trạm gác là tốt. Cũng có ghi tên Caonabó, “rất xấu và rất mạnh dạn”. Colombo giải thích rằng vì sợ người này, ông đã không thể liều đi sâu vào đất liền để góp nhặt thêm vàng. Bên cạnh đoạn này Vua và Hoàng hậu lại ghi “tốt”.

Những trang đầu tiên của bản ghi nhớ Colombo gửi Torres cầm về, đề ngày 30 tháng 1 năm 1495, cho biết rằng sợ hãi đã siết chặt người Tây Ban Nha và chính bản thân Colombo. Nỗi sợ hãi đó là chính đáng, xét về số người bị ốm. Vì hiếm thực phẩm, nhất là thịt tươi, nhiều người ốm không thể khỏi, và nếu bệnh cứ tiếp tục không ngăn chặn được, người Indians có thể lợi dụng cơ hội tấn công La Isabela.

Nếu bản ghi nhớ phản ánh tâm trạng của Colombo trước khi ra đi khảo sát Cuba và Jamaica, chúng ta có thể tưởng tượng bảy tháng sau sẽ như thế nào khi không có biện pháp gì để giảm bớt nỗi sợ hãi, trong khi nguy cơ và hiểm nghèo tăng thêm. Trong thời gian Colombo đi vắng, người Indians đã có nhiều dấu hiệu cho thấy họ có thể trả đũa, họ biết họ có thể chiến đấu chống lại sự xúc phạm của những người định cư. Không nên quên một động cơ khác nữa về hành động của Colombo hướng tới chiến tranh: sự mặc cảm mình là người nước ngoài, ông biết rằng bất cứ điều gì ông làm để bảo vệ người Indians và trừng phạt người Tây Ban Nha đều bị những người này giải thích bằng những từ ngữ mang tính chất dân tộc. Nghĩ rằng ông không bảo đảm lợi ích và những quyền cho những người dân của đất nước mà ông đã chấp nhận là Tổ quốc mình, thì họ sẽ phê phán ông và báo cáo với Vua và Hoàng hậu.

Dù nguyên nhân gì đi nữa, ông đã không trừng phạt những người quý tộc và những người định cư bất lương, ông đã đổ lỗi tất cả cho người Indians, chấp nhận chính sách khắc nghiệt của Cha Boil mà ông đã bác bỏ trước đó sáu tháng. Kết quả là người Tây Ban Nha đã bắt một nghìn năm trăm đàn ông, đàn bà và trẻ em Indians, dồn họ đến La Isabela. Đó thực sự là một trại tập trung những người buộc phải làm nô lệ. Colombo đã nghĩ đến chế độ nô lệ vào lúc ông phát hiện ra người Caribi ở quần đảo Tiểu Antilles. Những người Caribi là kẻ thù bất cộng đái thiên của người Taino, còn người Taino thì tỏ ra ngoan ngoãn, biết nghe lời và trung thành. Đối với Colombo nô lệ hóa người Caribi, những kẻ ăn thịt người, dữ tợn và không có chút lòng thương là việc có vẻ chính đáng và nên làm về chính trị. Ông đã gợi ý việc đó với Vua Ferdinand và Hoàng hậu Isabela trong giác thư gửi Antonio de Torres cầm về. Vua và Hoàng hậu đã ghi chú chấp nhận bên cạnh những đoạn khác của bức thư và biểu thị bằng

lời lẽ rõ ràng việc cấm buôn bán nô lệ như đã được đề nghị, Vua và Hoàng hậu viết: “Dự án này phải để sang một bên”.

Trả lời của Vua và Hoàng hậu đến Hispaniola nhanh chóng vào mùa thu 1494. Antonio de Torres đã mang bốn chiếc thuyền chở đầy thức ăn và dụng cụ và một bức thư của Vua và Hoàng hậu đề ngày 16 tháng 8. Sau khi tham khảo ý kiến với các cố vấn về giá trị của Colombo gửi hồi tháng 2 trước đó, Ferdinando và Isabela đã chấp nhận hầu hết những đề nghị và hành động của ông. Vua và Hoàng hậu muốn được báo cáo rõ ràng hơn về khí hậu của những vùng đất mới, vì điều đó là quan trọng nhất đối với những người di cư tương lai. Những cuộc thương lượng với Bồ Đào Nha thuận lợi đến nỗi Vua và Hoàng hậu đề nghị bắt đầu tổ chức hàng tháng chuyến tàu chở thư và hành khách trên tuyến đường cố định giữa Tây Ban Nha và Hispaniola. Vua và Hoàng hậu nói thêm rằng sẽ xác định một tuyến đường giới tuyến mới dứt khoát với Bồ Đào Nha càng sớm càng tốt, và vì vậy, họ mời Colombo về nước để tham khảo ý kiến. Tuy nhiên “nếu việc ông trở về sẽ gây khó khăn, hoặc phương hại đến công việc trước mắt của ông thì ông hãy chọn người anh của ông, hay một người thông thạo nào khác, hãy chỉ thị cho người đó bằng miệng, hoặc bằng giấy, về suy nghĩ của ông đối với vấn đề này, và cử người đó trở về bằng chiếc tàu đầu tiên có thể dành ra được”.

Như vậy là Colombo có cơ hội thoát khỏi những vấn đề khó khăn của ông. Ông có thể giải thích bức thư là một mệnh lệnh trở về Tây Ban Nha; ông để Bartolomeo ở lại chỉ huy, và sẽ đích thân bác bỏ những lời vu cáo của Margarite và Cha Boil; hai người này sắp tới sẽ về đến triều đình. Nhưng ông đã bác bỏ giải pháp dễ dàng ấy, thay vào đó, ông quyết định ở lại để gánh vác những vấn đề nặng nề và nghiêm trọng đầu tiên về thuộc địa của lịch sử cận đại. Ông sẽ không trở về Tây Ban Nha. Nhưng ông có thể gửi thư cho Vua và Hoàng hậu bằng những chiếc tàu của Torres? Tháng ba ông đã gửi một bức thư hứa những mẫu vàng khổng lồ, những cây mới và những con vật thông thường có nhiều màu sắc. Còn có rất nhiều vệt nhưng Colombo đã không thể tiếp tục gửi chúng về Tây Ban Nha. Colombo cũng không thể gửi vàng vì những mẫu vàng đã đến nơi rồi, còn tại San Tomaso thì chưa thu thập đủ để gửi. Mọi người Tây Ban Nha đều có nơi giấu riêng, trong quần áo hay chôn dưới đất,

nhưng chưa thu được một thùng nào cho nhà Vua. Những nhà buôn Tây Ban Nha không đánh giá cao bất cứ một hương liệu hay tinh dầu nhiệt đới nào gửi về trước đó. Hàng bông sợi dễ bán nhưng mang lại ít lãi. Colombo phải gửi một cái gì về châu Âu để trang trải những chi phí và phản bác lại những gợi ý đề tiện rằng không nên quan tâm chút nào nữa đến những đảo vùng Indie. Hàng hóa duy nhất còn lại là nô lệ, nên Colombo gom nhặt một chuyến tàu nô lệ.

Như vậy, sau nhiều lần khẳng định rằng những người Taino tính tình rộng lượng, dễ bảo, không có gì để tự vệ và muốn trở thành những người đầy tớ tốt và những tín đồ Công giáo ngoan đạo, bây giờ Colombo đã quyết định gửi họ đến thị trường nô lệ ở Seviglia. Tôi đã nói 1500 người Indians đã bị bắt và giữ lại ở La Isabela. Trong số này năm trăm “đàn ông và đàn bà tốt nhất” đã bị đưa lên hầm chứa hàng của bốn chiếc tàu. Sau đó những công dân La Isabela tha hồ chọn bao nhiêu người cũng được. Còn lại khoảng bốn trăm người, nhiều người là phụ nữ có con còn bú. Michele da Cuneo kể lại rằng những người này “được phép tùy ý đi đâu thì đi”. Những phụ nữ lại sợ “chúng ta bắt lại, họ bỏ con lại để có thể trốn đi không bị vướng víu, họ chạy như điên. Họ tuyệt vọng đến nỗi họ đi bảy tám ngày đường từ La Isabela, vượt qua nhiều núi cao, sông lớn”.

Bốn chiếc tàu, dưới sự chỉ huy của Antonio de Torres, đã ra đi ngày 24 tháng 2 năm 1495. Trên tàu là Michele da Cuneo và Diego Colombo, Diego đại diện cho viên Đô đốc sẽ bảo vệ những quyết định của ông tại triều đình và chống lại những lời vu khống của cha Boil và Margerite. Michele da Cuneo kể lại: “Khi chúng tôi đến hải phận Tây Ban Nha, khoảng hai trăm người Indians đã chết, tôi cho rằng vì không khí lạnh hơn điều kiện quen thuộc của họ. Họ bị ném xuống biển. Chẳng bao lâu sau khi chúng tôi đến Cádiz, tại đây chúng tôi đưa nô lệ lên bờ, tất cả đều ít nhiều bị ốm. Họ không quen lao động nặng, khổ sở vì thời tiết lạnh rét và chết sớm”. Don Juan de Foneca đưa những người còn sống sót ra bán ở Seviglia. Bernadez nói rằng “họ trần trụi như lúc mới sinh và trơ như dã thú. Họ không đất khách vì tất cả họ đều chết vì đất nước này không hợp với họ”.

Những nô lệ xuống tàu ngày 17 tháng 2. Bốn mươi ngày sau, ngày 27 tháng 3, xảy ra trận chiến lớn đầu tiên giữa người châu Âu và những người thổ dân châu Mỹ, hai bên đã dàn trận trước, nhưng

trước hết chúng ta phải tìm hiểu xem điều gì đã dẫn đến đánh nhau. Khác với Guacanagari, Caonabó khỏe mạnh, dũng cảm và hiếu chiến. Ông thống trị những vùng núi từ trung tâm đảo xuống tận bờ biển phía nam. Mặc dù hiếu chiến, Caonabó đã tiếp hai giáo sĩ dòng Francesco, Giovanni Borgognone và Juan de Tisin; hai người này đã truyền đạo và rửa tội cho một số người bản xứ. Khi Margarite và những người của ông sử dụng bạo lực và cướp bóc thẳng thừng, Caonabó trục xuất những người truyền giáo và yêu cầu những tù trưởng khác liên kết với ông. Ba tù trưởng đã làm như vậy, nhưng Guacanagari đã từ chối, kể cả khi bị đe dọa; do đó Caonabó xâm chiếm lãnh thổ của Guacanagari, phá hủy nhiều làng và giết dân chúng. Guacanagari phải chạy trốn để thoát thân.

Một tùy thuộc của tù trưởng Guarionex, cai trị vùng đất xung quanh La Isabela, đã bao vây và giết mười người Tây Ban Nha đóng ở gần Rio Yaque và đốt một lán lớn dùng làm bệnh viện. Bốn mươi lính Tây Ban Nha ốm bị chết trong đám cháy. Caonabó đã tập hợp binh sĩ đóng gần Pháo đài Tomaso, hy vọng tấn công bất ngờ trại lính và lập lại thảm họa La Navidad. Nhưng Alonso de Hojeda, rõ ràng là một quân nhân xuất sắc, đã giữ năm mươi người trong pháo đài và thận trọng theo dõi những người gác của ông, những người này luôn luôn giữ vị trí và đêm nào cũng cử người tuần hành trong rừng. Nhận thấy không thể trèo vào pháo đài, vì có hào sâu và con sông bao quanh, Caonabó tìm cách làm cho những người Tây Ban Nha bị chết đói. Ông chiếm những khu rừng xung quanh khổng chế những con đường mòn, và đặt nhiều lính gác tại những nơi người Tây Ban Nha phải đi để tìm thức ăn. Hojeda không nản chí. Ông cắt bớt khẩu phần; thỉnh thoảng tiến công lũng sục bất ngờ, giết những người Indians. Cuộc bao vây kéo dài một tháng tròn. Lực lượng Indians bị hao mòn trong chiến tranh, bị vất vả phải ngủ ở ngoài trời và ốm đau, Caonabó cuối cùng rút lui, quay sang chú ý đến La Isabela.

Trước khi tấn công, ông xuyên rừng đi xung quanh tường thành ban đêm, tìm những điểm yếu nhất. Thậm chí ông còn táo tợn đi vào La Isabela giữa ban ngày, giả thân thiện với người Tây Ban Nha. Thấy rằng La Isabela không có binh lính và hầu hết những người định cư đều ốm, tinh thần của họ sa sút vì bất đồng, ông quyết định

cố gắng phá hủy khu định cư. Nhưng Guacanagari đã cứu Colombo và những người Tây Ban Nha lần thứ hai. Guacanagari đến, Colombo đang nằm trên giường vì bị viêm khớp, và tiết lộ âm mưu của những tù trưởng khác. Colombo tự hào đã bảo vệ Guacanagari khi những người của ông muốn lên án Guacanagari là một tên phản bội, Colombo chuẩn bị đối phó với tình huống khẩn cấp. Ông cử một lực lượng nhỏ đánh những bộ lạc đang bao vây một pháo đài ở vùng sâu, đánh bại họ, đuổi họ trở lại vùng đất của họ và khuất phục họ. Nhưng Caonabó, kẻ thù hiếu chiến và nguy hiểm nhất của Colombo vẫn còn. Để cho Caonabó hồi phục sau khi bị Hojeda buộc phải rút lui thì cũng như để cho ông một trận địa để thực hiện những cuộc trả đũa mới và tuyệt vọng.

Sự táo bạo và lòng dũng cảm khác thường của Hojeda đã giải quyết vấn đề. Hojeda đề nghị bắt Caonabó tại nơi ẩn náu an toàn của y và tình nguyện đưa Caonabó trở về La Isabela. Colombo cho phép ông làm thử và Hojeda ra đi với chín kỵ sĩ Tây Ban Nha dũng cảm nhất và những món quà lòe loẹt để dử Caonabó. Sau khi đi hơn sáu mươi dặm, Hojeda tới làng của Caonabó. Trông thấy một toán nhỏ người Tây Ban Nha, Caonabó không nghi ngờ gì và đã tiếp Hojeda một cách lịch thiệp. Caonabó đã khâm phục lòng dũng cảm đặc biệt của Hojeda. Caonabó nhận những quà biếu và hỏi lý do cuộc đến thăm, Hojeda trả lời, mời Caonabó tới La Isabela, để có thể đích thân đề ra một hòa ước với Colombo, lại hứa sẽ thuyết phục lấy chuông nhà thờ cho Caonabó. Trước đó, khi Caonabó thăm dò La Isabela, ông đã rất ngạc nhiên rằng tiếng chuông báo hiệu thời gian cầu nguyện đã gọi tất cả những người Tây Ban Nha đến nhà thờ, ông tin tiếng chuông đã có sức làm cho họ nghe lời. Sau đó, Caonabó đã nhiều lần bày tỏ lòng mong muốn được mang chuông vào trong núi, và nói rằng ông sẽ cho hầu hết mọi thứ để lấy chuông. Hojeda biết ý muốn đó của Caonabó. Caonabó không thể cưỡng lại lời hứa cho chuông nhà thờ và đồng ý đi đến La Isabela, nhưng không đi một mình. Ông đi cùng một đám đông người Indians trang bị cung tên.

Sau khi đi bộ nhiều ngày, nhóm người dừng lại ở gần Rio Yaque, tại đây Hojeda thi hành kế hoạch táo bạo của mình. Kéo Caonabó đến bên cạnh như để nói với ông một điều bí mật, Hojeda lấy hai đôi xiềng từ trong một bao tải và chỉ đôi xiềng đó cho

Caonabó, Caonabó thán phục sự sáng loáng của đôi xiềng đó và hỏi những xiềng ấy để làm gì. Hojeda trả lời những xiềng ấy là những đồ trang sức Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha đeo vào tay và bàn chân trong những dịp lễ chính thức và đề nghị Caonabó cũng đeo những vòng tay đó, ngồi trên lưng ngựa để ra mắt nhân dân ông. Nghĩ rằng nhân dân ông sẽ ngạc nhiên và ông sẽ lừng danh vì cưới được một con vật hung dữ (người Indians cho ngựa là hung dữ). Caonabó đã đồng ý. Những người Indians chạy vòng quanh ngạc nhiên khi trông thấy chủ soái của họ trang điểm bằng những vòng sáng lớn như vậy, nhưng họ đứng sững lại vì sợ tiếng hí và chân dậm xuống đất của con ngựa. Hojeda cho con ngựa quay những vòng rộng hơn, tạo ra một khoảng trống khi binh lính Indians dần dần lùi về phía sau vì sợ hãi và ngạc nhiên. Khi đến gần rừng, ông bất ngờ thúc ngựa về phía những người Indians, làm vỡ vòng tròn của họ. Hojeda cho ngựa thông thả chạy nước kiệu nửa vòng rồi phi nước đại khi có cây cối che phủ. Những kỵ sĩ của ông cũng chạy hết tốc độ theo ông và buộc Caonabó bằng những thừng chắc và dày. Rồi họ khởi hành nhanh về đến La Isabela.

Việc bắt Caonabó đã khơi lên sự ngạc nhiên và sợ hãi nhưng không chấm dứt được chiến sự. Người anh em của Caonabó và hai tù trưởng khác chuẩn bị trả thù. Họ tiến nhanh đến La Isabela với một số đông người. Các nhà sử học đương thời rõ ràng đã nói quá lên là có đến 100.000 binh sĩ, nhưng thực ra chỉ có mấy nghìn. Ngày 24 tháng 3 năm 1495 Colombo rời La Isabela với người anh em Bartolomeo, hai trăm bộ binh, hai mươi kỵ sĩ, trang bị bằng nỏ, súng hỏa mai, giáo và kiếm. Cùng đi với họ là năm trăm binh lính Indians do Guacanagari chỉ huy. Hai đội quân gặp nhau tại Vega Real. Bartolomeo, người được Colombo cử làm chỉ huy, chia người Tây Ban Nha làm hai đội, một đội bố trí ở ngoài trời và một đội ở trong rừng, và ra lệnh cho họ tấn công bất ngờ vào kẻ thù. Còn phía người Indians thì đằng sau có núi bảo vệ, họ đã tiến thành năm nhóm và chuẩn bị tấn công khi có tiếng súng nổ từ phía rừng. Nhiều người Indians bị bắn ngã, sự hỗn loạn và hoảng hốt lan tràn khắp nơi. Kỵ binh, dưới sự chỉ huy của Hojeda, tấn công vào trung tâm làm địch tan tác, gây nên cảnh tàn sát khủng khiếp bằng những thanh kiếm. Người Indians bị đẩy vào cảnh hỗn loạn và chạy trốn, Las Casas kể

lại rằng lúc này người Tây Ban Nha đã dùng những vũ khí gây khiếp sợ khác của họ sau những con ngựa là hai mươi con chó săn. Những con chó này được thả ra và tấn công những người Indians, theo mệnh lệnh *Tómaló*: (“cắn chúng đi”). Trong một giờ, những con chó đã đuổi theo cắn chết một trăm người Indians. Vì người Indians có thói quen hoàn toàn trần truồng nên cũng dễ tưởng tượng những con chó săn hung ác đã làm gì. Người ta thúc đẩy chó cắn những cơ thể trần truồng có da mềm hơn nhiều so với những con lợn rừng mà chúng đã quen... Chiến thuật này, bắt đầu ở đây và được áp dụng vì tính ác độc, đã lan khắp những đảo giữa bắc và nam Mỹ này và chỉ chấm dứt khi không còn đất và người để khuất phục và phá hủy nữa ở bộ phận này của thế giới.

Đó là sự sáng tạo thứ nhất trong nhiều sáng tạo “man rợ được phát minh, áp dụng và mở rộng để hủy diệt toàn bộ nhân dân Indians”.

Từ cuộc gặp gỡ đầy tình cảm trước đó hai năm ở San Salvador đến nay thật là một sự thay đổi to lớn. Trận chiến ở Vega Real đánh dấu một bước ngoặt quyết định trong số phận thảm khốc của người Taino ở Haiti. Các tù trưởng quy phục nhanh chóng và không điều kiện. Để củng cố thắng lợi, Colombo đã thực hiện một cuộc diễu hành chiến thắng qua bên trong đảo, tại đây ông đã chỉ huy việc xây dựng ba pháo đài mới. Hojeda bảo đảm đường thông tin liên lạc bằng kỵ binh, don Fernando viết: “Miền này từ đó trở nên yên tĩnh đến mức một người Công giáo có thể đi một mình đến bất cứ chỗ nào mà không sợ bị quấy rầy. Chính những người Indians dẫn ông ta đi bất cứ nơi nào ông ta muốn, cống ông ta trên vai như những con ngựa chở hành lý”. Toàn bộ hòn đảo đã được bình định, nhưng với biết bao tổn thất!

Tại đây lại thêm một lạm dụng nữa ngoài việc buôn bán nô lệ gửi về Tây Ban Nha: chế độ cống nạp. Mọi người Indians mười bốn tuổi, hoặc trên tuổi đó, ba tháng một lần phải cung cấp đủ bụi vàng để đổ đầy một cái chuông con buộc ở cổ con điều hâu. Ở đâu không có vàng thì có thể thay bằng hai mươi nhăm cân Anh bông đã xe hoặc dệt. Khi nộp cống vật mỗi người Indians nhận một huy hiệu bằng đồng, hay đồng thau có in dấu đeo quanh cổ để chứng tỏ đã hoàn thành nghĩa vụ.

Guarionex là tù trưởng duy nhất có thể đáp ứng kỳ cống nạp đầu tiên, có lẽ ông đã lấy của bầu tôi số lượng vàng nhỏ nhoi chưa bị cướp bóc. Những chuỗi hạt vàng đeo cổ đã gây ấn tượng lớn đối với Colombo thực tế là công việc của nhiều thế hệ. Khi chế độ cống nạp bắt đầu, người Tây Ban Nha đã chiếm hết, hoặc gần hết vàng của người Indians. Người Indians chỉ có thể lấy được thêm vàng bằng cách đãi cát và đá dăm ở lòng sông, hoặc bằng cách làm nặng nhọc và phức tạp hơn, nhổ hết cây cỏ và đào cho tới khi thấy vàng trong đất phù sa. Phương pháp thứ hai không thực tế với những công cụ của người Indians. Ta phải thấy rằng để xới đất giồng ngô và *yuca* họ chỉ có cái *coa*, một cái gậy bằng gỗ rắn có một đầu tôi lửa cho cứng. Phương pháp thứ nhất đãi cát, mất nhiều thời gian và đòi hỏi sự kiên trì khác thường. Thành quả đạt được thường khiêm tốn và không đoán trước được. Thỉnh thoảng một người tìm thấy một cục vàng lớn, nhưng thường những người Indians không thể sản xuất đủ số lượng cần thiết. Vì những lý do này, khi tới kỳ cống nạp đầu tiên, Guarionex đã đề nghị sự thay đổi này với Colombo: ông sẽ cung cấp đủ *yuca* để nuôi toàn thể nhân dân Tây Ban Nha, theo ông dân Tây Ban Nha cần thức ăn nhiều hơn khoáng sản. Viên Đô đốc không chấp nhận điều đó. Ông giảm lượng cống nạp xuống một nửa nhưng ngay cả số lượng đó cũng còn nhiều quá.

Một sai lầm có tính quyết định khác nữa về chính trị, không kể sai lầm đạo đức xuất phát từ chế độ cống nạp. Người Indians bỏ làng mạc trốn vào núi hàng loạt. Người Tây Ban Nha săn đuổi họ xuống bằng chó, trong khi sự thiếu thốn và bệnh tật đã giết một số lớn những người đã tìm cách trốn được. Hàng trăm người nghèo khổ cực đã tự tử, tự đầu độc họ bằng sắn. Chiến tranh, nô lệ, diệt chủng - một chuỗi những thảm kịch xảy ra trong một khoảng thời gian mấy năm. Ước tính có khoảng 350.000 người Taino sống trên đảo Hispaniola khi người Tây Ban Nha đến. Năm 1508 có 60.000 người và năm 1548, Oviedo ước tính rằng chỉ còn không quá 500 người, còn sống sót trên toàn đảo.

Khi nhấn mạnh những sai lầm và tội ác trong những giai đoạn đầu tiên của công cuộc thực dân hóa, như ở đây, chúng ta không được quên bối cảnh trong đó những sai lầm và tội ác đã xảy ra. Colombo và Bartolomeo phải chịu trách nhiệm cá nhân về những tội

ác đó. Ngay cả mặt ghê tởm nhất của cuộc gặp gỡ, việc gửi nô lệ đến Seviglia, ta phải xem xét thời gian khi việc này xảy ra, dù ngày nay việc này có tỏ ra đáng kinh tởm thế nào chăng nữa. Nói thế không phải đi biện hộ cho Colombo, vì ông chỉ thuần túy tuân theo những phong tục của thời đại đó. Bình luận về thái độ của Hồng y giáo chủ Federico Borromeo đối với việc truy tố và lên án phù thủy, Alessandro Manzoni đã nhận xét: Người muốn bảo vệ ông ta trong vấn đề này viện một lý do rất phổ biến, “đó là những sai lầm của thời đại chứ không phải của ông ta”. Sau khi tìm hiểu thực tế. Lý do bào chữa này xem ra cũng có giá trị, có lẽ có nhiều giá trị. Nhưng nếu áp dụng một cách mù quáng, nó không có nghĩa gì, mà trong thực tế thường xảy ra như vậy.

Một lý do bào chữa như thế không có nghĩa gì trong trường hợp của Colombo. Thật vậy, không những ông mà những người thành Genova, người Bồ Đào Nha, người Firenze, những người trước ông và những người đương thời với ông đã buôn, hoặc đang buôn nô lệ. Tuy nhiên, thái độ của ông không giống thái độ của những người ấy vì mối quan hệ phát triển với những người Indians trong suốt chuyến đi thứ nhất và cho đến thời điểm đó của chuyến đi thứ hai nữa. Chúng ta cũng không nên quên rằng ngày 14 tháng 10 năm 1492, viết về những ý nghĩ đầu tiên của ông về những dân tộc mới, trong *Nhật ký* Colombo thêm điều này: *Nếu Bệ hạ ra lệnh đưa hết họ đến Castiglia, hoặc giữ họ trên hòn đảo của họ, việc đó có thể làm dễ dàng. Cáptive* có nghĩa là nô lệ, dùng từ đó chỉ là một từ nói xa xôi. Viên Đô đốc đối xử một cách cao thượng trong chuyến đi đầu tiên, đối xử tốt với những người Indians, không xúc phạm, trừng phạt những sai trái của thủy thủ và biểu thị một sự chiều cố nào đó. Dứt khoát ông coi họ thấp hơn - ý nghĩ về bình đẳng không phù hợp với ông - nhưng thấp hơn với ý nghĩa là trẻ em thấp hơn người lớn. Ông coi họ ngây thơ và vô tội và đã đối xử với họ theo như thế; ông tiếp tục làm như vậy trong phần đầu cuộc hành trình thứ hai. Thái độ của ông đối với những người ăn thịt người rất khác. Khi Colombo lần đầu tiên nghĩ về việc bắt nô lệ tại những vùng đất mới, ông nghĩ đến những người Caribi man rợ và dữ tợn, những người ăn thịt người, kẻ thù truyền kiếp của những người Taino thân thiện. Ông cảm thấy

họ xứng đáng sự trừng phạt khắc nghiệt nhất, như vậy chế độ nô lệ là thích hợp.

Tuy nhiên bây giờ, tại La Isabela, ông bất ngờ quyết định gửi nô lệ đến chợ tại Seviglia, ông đã chọn những người đàn ông, đàn bà và trẻ em Taino. Không dễ xét đoán quyết định này, hoặc xác định Colombo đã đi đến quyết định đó như thế nào. Có thể Colombo đã nghĩ rằng những người Taino không có quyền được tôn trọng như mọi con người xứng đáng được tôn trọng vì nó không được có một linh hồn bất tử như những người châu Âu, như có người sau này cố chứng minh? Những gì viên Đô đốc đã viết và đang viết về vấn đề này trong *Nhật ký* và giác thư chỉ rõ rằng ông không có những quan điểm đó, như vậy những câu trả lời như thế không thể giải thích một việc đáng khinh bỉ.

Có thể có một giải thích khác nữa, cho đến lúc đó quan hệ giữa những người Indians và những người Công giáo là nhân đạo, thân thiện và hòa bình. Nhưng từ khi ông trở lại La Isabela thì có chiến tranh. Trong thế kỷ thứ XV chế độ nô lệ là một kết quả truyền thống, không thể tránh khỏi của mọi cuộc chiến tranh diễn ra bên ngoài thế giới Công giáo. Tiêu chuẩn đó, có hiệu lực trong quan hệ giữa những người Công giáo và những người Hồi giáo, Colombo đã áp dụng nó trong quan hệ giữa những người Tây Ban Nha theo Công giáo và những người Taino không theo Công giáo khi chiến tranh diễn ra giữa họ.

Những xem xét như thế, giải thích nhưng không giải tội. Trong thế kỷ trước, một số nhà sử học Pháp và Genova nghiêm túc đề nghị phong thánh cho Colombo; điều đó quả là lòng và quả thật vô lý. Một số người có đi xa hơn gợi ý rằng Colombo kết hôn với Beatrice de Arana và do đó Fernando là con hợp pháp. Tuy nhiên dù cuộc đời riêng của Colombo không có lỗi lầm gì, một người chịu trách nhiệm đối với một số tội ác tại La Isabela năm 1494 không thể đòi tước thánh. Tính chất của Colombo phức tạp. Những sự kiện trong chuyến đi thứ nhất và thứ hai đã phơi bày những mâu thuẫn của ông, cho thấy ông là một con người cởi mở đối với tình yêu Công giáo, đồng thời có ý đồ vun vén của cải và quyền lực cho bản thân, cho Vua và Hoàng hậu của ông. Nếu những mâu thuẫn có tính nhân bản này cho phép chúng ta vẫn cảm tình với Colombo vì lòng tin tôn

giáo sâu sắc của ông, những quyết định chính trị khó khăn, những xúc cảm mạnh mẽ và những nhiệt tình thần bí, đó là những mâu thuẫn không để cho Colombo có địa vị của một vị thánh hay một chính khách; tuy ông là một thủy thủ có một không hai.

30

TRỞ VỀ TÂY BAN NHA TRONG SỰ MẤT THỂ DIỆN

Ngày 10 tháng 3 năm 1496, Colombo khởi hành đi Tây Ban Nha. Tại đó ông phải tự bảo vệ mình chống lại những lời tố cáo của Cha Boil, Margarite và rất nhiều người khác bị vỡ mộng, hoặc bị ốm, đã bỏ những đảo giữa Bắc và Nam Mỹ để trở về quê hương họ.

Khi lên đường trở về Tây Ban Nha, Colombo đã giao nhiệm vụ cho Bartolomeo xây dựng một thủ đô mới. Bartolomeo đi đến bờ biển phía nam và chọn một hải cảng thiên nhiên rất tốt tại một cửa sông, đất đai đặc biệt phì nhiêu với nhiều dòng nước chảy qua, và cát thì chứa nhiều vàng. Ông đặt tên cho vùng định cư mới này là Santo Domingo để tưởng nhớ cha của họ là Domenico. Ngược lại Colombo luôn luôn dùng những tên để tỏ lòng tôn kính Thiên Chúa giáo hay nước Tây Ban Nha. Ông ta chỉ phá vỡ thói quen ấy một lần, khi ông đặt tên Savona, và như ông đã nói rõ, là để tưởng nhớ Michele da Cuneo là bạn ông ở Savona, chứ không phải vì bản thân ông hay gia đình ông. Phải quên đi nguồn gốc ngoại quốc của ông và sự tôn trọng của ông đối với xứ sở mà ông đã nhận làm sinh quán là tuyệt vời. Bartolomeo không có những dẫn đo như thế và chỉ muốn tưởng nhớ người cha mình khi đặt tên thủ đô mới. Một đôi khi Colombo gọi thủ đô ấy là Isabela Nueva. Trong khi dân chúng Isabela cũ liên tục sụt giảm cho đến khi thành phố bị bỏ hoàn toàn. Thành phố mới nhanh chóng nảy nở và phát triển; đó là một thủ đô thực sự. Philip II gọi đó là “cái thang, là hải cảng, là chìa khóa đến tất cả các đảo giữa Bắc và Nam Mỹ”.

Cuộc vượt biển trở về Tây Ban Nha rất dài ngày, kết thúc ngày 11 tháng 6 tại Vịnh Cádiz. Cùng đi với Colombo là 125 người Công giáo và một số ít người sống sót trong số 30 người Indians đã lên tàu

tại La Isabela. Khó hiểu tại sao hai chiếc tàu nhỏ mà theo thường lệ chỉ chở khoảng hai mươi bốn thủy thủ, đã có thể chở nhiều người như thế, những điều đó cho thấy nhiều người Tây Ban Nha rất muốn rời khỏi quần đảo Antilles. Những người đã di cư đi tìm thiên đường theo sự miêu tả của Colombo nay trở về mặt mũi và thân hình gầy mòn hốc hác do chịu khổ cực lâu ngày.

Lần này Bernandez trông thấy viên Đô đốc của Đại Dương, Phó vương và Tổng trấn của những đảo giữa Bắc và Nam Mỹ, “mặc quần áo màu của những tín đồ Francescani ngoan đạo, với quần áo vải bao bì và dây thừng của thánh Francesco để thực hiện một lời nguyện”. Quả thật Colombo có mang một dây thừng để thực hiện một lời thề, nhưng mặc quần áo của một thủy thủ bình thường may bằng vải thô dễ lẫn với quần áo của tín đồ Francescani. Tuy nhiên đó là quần áo khiêm tốn của một thủy thủ, không thích hợp với một thuyền trưởng hay Đô đốc. Hy vọng gây ấn tượng khi ông đến thăm Vua và Hoàng hậu, ông đã đeo lên cổ con trai Caonabó một dây xích vàng nặng sáu trăm castellanos.

Cuộc đến thăm Vua và Hoàng hậu cũng rất khác cuộc đến thăm sau chuyến đi thứ nhất. Colombo báo tin cho Vua và Hoàng hậu biết việc ông đã về, ngay khi ông xuống tàu ở Cádiz và ông đi Seviglia để đợi lệnh gọi của Vua và Hoàng hậu. Đó là một thời gian chờ đợi lâu dài. Boil và Margarite đã có âm mưu tại triều đình trong nhiều tháng và bây giờ Aguado cũng tham gia với họ bằng một tập hồ sơ tố cáo và tường trình. Về vấn đề quan hệ giữa Colombo với Vua và Hoàng hậu công giáo, một số nhà sử học cố đối lập thái độ của vua Ferdinando với thái độ của Hoàng hậu Isabella, mô tả nhà vua thành người nghi ngờ, không bao dung, và thù địch còn Hoàng hậu thì nhạy cảm, có cảm tình và khâm phục. Lập trường đó không có chứng cứ đáng tin cậy.

Tuy nhiên có một giả thuyết có thể tin cậy được cho rằng Colombo có nhiều kẻ thù trong đám người Catalani hơn là trong những người Castigliani. Thậm chí một số người còn nói về bè lũ Catalani tại triều đình, không những vì những người hữu quan mà còn vì sự nghiệp của cuộc phát kiến vĩ đại trở nên một thành tựu riêng biệt của nhóm người Castigliani: “Thông qua Castila và Leon, Colombo đã phát hiện ra một thế giới mới”. Nhưng nếu Margarite và

Cha Boil, là người Catalani Aguado rất dối địch lại là người Castigliani gốc Siviglia, cũng như người thợ vàng Zedo. Zedo bị trừng phạt và đưa về nước vì đã phao tin rằng những cục vàng và những đồ châu báu Hispaniola là hợp kim thường. Lời tố cáo đó dễ dàng chứng minh là một lời nói dối, nhưng lời vu cáo bay đi xa, không những lời vu cáo của Zedo mà cả của những người khác cũng lan truyền. Lúc này Colombo đã mất sự ủng hộ của dư luận công chúng. Vua và Hoàng hậu vẫn tỏ lòng kính trọng và biết ơn ông, điều đó thể hiện rằng trong bức thư viết từ Almazan ngày 12 tháng 7 năm 1496. Bức thư ấy lịch thiệp và nhân từ, tuy nhiên nó hoãn cuộc tiếp kiến. Tháng 8 Colombo nhận được một bức thư khác đặc biệt quan trọng. Trong thư Isabella hỏi ý kiến ông về con đường tốt nhất cho những tàu biển rời vịnh Biscaglia với Công chúa Juana và những người hầu cận của công chúa, đưa công chúa đến Flanders để kết hôn với Hoàng tử nước Áo Philip. Hoàng hậu vẫn còn kính trọng tài năng về đi biển của Colombo. Colombo đã gợi ý ngay tức khắc và phúc đáp của Isabella ngày 18 tháng 8 lời lẽ nhã nhặn đầy lòng biết ơn.

Mùa thu Vua và Hoàng hậu ở Burgos, tại đây họ tổ chức một đám cưới khác, đám cưới của hoàng tử don Juan với Công chúa Margaret, con gái Hoàng đế Maximilian. Cuối cùng tại đó Colombo đã được yết kiến Vua và Hoàng hậu. Vua và Hoàng hậu bày tỏ thiện chí và trù mến đối với ông, bác bỏ những lời tố cáo và vu khống của Cha Boil, Margarite và Aguado. Những lời phê phán đó, một số không phải là không có cơ sở, đã không phá được lòng biết ơn và sự tin cậy của Vua và Hoàng hậu. Kẻ thù và những người bôi xấu Colombo chỉ đạt được một điều là nhà vua chưa thừa nhận trước *adelantado* của Bartolomeo. Ban thường trực đó không phải là quyền của Colombo mà là quyền của Vua và Hoàng hậu. Năm sau, ngày 22 tháng 7 năm 1497 Vua và Hoàng Hậu mới ban tước đó, làm ngơ trước thực tế là Colombo đã ban tước đó trước rồi.

Tại cuộc tiếp kiến thứ nhất ở Burgos, Colombo đã yêu cầu tàu và đồ tiếp tế cho cuộc du hành thứ ba. Ông ta theo đuổi ý tưởng cố định của mình, mục tiêu mà ông chưa đạt tới: Ấn Độ. Colombo phải tới Ấn Độ. Người ta bắt đầu nói về chuyến đi thứ ba vào mùa thu 1496, nhưng Colombo gặp phải những khó khăn và những vấn đề

ng nghiêm trọng hơn nhiều so với việc chuẩn bị cho chuyến đi thứ hai. Cuối cùng sự bền bỉ của ông đã vượt mọi trở ngại, và ngày 13 tháng 5 năm 1498 ông đã khởi hành chuyến đi phát kiến thứ ba.

HIỆP ƯỚC TORDESILLAS, FERRER, VESPUCCI VÀ VIỆC CHUẨN BỊ CHO CHUYẾN ĐI THỨ BA

Colombo thực hiện cuộc hành trình vượt biển lần thứ ba xa hơn nhiều về phía nam. Tiếp theo những phát kiến trong cuộc hành trình thứ nhất của Colombo và dự kiến những cuộc phát kiến tương lai, ngày 17 tháng 6 năm 1494 Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã ký hiệp nghị Tordesillas, thiết lập đường sở hữu giữa hai nước tại Đông và Tây Đại Tây Dương. Những đường phân chia trước đây luôn luôn vẽ từ Bắc xuống Nam.

Colombo đề nghị đường phân giới cách quần đảo Azzorre một trăm hải lý về phía tây. Trong dấu triện *Inter Caetera* (3-5-1493) Đức Giáo hoàng đã chấp nhận hoàn toàn những đề nghị của Colombo thay mặt cho Tây Ban Nha đưa ra. Nhưng Bồ Đào Nha phản đối. Colombo đang ở những vùng đất mới nên không khuyến nghị được gì; Hoàng hậu Isabella, kiên quyết và bướng bỉnh như mọi khi, không muốn để lỡ cơ hội hòa giải với nước láng giềng của Tây Ban Nha trên bán đảo Iberia. Và như vậy Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha thỏa thuận chuyển đường phân chia ranh giới thêm 270 hải lý về phía Tây, làm cho đường ranh giới đó cách đảo Cape Verde 370 hải lý về phía Tây. Tất cả những đảo ở phía đông kinh tuyến đó, dù do những tàu của Tây Ban Nha phát hiện đều thuộc Bồ Đào Nha, tất cả những đảo ở phía Tây kinh tuyến đó, dù do những tàu Bồ Đào Nha phát hiện, đều thuộc Tây Ban Nha.

Hậu quả của Hiệp nghị có thể là chủ đề của cả một cuốn sách. Tôi sẽ chỉ nêu rằng, một mặt hiệp nghị đó không giải quyết được cuộc tranh chấp về những vùng đất mới được phát hiện, chẳng bao lâu cuộc tranh chấp này trở nên nóng bỏng hơn bao giờ hết; mặt khác, việc đơn thuần chuyển đường phân chia sang phía tây từ 100 đến 370 hải lý đã buộc Tây Ban Nha thừa nhận quyền của Bồ Đào Nha đối với Brazil. Tôi muốn nhấn mạnh rằng kết quả tức thời của hiệp ước Tordesillas là chuyển đi thứ ba của Colombo có thể bắt đầu trong một không khí mới, bầu không khí hòa bình. Những nỗi bận tâm làm ông lo lắng trong hai chuyến đi đầu không còn nữa. Hồi đó những tàu biển Tây Ban Nha không thể vào cảng tại Madera, Porto Santo, hoặc đảo Cape Verde. Đối với chuyến đi thứ ba, hiệp nghị đã làm cho những đảo đó trở thành những trạm nghỉ ngơi và tiếp liệu.

Tuy nhiên hiệp ước của Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha chỉ thuần túy tạo điều kiện cho Colombo chọn một tuyến mới; chứ không xác định tuyến đường đó. Một điều khác nữa đã ảnh hưởng đến Colombo, những học giả nghiên cứu Colombo hầu hết đã không biết điều đó. Tôi muốn nói đến những lý thuyết của nhà vũ trụ học người Catalano, Jaime Ferrer và đến những thư từ của ông với Colombo. Ảnh hưởng của Ferrer đối với những cuộc phát kiến của Colombo không thể so với ảnh hưởng của Toscanelli, nhưng nó cũng quan trọng để đáng được nói nhiều hơn mà không phải chỉ là một gợi ý hay một tham khảo mơ hồ. Jaime Ferrer sinh vào khoảng 1445 tại Vidreras không xa Blanes, trong tỉnh Catalan thuộc Gerona. Khi còn rất trẻ, ông được đưa đến Napoli, tại đây có một người tên là Juan Ferrer phụ trách ngân khố của hoàng gia và Ippolito Ferrer, thợ kim hoàn của nhà vua. Có thể, nhưng không chắc chắn lắm, họ đều là họ hàng của chàng Jaime trẻ tuổi. Jaime Ferre không phải là người tự học. Được ban tước “thợ mài ngọc” đòi hỏi phải học. Học vấn của Ferrer còn thể hiện trong ngành vũ trụ học, ngành này lại phụ thuộc vào kiến thức toán học và thiên văn học, điều đó sẽ khó giải thích nếu không tương đương với trình độ đại học hiện nay.

Những tài liệu còn tồn tại cho biết rõ Jaime Ferrer ở trong cung điện hoàng gia Napoli từ năm 1466. Năm 1469 ông phụ trách tài chính trên những chiếc tàu biển được cử đến Catalogna để giúp vua Aragon; trong sổ ghi của hoàng gia về việc đề cử, tên ông đã xuất

hiện dưới hình thức một tên Ý, Giacomo. Chẳng bao lâu ông lại theo nghề làm đồ trang sức kim hoàn và đá; ông đến Cairo, Damasco, Rodi, Gjaffa, Beirut, Venezia và Roma để mua đá quý. Ông được vua Ferdinando I của Napoli tin cậy, cho tham gia vào việc vận chuyển súng ống đến Abruzzo, mua rượu và thuốc súng cho đội thuyền. Năm 1488 ông làm việc cho Hoàng hậu Giovanna. Trong thời gian này, ông có một tài sản và ở địa vị cao hơn một người làm đồ trang sức; ông là một cố vấn được giao những sứ mệnh tế nhị. Cùng năm 1488, ông rời Napoli với Đại sứ Giovanni Galiano. Tại Genova ông đã thấy di tích về Bồn Địa Thiên tại miếu thờ của ngôi nhà thờ lớn nguy nga tráng lệ vừa mới xây, nhờ sự quan tâm mới khôi phục đối với những cuộc Thập tự chinh. Ông đã đến Tây Ban Nha và chắc đã định cư ở đó, sống ở Blanes, một thành phố duyên dáng ở bờ biển phía đông Catalogna, cách Barcelona khoảng bốn mươi dặm. Tại Barcelona, nơi ông thăm viếng thường xuyên, có lẽ ông đã chứng kiến lần trở về thắng lợi của Colombo tháng 4 năm 1493.

Chúng ta chắc chắn rằng Ferrer là một nhà vũ trụ học được triều đình biết đến và đánh giá cao, chứng cứ rõ ràng là từ một bức thư gửi cho ông đề ngày 23 tháng 8 năm 1493 của Hồng y giáo chủ Mendoza, tổng giám mục Tây Ban Nha:

“Gửi Jaime Ferrer, người bạn đặc biệt của chúng tôi. Chúng tôi muốn nói với ông về một số đường lối hoạt động, do đó khi ông nhận được thư này chúng tôi yêu cầu ông đến Barcelona, mang theo quả cầu và những dụng cụ khác mà ông có thể có, liên quan đến vũ trụ học”.

Qua bức thư này, ta có thể suy nghĩ rằng Ferrer có tiếp xúc từ trước với Hồng y giáo chủ Mendoza. Bức thư cũng cho biết một sự quan tâm rất sâu sắc của “ông vua thứ hai” đến các vấn đề về vũ trụ học, một sự quan tâm chắc chắn do những phát kiến của Colombo ở Đại Tây Dương.

Sự quan tâm đó cũng tăng lên tại triều đình với hiệp định Tordesillas. Một số người coi hiệp nghị đó là một thắng lợi ngoại giao, một số người khác coi đó là một sự đầu hàng đối với Bồ Đào Nha. Vua và Hoàng hậu gặp rắc rối. Họ mời Ferrer đến triều đình để cho ý

kiến làm sáng tỏ một vấn đề bắt đầu làm cho họ lo lắng: Những kết quả thực sự của hiệp nghị Tordesillas. Ferrer chỉ ra hai phương pháp, lý thuyết và thực hành, để xác định đường ranh giới đã được thảo luận nhiều và biểu thị sự đánh giá thành thật về Colombo và những thành tựu của ông. Sau khi nghe nhận xét của Ferrer, Isabella gợi ý rằng ông viết thư trực tiếp cho Colombo. Bức thư của Ferrer, đề ngày 5 tháng 8 năm 1495, đáng được thảo luận một cách cặn kẽ.

Ferrer đã viết: “Nữ hoàng đã ra lệnh cho tôi viết thư cho ông, nói rõ những đề nghị và ý kiến của tôi.” Ông đồng ý với Colombo rằng những vùng đất đã được phát kiến là châu Á; thánh Thomas, một trong mười hai môn đồ của Jesus đã chôn tại đó. Ý kiến này khẳng định rằng sai lầm của Colombo được khoa học đương thời chứng thực là có giá trị, dù bị kinh nghiệm chứng minh là không đúng, như đã được nói tới ở trên. Không chỉ Toscanelli mà toàn bộ khoa học vũ trụ của thời đó chịu trách nhiệm. Ferrer tiếp tục như sau:

“Tôi cho rằng bên kia đường xích đạo có những thứ tốt nhất và có giá trị, như đá quý, vàng, hương liệu, và thuốc. Tôi nói như vậy qua kinh nghiệm phong phú của tôi ở miền Đông Địa Trung Hải, từ Cairo đến Damasco. Một niềm tin tôi phát triển từ nhiều người Indians, người Ả-rập, người Ethiopia, là những thứ quý giá đều bắt nguồn từ những vùng nóng nhất, ở đó dân chúng có da đen, hoặc nâu sẫm. Do đó theo ý tôi, Ngài chỉ thấy nhiều của cải khi nào Ngài thấy những người như thế. Tôi biết rất rõ ràng Ngài biết tất cả điều đó vì kiến thức của Ngài sâu rộng hơn kiến thức của tôi. Tuy vậy, Ngài hãy hết sức thận trọng để phục vụ Chúa và làm thỏa lòng Vua và Hoàng hậu của chúng ta”.

Bức thư đề gửi đến *Al Muy magnifico y spetable Senior Almirante de las Indias. En la gran Isla de Cibau*. Chúng ta không biết bức thư tới Colombo trên đảo Hispaniola, hay khi ông trở về Tây Ban Nha. Vì Hoàng hậu là người trung gian trong giao dịch thư từ, chúng ta có thể chắc chắn không những bức thư đã tới nơi mà Ferrer và Colombo đã gặp và hiểu nhau. Họ gặp và hiểu nhau vì họ cũng có chung một khái niệm Cơ Đốc giáo và thần bí chính xác về thế giới, lý thuyết vũ trụ học đặt châu Á ở bên kia Đại Tây Dương, một sự say

mê về địa lý và một mối quan tâm mạnh mẽ đến đá quý. Cuối cùng những năm dài Ferrer sống tại Ý đã cho ông và Colombo một cái gì đó giống nhau, giảm bớt những cách trở phân chia các dân tộc và các nền văn hóa, mặc dù có nguồn gốc chung là Thiên chúa giáo.

Như vậy hai người đã gặp nhau, hiểu nhau và ảnh hưởng lẫn nhau. Colombo đã tin một cách đanh thép rằng Cuba, Hispaniola và Jamaica là châu Á; Ferrer đã củng cố thêm lòng tin đó. Colombo luôn luôn muốn tìm vàng và đá quý ở châu Á; Ferrer, một người thợ làm đồ trang sức, như ông nhấn mạnh trong những bức thư, đã giúp nuôi dưỡng lòng mong muốn đó. Colombo đã luôn luôn ôm ấp ý nghĩ cho rằng những của cải lớn nhất ở phương Đông là tại Ấn Độ, tức là ở phía Nam Cuba và Hispaniola. Ferrer khẳng định điều đó bằng cách nêu những lời tường trình của những người Ấn Độ, Ả-rập và Ethiopia, ông đã gặp tại Cairo và Damasco hai cửa ngõ lớn đi tới phương Đông ở phía đông đảo Chios. Còn một con đường đến phương Đông khác nữa là con đường đã kích thích những giấc mộng đầu tiên ở người thanh niên Colombo.

Sự khẳng định của Ferrer có tính chất quyết định. Khi trình dự án của ông cho vua John, Colombo chẳng đã nghĩ đến ra đi từ những đảo Cape Verde hay sao? Ông đã ra đi từ quần đảo Canaria trong cuộc vượt biển thứ nhất và thứ hai để tránh rắc rối với người Bồ Đào Nha. Bây giờ hiệp định Tordesillas đã loại bỏ mối e ngại này của ông, tạo điều kiện cho ông có thể ghé vào những đảo Cape Verde và từ đó đi về tây nam như Las Casas nói: “Về phía nam của đường quân phân. Colombo nói rằng dưới vĩ tuyến đó, người ta thấy nhiều vàng và đồ quý giá hơn”. Jaime Ferrer, nhà vũ trụ học và người thợ làm đồ trang sức gốc ở Catalan đã làm ngơ quá lâu điều này trong việc sử dụng Colombo, đã có cùng một ý kiến như thế bằng những lời lẽ gần như nhau.

Không nghi ngờ gì là Jaime Ferrer có ảnh hưởng lớn đối với việc đặt kế hoạch cho chuyến đi thứ ba. Chúng ta không biết chắc về ảnh hưởng của Amerigo Vespucci. Tuy nhiên nói về Amerigo Vespucci cũng tốt vì ông đã cùng tham gia việc chuẩn bị cuộc khảo sát và vì Vespucci là một nhân vật hàng đầu khác trong những sự kiện làm thay đổi tiến trình lịch sử; xác minh sự thật về quan hệ giữa hai nhà hàng hải là điều nên làm.

Thứ nhất, ít người, ngoài những học giả nghiên cứu Colombo, biết rằng Colombo và Vespucci không những chỉ biết nhau mà còn là bạn với nhau. Từ năm 1492, nếu không phải trước đó, Vespucci là cánh tay phải của Gianotti Berardi. Chúng ta biết quan hệ tài chính, không kể tình thân hữu, đã gắn bó Berardi với Colombo, như vậy rõ ràng Vespucci cũng liên hệ tới chừng mực nào đó với Colombo vì người thuê ông làm việc, Berardi và những chủ tàu khác, có lẽ gồm có Ibarra, đang tổ chức hạm đội cho chuyến đi thứ hai.

Năm 1495 Berardi chết, cử Vespucci làm người thực hiện di chúc của ông và đứng đầu công ty của ông. Chúng ta thấy Colombo và Vespucci ở bên nhau trong khi chuẩn bị cho chuyến đi thứ ba của cuộc phát kiến vĩ đại. Chúng ta thấy họ cùng nhau chia sẻ lợi ích tài chính (những lợi ích thiết lập giữa Colombo và Berardi), bị thúc đẩy bởi cùng một sự say mê (nhu cầu phát kiến, một tính tò mò khao khát những cái mới) và ràng buộc với nhau vì tôn trọng nhau và tình thân hữu. Một bức thư đề ngày 5 tháng 2 năm 1505 của Colombo gửi cho Diego, con trai ông là chứng cứ không thể bàn cãi về tình thân hữu và sự tôn trọng lẫn nhau này:

“Amerigo Vespucci luôn đối xử một cách đúng đắn đối với cha; ông ta là một người rất trung thực. Giờ đây ông ta đang thay mặt cho cha đến triều đình với lòng mong muốn vĩ đại giúp đỡ cha, quyết tâm làm mọi việc có thể làm được cho cha... Con phải thấy rằng làm việc với ông ta con sẽ có lợi, vì ông ta sẽ biến lời nói thành việc làm và làm mọi việc, thậm chí hoạt động bí mật để không khơi lên sự nghi ngờ. Cha đã nói cho ông ta biết mọi điều có thể là hữu ích trong sự nghiệp của cha và đã thông báo cho ông ta sự đối xử cha đã nhận được và vẫn nhận được”.

Colombo buồn rầu và nghi ngờ đối với triều đình - như thường lệ và có lý do - nhưng tin cậy và biết ơn đối với Vespucci. Những tình cảm của ông đã làm thất bại mọi cố gắng gây sự đối đầu và thù địch giữa hai nhà hàng hải vĩ đại.

Viên Đô đốc biển đại dương và người quản lý công ty Firenze, cả hai người đều cảm thấy bị thúc đẩy phải thực hiện những cuộc phát kiến. Khó biết có phải Vespucci đã bắt gặp sự say mê hoạt động

hàng hải và phát kiến từ Colombo, hay lòng say mê đó tự nó phát triển trong tinh thần nhiệt tình của ông được nuôi dưỡng bởi một bầu không khí sôi sục sau Lễ Phục sinh năm 1493 tại Siviglia: cửa ngõ Tây Ban Nha đi vào Đại Tây Dương và điểm xuất phát từ châu Âu đi tới những vùng Đất Mới bên kia đại dương. Địa vị của Vespucci, chỉ huy việc cung cấp, trang bị những tàu biển, cung cấp bản đồ và công cụ cho những chuyến đi Đại Tây Dương và những tin tức liên tục về những điều kỳ diệu của những vùng Đất Mới, có thể cả hai yếu tố này đã kích thích lòng mong muốn của ông rằng nghề đi biển sẽ rất sáng lạn.

Vespucci thực hiện hai cuộc khảo sát có ảnh hưởng quyết định đối với việc phát kiến những lục địa, được đặt tên theo tên ông. Có những ý kiến xung đột nhau về cuộc khảo sát thứ nhất đi đến Guyana năm 1499, do Hojeda chỉ huy. Theo một số người, Hojeda và Juan de la Cosa mang hai tàu đi về phương Bắc, trong khi Vespucci mang hai chiếc khác đi về hướng Nam và tới cửa sông Amazon. Đó chỉ là sự ước đoán. Không có nghi ngờ gì về cuộc khảo sát thứ hai, năm 1501. Vespucci đã đến bờ biển Brazil tại xích đạo và đi theo bờ biển đó vượt quá 32° Nam, có lẽ xa tới 50° Nam.

Mười hai năm trôi qua trước khi Balboa vượt eo đất Panama và những người châu Âu nhận thấy rằng một đại dương khác nữa nằm giữa những vùng Đất Mới và châu Á. Tuy nhiên Vespucci đã đi theo bờ biển một lục địa tới một vĩ độ xa hơn về phía nam mà từ trước chưa ai đi tới - xa hơn về phía nam Mũi Hảo Vọng mà Bartolomeo Diaz đã đi vòng qua - ông cũng không thấy dấu hiệu nào chứng tỏ đó là châu Á. Như vậy, chuyến đi của ông đã bắt đầu việc nhận ra rằng những vùng Đất Mới là một khối lục địa hoàn toàn độc lập với châu Á. Colombo cũng hiểu như thế nhưng không phát biểu ý nghĩ này ra và như vậy Vespucci đã nhận vinh dự và cũng là công bằng^[*].

Ở đây chúng ta quan tâm đến sự chuẩn bị cho chuyến đi thứ ba của Colombo. Sự biết ơn mà Colombo bày tỏ trong bức thư của ông năm 1505 bảo đảm cho chúng ta rằng Vespucci đã hoàn thành nghĩa vụ của ông về tài chính và tổ chức. Những gợi ý rằng Vespucci đã làm một điều gì hơn nữa thì cũng là phù hợp với thực tế, tức là ông đã đóng góp vào sự lựa chọn của Colombo về tuyến đường mới

theo hướng phía nam. Không có những tài liệu về điều này nhưng những xem xét trước đây của chúng tôi hỗ trợ giả thuyết cho rằng trước khi gặp mặt với Đại Tây Dương, Vespucci đã biết những điều Jaime Ferrer viết cho Colombo: “Vượt quá đường xích đạo sẽ có những thứ tốt nhất và có giá trị, như đá quý, vàng, hương liệu và thuốc... hầu hết những thức đặc biệt có giá trị bắt nguồn từ những vùng nóng nhất”. Chúng ta có thể giả thiết rằng từ năm 1496, khi quản lý công ty buôn thức ăn và đồ tiếp tế tàu biển, Vespucci đã suy nghĩ một phương hướng hành động mà ông sẽ theo đuổi và không đi chệch hướng trong những cuộc đi biển của ông. Ông có thể cùng có chung ý nghĩ với người bạn của ông là Colombo, giúp chỉ cho Colombo con đường mới mà Ferrer đã gợi ý và hiệp nghị Tordesillas nay đã cho phép.

32

“MỘT THẾ GIỚI KHÁC”

Tháng 8 năm 1498 là một thời điểm mấu chốt khác nữa trong cuộc phát kiến vĩ đại: Colombo tới một lục địa lớn về phía nam đối diện với châu Phi nhưng không phải châu Phi, châu Á, hay châu Âu. Tất nhiên lục địa ấy không phải là đất khô cằn không có người ở, đất này dễ chịu, đẹp, phì nhiêu, xanh tốt, đông dân cư và có nhiều nước. Nước của con sông lớn chảy ra từ phía nam, không nghi ngờ gì nữa, chứng tỏ đây thực sự là một lục địa. Vậy đó là một lục địa thứ tư; Thế giới Cổ và thời Trung cổ, thế giới Công giáo, Hồi giáo, Ấn Độ và Trung Hoa đã không biết sự tồn tại của lục địa đó. Một lục địa thứ tư, tuyệt đối không ai biết, dân cư của lục địa đó cũng không biết gì về sự tồn tại của ba lục địa kia.

Vậy tháng 8 năm 1498 đã xảy ra sự biến động sâu sắc nhất trong khoa học vũ trụ. Cuộc cách mạng vĩ đại nhất về địa lý cũng chỉ vừa xuất hiện và giống như năm 1492, đã diễn ra cuộc gặp gỡ quan trọng nhất trong lịch sử giữa các dân tộc. Colombo cũng chỉ mới thừa nhận và hé tấm màn bí mật một phần.

Tương phản một cách rõ rệt với thái độ tại San Salvador, Colombo rụt rè và thấy không thoải mái khi đến vùng biển Venezuela. Hình như ông phản ứng tiêu cực với tin tức mới lạ này, như muốn phủ nhận cuộc phát kiến rõ ràng và không thể chối cãi ngay trước mắt ông. Những điều ông quan sát và tham khảo chòng chéo lên nhau, lộn xộn, thường mâu thuẫn nhau. Sự lộn lộn, không chắc chắn và phân vân này có hai nguyên nhân liên quan đến nhau. Nguyên nhân thứ nhất gắn với cá tính của Colombo. Tôi đã nói rằng Colombo thuộc về cả thời Hiện đại lẫn thời Trung cổ. Ông là Trung cổ khi ông chuyển, hoặc cố chuyển, từ kinh nghiệm đến giáo điều, khi từ những thực tế kinh nghiệm ông cố rút ra những quy luật và nguyên tắc chung, khi từ những cái riêng ông tìm cách vươn tới cái chung. Mặc

dù tự học, Colombo là một chuyên gia về địa lý, đặc biệt về khoa học đi biển. Ngay cả với những hạn chế của thời đại và những công cụ sẵn có thời đó, ông nắm được những phương pháp hiện đại một cách đáng kinh ngạc. Nhưng khi ông chuyển từ những cái riêng của địa phương sang khoa học địa lý đại cương lập tức ông để lộ mình bị những định kiến thời Trung cổ cản trở, tự tỏ ra hoàn toàn Trung cổ khi mạo hiểm đi vào vũ trụ học, triết học và thần học.

Nguyên nhân thứ hai của một số lẫn lộn và mâu thuẫn vào thời gian mấu chốt này của cuộc phát kiến vĩ đại là điều kiện thể chất của Colombo. Khi rời Siviglia, ông không được khỏe. Bệnh thấp khớp bắt đầu tác động đến ông; bệnh này làm ông khổ sở một cách kinh khủng trong chuyến đi thứ tư. Thêm vào đó khí hậu nóng như thiêu như đốt ở vùng đảo Cape Verde và tám ngày yên tĩnh ở giữa Đại Tây Dương gần đường xích đạo đã gây cho ông bệnh viêm mắt nghiêm trọng. Ông chịu trách nhiệm về đường đi và thường không tin cậy bất cứ một người nào khác, luôn luôn dựa vào chính mắt mình, sự quan sát của ông đặc biệt nhạy cảm và chính xác. Như vậy ông đã làm hư hại thị giác vì phải luôn luôn nhìn qua mũi tàu về phía chân trời vào buổi sáng, mặt trời lên cao hơn vai nhưng ánh sáng gay gắt và nóng bỏng; buổi chiều, khi đi về hướng tây, ông phải nhìn thẳng vào mặt trời; và ngay cả trong những đêm không có trăng, khi chỉ có ánh sáng của sao rọi chiếu, vào những đợt sóng màu sẫm bị sóng tàu cắt ra.

Mắt Colombo sưng lên, chảy nước và đỏ. Khi tới đất liền ông không thể không thấy tất cả những thứ đáng lẽ ông phải biết. Ông không trông thấy những chi tiết đáng lẽ giúp ông hiểu kỹ hơn nơi đó, ông không thể quan sát như trong hai cuộc đi lần trước, ông cũng không thể đích thân xác minh và điều tra. Thậm chí ông không viết *Nhật ký* nhưng chắc ông đọc cho người khác ghi, hoặc có lẽ *Nhật ký* đã được ghi lại qua những gì ông nói. Nhiều điều được ghi lại không bắt nguồn từ kinh nghiệm riêng của ông mà từ kinh nghiệm của những người khác.

Nơi diễn ra cuộc phát kiến vĩ đại tháng 8 năm 1498 là Vịnh Paria. Tôi đã đi qua vịnh này bằng thuyền, máy bay và máy bay lên thẳng, dừng lại tại nhiều điểm trên bờ biển và ngược lên một đoạn của kênh chính và những kênh nhỏ quan trọng nhất. Chỉ với những biểu đồ địa

hình của Viện địa lý quân sự Venezuela và những gợi ý của những chuyên gia địa phương - những thị trường, những viên quản lý neo buồm và những ngư dân - tôi mới có thể hình thành bức tranh rõ ràng về địa lý khu vực. Kết quả là tôi có thể đánh giá khó khăn lớn lao của những thủy thủ Tây Ban Nha và viên Đô đốc trong việc xác định xem họ đã thực sự tới đại lục hay chưa. Tôi cũng có thể đánh giá tình hình đó có thể làm cho Colombo lúng túng như thế nào, dẫn đến nhiều giả thuyết và nhận xét trong *Nhật ký*, một số giả thuyết đúng, một số giả thuyết không thực tế, nhiều giả thuyết mâu thuẫn.

Đây là những giai đoạn và ngày tháng của quá trình Colombo sau khi tiếp xúc lần đầu tiên với đại lục Nam Mỹ, nhận biết ông đã thực sự phát hiện ra một lục địa.

Thứ tư, mùng 1-8-1498 lần đầu tiên thủy thủ trên ba chiếc tàu đã trông thấy Nam Mỹ. Không một người nào tưởng tượng đó là một lục địa. Colombo gọi đó là Isla Santa (*Đảo Thánh*).

Thứ Bảy, 4 tháng 8: Ba chiếc tàu thả neo ở ven bán đảo Paria, trên bờ biển đại lục, nhưng không một ai hiểu điều đó, mọi người đều tin rằng bán đảo là một hòn đảo. Colombo đặt tên cho bán đảo đó là Isla de Gracia (“Đảo khoan dung”) để tỏ lòng kính trọng mẹ của Đức Cha Geraldini, một người kiên cường ủng hộ Colombo tại triều đình Tây Ban Nha.

Thứ hai, 6 tháng 8: Người Tây Ban Nha chiếm lĩnh Guiria, nhưng không ai nghĩ rằng mình đang ở trên đại lục, càng không nghĩ rằng đang ở trên một lục địa mới. Thậm chí viên Đô đốc không rời khỏi tàu. Thuyền trưởng Pedro de Terreros tin rằng ông ta đang chiếm dụng một hòn đảo.

Thứ tư, 8 tháng 8: Những chiếc tàu thả neo trước một làng của người Indians gần Irapa. Có nhiều cuộc gặp gỡ giữa Colombo và những người Indians. Văn hóa của họ cao hơn văn hóa của người Taino trên đảo Hispaniola, Cuba, và Jamaica, nhưng viên Đô đốc hình như không nhận thấy điều đó. Nước có bùn và là nước lợ. Colombo tiếp tục tin rằng Paria là một hòn đảo.

Thứ bảy, 11 tháng 8: Một chiếc tàu được cử đi trước để thăm dò những con đường trở về. Thủy thủ tin rằng nước ngọt chảy từ một con sông khổng lồ và do đó “những vùng đất trông có vẻ là những hòn đảo nhưng tất cả là một khối lục địa”. Colombo không thể tin điều

đó vì “ông chưa bao giờ nghe nói về một khối nước ngọt như thế chảy trong những con sông lớn nhất trên trái đất, sông Nile, sông Euphrates và sông Ganges. Dù sao chẳng nữa ông không thể tiếp tục đi vì có những chỗ nông, cho nên ông quay trở lại.

Chủ nhật, 12-8: Sau khi đi dọc bờ biển phía Nam của bán đảo Paria mà ông vẫn còn coi là một hòn đảo. Colombo thả neo tại mũi đông bắc của Venezuela.

Thứ hai, 13 tháng 8: Những chiếc tàu bắt đầu đi dọc bờ biển phía bắc của Paria, từ đông sang tây. Colombo hy vọng tới đầu phía tây của Paria mà ông vẫn tin là một hòn đảo. Như Las Casas bình luận: “Lý do thúc đẩy ông ta đi tiếp là chưa trông thấy những vùng đất đông đủ rộng để tạo nên những con sông to như thế”, viên Đô đốc nói: “Trừ phi đây là đất liền đại lục: Đó là những lời của ông ta” (Tôi nhấn mạnh thêm). Chỉ vào ngày 13 tháng 8 mới nghi ngờ đó là một lục địa cuối cùng bắt đầu bắt rễ trong tâm trí của Colombo.

Thứ ba, 14 tháng 8: Ngày hôm qua và ngày hôm nay viên Đô đốc đã đi ba mươi, hay bốn mươi hải lý. Ông đã xác minh bờ biển phía bắc kéo dài xa hơn về phía tây so với bờ biển phía nam, như vậy vịnh ở phía nam Paria không có đường ra phía Bắc. Ông đã nhận thấy một vùng đất rộng như vậy không phải là một hòn đảo mà là một lục địa. (Las Casas). Cuối cùng kinh nghiệm đã chiếm ưu thế hơn khoa học không chính xác. Khoa học đã sai về tầm cỡ của những con sông lớn khác mà Colombo chưa được trông thấy nên không thể biết được lưu lượng nước ở cửa sông. Một khối lượng khó hiểu đối với một người châu Âu. Ngày 13 và 14 tháng 8, ba chiếc tàu của ông đã đi hai lần trên bờ biển phía bắc, cũng đi xa như đã đi trong vịnh phía nam bán đảo, và không thấy có một dấu hiệu gì về một con kênh dẫn từ bắc xuống nam.

Ước tính của Colombo là đúng. Vịnh ăn sâu vào phía nam bán đảo Paria hơn 55 dặm; khi Colombo quyết định bỏ bờ biển và đi về hướng bắc vào ngày 15 tháng 8, ông đã đi 110 dặm dọc theo bờ biển phía Bắc Venezuela và ông có thể trông thấy 55 dặm nữa về phía tây. Không thể còn nghi ngờ gì nữa rằng Paria là đất đại lục. Như các thủy thủ nói, nước ngọt ở trong vịnh từ một con sông khổng lồ từ phía Tây nam tới. Nhưng con sông lớn nào ở châu Á có thể chảy về

phía Bắc và đổ ra biển gần đường xích đạo? Không có. Do đó, đất này không thể là châu Á.

Vậy đó có phải lục địa thứ tư không? Colombo không dám nói thế. Ông không dám tự đặt mình đối lập với vũ trụ học thời Trung cổ và kiến thức địa lý của thời đại. Tuy nhiên bây giờ ông đã chắc chắn. Với sự đảo ngược thái độ một cách nhanh chóng, điển hình của những thiên tài, ông đã đi từ không tin tới nghi ngờ rồi tới chắc chắn. Chiều tối 14 tháng 8 và sáng 15 tháng 8, tàu của ông chạy nhanh trên biển lặng, trong buồng lái ông viết, hay đọc cho người khác viết, như thể ông đang đứng trước Vua và Hoàng hậu, tường thuật lần đầu tiên về tin vĩ đại: “Tôi tin rằng đây là một đại lục rộng lớn cho đến nay chưa ai biết tới. Tôi tin tưởng như vậy vì con sông rất rộng và vì có nước ngọt ở ngoài biển”. Colombo suy nghĩ về tin quan trọng này trong những đêm và ngày tiếp theo.

17 tháng 8 năm 1498: Chiều tối những con tàu đã chạy ba mươi bảy hải lý. Colombo suy nghĩ, và ông mừng rỡ ra một giả thuyết: Vùng đất rộng phía nam đường xích đạo mà ông đã trông thấy có thể là nguồn của khối nước chẳng? Có thể thiên đường của trái đất mà học thuyết Trung cổ đặt ở phương Đông nằm ở nam bán đảo chẳng? Đây là đoạn trích của Las Casas: *“Ông ta nói vùng đất ông đến là một lục địa lớn, hoặc là nơi của thiên đường trái đất, vì theo ông, mọi người nói rằng thiên đường đó ở cuối phương Đông, và đây là thiên đường ấy”*. Tác giả gạch dưới và hai chỗ “ông nói” là của Las Casas để nhấn mạnh giả thuyết là chính do Colombo đề xướng.

Đó là một giả thuyết, không phải là một sự khẳng định tuyệt đối. Không được lẫn lộn hay gán giả thuyết của Colombo với giả thuyết của Dante; Dante đặt Tĩn ngục ở Nam bán cầu, trên một ngọn núi nổi lên từ “Biển đen tối”, trong khi trí tưởng tượng thơ mộng của Dante đặt sự thần bí bao trùm của thế giới bên kia vào thực tế của Đại Dương trên trái đất, Colombo không đề cập đến Thiên đường của thế giới khác mà đề cập đến Thiên đường trên trái đất: từ thời Cổ đại người ta đã thừa nhận sự tồn tại của Thiên đường đó. Nhưng tại sao Colombo không xem xét giải thích đơn giản nhất và trực tiếp nhất, nói rằng đây phải là lục địa thứ tư, thay vì viện ra những giả thuyết do nền văn hóa Trung cổ cung cấp? Vì khái niệm địa lý chiếm

ưu thế trong nửa sau thế kỷ thứ XV loại bỏ sự tồn tại của lục địa thứ tư.

Ý muốn sâu sắc của Colombo là không vượt quá xa khỏi lý thuyết vũ trụ học truyền thống đã nói trong bức thư của ông gửi Ferdinando và Isabella ngày 7 tháng 7 năm 1503; trong bức thư này Colombo nói về “địa điểm của Thiên đường trái đất mà Nhà thờ chấp nhận”. Mệnh đề cuối cùng giải thích nguyên nhân khó khăn và do dự ông đã biểu thị trước thực tế của một lục địa thứ tư. Thiên đường trên trái đất đã được sự ủng hộ nhất định trong lý thuyết của Nhà thờ, nhưng trong khoa vũ trụ học được chấp nhận thời Trung cổ, không có chỗ cho một lục địa thứ tư. Mối liên hệ giữa vũ trụ học và thần học rất chặt chẽ, và như vậy Colombo bảo đảm rằng ông sẽ không bị buộc tội là chống lại giáo lý của nhà thờ.

Việc ông không chắc chắn, việc ông nghi ngờ đã rõ ràng qua lời nói của ông: “Nếu nước này không bắt nguồn từ Thiên đường trên trái đất thì nó phải bắt nguồn từ một vùng đất rộng ở Nam bán cầu mà cho đến nay chúng ta không biết đến”. Đề cập vấn đề này trong bức thư năm 1503 gửi cho Vua và Hoàng hậu Công giáo, Colombo viết như sau: “Ở đây Bệ hạ có một thế giới khác nữa”. “Thế giới” khác nữa là gì, nếu không là lục địa thứ tư?

33

MỘT TRỰC GIÁC HUYỀN BÍ

Đêm 16 tháng 8, Colombo đi từ Venezuela - chính xác là đảo Margarita, tới Hispaniola. Mặc dù trong hải phận mới đối với ông, với giác quan thứ sáu về những điều trên biển, Colombo đã tính chính xác con đường đúng đi đến miền Tây Bắc. Đêm đó những kim la bàn chệch đi một độ rưỡi về phía tây một cách bất thành hình, một số kim chệch đi hai độ. Las Casas viết, Colombo cũng nhận thấy rằng ở vĩ độ này, sao Bắc đẩu ở 14° trên chân trời, khi chòm sao Guards qua đầu 2 giờ rưỡi^[4]. Chòm sao tới điểm đó lúc 6 giờ 30 phút tối, hơi quá sớm để có thể quan sát, nhất là bởi một người đang mắc bệnh viêm mắt. Nếu chúng ta chấp nhận sự quan sát đó thì Colombo đã phải ở vĩ độ 15° Bắc. Đêm 16 tháng 8, đội tàu đã ở gần 13° Bắc. Do đó sai số của Colombo là nhỏ nhất, không quá hai độ, có lẽ ít hơn.

Tại sao cho đến lúc đó những kim la bàn không chệch sang hướng Tây Bắc? Colombo so sánh sự quan sát này với sự quan sát khi ông thấy kim lệch năm độ so với sao Bắc đẩu. Trong những chuyến đi trước, ở những vĩ độ xa hơn về phía bắc, Colombo đã thấy kim lệch đi hai độ rưỡi. Kết quả của suy luận này là Colombo cho rằng quả đất không phải là một khối tròn hoàn hảo. Như ông đã viết cho Vua và Hoàng hậu:

“Tôi luôn luôn đọc thấy rằng thế giới, đất và nước là một khối tròn; kiến thức đặc biệt và kinh nghiệm của Tolemeo và tất cả những người khác chứng minh điều đó. Tuy nhiên bây giờ tôi đã thấy trái đất rất méo, tôi đã phát hiện ra rằng quả đất không tròn, như người ta đã viết, mà nó có hình giống một quả lê, rất tròn trừ đầu cuống hơi nhô lên, hoặc giống như một quả bóng, có một điểm giống như vú người phụ nữ. Đầu cuống đó cao nhất và gần bầu trời nhất và người ta thường thấy điểm đó ở dưới

đường quân phân ở đại dương này ở giới hạn của phương Đông.

Khi vượt đường Bắc-Nam cách quần đảo Azzorre một trăm hải lý về phía tây, những tàu biển được nâng lên một chút về phía bầu trời, và vì vậy khí hậu ôn hòa hơn. Kim la bàn chệch đi một điểm, do sự ôn hòa của khí hậu và càng đi xa hơn về phía tây bắc, tàu biển càng được nâng lên. Càng đi gần tới đường quân phân người ta càng lên cao hơn và độ chênh lệch giữa sao Bắc đẩu và những sao Guards trong vòng tròn quỹ đạo càng lớn”.

Trong một thời gian dài những ý kiến này có vẻ kỳ quặc, kết quả của trí tưởng tượng thơ ngây, truyện viễn tưởng khoa học thời xa xưa. Chỉ trong thế kỷ thứ XX những công trình nghiên cứu về hình thể và bề mặt trái đất và chứng cứ từ những vệ tinh nhân tạo đã ủng hộ một cách bất ngờ ý kiến của Colombo.

Ngày 29 tháng 12 năm 1958, J. A. O’Keefe và A. Eckels, những nhà thiên văn tại Đài quan sát trường cao đẳng Harvard, đã tiết lộ rằng dưới ánh sáng thông tin nhận được từ vệ tinh nhân tạo Vanguard ở Trung tâm không gian Godard, khái niệm cổ truyền về hình thể trái đất phải được xem xét và sửa đổi lại: trái đất có hình như một quả lê, với những điểm cao ở đường xích đạo. Tin này được hoàn hảo khẳng định ngày 19 tháng 6 năm 1959^[*].

Làm sao Colombo nhận ra điều đó năm 1498 là một điều huyền bí làm cho người ta say mê. Trong thời Colombo còn có nhiều người tin quả đất dẹt, trong khi đó các nhà khoa học và những học giả tất cả đều cho rằng quả đất hoàn toàn tròn. Không một người nào - có học thức, có văn hóa, hay mù chữ - nghi ngờ mặt trời xoay quanh trái đất. Có phải trực giác không? Sự tiên đoán? Tưởng tượng may mắn trùng hợp với thực tế, một thực tế chỉ được khoa học khẳng định nhiều thế kỷ về sau? Nói một cách chặt chẽ, chắc chắn rằng không thể gán cho Colombo một phát kiến khoa học. Chỉ có những đo đạc chính xác từ thời của ông mới cho ta chứng cứ là quả đất không hoàn toàn tròn và đường xích đạo không phải là một hình tròn mà là một hình bầu dục.

Độ dẹt ở cực rất ít ($1/289$)^[*] mắt thường và thậm chí những dụng cụ đo thời Colombo không thể thấy được. Hai chi tiết khác thường về bề mặt của trái đất, cũng nhỏ và không thể xác định được cả bằng mắt lẫn dụng cụ đo thời Colombo, hình quả lê của trái đất, hình bầu dục của đường xích đạo, làm sao Colombo đi tới sự hiểu biết sâu sắc này gần như không thể dò tìm được. Tương tự như vậy, Colombo là người đầu tiên nhận thấy rằng những dòng nước ở đại dương, chảy từ đông sang tây, làm mòn bờ biển phía tây của đại dương, giải thích tại sao có nhiều đảo ở đó.

Colombo đã nhận thấy sức mạnh của những dòng nước và kết luận rằng một dòng nước mạnh từ đông sang tây đã cắt đảo Trinidad khỏi đại lục và hình thành nhiều đảo nhỏ mà thời xa xưa chỉ có những con lạch, hoặc chỉ là đã trôi ra ngoài cửa đại lục.

Colombo đã đi đến kết luận này khi thấy có nhiều đảo từ Vịnh Paria vào biển Caribe. Ông đã viết: “Tôi chắc chắn rằng khối nước của biển đi từ đông sang tây, theo bầu trời, và trong vùng này, khi những khối nước đó đi qua, chúng có tốc độ lớn hơn.” Colombo đã miêu tả hiện tượng một cách chính xác theo cách cổ sơ. Theo Tolemeo, Colombo đã cho rằng quán tính đã tạo ra hướng chảy và sức mạnh của dòng nước đó và quán tính do chuyển động biểu kiến của bầu trời mà có; ngày nay chúng ta cũng giải thích theo cách đó, thay bầu trời bằng chuyển động xoay quanh trục của trái đất.

34

CUỘC ĐẢO CHÍNH TẠI SANTO DOMINGO.

Ngày 31 tháng 8 năm 1498, ba chiếc tàu cập bến Santo Domingo, trung tâm mới của thuộc địa trên đảo Hispaniola. Những người Tây Ban Nha đã chia thành hai phái, và tình hình căng thẳng có tính chất bùng nổ. Vì mục đích thực tiễn, đảo có hai tổng trấn. Những người ở cả hai phe đều được những người Indians dưới sự khống chế của họ nuôi. Nhóm của Bartolomeo cai trị miền Trung và miền Nam đảo Hispaniola, và những người nổi loạn do Francisco Roldán cầm đầu chiếm miền Tây, bao gồm Yragua, miền của Behechio.

Colombo đã được Vua và Hoàng hậu tại triều đình khẳng định lại sự tin cậy. Ông không thể để cho tình hình xấu thêm nữa, vì như vậy ông sẽ không thực hiện được kế hoạch đầy tham vọng là biến đảo Hispaniola thành thuộc địa, một kế hoạch do ông cùng Vua và Hoàng hậu đã đề ra. Mặt khác, dập tắt cuộc nổi loạn thì khó nếu không nói là không thể làm được, không thể đánh nhau với những người nổi loạn. Viên chỉ huy pháo đài Bonao, hay Conception, ở sâu trên đảo, Miguel de Ballester, người vẫn trung thành với anh em Colombo, hiểu rõ thực tế đáng buồn đó. Miguel de Ballester thúc đẩy một thỏa hiệp với Roldán cho những ai mong muốn đều được phép trở về Castiglia.

Nhưng Roldán đòi hỏi nhiều hơn. Sau những cuộc thương lượng kéo dài giữa Ballester và những thủ lĩnh nổi loạn họ đã thỏa thuận được một số điều kiện. Thời gian có hạn và lợi ích của nhà vua bị tổn hại, vì vậy Colombo không có cách lựa chọn nào khác ngoài việc cho phép Ballester giải quyết những sự bất đồng “bằng bất cứ cách nào” có thể thực hiện được; điều đó có nghĩa là chấp nhận toàn bộ yêu sách. Ông khẳng định cho Roldán chức *alcalde mayor*  trên đảo Hispaniola và trả lại tiền lương cho những người nổi loạn đã

không chịu làm việc. Những người không muốn ở lại đảo được phép ra đi ngay khi có cơ hội. Đó là cuối năm 1498.

Mặt quan trọng nhất của thỏa hiệp giữa Colombo và Roldán là nó cho phép hình thành cơ sở chính sách thực dân của Tây Ban Nha tại châu Mỹ. Quả là một nền hòa bình sắc mùi đồng lõa. Colombo đã đến Hispaniola với một giấy phép của Vua và Hoàng hậu, đề ngày 22 tháng 7 năm 1497, cho phép ông chia đất trong số những người đi khai phá, chia đất chứ không phải chia những người Indians. Vậy mà bây giờ ông đi phân phối lao động Indians nhiều hơn đất đai những người định cư đã chiếm hữu, dù có hay không có quyền sở hữu chính thức. Bây giờ những người Indians bị hạ xuống địa vị nông nô ở châu Âu thời Trung cổ. Loại nô lệ đó không được nhà vua chấp nhận; nhà vua muốn coi những người Indians là những chư hầu tự do. Nhưng chế độ bắt đầu lúc này vẫn tiếp tục. Năm 1501 don Nicolas de Ovando nhậm chức Tổng trấn Hispaniola; và đến năm 1503 thì được thừa nhận về mặt pháp lý. Chế độ *encomienda* (“ủy quyền”) đã mở rộng ra khắp quần đảo Antilles và đất liền Caribe. Cortes đã đưa chế độ ấy vào Tây Ban Nha Mới (Mexico), tại đây những làng Indians được giữ đất của họ, ít nhất về nguyên tắc, nhưng phải nộp một khoản cống nạp lớn bằng tiền của sản vật cho *Encomendero* (“người định cư”, hay “ông chủ”). Thể chế *encomienda* rõ ràng bắt nguồn từ thời Trung cổ trong việc thi hành những mệnh lệnh quân sự của nước Tây Ban Nha Trung cổ.

Những diễn biến này cần được bình luận. Một người mang cả tính chất thời Trung cổ và thời Phục hưng, nhưng ý nghĩ kinh tế thì hướng về thời Trung cổ nhiều hơn. Tại Genova, Bồ Đào Nha, Valencia và Catalogna, một thể chế thương mại, hay chủ nghĩa tư bản mới chớm nở đã hưng thịnh. Colombo là một nhà kinh doanh tiêu biểu giao dịch bằng những tỷ lệ phần trăm, những cổ phần, lãi và lợi nhuận với Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha và những bộ trưởng của họ, với những đồng bào Genova của ông, với những người Firenze, những người Do Thái đã cải đạo. Năm 1499-1500 tại Santo Domingo, khi Colombo phải chọn một chế độ kinh tế chính trị cho những vùng Đất Mới, ông đã bị kẹt trong những cuộc tranh chấp nội bộ với những người định cư và những người Castiglia đầu tiên đi chinh phục châu Mỹ. Thiếu sự khôn khéo chính trị ngang với những

tài năng về đi biển, Colombo cảm thấy bị thúc ép thành lập chế độ “ủy quyền” quen thuộc mà nhà sử học Mexico Weckmann Munoz gọi là “sự thừa kế Trung cổ”. Trong nhiều thế kỷ, những người định cư Tây Ban Nha tại đế quốc của Tây Ban Nha ở châu Mỹ có những quyền đối với người lao động Indians giống như quyền của chúa phong kiến đối với nông nô. Những người Indians không phải là những nô lệ có thể bán đi - những người nô lệ tại các thuộc địa Bồ Đào Nha, Anh và Hà Lan đã mang tính chất tư sản, hoặc kinh doanh buôn bán - mà là những nông nô bị cột chặt vào đất đai. Thể chế này về mặt đạo đức còn tồi tệ hơn cả chế độ nô lệ. Đó là quay trở lại quá khứ, không phải là một bước tiến lên thời hiện đại, khi thể chế nô lệ xấu xa đang bị bãi bỏ.

Quan điểm của những người bất mãn đến được tai Nhà Vua, họ miêu tả Colombo là một tên bạo chúa. Pietro Martire cho biết rằng ba anh em Colombo, nhất là Bartolomeo, bị tố cáo là “những con người bất chính, những kẻ thù độc ác, những kẻ làm đổ máu Tây Ban Nha”, luôn luôn sẵn sàng “tra tấn, treo cổ và chặt đầu”.

Don Fernando đã hồi tưởng lại một cách cay đắng tình hình mùa hè 1500 hơn năm mươi người định cư đã trở về Tây Ban Nha, đến triều đình tại Alhambra, hô lớn rằng Nhà Vua và Colombo đã không trả công họ:

“Sự bất kính của họ lớn đến nỗi, nếu Nhà Vua đi ra, tất cả sẽ vây quanh và hô lớn đòi trả công... Và nếu bất ngờ anh tôi và tôi đi qua họ, họ kêu trời và quấy rối chúng tôi, tôi và anh tôi là hầu cận của Hoàng hậu. Họ nói “Kia là những đứa con của viên Đô đốc độc ác, chúng đã tìm được những vùng đất để mà huênh hoang và lừa bịp và trở thành nỗi buồn và mồ chôn của những quý tộc Castiglia”. Họ còn thêm những điều độc ác khác và chúng tôi thận trọng tránh đi gần họ”.

Vua và Hoàng hậu ở cách xa những thuộc địa mới hàng ngàn dặm nên không dễ đạt tới một quyết định. Colombo vừa là người phân xử, vừa là người bị cáo, không thể quyết định ai phải, ai trái. Cần một viên điều tra chính, và họ đã chọn Francesco de Bobadilla, hiệp sĩ cấp Calatrava. Vua và Hoàng hậu ra lệnh cho Bobadilla trừng

phạt những thủ phạm trong cuộc nổi loạn và nắm quyền chỉ huy đảo thay Colombo.

Động cơ của Vua và Hoàng hậu chính xác cũng như đơn giản: Colombo đã trở thành một trở ngại cho sự bành trướng của Tây Ban Nha ở vùng Đất Mới, một trở ngại tạo ra bởi những đặc quyền không hạn chế mà họ đã ban cho ông tại Santa Fe, và tính ích kỷ không hạn chế của ông là nền tảng của trở ngại đó. Giả thiết nếu như những điều kiện đầu hàng vẫn còn hiệu lực thì nhà vua sẽ không thể cho phép thay mặt Hoàng gia mở những cuộc thăm dò mới tại những vùng càng ngày càng đang mở rộng để đầu tư kiếm lợi. Năm 1499 những chủ ngân hàng và nhà buôn ở Siviglia xem xét những dự án liên doanh với Hoàng gia nếu họ được hưởng một phần lợi nhuận của những cuộc viễn chinh tương lai và những cuộc phát kiến do những cuộc viễn chinh đó đem lại. Người ta chuẩn bị bốn cuộc viễn chinh tới lục địa và quần đảo Antilles. Trong thực tế không thể thực hiện những chuyến đi mà không dừng tại Hispaniola, cả lúc về cũng như lúc đi. Trong kế hoạch Nhà Vua đã hoạch định với Colombo, Hispaniola đang trở thành trung tâm tiếp tế và trạm dừng chân, nơi trang bị cho mọi cuộc thăm dò và chinh phục. Santo Domingo là hải cảng duy nhất có thể hỗ trợ về hậu cần cho tất cả những công việc tiến hành tại những đảo giữa Bắc và Nam Mỹ. Nếu Colombo vẫn chỉ huy Hispaniola, phó vương chuyên chế “của tất cả những vùng đất đã được phát kiến và sẽ được phát kiến” thì không một nhiệm vụ nào trong những nhiệm vụ đó có thể được thi hành nếu không có sự đồng ý của ông. Và xét cả tính của ông thì không phải ông thường xuyên đồng ý.

Một số nhượng bộ đã thỏa thuận với Hojeda và Pero Alonso Nino và với Vicente Yanez Pinzón và Juan de la Cosa đã vi phạm hợp đồng ban đầu giữa Colombo và Nhà Vua. Những tài liệu cho phép này gửi cùng với thư ủy nhiệm của Bobadilla đã để lộ những ý đồ của Vua và Hoàng hậu. Tôi sẽ thảo luận những nhượng bộ này và những nhượng bộ trong những cuộc viễn chinh sau đó, chúng ta sẽ thấy những nhượng bộ đó có vai trò chủ chốt như thế nào để hiểu sự kết thúc của biến cố Santo Domingo: Colombo bị bắt về Tây Ban Nha trong gông xiềng.

Sự kiện đầy kịch tính này có tiếng vang to lớn. Con người chủ chốt, người anh hùng của hàng loạt phát kiến vĩ đại bị gông xiềng!. Con người đã cho nước Tây Ban Nha thống trị gần nửa thế giới bị bỏ tù! Lập tức người ta cảm thấy công phần, phê phán và lên án Francesco de Bobadilla, tên côn đồ trong vở kịch có những cảnh ảm đạm và đau buồn. Giải thích như thế thì quá đơn giản. Những nhà sử học nghiêng về phía bào chữa cho những hành động của Bobadilla nhấn mạnh những hành động độc ác dưới sự cai trị của ba anh em Colombo. “Tại nhiều điểm khác nhau trong thành phố những giá treo cổ dựng lên, thường xuyên có những chùm người bị treo cổ... Bobadilla thấy Santo Domingo lần đầu tiên ngay sau khi hai người bị treo cổ. Năm người nữa đợi bị treo cổ ngày hôm sau. Mọi người tố cáo Colombo và anh em của ông là phản bội. Barnaldez nói: “Colombo muốn tặng đảo Hispaniola cho Genova”.

Nhiều năm sau những giáo sĩ dòng tu Geronimi viết rằng những điều tồi tệ ở Hispaniola bắt nguồn từ thời Colombo; ông đã phát hiện ra hòn đảo này để hoàn thành những thỏa thuận với người Genova.

Thực tế Colombo là một người nước ngoài có nguồn gốc khiêm nhường là một điều có ý nghĩa. Nên đặt nhẹ hơn tội tàn bạo, vì Ovando, người kế vị Bobadilla, đã hành động khắc nghiệt hơn Colombo đối với cả người Indians lẫn người định cư. Oviedo viết rằng bất cứ ai cai trị đảo Hispaniola lúc đó thì phải “thiên thần và siêu nhân” mới làm được việc tốt. Las Casas bảo vệ Colombo và bác bỏ hầu hết những lời buộc tội; thậm chí ông cố bào chữa cho người Tây Ban Nha. Las Casas nhận xét rằng, anh em Colombo không biểu lộ sự khiêm tốn và thận trọng mà họ cần có ở cương vị người nước ngoài, họ sai lầm khi không phân phối đồ tiếp tế từ Tây Ban Nha gửi sang một cách bình đẳng, họ dùng những đồ tiếp tế đó để thưởng cho bạn bè và trừng phạt kẻ thù. Giải thích sự khắc nghiệt của Bobadilla, Las Casas đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc Diego từ chối nộp pháo đài. Diego đã xúc phạm đại sứ của Vua và Hoàng hậu bằng cách nói một cách thô bạo rằng: quyền lực và sự được phép của anh ông thì “tốt hơn và được bảo đảm hơn”.

Người ta có thể dò hỏi lâu dài những nguyên nhân và sai trái của sự kiện phức tạp và đầy kịch tính này, nhưng con đường đó hình như không phải là con đường đúng để đi đến sự đánh giá không

thiên vị. Francesco de Bobadilla không có vẻ là một bạo chúa thối nát, thâm độc. Oviedo nói rằng ông ta là “một hiệp sĩ cũ, một con người rất có lương tâm và ngoan đạo”. Bobadilla đã dùng bạo lực để loại trừ Colombo và anh em của ông ra khỏi chính quyền trên đảo, vì ông không có cách lựa chọn nào khác. Trước sự bướng bỉnh của anh em Colombo, bỏ tù họ là một bước cần thiết để cuộc phát kiến vĩ đại đem lại những kết quả cụ thể vì lợi ích của Tây Ban Nha. Lợi ích của Tây Ban Nha là điều mấu chốt duy nhất của toàn bộ sự kiện. Như đã nêu, cần phải hủy bỏ những điều kiện đầu hàng ở Santa Fe, theo đó chính quyền và thu nhập của những vùng Đất Mới được chia trong sự hợp tác làm ăn hạn chế giữa Vua và Hoàng hậu và gia đình Colombo. Cần phải thay thế sự hợp tác làm ăn kỳ lạ này bằng nhà nước do một mình Nhà Vua đại diện.

Bobadilla đã bỏ tù Colombo và đưa ông về Tây Ban Nha trong xiềng xích, vì cùng một lý do là ông đã kể vị Colombo trong chính quyền Hispaniola, đảo then chốt của vùng Đất Mới: ông là đại diện của quốc gia, một viên chức của Vua và Hoàng hậu. Và đó thực sự là một cuộc đảo chính và những cuộc đảo chính luôn luôn giống nhau, dù ở thế kỷ XV hay thế kỷ XX đều được tiến hành bằng bạo lực. Francesco de Bobadilla là một viên chức của nhà nước, theo cung cách của ông ta. Dù sao chăng nữa, người ta nên đặt câu hỏi, có phải nhà nước không còn cách nào khác để mang lại một chế độ mới tại những vùng Đất Mới phát kiến và không thể làm việc với Colombo hay sao mặc dù nhà nước phải chịu ơn những công lao xuất sắc mà ông đã làm. Nhưng lịch sử không được hình thành bằng những giả thiết *nếu*, và lịch sử đã ghi lại rằng Colombo đi chống lại một cách tuyệt vọng. Trên đảo Hispaniola, Colombo không được sự ủng hộ của quần chúng, và những kẻ thù chung của ông ủng hộ Bobadilla, hy vọng được Bobadilla giúp đỡ, cất nhắc. Đầu tháng 10 năm 1500, Colombo rời Santo Domingo trong xiềng xích. Ông chỉ trở lại trong cái chết. Đó là một cuộc đảo chính, nhưng sự kiện sau đây cho thấy người Tây Ban Nha không độc ác và tàn bạo đối với Colombo như một số người tin như vậy. Chẳng bao lâu sau khi chiếc tàu La Gorda chở Colombo rời bến, viên thuyền trưởng, rõ ràng theo lệnh trực tiếp của Bobadilla, đã tỏ ý muốn cởi xiềng cho Colombo. Colombo từ chối; ông đã bị xiềng với danh nghĩa của Vua và Hoàng hậu, vì vậy

ông muốn vẫn bị xiềng cho đến khi Isabela và Ferdinando đích thân ra lệnh tháo bỏ. Cuộc vượt biển nhanh và không có sự kiện gì. Vào khoảng từ ngày 20 đến ngày 25 tháng 11 năm 1500, La Gorda đã đi vào bến Cádiz. Trên đường về Tây Ban Nha, nói Colombo bị chế nhạo và ngược đãi chỉ là một câu chuyện truyền thuyết. Alonso de Vallejo, cũng như Andrea Martin, chủ chiếc tàu La Gorda, cũng như những người khác trên tàu, không ai tỏ thái độ bất kính đối với Colombo. Ngược lại họ rất kính trọng ông và cả hai người anh em của ông, cũng là tù nhân.

Khi họ lên cảng Cádiz, Colombo vẫn còn tự nguyện bị xiềng, đã viết một lá thư dài cho Bà Juana de Torres, vú nuôi trước đây của người con vua don Juan, một người thân tín của Hoàng hậu Isabella và chị của Antonio de Torres, phó chỉ huy trong chuyến đi biển thứ hai. Bà Juana là một người bạn và người bảo vệ Colombo từ khi ông đến triều đình tìm kiếm sự chấp nhận kế hoạch lớn của ông. Bức thư chứa đầy một nỗi buồn sâu sắc, lẫn lộn, một mớ tình cảm hỗn độn sự công phẫn, sự nhẫn nhục, lòng tự trọng bị tổn thương và sự khiêm nhường Thanh giáo. Tuy nhiên giọng điệu của bức thư là thành thật. Đó là tiếng kêu của người biết rõ mình đã có cống hiến cho nước Tây Ban Nha và Công giáo mà không được đền đáp đầy đủ, là tiếng than của một tâm hồn phần nộ vì sự bất công nhưng vẫn còn khả năng tin hoàn toàn vào chúa Thánh Thần; sự giúp đỡ của Chúa đối với người vô tội bị kẻ ác áp bức phải đến đúng lúc.

Người bạn cũ và trung thành này có ảnh hưởng đối với Hoàng hậu, Nhà Vua và Hoàng hậu ra lệnh thả tự do tức khắc cho anh em Colombo. Đồng thời Hoàng hậu đã gửi một bức thư cho Colombo, có cả Nhà Vua cùng ký, ân hận vì những tổn thương mà thân thể và danh dự của ông đã phải chịu đựng. Hoàng hậu nói tiếp rằng ý đồ của mệnh lệnh của Hoàng gia đã không được giải thích đúng. Colombo được mời đến Granada càng sớm càng tốt, cùng với anh em của ông, tại đây anh em Colombo được đón tiếp tại một cuộc yến kiến với nghi thức công khai. Anh em Colombo được nhận hai nghìn đồng vàng ducat để họ có thể mua quần áo thích hợp.

Ngày 17 tháng 12 năm 1500 Colombo, Bartolomeo và Diego đã trình diện triều đình ở Alhambra tại Granada. Hoàng hậu đã cho họ một cuộc yến kiến đặc biệt. Theo truyền thuyết Hoàng hậu là người

bảo vệ kiên cường và trung thực Colombo trong khi Vua Ferdinando là một kẻ giả danh bảo vệ ông, chủ yếu là kẻ thù của ông. Sự miêu tả đó có chút ít sự thật trong đó. Trong cuộc yết kiến riêng, Colombo rõ ràng đã quỳ gối và òa lên khóc, nước mắt giàn giụa, Isabella cũng khóc. Trong dịp này, ít nhất sự hãnh diện bị tổn thương của Colombo có hai niềm an ủi, quan trọng nhất là thấy rất nhiều bản án chống lại ông bị phá trước mắt ông, như vậy người ta sẽ không nói gì về việc đó nữa. Niềm an ủi thứ hai là ý định rõ ràng của Hoàng gia bãi bỏ quyền Tổng trấn của Bobadilla và triệu hồi ông ta về Tây Ban Nha.

Tuy nhiên Vua và Hoàng hậu sẽ không phục chức cho Colombo, và cử một Tổng trấn lâm thời thay vào đó. Một điều tốt là sau những xúc cảm lớn mà ông phải chịu, Colombo có thể nghỉ và cố lấy lại sức khỏe. Và với thời gian qua đi, sự bất mãn trong những người định cư tại thuộc địa đã tan biến dần. Như vậy Bobadilla bị gọi về Tây Ban Nha, nhưng quyền lực, các đặc quyền và những chức vụ của Colombo không được khôi phục tại những vùng đất ông đã phát kiến. Mọi việc không giống trước năm 1500. Một cuộc đảo chính đã xảy ra trên đảo Hispaniola, nhưng nó thúc đẩy lợi ích của quốc gia Tây Ban Nha nên Vua và Hoàng hậu phải chấp nhận nó. Dù sự trân trọng, tình thân thiết và thậm chí lòng biết ơn của Hoàng hậu đối với nhà phát kiến nước ngoài lớn như thế nào chẳng nữa, nghĩa vụ đầu tiên của Isabella là thi hành trách nhiệm của mình với cương vị là Hoàng hậu, và lợi ích của quốc gia không cho phép trở lại quyền sở hữu chung kỳ quặc được xác lập trong những điều kiện nhượng bộ tại Santa Fe.

Trong khi đó, Vua và Hoàng hậu bị thu hút vào những vấn đề cấp bách hơn nhiều: chiến tranh với người Thổ Nhĩ Kỳ trong đó Venezia cũng có dính líu và những cuộc tranh chấp với người Pháp về Vương Quốc Napoli. Thời gian trôi đi, mang lại những chậm trễ mới và làm cho người ta bức dọc. Con đường Colombo mà Vua và Hoàng hậu đã cam kết giữ bí mật để bảo đảm độc quyền của Hoàng gia và Colombo và những người thừa kế của ông, đã trở thành công khai và ai cũng biết. Tôi đã nói rằng một số người đã đi cùng với Colombo trong nhiều chuyến đi biển - Vicente Yanez Pinzón, Pero Alonso Nino, Juan de la Cosa, và Alonso de Hojeda - đã yêu cầu và được Hoàng gia cho phép thực hiện những chuyến đi bằng những tiền riêng của họ sang những vùng đất bên kia Đại Tây Dương. Một

trong những hậu quả lớn của cuộc đảo chính tháng 10 năm 1500 tại Santo Domingo là xóa bỏ những khoản nợ mà những người này phải trả cho Colombo về những cuộc đi của họ. Luận điểm này đã ủng hộ lời giải thích của tôi về việc bắt Colombo. Đây không phải là một cuộc mạo hiểm hay sự kiện, mà là một cuộc đảo chính thực sự, trong đó lợi ích của quốc gia Tây Ban Nha chiếm ưu thế đối với những đòi hỏi bồi thường của Colombo và gia đình ông.

Những cuộc vượt biển mở rộng và hoàn chỉnh cuộc phát kiến vĩ đại không phải là những cuộc đi chơi tầm thường. Mỗi mùa những cuộc đi đó đều chứng minh cuộc phát kiến là quan trọng và có ý nghĩa hơn, chứa đầy những hậu quả đối với Tây ban Nha, được biết khi xét những hoạt động mạnh mẽ của người Bồ Đào Nha và ngay cả những sáng kiến mới của người Anh. Những đòi hỏi quyền lợi của Colombo trở nên càng ngày càng lỗi thời. Cuộc đảo chính năm 1500 đã phủ nhận những đòi hỏi đó một cách thẳng thừng, nhưng có thể hiểu được về mặt chính trị. Phải có cuộc đảo chính đó để làm mất hiệu lực mọi quyền lợi còn sót lại.

Khi chuẩn bị những điều kiện nhượng bộ tại Santa Fe, Vua và Hoàng hậu đã nghĩ về Trung Quốc, Nhật Bản và nhất là Ấn Độ, những lãnh thổ rộng lớn nhưng được tổ chức thành những quốc gia độc lập có vua, có cơ cấu chính trị và những tổ chức thương mại riêng của họ. Tổ chức kinh doanh trong những niềm hy vọng như vậy khiến việc nhận cho người lãnh đạo cuộc đi biển và những cuộc phát kiến được hưởng 10 phần trăm là điều rất dễ hiểu. Nhưng khi chuẩn bị những điều kiện nhượng bộ, không một ai, kể cả Colombo, biết trước rằng những vùng đất mới hoàn toàn không có tổ chức kinh tế và cơ cấu chính trị có hiệu quả sẽ được phát hiện. Kết quả không phải là kinh doanh đơn thuần mà là thôn tính hoàn toàn. Những chức vụ Đô đốc, Phó vương và Tổng trấn suốt đời đã hứa hẹn, cũng không có hiệu lực; việc ban những chức vụ này đương nhiên giả định trước khả năng thực thi những chức vụ đó, điều mà Colombo đã không làm được ngay cả trên hòn đảo Hispaniola đơn độc này.

Colombo giữ lại những chức danh của ông nhưng không còn quyền lực. Ngày 3 tháng 9 năm 1501, Vua và Hoàng hậu cử Nicolas de Ovando làm Tổng trấn và quan tòa tối cao những đảo và đại lục giữa Bắc và Nam Mỹ, trừ những phần đất liền nhất định đặt dưới

quyền Vicente Yanez Pinzón và Alonso de Hojeda. Ovando không được ban những chức vị Phó vương và Đô đốc nhưng việc đề bạt ông có ý nghĩa là quyền lực và những đặc quyền của Colombo đã đổ vỡ dứt khoát. Nhưng bộ duy nhất mà Colombo đạt được là một lệnh cho Bobadilla cung cấp một bản kiểm kê tài sản của ông và quyền được cử một người ông tin cậy đến Hispaniola, trong đoàn tàu của Ovando, để thu lượm phần lợi nhuận buôn bán và khai mỏ vàng của ông. Colombo đã chỉ định người thuyền trưởng trung thành, Alonso Sanchez de Carvajal và ông này đã hoàn thành sứ mệnh một cách khéo léo, chu đáo và có hiệu quả.

Ovando rời Cádiz ngày 13 tháng 2 năm 1502. Vào lúc này Colombo sẽ khôn ngoan hơn nếu ông bằng lòng với những hàng hóa ông đã có được và từ bỏ các quyền của mình để đổi lấy một địa vị chắc chắn, hàng hoàng, có lẽ một khoản lương hưu lớn và một lâu đài mà Vua và Hoàng hậu sẽ cho ông tại Vương quốc Granada mới được chinh phục. Nhưng Colombo không phải là con người làm như vậy; giả thiết nếu bản chất của ông là như thế thì ông đã không phát kiến ra châu Mỹ.

CHUYẾN ĐI THỨ TƯ: “ĐỂ HOÀN THÀNH VIỆC CHƯA HOÀN THÀNH”

Colombo không về nghỉ ở một lâu đài và hưởng của cải ông đã kiếm được. Trong tâm trí ông, không có chỗ cho bất cứ nơi nào, ngoài thế giới mà ông đã phát kiến. Ông bị ám ảnh bởi ý nghĩ ông đã không thực hiện đầy đủ giấc mộng của mình, kế hoạch ban đầu của mình. Hiện giờ ông bận tâm làm sao hoàn thành được công việc chưa hoàn thành là cuối cùng phải tới được Ấn Độ. Ý nghĩ này luôn theo đuổi ông và như vậy Colombo nghĩ đến thực hiện cuộc phát kiến cuối cùng, một cuộc thăm dò mới về biển cả, lúc này không còn gì là mới nữa, bao quanh những đảo và đất liền bên kia Đại Tây Dương. Ông đã trông thấy ở bên kia Đại Tây Dương về phía nam đường xích đạo, một lục địa khổng lồ, đẹp. Và cũng có đất ở bên kia Đại Tây Dương, phía bắc đường xích đạo; những người Taino ở Hispaniola, Jamaica và Cuba đã nói về vùng đất ấy, và họ không nói dối. Bây giờ tin tức đã tới Tây Ban Nha nói rằng một người Liguria, vào quốc tịch Anh, tên là John Cabot, đã phát hiện ra đất liền trên vĩ độ nước Pháp. Nếu tất cả những vùng đất này thực sự nằm trên rìa phía đông châu Á - như người ta vẫn tưởng - thì phải có một lối đi sang Ấn Độ Dương ở một nơi nào đó.

Người châu Âu một thời đã tin là có một eo biển ở rìa cực Đông-Nam của châu Á. Đó là eo biển Cattigara (ngày nay là Eo biển Malacca) giữa bán đảo Mã Lai và Sumatra, con đường biển ngắn nhất, thực tế là con đường duy nhất, cho tàu bè qua lại từ biển nam Trung Hoa (ngày nay chúng ta biết là một phần của Thái Bình Dương) tới vịnh Bengal và Ấn Độ Dương. Eo biển dẫn đến Ấn Độ

phải ở một nơi nào đó. Điều đó vẫn là một vấn đề bí ẩn, một vấn đề làm lao tâm khổ tứ hơn bao giờ hết. Cuộc đi biển lần thứ tư sẽ được thực hiện không phải để tìm ra những vùng đất mới. Cuộc đi đó phải có một mục tiêu duy nhất: phát hiện ra eo biển giữa biển Trung Hoa với Ấn Độ Dương và tới Ấn Độ.

Một sự phát triển mới quan trọng đã làm dự án được chú ý nhiều về mặt chính trị: Người Bồ Đào Nha đã tới Ấn Độ bằng cách đi tàu biển về phương Đông. Đầu tháng 9 năm 1499 đầu tàu nhỏ của Vasco da Gama ra đi hai năm trước, lại vào Tago và đến Calicut của Ấn Độ, thị trường hương liệu nổi tiếng. Mặc dù dài, con đường này đã mở rộng và đầy hứa hẹn. Kết quả việc làm của Colombo không được hâm mộ vì việc tìm ra con đường ngắn dễ dàng, đi về phương Tây và tới Ấn Độ trước người Bồ Đào Nha không có gì lôi cuốn. Tuy nhiên Colombo không bỏ ý định. Ông đã viết thư cho Đức Giáo hoàng yêu cầu có những thầy tu để dạy Kinh Phúc Âm cho người Indians, hy vọng Đức Giáo hoàng có thể thuyết phục những nhà vua Công giáo cung cấp tàu biển cho ông. Nhưng Alexander VI đang có những vấn đề khác để toan tính. Rồi Colombo viết một luận án ngắn về nghệ thuật đi biển, dưới hình thức một bức thư gửi cho Vua và Hoàng hậu. Mục đích của ông là thuyết phục Vua và Hoàng hậu tin cậy ông và cho ông những tàu biển.

Colombo đã không thành công bằng những phương pháp gián tiếp này. Ông chỉ thành công khi ông quyết định thảo ra một kế hoạch chi tiết về một chuyến đi mới. Ông đã làm như vậy trong một giác thư đề ngày 26 tháng 2 năm 1502, không may hiện nay đã thất lạc. Tuy nhiên để tưởng tượng bức giác thư đó chứa đựng những gì: một đề nghị tìm eo biển đi từ biển Trung Hoa đến Ấn Độ Dương; Colombo đã vẫn coi biển Caribe là biển Trung Hoa, Vua và Hoàng hậu trả lời tán thành ngay tức khắc. Một mặt Vua và Hoàng hậu muốn thoát khỏi con người bấy giờ đã trở thành một gánh nặng đối với họ; mặt khác họ nghĩ rằng có lẽ chỉ một người thông minh như Colombo mới có thể giúp họ đến được vùng Ấn Độ mà người Bồ Đào Nha đã tới. Thế là ngày 14 tháng 3 năm 1502, Vua và Hoàng hậu đã đồng ý rõ ràng đối với chuyến đi thứ tư của Colombo. Trong một bức thư lịch sự và dâng bực, Vua và Hoàng hậu nói rằng việc bỏ tù Colombo làm cho họ đau buồn; họ muốn và cần ông luôn luôn được đối xử trong vinh dự,

không ai được đụng đến những đặc quyền của ông và, nếu cần thiết, phải được khẳng định để ông và những người thừa kế của ông có thể hưởng thụ một cách tự do. Tuy nhiên, trước mắt Colombo đã không thể thực hiện những chức năng đáng lẽ có thể thực hiện do những đặc quyền của ông - điều này không được nói rõ nhưng có hàm ý một cách rõ ràng.

Trong bức thư Vua và Hoàng hậu không nêu mục đích cơ bản của chuyến đi là tìm con đường đi đến Ấn Độ. Nhưng một bức thư gửi cho Vasco da Gama “thuyền trưởng của Vua Portugal hết sức trong sáng, con của chúng tôi” được trao cho Colombo, nói một cách rõ ràng rằng Đô đốc “Cristóbal Colón” (tức Cristoforo Colombo) cùng đi tới cùng một nước, bằng cách đi về phía tây, “và có khả năng ông sẽ gặp Gama trên đường đi”. Như vậy chắc chắn Vua và Hoàng hậu đã đồng ý dự án tìm ra một eo biển và trở về Tây Ban Nha bằng con đường của Gama.

Để tránh những cuộc xung đột mới và có thể tiên đoán được, Colombo bị cấm đổ bộ tại Hispaniola trên chặng đi ra của cuộc vượt biển này. Chỉ trong trường hợp cuộc đi tỏ ra không thành công và Colombo phải quay trở về bằng con đường mà ông ta đã đến, ông mới được phép dừng lại tại Hispaniola, và chỉ “khi có vẻ cần làm như vậy”. Từ điều kiện này, có thể hiểu là nếu kế hoạch không thất bại và nếu Colombo không buộc phải trở về bằng con đường Hispaniola, thì kế hoạch đó không chỉ tìm ra con đường đi sang Ấn Độ mà còn đi vòng trái đất nữa (những nhà sử học đã không chú ý đầy đủ đến điểm này). Đúng như thế!

Việc chuẩn bị cho chuyến đi thứ tư đã tiến hành với tốc độ khác thường và ngày 9 tháng 5 năm 1502, một hạm đội nhỏ gồm bốn tàu đã đi từ Cádiz. Có 150 người, trong đó có người con trai của Colombo, Fernando, mười ba tuổi và Bartolomeo. Diego đã chán ngấy những sự kiện trên đảo Hispaniola nên đã chọn cuộc sống tôn giáo và ở lại Tây Ban Nha. Cuộc vượt biển này là cuộc đi nhanh nhất trong tám lần Colombo đã thực hiện. Chỉ sau mười sáu ngày, ngày 15 tháng 6 ông đã đến St. Lucia tại quần đảo Tiểu Antilles. Từ đó ông đã tới Martinino; tại đây thủy thủ được lên bờ để giặt quần áo, nghỉ ngơi và bổ sung nước, gỗ và thức ăn. Ba ngày sau, bốn tàu đã đi. Đi dọc theo bờ biển vòng cung quần đảo Tiểu Antilles, ngày 24 tháng 6

họ đã tới ngoài khơi bờ biển phía nam Puerto Rico. Ngày 29 tháng 6, họ ở ngoài khơi Santo Domingo. Colombo biết việc Vua và Hoàng hậu cấm đổ bộ lên Hispaniola, nhưng ông lấy lý do ông phải đổi một chiếc tàu tỏ ra chậm và cột buồm không tốt. Đây là trường hợp tiêu biểu về hoàn cảnh ép buộc, điều mà thủy thủ gọi là bị ép buộc dừng lại. Tại Santo Domingo có sẵn một số tàu. Nếu Colombo không thể đổi chiếc tàu, ông sẽ mua, hoặc thuê một chiếc khác bằng tiền riêng của ông.

Từ trước đến giờ tôi đã theo việc kể lại cuộc đi do don Fernando và Las Casas cung cấp. Tuy nhiên, ta không khỏi nghi ngờ rằng Colombo nói quá sự thật để có thể đặt chân lên thủ đô của những vùng Đất Mới, những vùng đất mà “do ý chí của Chúa và bằng lao động cực nhọc, ông đã chinh phục cho đất nước Tây Ban Nha”. Có một lý do khác nữa khiến ông muốn dừng lại tại Santo Domingo: Ông đã cảm thấy một cơn bão sắp đến. Về cơn bão này tôi sẽ đề cập đến ở chương cuối, nói về tài đi biển của Colombo. Bây giờ chúng ta quan tâm đến ngày 29 tháng 6. Vào ngày đó, Colombo đã ra lệnh dừng, không thả neo, tại một hải lý ở bên ngoài cảng Santo Domingo. Colombo cử Pedro de Terreros trung thành lên bờ; trong chuyến đi thứ ba, cùng Pedro de Terreros đã được cử lên bờ, ở Paria trên đất liền để chiếm lĩnh cho các vua Công giáo khi Colombo bị ốm vì bệnh thấp khớp và viêm mắt.

Terreros trở về với một câu trả lời thô bạo. Lệnh của nhà vua là không được đổ bộ lên Hispaniola và Ovando không có ý định vi phạm điều đó. Colombo tức điên người. Tuy nhiên qua Terreros ông biết rằng hầu hết ba mươi hai chiếc tàu đến với Ovando đang ở trong cảng, sẵn sàng đi về Tây Ban Nha, chở nhiều vàng, Colombo đã gửi một bức thư, nói rằng việc xuất phát của họ cần hoãn lại ít nhất tám ngày vì một trận bão lớn sắp xảy ra. Không thể vào cửa sông Ozama để tránh bão, nay là hải cảng Santo Domingo; Colombo lo lắng tìm nơi trú ẩn khác cho bốn chiếc tàu của ông cách đó một vài dặm về phía tây, dọc theo bờ biển, tại một nơi được bảo vệ từ phía bắc và phía tây.

Tất cả bốn chiếc tàu của ông đều qua khỏi trận bão và Colombo lại khởi hành ra biển. Ông định đi vào vùng chưa được khảo sát của vùng Biển Caribe, đinh ninh rằng đi về phía tây ông sẽ tìm thấy lục

địa, và đi dọc bờ biển lục địa đó cuối cùng ông sẽ tìm thấy eo biển đi đến Ấn Độ Dương và những vùng India. Ông không còn quan tâm tới Cuba, Jamaica cũng thế. Tuy vậy ngày 17 tháng 7, trong cảnh yên tĩnh phẳng lặng, dòng nước biển đã đưa những con tàu đi về phía nam đông-nam tới rìa phía đông đảo Jamaica, những Núi Xanh (Blue Mountains) lộng lẫy hiện ra trong phạm vi tầm nhìn. Từ đó gió đông-nam và dòng nước xích đạo đã đẩy những con tàu về phía tây-bắc. Nhưng ngày 27 tháng 7 gió bắt đầu thổi từ đông-bắc, và những con tàu đã đi 360 dặm trong 3 ngày, khi một thủy thủ trông thấy một ngọn núi xanh đẹp. Đó là đảo Guanaja, trong vịnh Honduras. Những tên cướp biển người Anh định cư trên đảo từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX đã xây dựng thủ đô của họ trên những cọc trong phá nước mặn để phòng thủ khi bị tấn công. Tại đó, ngày nay vẫn còn dân cư.

Thành phố Guanaja hiện nay trông giống như một Venizia thu nhỏ, những nhà gỗ, theo một kiểu kiến trúc đặc sắc lai Anh. Trên đảo không có nhà ở, chỉ có nghĩa địa, bàn bè và gia đình đưa người chết đến đó trong một đám rước trên thuyền. Ngày nay như thế và thời của những tên cướp biển cũng như thế. Khi người Tây Ban Nha bắt đầu những cuộc lùng sục trừng phạt, những tên cướp biển đưa phụ nữ, trẻ em, những đồ châu báu và thức ăn của họ lên những chiếc thuyền, đi theo eo biển tới bờ biển phía bắc, Playa de los Soldados. Trên cạnh phía tây của đảo có một cái dốc rất phù hợp cho sự phòng ngự lâu dài, cao hơn một nghìn ba trăm thước Anh, có rừng, hang động, vịnh nhỏ, những con suối và cây ăn quả.

Bartolomeo đã đổ bộ lên đây ngày 31 tháng 7 năm 1502. Colombo bị bệnh thấp khớp nên ở lại trên tàu. Cùng ngày đó một chiếc thuyền độc mộc lớn đục từ một cây gỗ có kích thước khổng lồ đã đến vịnh, nơi các tàu Tây Ban Nha thả neo. Chiếc thuyền này dài bằng một chiếc thuyền buồm và rộng tám thước Anh, có nơi trú ẩn cho phụ nữ, trẻ em và cả hàng hóa khỏi bị nước biển và mưa. Hơn bốn mươi người trên thuyền, hai mươi năm người đàn ông, cộng với phụ nữ và trẻ em như don Fernando nói trong cuốn *Lịch sử*. Hàng hóa của chiếc thuyền gồm có những chiếc áo khoác bằng lông và những sơ mi lớn không có tay, mẫu mã kỳ lạ, màu sắc sặc sỡ, những chiếc khố có màu sắc lòe loẹt, giống những chiếc khố ở Granada; những thanh kiếm bằng gỗ cả hai lưỡi đều có chạm đá lửa,

hoặc đá núi lửa sắc như thép; những chiếc rìu và những cái chuông, những lưỡi dao cạo và dao thái bằng đồng; những cán bễ và lò để làm đồng; và những rìu nhỏ bằng đá, màu vàng sáng loáng có chuôi bằng gỗ. Những sản phẩm này rõ ràng là của một nền văn hóa tiên tiến hơn mọi thứ mà Colombo đã phát hiện trong những chuyến đi biển trước. Thức ăn trên thuyền cũng giống thức ăn ở Arawak - ngô, khoai lang, củ từ - nhưng một cái mới là đồ uống ủ men có mùi bia của Anh. Và nhất là có nhiều lạc “hạnh nhân cacao” mà những người trên thuyền lớn dùng làm tiền để buôn bán với những người Indians ở trong làng.

Kích thước và cách trang trí nổi bật của chiếc thuyền, số lượng sản phẩm, sợi dệt, kỹ xảo về đồng, đá và gỗ, việc sử dụng tiền làm phương tiện trao đổi - tất cả những điều này cho ta thấy đại thể một nền văn hóa rất khác những nền văn hóa đã gặp trước. Cuối cùng Nhà Phát kiến đã thấy những dấu hiệu của một nền văn hóa lớn. Đàn ông, đàn bà và trẻ em trong chiếc thuyền lớn là những người Maya, chính xác là những người Chontal Maya. Họ sống ở góc Đông-Nam của Vịnh Campeche; vịnh này tách Yucatán khỏi phần còn lại của Mexico. Quen với việc tìm một cách dễ dàng đường đi trong cái mê hồn trận đường thủy và những bãi lầy, những người Chontal Maya sử dụng thuyền rất thành thạo. Vì thế những người Aztecs gọi đất của những người Maya là “Xứ sở của thuyền độc mộc”.

Họ hoạt động ở vùng biển bán đảo Yucatán. Hàng hóa của họ vận chuyển trên đất liền từ những cao nguyên của Mexico tới những cảng của Tabasco, một trong những bang của Mexico hiện nay vẫn có những người Maya sinh sống. Tại đó họ chở đầy những thuyền lớn rồi đi dọc theo bờ biển Yucatán, đi từ nam đến bắc trên bờ biển phía tây và từ bắc xuống nam trên bờ biển phía đông cho đến khi họ đến bờ biển Mopan (ngày nay là miền Nam Belize), Guatemala và Honduras. Ở đây người Chontal Maya có những cơ sở buôn bán, một trong những cơ sở đó là làng Playa de los Soldados trên đảo Guanaja. Những người Chontal Maya mang hàng của họ đến đây và trước hết đổi lấy cacao từ đất liền Honduras.

Những mặt hàng bằng đồng trong chiếc thuyền lớn có lẽ từ miền trung Mexico đến, sợi là những sản phẩm của Yucatán, có được thông qua việc đổi hàng lấy hàng trên dọc đường. Nhưng như

Colombo đã nhận thấy nếu tất cả những hàng hóa này chỉ rõ “của cải, nền văn minh và công nghiệp” cho tới lúc đó chưa biết, cacao (nói đúng hơn là hạnh nhân cacao) đáng được bàn riêng. Colombo nhận ra tầm quan trọng của việc tìm ra cacao hay không? Rõ ràng không. Người ta có thể nói Colombo đã tìm ra ngô, hạt tiêu, khoai lang, sắn, dừa và nhiều cây khác nhưng không nói đến ca-cao, vì ông đã không nhận thấy tầm quan trọng của cây đó. Colombo cũng như những người cùng đi với ông trong chuyến đi thứ tư đều không mang về tin tức gì về loại cây đó cho thế giới Công giáo. Tin đó chỉ đến với cuộc chinh phục Mexico của Tây Ban Nha mấy năm sau.

Colombo rất muốn thay đổi một phần những kế hoạch của ông và theo những người trong thuyền độc mộc. Nếu ông làm như vậy thì ông đã tới được Yucatán, và ông đã được thấy những đài kỷ niệm và phát hiện ra nền văn minh Mexico, cùng với nền văn minh Peru, có sức hấp dẫn lớn đối với nước Châu Mỹ ít nhất trong ba thế kỷ. Ông đã không làm điều mà những nhà sử học cho rằng ông nên làm. Ông nghĩ sau này ông có thể dễ dàng đến thăm đất nước mà những người trên ca nô đến đây đã lợi dụng gió xích đạo thổi từ Cuba đến nước đó. Bây giờ ông có ý định tìm con đường sang Ấn Độ Dương, việc này ông chỉ có thể thực hiện bằng cách đi xa hơn về phương nam. Trong thời tiết tốt, người ta có thể trông thấy bờ lục địa từ đảo Guanaja. Colombo phải đi theo dọc bờ biển đó nếu ông muốn tìm đường sang Ấn Độ, điều ông đã từng mong ước thiết tha. Vì vậy ông chỉ mua được hàng hóa của những người Maya có trên thuyền, bán những chiếc chuông nhỏ thông thường, những gương soi nhỏ và những đồ vật không có giá trị khác. Colombo ngạc nhiên vì sự khiêm tốn của những người phụ nữ, họ không giống những người đã gặp trước đây, họ ăn mặc kín đáo, thậm chí che mặt như những tín đồ Hồi giáo ở đảo Granada, Colombo ra lệnh cho người của ông phải tôn trọng họ. Ông cưỡng bức giữ người chỉ huy chiếc thuyền lại, một ông già tên là Giumbe, sau đặt tên lại là Juan Pérez. Ông ta thông minh nhanh nhẹn nên trở thành một phiên dịch viên rất hữu ích.

Trong tuần lễ thứ hai của tháng 8 năm 1502, sau khi đi qua nhiều đảo lớn và nhỏ, cuối cùng Colombo đã tới lục địa Bắc Mỹ. Những người dân ở đây mặc những chiếc áo nhuộm màu không có tay và “những chiếc khố nhỏ ở những phần kín của cơ thể họ”. Nhưng chi

tiết có ý nghĩa nhất là những chiếc áo chên mặc sát người, hoặc áo vét-tông có nhồi bông dày, don Fernando gọi đó là những “áo giáp bằng bông”. Những áo chên này - không trông thấy trong ba cuộc đi biển lần trước, ở trên những đảo Caribe cũng như ở Venezuela - cũng giống những chiếc áo do những người đàn ông trên chiếc ca nô tại Guanaja mặc và bán. Những áo đó là dấu hiệu của một nền văn minh tiên tiến, nền văn minh Maya, trải rộng trên một diện tích đáng kể trên lãnh thổ nước Cộng hòa Honduras ngày nay - Copán là một trong những địa điểm khai quật khảo cổ lớn về người Maya - nửa đường tới bờ biển Đại Tây Dương của Honduras. Theo don Fernando, đường biên giới giữa nền văn hóa Maya và những người man rợ là vùng Punta Caxinas, ngày nay là Caô Honduras và Trujillo.

Ngày Chủ nhật, 14 tháng 8 năm 1502, những tàu biển đã thả neo tại cửa một con sông lớn. Colombo bị ốm. Bartolomeo đi lên bờ “với những lá cờ, những thuyền trưởng và nhiều thủy thủ để dự lễ Misa”. Ngày thứ tư tiếp theo, 17 tháng 8, người Tây Ban Nha chính thức chiếm quyền sở hữu dưới danh nghĩa Vua và Hoàng hậu Công giáo. Lần này Colombo biết đó không phải là một hòn đảo mà là một lục địa. Như vậy chính ở Honduras nước Tây Ban Nha đã nhận quyền cơ bản đối với toàn bộ Trung Mỹ nhờ có Colombo và Bartolomeo. Sau khi chiếm quyền sở hữu, người Tây Ban Nha ra đi, quay mũi thuyền về hướng đông. Đáng lẽ họ phải đi dọc theo bờ biển tới một mũi đất, tại đó bờ biển quay về hướng nam - như Giumbe đã nói và những người Indians khác khẳng định. Làm như vậy không khó, nhưng lần thứ hai, Colombo đã phải đương đầu với một chuyến đi dọc theo bờ biển chật vật nhất trong lịch sử hàng hải. Lần thứ hai nhưng trong những bối cảnh hoàn toàn khác. Tháng 12 năm 1493 họ phải đậu tại chỗ ở phía bắc đảo Haiti, còn chuyến đi dọc bờ biển Honduras vào tháng 8 và tháng 9 năm 1502 thì quanh co vì lý do ngược lại: bão liên tiếp không dứt. Đi 170 dặm hết 26 hay 28 ngày.

Chỉ đến ngày 12 tháng 9, những chiếc tàu mới tới một nơi bờ biển hạ thấp xuống phía nam hàng trăm dặm. Chỗ này bây giờ vẫn còn gọi là Capo Gracias a Dios (“Mũi đội ơn Chúa”), một cái tên chỉ có kinh nghiệm của Colombo mới biện hộ được. Colombo cảm ơn Chúa vì những cơn bão và gió ngược chiều cuối cùng đã hết và bờ biển quay về phương Nam. Ông đã có ý định đi về hướng nam nên

ông quyết định không đi theo chiếc ca nô của người Maya khi nó quay trở về. Mục tiêu thèm khát của ông là tìm thấy eo biển ở phương nam.

Đi vòng mũi Gracias a Dios, những tàu đi dọc theo bờ biển Đại Tây Dương của Nicaragua ngày nay. Chúng theo bờ biển, vượt qua biên giới giữa Nicaragua và Costa Rica ngày nay. Ngày 25 tháng 9, tới bờ biển Đại Tây Dương thuộc Costa Rica đầy núi non, một vùng mà người Indians gọi là Cariai. Tại đây, họ dừng lại, được che chở bởi một hòn đảo đầy ánh nắng có những cây chiêu liêu^[*] và cây cọ bao phủ. Colombo đặt tên đảo là Huerta (“Vườn cây ăn quả”) và quyết định ở lại một thời gian để chữa tàu và cho những người trên tàu nghỉ ngơi. Hải cảng Limon là cửa ngõ của Costa Rica và nơi buôn bán ở Đại Tây Dương. Hòn đảo Colombo đặt tên là La Huerta nằm trong vùng vịnh Limon. Đảo đó gọi là Uva (“Nho”) hay Uvita trong nhiều thế kỷ, đến năm 1985 tên do Colombo đặt lại được phục hồi.

Cũng như ở Guanaja, Colombo đã tới ngưỡng cửa của một xã hội tân tiến. Trên những cao nguyên một nền văn minh đặc sắc đã nảy nở, một trong những nền văn hóa Trung Mỹ trong thế kỷ XV đã đạt đến trình độ phức tạp về công nghệ và cũng có những cơ cấu xã hội phát triển cùng sự tiến bộ về trí tuệ - ngày nay là trung tâm của một trong những quốc gia tiến bộ nhất tại Tân Thế Giới. Ở đây lần đầu tiên trên đất Mỹ người ta thấy một ngôi nhà bằng gỗ lớn và những ngôi mộ xây dựng với kỹ xảo tinh vi. Lời bình luận của ông có ý nghĩa: “Những người Indians này thông minh hơn bất cứ những người nào khác tại những vùng đất đó”.

Tất cả những điều này quan trọng đối với lịch sử cuộc phát kiến vĩ đại nhưng không quan trọng đối với tiểu sử Colombo. Ông đã viết thư cho Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha: “Trên đồi, tôi đã trông thấy một ngôi mộ to như một ngôi nhà, tất cả đều chạm trổ, tôi còn nghe nói đến những tác phẩm nghệ thuật ưu việt khác”. Chỉ hai dòng, tuy nhiên ông đã để mười dòng để diễn đạt một cuộc đấu giữa một con lợn (thực tế là con lợn lòi) và một con khỉ đột. Việc phát hiện những dấu hiệu về nền văn hóa tiên tiến nhất tại những vùng Đất Mới không làm cho Colombo xúc động, vì ông khẳng khẳng trong niềm tin rằng

ông vẫn ở châu Á và tìm ra những dấu hiệu về nền văn minh châu Á thì không có gì lạ. Marco Polo đã tìm thấy nhiều nền văn minh hơn và những nền văn minh đó tốt đẹp hơn nhiều; ông sẽ tìm thấy như vậy. Nếu những phát kiến mới dẫn đến một cái gì thì đó là trái với điều mà những nhà sử học hiện đại mong chờ. Colombo giải thích những dấu hiệu này để khẳng định thêm rằng ông đang ở châu Á, vì vậy chúng tăng cường thêm quyết định của ông tiếp tục đi dọc theo bờ biển để cuối cùng tới eo biển dẫn đến vịnh Bengal và Ấn Độ.

CHIRIQUÍ: GIẤC MỘNG TAN VỠ.

Khi tới Laguna di Chiriquí, Colombo cảm thấy cuối cùng ông ta đã tìm ra eo biển. Vịnh Cerabora chưa phải là biển cả dẫn đến một phần khác của đại lục và cũng chưa phải là vịnh Bengal. Nhưng có những dấu hiệu rõ ràng là có eo biển xuất phát từ đó; và người Indians đã nói rõ và ra hiệu qua hai người phiên dịch, rằng ở phía tây có biển. Colombo cảm thấy vui hơn là hy vọng, ông có thể nắm được thắng lợi của mình sau tất cả sự lưỡng lự trước đây lo lắng.

Sự phát triển trên đảo Cerabora (ngày nay là Isla de Colón) có vàng, vàng nguyên chất, mười tám ka-ra hay cao hơn, đã làm cho những ngày mệt nhọc đó thêm vui mừng và thắng lợi. Không phải họ chỉ tìm thấy vàng. Don Fernando và Las Casas nói rằng: “Trong kênh họ bắt được rất nhiều cá, và trên bờ rất nhiều động vật”, cũng như thu lượm một số lớn “những thứ ăn được”, trong đó có những con kỳ nhông, ngô và hoa quả.

Những con tàu của Colombo ra đi ngày 8 tháng 10 để tìm eo biển dẫn đến đại dương khác. Họ đã tìm thấy eo biển đó, có lẽ nhờ những chỉ dẫn của người bản xứ. Thực ra họ đã tìm thấy hai eo biển, Sunwood và Split Hill. Eo biển thứ nhất dài, hẹp và sâu nhưng bị tắc nghẽn vì những cây đước - hay ít nhất ngày nay mới như thế; Split Hill rộng và thoáng đãng hơn. Don Fernando nói rằng: “Tàu đi giữa những đảo nhỏ, tựa như chúng đang đi dọc các phố. Eo biển hẹp đến nỗi lá cây quệt vào thừng chằng cột buồm và buồm của tàu.” Những tên Anh là do người da đen ở Jamaica, hoặc những tên cướp biển thế kỷ thứ XVII đặt cho. Hiện nay Vịnh Cerabora gọi là Bahía de Almirante với những đảo nằm chằng chịt dày đặc và trở thành nơi ẩn náu lý tưởng cho những tên cướp biển.

Theo ngư dân địa phương, eo biển Split Hill sâu từ mười đến bốn mươi thước Anh. từ Bahía de Almirante eo biển này chạy theo

hướng bắc-tây-nam, có một số bờ cát không nguy hiểm vì người ta có thể trông thấy chúng ở bên phải, hoặc trên đất liền. Eo biển sâu, tàu có thể qua được ở bên trái, hoặc chạy sát đảo. Bờ bên này cao và dốc hơn, có cây cao dày đặc bao phủ. Việc nghiên cứu nhiều tài liệu đã cho tôi có những cảm giác mà cách đây năm thế kỷ chắc Colombo thể nào cũng phải có, vì nó chỉ thay đổi chút ít. Một số lùm cây đước có lẽ đổi khác đi, nước có lẽ sâu hơn hay nông hơn ở nhiều chỗ. Theo hoa tiêu của tôi, cách đây mấy năm, eo biển Split Hill không rộng như bây giờ ở đầu tây-nam. Nơi ngày nay là một bờ cát thì trước đây là một mũi đất có những cây đước bao phủ. Vùng xung quanh cũng như thế. Thời gian và nền văn minh đã không làm thay đổi hai phá nước mặn và những vùng xung quanh đẹp đẽ này. Những thứ mới duy nhất là những cây dừa và những cây muỗm, nhưng chúng bị che khuất trong đám cây dày đặc, chằng chịt, tất cả vẫn gọi như với ma thuật của vùng biển Caribe.

Tàu đi giữa những đảo nhỏ và những cây đước dọc theo rìa phía nam của Bahía de Almirante và cuối cùng đi vào eo Split Hill. Ta có ấn tượng như đã rời biển cả và đi vào một vùng chưa bao giờ biết. Nhưng bỗng nhiên ở bên kia, ngọn đồi như tách ra, ở phía ngoài những cây cao và những cây đước thấp, xuất hiện một phá nước mặn rộng lớn khác. Ngày nay phá đó gọi là Laguna de Chiriquí. Nó rộng khoảng mười lăm dặm và dài khoảng ba mươi dặm; nước màu xanh da trời, hơi xanh lá cây và mặn như nước đại dương. Những ngọn núi màu xanh lá cây thẫm bao quanh phá nước, màu xanh lá cây thẫm của những đỉnh rừng nhiệt đới. Những ngọn núi thuộc dãy Cordiglera Central, đỉnh cao nhất 11.400 thước Anh. Người ta rất khó trông thấy những đỉnh núi vì mây dày đặc. Tháng 10, Colombo đang ở đó, thời tiết thường tốt hơn những tháng khác trong năm. Lượng mưa trung bình hàng năm trong thời kỳ 1920-1980 là 100 inches. Lượng mưa đó đã có lúc cao tới 146 inches (năm 1950) và 155 inches (năm 1970). Tháng ẩm ướt nhất là tháng 12 (trung bình 13 inches), tháng khô nhất là tháng 9 (trung bình 4 inches), nếu người ta có thể gọi đó là tháng khô nhất vì độ ẩm luôn luôn rất cao.

Ta có thể nói rằng Colombo đã may mắn đến đó trong thời tiết tốt. Nhưng ngay cả trong khi trời hoàn toàn trong Colombo vẫn không nhận thấy rằng đó chỉ là một phá nước mặn. Ngày nay chúng ta biết

đó là phá nước mặn, mở về phía đông và đóng kín về phía tây, nhưng Colombo không thể không bị lừa bởi vì trong khi nước Bahía de Almirante yên tĩnh, thì nước ở Laguna de Chiriquí sóng động và mặn như đại dương. Khi thủy triều xuống, những đợt sóng chuyển động từ Tây sang Đông, làm ta có ấn tượng là phá quan hệ với biển cả không những về phía đông mà cả về phía tây. Trong một vài ngày - hay một vài giờ - Colombo hy vọng rằng ông ta đã tìm thấy đường sang Ấn Độ. Đó là ngày 8 tháng 10 năm 1502. Gần tới ngày mười năm về trước Colombo đã trông thấy những dấu hiệu chắc chắn đầu tiên về đất liền ở bên kia Đại Tây Dương.

Colombo để ít nhất hai ngày, có lẽ ba ngày, để khảo sát những bờ cát của phá nước mặn bằng thuyền, đi tìm một eo biển giữa những ngọn núi trông thấy về phía tây và phía nam. Colombo, một thủy thủ lão luyện đáng lẽ phải nhận thấy ngay rằng phá nước mặn không phải là Ấn Độ Dương. Nhưng không có một con đường thông giữa những ngọn núi đó với Ấn Độ Dương hay sao? Colombo đã có kinh nghiệm với những con đường khác gần như không thể qua được: tại Địa Trung Hải, eo biển Messina, những eo biển giữa các đảo của biển Egeo, và eo biển giữa Chio và đất liền; trong vùng biển Caribe, những eo biển giữa các đảo Vergini, hai bờ rất gần nhau, vùng nước để làm người đi biển mắc lừa giữa Trinidad và Venezuela, eo biển Boca vừa vượt qua cách đây hai ngày và eo biển Split Hill mà ông mới đi qua. Chưa đầy hai mươi năm sau, Magellan đã tới qua một lối đi vào rộng, mà ngày nay gọi là vịnh Punta Arenas ("Điểm Cát"); ông đã tìm thấy eo biển nổi tiếng nhất thế giới giữa hai vách núi.

Năm cửa sông đổ vào phá nước mặn - Uyama, Róbalo, Guarumo, Guariviara và Cricamola - đã được khảo sát từng cửa một. Chỉ một hoặc hai ngày sau, vào ngày 10 hay 11 tháng 10, niềm hy vọng đã bị dập tắt. Không có cách lựa chọn nào khác ngoài việc quay trở lại biển cả, băng qua phá nước mặn lớn có hai lối ra phẳng lặng. Sự thất vọng là, sâu sắc, chua cay và hoàn toàn. Colombo đã bỏ mục tiêu chính của chuyến đi biển thứ tư.

Đây là một thời kỳ quyết định, thời kỳ thay đổi đột ngột trong kế hoạch chiến lược của ông. Thời kỳ này kéo dài mười ngày, từ 6 đến 16 tháng 10 năm 1502. Trước đây không một học giả nào về Colombo

có thể xác định một cách chính xác thời gian của bước ngoặt quan trọng này trong suy nghĩ của Colombo, đơn giản vì việc đó không thể thực hiện được, nếu không đích thân khảo sát những nơi xảy ra những sự kiện này. Chỉ bằng nghiên cứu trực tiếp tôi mới có thể hiểu những gì đã xảy ra từ 5 đến 16 tháng 10 năm 1502, và những gì đã tiếp diễn trong những ngày quyết định này trong tâm trí của Colombo và những hoa tiêu của bốn chiếc tàu.

Eo biển mà Colombo có thể đi qua để vào vịnh Bengal và từ đó tới Ấn Độ, không ở đó, hoặc ít nhất ông đã không thể tìm thấy eo biển ấy. Do đó, mục tiêu chính của cuộc đi biển đã biến mất. Từ 16 tháng 10 đến 6 tháng 1 năm 1503 họ đã để nhiều ngày, nhiều tuần lễ và nhiều tháng đi lại mệt nhọc dọc theo bờ biển Đại Tây Dương thuộc Panama. Vì lúc này Colombo chỉ nghĩ đến vàng; ông muốn thành lập một thuộc địa tại phần giàu nhất của những vùng Đất Mới, càng gần những mỏ vàng bao nhiêu càng tốt. Từ 20 đến 25 tháng 10 ông đã tìm thấy rất nhiều vàng ở gần Veragua. Từ đó ông sẽ trở về. Tại sao ông đã không dừng ở đó vào cuối tháng 10?

VERAGUA: VÀNG VÀ COCA.

Veragua là một trong những sự kiện quan trọng nhất - và ít được biết đến nhất - trong sự nghiệp vĩ đại của Colombo. Veragua là một vùng của Panama nhìn ra vịnh Mosquitos (“Vịnh Muối”). Nhiều sông lớn đổ vào vịnh này từ dãy Cordiglera hoang vu và không thể thâm nhập được (ngọn Cerro Santiago cao 9.272 thước Anh). Nước Cộng hòa Panama đã thay đổi khu vực hành chính của họ: Veragua không chỉ ở bờ biển Đại Tây Dương như trong thời Colombo, mà đã vượt quá dãy núi Cordiglera tới Thái Bình Dương. Khi tôi nói về Veragua, tôi chỉ đề cập đến vùng Colombo đã biết bằng cái tên đó. Năm 1536, Bà Maria de Colón y Toledo, thay mặt con trai là Luis Colón, cháu trai của Colombo, đã từ bỏ những chức tước và đặc quyền mà Colombo luôn luôn tự hào đã có tại “những đảo giữa Bắc và Nam Mỹ của Tây Ban Nha”. Để đáp lại Hoàng đế Charles V đã ban cho don Luis chức quận công Veragua và cho ông lãnh thổ.

Veragua quan trọng vì một lý do duy nhất và không thể chối cãi: Có nhiều vàng. Trong mười ngày cuối tháng 10 năm 1502, những người Tây Ban Nha đã tìm thấy nhiều vàng ở đó hơn ở Cibao tại Hispaniola: mười chín “khoảnh” tại Guaiga và mười chín “khoảnh” nữa tại Cateva (gần Santa Catalina ngày nay). Ngoài ra năm làng xung quanh Cobrava, gần cửa sông Rio Veraguas, tất cả đều buôn bán vàng. Lúc đầu những người Tây Ban Nha tìm thấy nhiều vàng ở khắp mọi nơi, rồi sau không còn gì nữa. Không có ở Puerto Gordo (“Cảng béo”), ở Portobelo (“Cảng đẹp”), Puerto de los Escribanos (“Cảng của những Công chứng viên”) cũng vậy. Thông tin của một phiên dịch viên người Indians bắt tại Cariai là chính xác: vùng đất có vàng nằm trong khoảng từ Vịnh Chiriqui đến Rio Belén, Colombo đặt tên như vậy vì ông đã tới vùng này vào ngày 6 tháng 1, ngày Lễ Hiện xuống, sau những cuộc đi lang thang và khó khăn dọc theo bờ biển

Đại Tây Dương của Panama: Betlém, (tức Betlemme), sau này được tinh lược thành Belén, và đến nay vẫn được gọi như vậy. Cách Belén khoảng bốn dặm phía tây, sông Rio Veraguas đổ vào biển. Vàng - nhiều vàng - giải thích tại sao Colombo đã chọn Belén làm nơi lập thuộc địa, một thuộc địa mới để vượt thuộc địa trên đảo Hispaniola mà ông đã bị tước mất. Sự lựa chọn này bị các nhà sử học đánh giá một cách thương hại. Morison gọi đó là “một nơi không thuận lợi”. Bradford đồng ý: “Không bao giờ có một nơi định cư thành công cho người Âu ở vùng này... Colombo là một người hoang tưởng. “Thật vậy Colombo không còn là con người trong cuộc đi biển lần thứ nhất. Ông ốm yếu và mệt mỏi, nói năng không mạch lạc và mâu thuẫn. Tuy nhiên ông không điên, và chắc chắn không điên trong việc chọn Veragua. Trước hết, có vàng, nhiều vàng. Ông viết: “Một điều tôi dám nói và tôi có nhiều nhân chứng; Tôi đã nhìn thấy nhiều chứng cứ về vàng trong hai ngày đầu tiên ở Veragua hơn là ở Hispaniola trong bốn năm”. Và Belén cũng không khó chịu như những nhà sử học chưa từng ở đó mô tả; khi thời tiết tốt Belén là một nơi đáng yêu của vùng biển Caribe. Những làn sóng từ Đại Tây Dương gầm thét liên tục trên vĩa đá san hô chỉ để lại một khoảng trống trước bãi cát. Đây là gờ đá chắn sông, cũng có tên là Benlen, cách cửa sông khoảng hai trăm yard (đơn vị đo chiều dài gần bằng một mét - ND), một phá nước mặn, kín gió và được che cả hai phía bằng những quả đồi có thể bảo vệ dễ dàng.

Tại trung tâm phá có độ sâu khoảng ba mươi thước Anh, hơn hai mươi tàu biển bằng cỡ những chiếc tàu của Colombo có thể bỏ neo dễ dàng ở đó. Cá mập từ ngoài biển cũng có vào và gây nguy hiểm, nhưng thịt cá đó ngon. Tôm hùm cũng ở trong phá nước mặn. Từ phá nước mặn tôi đã đi ngược sông bảy dặm rưỡi, với vô số những chỗ gấp khúc, rừng nhiệt đới xanh tốt, nhờ nộ hân nóng bỏng hầu như hàng ngày, của mặt trời và nhờ mưa lớn. Có ít chim nhưng nhiều hoa và nhiều loại cây - cao, trung bình và nhỏ - với rất nhiều loại quả mùi thơm. Ta có thể đi xa hơn bảy dặm rưỡi trong chiếc thuyền độc mộc, tới những ghềnh thác trong dãy núi Cordiglera.

Mật độ dân số trong thời Colombo chứng tỏ rằng đất lúc đó không phải là khó chịu, cũng như bây giờ nó không khó chịu. Dân số hầu như biến đi, trước hết vì cạnh Tây Bắc của nước Panama bị

tách biệt với những luồng buôn bán lớn, cách xa những điểm tiếp xúc giữa những vùng khai mỏ và những vùng nông nghiệp của Thế Giới Mới và Thế Giới Cũ. Vùng này không có những dân tộc từ xa đến để hấp thụ nền văn minh của họ. Vùng đó vẫn bị tách rời ngay cả sau khi độc lập, vì đó là vùng ở ngoài nhất và khó tới nhất của nước Cộng hòa Colombia, sau này là nước Cộng hòa Panama.

Mưa to và liên tục đã bảo vệ Belén và Veragua khỏi sự xâm lăng của người da trắng, thậm chí họ cũng không di dân những người da đen ra đó nữa. Ngược lại, họ bắt nhiều người Indians quen nghề trồng trọt đất đai và chuyển họ đi nơi khác. Vào giữa thế kỷ này, làng Belén giảm xuống còn 50 người dân, thung lũng chính và những thung lũng của những chi lưu không còn người ở. Với việc sử dụng máy bay và việc hoàn thành những Dự án đặc biệt Đại Tây Dương do Tổng thống Torrijos của Panama đề xướng, ngày nay làng Belén đã có 120 cư dân. Từ làng này ngược lên đồi một chút là làng Ciudad de Romero, với khoảng 400 người tị nạn Xan-va-đo. Những học giả về Colombo đánh giá tiêu cực về Belén không phải vì mưa mà vì họ chưa trông thấy làng đó.

Ngày 7 tháng 1, Colombo đã cử Diego Méndez đi xuống đến cửa sông Rio Veraguas, cách Belén khoảng 6-7 cây số. Méndez đã đo chiều sâu của nước và thấy không đủ nước cho các tàu. Méndez đã chèo xuồng vào bên trong, buôn bán với những người Indians và mang về cho Colombo hai mươi gương vàng. Tiếng tăm về của cải vô tận của những mỏ ở Veragua là điều có thực. Vì người ta đã đo chiều sâu của con sông Rio Belén, hai tàu đã đi vào sông này ngày 9 tháng 1. Ngày hôm sau hai chiếc tàu khác đi vào lúc thủy triều lên cao và thả neo ở trong phá nước rộng lớn. Người cai trị vùng có mỏ vàng này là một tù trưởng có thể lực, Quibian. Colombo quyết định thỏa hiệp với ông ta và đã cử anh ông là Bartolomeo, đến thăm Quibian. Khi tiếp Bartolomeo, Quibian đội một chiếc vương miện, đeo một tấm thẻ lớn trên cổ, và những vòng ở chân tay, tất cả đều bằng vàng đặc. Cuộc tiếp đón rất tốt và việc mua bán có lợi. Ngày tiếp theo Quibian “đến những tàu biển để thăm Colombo và họ nói chuyện hơn một giờ. Colombo cho Quibian một ít quà biếu và những thủy thủ đổi một vài cái chuông để lấy rất nhiều vàng. Không còn nghi lễ gì nữa, Quibian trở về bằng con đường mà ông ta đã đến”. Don Fernando

cho biết như vậy, nhưng Diego Méndez nói rằng có lúc trong cuộc đàm thoại, người tù trưởng chau mày, nhìn xung quanh một cách nghi ngờ, xin lỗi và trở về làng ông; những tàu lạ và vũ khí đã làm ông mất tự tin và e ngại.

Trong khi đó biển lại trở nên xấu hơn. Colombo nghĩ rằng ông ta an toàn ở bên trong gò đá chắn. Ngày 24 tháng 1, một trận bão đổ một trận mưa lớn vào dãy núi Cordigliera với hàng nghìn con suối đưa nước vào sông. Trước khi các thủy thủ nhận ra điều gì đang xảy ra, Belén đã bị lụt, làm tuột một chiếc tàu ra khỏi neo và đập vào một chiếc tàu khác. Chiếc tàu thứ nhất bị hư hỏng nặng, và một cột buồm bị gãy. Những chiếc tàu khác bị kéo đi dữ dội, đập vào hết bờ này đến bờ kia, có nguy cơ bị vỡ tan. Bằng những cố gắng anh hùng, thủy thủ đã bảo đảm được an toàn cho tàu và neo chúng lại. Trong mấy ngày tiếp theo, nước rút đi, nhưng cát do sông và sóng biển mang đến, tạo thành cồn cát chặn cửa sông, làm đội tàu bị mắc kẹt bên trong.

Khi thời tiết tốt trở lại Colombo đã cử Bartolomeo đi xuống với khoảng bảy mươi người khảo sát bên trong và thấy nhiều mỏ vàng. Quibian bị làm rầy rà và đã dùng thủ đoạn. Ông cho một số người hướng dẫn Bartolomeo nhưng bí mật bảo họ đưa vào lãnh thổ của tù trưởng Urira, kẻ thù của ông. Những người hướng dẫn làm theo lệnh, đưa những người Tây Ban Nha đi chặng đường quanh co, trong đó họ đã lội đi lội lại tới bốn mươi lần cùng một con sông. Cuối cùng họ tới một nơi những mạch vàng xuất hiện trên đất, trong đá và rêu. Những người Tây Ban Nha, vui mừng không thể kiềm chế được, họ đã thu lượm vàng theo hết khả năng.

Hình như trong dịp này Bartolomeo đã tới một đỉnh cao hay một đèo thuộc dãy núi Cordigliera. Đỉnh núi cao này có thể là ngọn Cerro Negro (1.518 m), trên sườn phía đông là những con suối của dòng sông Rio Veraguas. Dù sao chẳng nữa những cuộc khảo sát mà tôi đã thực hiện ở đó cho thấy không có một đèo, hay đỉnh núi cao nào ở phần này của eo đất, để từ đó người ta có thể trông thấy cả hai đại dương, ngay cả trong ngày quang mây. Như vậy không phải những mưu kế của những người dân thường đã cản trở không cho người anh của Colombo làm người châu Âu đầu tiên trông thấy Thái Bình Dương từ đất Mỹ. Marco Polo và những người khảo sát khác đã

nhìn thấy Thái Bình Dương từ châu Á. Những người dẫn đường đã chỉ cho Bartolomeo không phải đi về phía nam mà về phía tây. Ở đó, sau chuyến đi hai mươi ngày, vượt quá chân trời phía tây, Bartolomeo đã tìm thấy nhiều mỏ vàng. Bartolomeo rất thích thú với việc này, cộng với số vàng chính mắt ông đã trông thấy và do những người của ông thu lượm. Tuy nhiên Bartolomeo biết rằng những người dẫn đường đã dùng mưu kế đưa ông đi xa khỏi lãnh thổ của tù trưởng của họ, vì thế ông muốn sục sạo lãnh thổ của Quibian trước khi trở về các tàu biển. Ông đã thấy nhiều vàng hơn. Không một nơi nào giàu hơn vùng Veragua.

Bartolomeo đã khảo sát từ ngày thứ hai, 6 tháng 2 đến ngày thứ bảy, 11 tháng 2, hay ngày chủ nhật, 12 tháng 2. Vào ngày thứ năm, 16 tháng 2 ông chỉ huy một đoàn khảo sát mới. Theo don Fernando:

“Bartolomeo đi vào vùng quê với năm mươi chín người, một thuyền đi biển chở thêm mười bốn người nữa. Sáng 17 tháng 2 họ đến Rio Urira, cách Belén bảy hải lý nữa, người tù trưởng với hai mươi người tùy tùng đã tiếp ông. Người tù trưởng cho nhiều thức ăn và họ bán một số gương vàng. Người tù trưởng và những quan chức của ông liên tục đưa một cây cỏ khô vào miệng và nhai, đôi khi họ bôi bên người một ít bột mà họ mang cùng với cỏ. Có vẻ một thứ rất ghê tởm... Khi ăn họ luôn luôn nhai một thứ cỏ, chúng tôi nghĩ lý do vì họ bị sâu răng và ruỗng nát.

Cỏ này là coca. Các học giả đồng ý coca có nguồn gốc ở Nam Mỹ; họ chỉ không nhất trí về nguồn gốc chính xác của nó. Một số người cho rằng nguồn gốc của coca là những vùng giáp ranh biển Caribe, một số khác cho rằng coca xuất phát từ Amazon và được đưa vào dãy núi Andes dọc theo các dòng sông. Coca có nghĩa là “cây” trong tiếng Aymara. Một điều kỳ lạ là cỏ được gọi là cây, cỏ ưu việt. Ngày nay người Aymara sống ở rặng núi Andes thuộc Bolivia và Peru, như họ đã sống trong thời đại Colombo. Việc nhai coca và đồ đựng vôi coca được miêu tả trong nghệ thuật đặc sắc và phổ biến trước thời Colombo. Tuy nhiên người ta chỉ tìm thấy những đồ tạo tác này ở miền trung Colombo, Ecuador, Peru và Bolivia; còn ở eo

đất Panama thì không có. Nhưng vùng tiếp xúc giữa Trung Mỹ và Nam Mỹ có rất nhiều. Hơn nữa khảo cổ học Trung Mỹ đã đưa ra ánh sáng một số đồ đựng nhỏ mà nhà khảo cổ Đan Mạch Olaf Holm muốn xác minh là cái “*eliptas*”, một từ Quechua để chỉ những bình vôi coca.

Vậy thì coca, hay một loại thuốc rất gần gũi với coca, là thứ cỏ mà người Indians ở Veragua nhai trong miệng; Bartolomeo đã gặp họ ngày 17 tháng 2 năm 1503. Chàng thanh niên don Fernando cảm thấy coca là một “thứ rất ghê tởm”. Hình như đó là một linh cảm, những lá và bột đó sẽ trở thành tai họa cho nhân loại. Không giống người cháu trai của ông, Bartolomeo không bận tâm với cây cỏ mà những người bản xứ nhai với bột. Theo Las Casas, ngày thứ năm, 24 tháng 2, Bartolomeo trở về cửa sông ở Belén trên thuyền chở đầy vàng. Las Casas nói rằng đất đai phì nhiêu, hoa quả phong phú, có những cánh đồng ngô rộng mênh mông và đi tới đâu cũng thấy vàng, người Indians đeo rất nhiều vòng tay và vòng cổ.

Không có lý do gì để do dự, Colombo quyết định thành lập một thuộc địa mới, Santa María de Belén và giao cho Bartolomeo cai trị. Don Fernando nói rằng thuộc địa đó “ở trên bờ sông, cách cửa sông một quả đồi, ở phía bên kia một cái hào nằm về bên phải khi người ta đi từ sông vào”. Ngày nay nơi này có thể xác minh được một cách rõ ràng vì không có gì thay đổi. Quả đồi có rừng rậm bao phủ nằm ở bên trái, phía tây cửa sông. Giữa quả đồi và gò đất vốn là một phần của rừng núi trong đất liền, một thung lũng hẹp vẫn còn đi vào bờ phía tây con sông, ở cuối phá nước mặn. Hẻm núi mang một dòng suối nước ngọt trong suốt. Dọc theo hẻm núi là một con đường bộ, thỉnh thoảng lại có những bậc cấp vào trong đá; những thủy thủ của Colombo có thể đã cắt những bậc ấy bằng những cuộc chim của họ.

Trên dốc ở bên trên hẻm núi, những người Tây Ban Nha xây dựng tám ngôi nhà gỗ lợp bằng lá gồi. Trong mỗi ngôi nhà có mười người ở. Một ngôi nhà khác to hơn chứa đồ tiếp tế của người Âu: dầu, rau, pho mát, dấm, tỏi v.v... Vì có nhiều cá ở biển, thuộc địa sẽ được nuôi dưỡng tốt. Colombo để lại một chiếc tàu cho người anh và chuẩn bị ra đi bằng ba chiếc tàu khác, ông đợi mưa để có thể vượt qua bờ cát. Colombo hy vọng tới Tây Ban Nha nhanh chóng và gửi cho thuộc địa thêm người và đồ tiếp tế.

Lúc này Quibian, nhận thấy rằng những người nước ngoài có ý định chiếm đóng vĩnh viễn lãnh thổ của ông nên quyết tâm giết họ và đốt những ngôi nhà và tàu của họ. Nhưng biết lực lượng của Tây Ban Nha mạnh hơn, ông tiếp tục giả vờ tình hữu nghị, chấp nhận những quà biếu của Colombo với sự hài lòng rõ rệt. Trong khi đó lấy cớ chiến tranh với một tù trưởng gần đấy đã làm ông bị thương ở cánh tay, ông tập hợp lực lượng. Hơn một nghìn quân nhân dựng lán trại với ông gần thuộc địa. Đó là chiến tranh, cuộc chiến tranh thứ hai tại châu Mỹ giữa người Tây Ban Nha và người Indians đầu thời đại Colombo. Cuộc chiến tranh thứ nhất đã xảy ra trên đảo Haiti.

Colombo lập tức chăm lo việc vũ trang các tàu và tăng cường phòng thủ thuộc địa. Nhưng Diego Méndez và Bartolomeo thuyết phục ông, không để cho kẻ thù có thời gian, làm cho chúng bất ngờ bằng một động tác mạnh dạn, bắt cóc Quibian. Bartolomeo và Méndez, với tám mươi người trang bị đầy đủ, đi xuống tới Veragua. Họ bắt Quibian cùng với khoảng 50 người thân quyến và đầy tớ, xiềng họ lại và đưa họ lên các xuồng. Trong khi dòng nước đưa thuyền xuôi dòng, Quibian bắt đầu rên la. Người gác ông ta xúc động trước lời than vãn của người tù trưởng, nới lỏng dây trói, nhưng vẫn giữ một đầu dây. Khi người Tây Ban Nha nhìn đi nơi khác, Quibian nhảy xuống nước và biến đi. Người gác không dám giữ dây thừng vì sợ bị kéo theo nên phải bỏ tay ra.

Mọi người nghĩ Quibian bị chết, nhưng mặc dù tay và chân bị trói, ông đã bơi tới bờ. Quibian về tới làng và đợi ngày trả thù. Cơ hội đã đến khi nước sông dâng lên và Colombo quyết định ra đi với ba tàu, để lại tám mươi người, một tàu với Bartolomeo và Méndez như dự kiến. Ba tàu vượt qua bờ cát và đợi gió thuận chiều ở bên kia vịnh san hô. Colombo cử Diego Tristano chỉ huy mười một người, lấy thuyền của tàu Bermuda lên bờ đi kiếm nước ngọt. Đồng thời sáu mươi người từ pháo đài nhỏ rời thuộc địa trên những chiếc xuồng để từ biệt bạn bè. Chỉ còn hai mươi người với Bartolomeo và Méndez ở lại gác những ngôi nhà. Ngày 6 tháng 4 năm 1503, Quibian và bốn trăm người trang bị bằng tên, giáo và gậy ra khỏi rừng rậm và bất ngờ bao vây làng Tây Ban Nha.

Trận đánh này và những trận tiếp theo là những trận đẫm máu nhất trong suốt thời kỳ những cuộc đi của Colombo. Với loạt tên đầu

tiên bảy người Tây Ban Nha bị thương, một người bị thương nặng rồi chết. Ném cung sang một bên, những người Indians tấn công bằng gậy và giáo; những người Tây Ban Nha mặc áo giáp và mang khiên, đỡ họ. Mười chín người Indians ngã xuống, bị thương vì kiếm và lao; số còn lại rút lui vào rừng, tại đây họ bắn ra hàng loạt tên. Bartolomeo bị thương bởi lao ở ngực và được một nhóm người cùng đi hỗ trợ, đã chiến đấu lại bằng nỏ. Cuộc giao chiến thứ nhất kéo dài ba giờ. Rồi chiếc thuyền của tàu Bermuda do Colombo cử đi tìm nước ngọt đã về. Từ trên bờ, Diego Méndez ra hiệu cho Tristano quay trở lại, nhưng Tristano làm ngơ lời cảnh cáo, vượt qua phá nước mặn, ngược sông, tới một con suối trong chảy vào sông. Ở hai bên bờ, người Indians nấp trong rừng rậm và đi theo. Đến suối, họ bao vây chiếc xuồng và ập vào những người Tây Ban Nha. Bị thương và chảy máu, Tristano cố rút lui khi một chiếc lao lao trúng mắt phải ông, và ông ngã chết trong đáy thuyền. Tất cả những người khác đều bị giết, trừ một người thoát chết vì ngã xuống sông khi bị thương. Bơi dưới nước, người này tới được trại của người Tây Ban Nha và nói với họ về thảm họa.

Chiều tối hôm đó, sáu mươi người đã đi từ biệt đội tàu, trở lại làng. Họ thấy kết quả thê thảm của trận đánh và trông thấy xác chết của đồng đội bị chặt chân tay một cách kinh khủng, trôi trên sông, quạ và chim ưng ăn thịt họ. Vì ít người và một số bị thương, những người Tây Ban Nha đã quyết định lên những chiếc thuyền Colombo để lại và cùng đi với đoàn tàu, nhưng bờ cát lại một lần nữa bịt kín cửa sông; không một chiếc xuồng nào có thể vượt tới biển cả.

Thời tiết xấu kéo dài mười ngày, và khi Tristano không trở lại, Colombo lo ngại về ông ta. Colombo hy vọng người Indians không tấn công thuộc địa vì có năm mươi con tin ông đang giữ trên tàu. Mỗi buổi chiều tối ông cho nhốt họ dưới hầm tàu và đặt một xích lớn trên cửa hầm; một số thủy thủ ngủ ngay trên đó. Một đêm người Tây Ban Nha quên xích và đã trải nệm rơm lên trên cửa hầm như thường. Những tù nhân xếp một đồng đá dầm lớn, rồi đứng lên vai nhau, nâng cửa hầm tàu, lật những người ngủ. Một số tù nhân nhảy xuống biển. Số khác bị bắt lại và khóa lại xuống hầm bằng xích. Trong đêm những tù nhân còn lại, trong đó có những phụ nữ, đã thu lượm

những dây thừng trong hầm và treo cổ từ những dầm boong tàu. Họ phải gập đầu gối lại để treo cổ vì không có đủ chỗ để treo cổ tự do.

Những xác chết đã làm cho Colombo hoảng. Trong mười ngày thời tiết xấu, ông không biết tin gì về thuộc địa, ông hy vọng những người trên bờ được an toàn vì ông đã giữ những con tin, hy vọng tan vỡ, vì bây giờ ông không còn một con tin nào. Colombo bắt đầu không biết việc gì đã xảy ra. Pedro de Ledesma tình nguyện bơi lên bờ, một chiếc thuyền chở ông tới được vách san hô. Ông cởi quần áo, nhảy xuống và bơi, tránh những san hô và tới những đồn nhỏ Bartolomeo đã xây trên bãi biển. Ông được chào mừng bằng những tiếng hô lớn, hoan hô cũng như phản đối: những người đàn ông sẵn sàng đương đầu với biển động trên chiếc tàu tả tơi đã được để lại cho họ, còn hơn là ở lại vùng đất Veragua không thuận lợi này. Như thế, cố gắng thành lập một thuộc địa ở đây đã thất bại một cách thảm hại. Tuy nhiên, nhà sử học không thể quên sự kiện ở Veragua, đáng nhớ vì nó tiêu biểu một trong những thời kỳ có ý nghĩa nhất của cuộc phát kiến vĩ đại.

Từ đảo Guanaja đến Honduras, Nicaragua, Costa Rica và cuối cùng tới Panama: đổi hướng liên tục từ tây sang đông và từ đông sang tây, Colombo đã phát hiện ra tất cả Trung Mỹ trong chuyến đi thứ tư của ông. Bỏ qua, hoặc đơn thuần đánh giá thấp tầm quan trọng của chuyến đi này sẽ là một sai lầm nghiêm trọng về viết sử. Veragua không những chỉ tượng trưng cho vàng và coca mà còn tiêu biểu cho eo đất giữa Bắc và Nam Mỹ. Chín năm sau khi Balboa vượt qua eo đất này và nói với Thế Giới Công Giáo về một đại dương mới, ông chỉ đơn thuần gặt hái kết quả của sự kiên cường và quyết tâm của Colombo trong sự kiện quan trọng cuối cùng của một phát kiến vĩ đại. Thường bị những nhà sử học lãng quên, cái tên Veragua vẫn khắc thành những chữ không thể phai mờ qua nhiều thế kỷ: những con cháu trực tiếp của Colombo vẫn mang danh tước quận công Veragua.

38

SANTA GLORIA

Lễ Phục sinh rơi vào ngày 16 tháng 4 năm 1503. Đêm đó Colombo rời Belén bằng ba chiếc tàu, tất cả đều bị sâu mọt đục lỗ, lỗ chỗ như những cái sàng thực sự. Méndez kể lại trong di chúc của ông: “Thủy thủ bơm và dùng xô, cũng như những đồ đựng khác, nhưng họ lấy nước ra không kịp với nước vào qua những lỗ do những con hà đục ra”. Cả mấy tàu chỉ có một chiếc thuyền. Ký ức về những sự kiện bi kịch trên bờ, về những người đồng đội đã chết về những thất bại, cộng thêm sự khổ đau, vất vả và sợ sệt của chuyến đi. Tất cả những điều này đã gây nên sự bất bình.

Tại Portobelo, Colombo phải bỏ thêm một chiếc tàu nữa “vì lượng nước vào quá nhiều”; thân tàu hoàn toàn bị những con hà làm thủng. Hai tàu còn lại tốt hơn một chút, nhưng chia người từ chiếc tàu bị bỏ sang hai tàu còn lại cũng cung cấp thêm những cánh tay để bơm và tát nước ra khỏi tàu; nhiệm vụ này rất mệt nhọc và phải làm suốt ngày đêm. Từ Portobelo, Colombo chuyển hướng tàu dọc theo bờ biển Đại Tây Dương của Panama. Rồi ngày mùng 1 tháng 5 năm 1503, gần mũi Tiburon, hai chiếc tàu rời đại lục, đi về hướng bắc, và đáng lẽ chúng phải tới bờ biển miền Nam Jamaica, nhưng chắc gió xích đạo liên tục thổi từ đông bắc đã đưa đi chệch đường. Hai chiếc tàu đã ọp ẹp, nhưng ngay dù chúng còn tốt đi nữa, chúng vẫn không thể tránh khỏi việc đi chệch đường, vì gió và hải lưu kết hợp làm cho tàu không thể đổi hướng. Hai tàu đi chệch theo hướng gió về phía tây, và ngày 10 tháng 5 thấy đảo Cayman, chính xác hơn là đảo Little Cayman, và đảo Cayman Brac thay vì đảo Jamaica. Don Fernando nói những đảo đó có đầy những con ba ba, và xung quanh biển cũng đầy ba ba trông giống “những khối đá nhỏ”. Colombo đặt tên những đảo đó là Las Tortugas (“Những con ba ba”). Những đảo ấy là những nơi cuối cùng Colombo phát hiện và đặt tên.

Jamaica cách đó hơn một trăm dặm về phía đông nam. Họ không dừng lại và chiều tối 12 tháng 5, họ tới vùng đảo Jardines de la Reina (“Những vườn của Hoàng hậu”), được khảo sát trong chuyến đi thứ hai. Ở đây, cách Cuba mười hải lý (Colombo vẫn gọi Cuba là “tỉnh Mangi, một phần của Trung Quốc”), họ thả neo giữa hai vịnh san hô. Đêm đó một trận bão mới nổi lên. Khi đi sát bờ biển Cuba và định hướng đi đến Hispaniola, họ đi ngược chiều gió; nước trong những tàu tiếp tục dâng. Đêm 22-23 tháng 6 nước dâng lên rất cao “đến nỗi họ không thể làm gì để hạ mực nước, và nước gần tới boong tàu”. Ngày 24 tháng 6 hai tàu gặp may mắn lớn, tới được một cảng của Jamaica mà năm 1494 Colombo đã đặt tên là Puerto Bueno. Ngày nay cảng đó gọi là Dry Harbour (Cảng khô), vì nó không có nước ngọt.

Ngày hôm sau họ đi. Gió mạnh từ đất liền đã đưa những chiếc tàu tới một cảng ở gần đó được bảo vệ bởi một vịnh san hô: năm 1494 Colombo đã đặt tên cảng này là Puerto Santa Gloria. Don Fernando miêu tả việc đi vào cảng:

“Đi vào bên trong và không thể giữ cho những chiếc tàu nổi nữa, chúng tôi cố chạy tàu đến hết sức gần bờ biển. Đặt hai tàu sóng đôi với nhau, chúng tôi cột chặt chúng lại với nhau để cố định. Nước lên gần tới boong tàu. Sân lái và phần trước của tàu dưới boong biến thành những vị trí phòng thủ chống lại người Indians. Vào thời đó đảo Jamaica không có những người Công giáo”.

Bản anh hùng ca về cuộc phát kiến vĩ đại đã kết thúc tại Santa Gloria (ngày nay là St. Ann’s Bay) mặc dù cuộc đời của nhân vật chính trong bản anh hùng ca đó chưa kết thúc; cuộc đời đó chứa đầy những thử thách và những sự kiện gây xúc động, thậm chí còn hơn cả tại Santa Gloria. Colombo đã ở trên bờ biển đó một năm, từ 25 tháng 6 năm 1503 đến 28 tháng 6 năm 1504. Đó là một năm đầy những vấn đề khó khăn, khổ sở, những hy vọng và những sợ hãi, những ảo tưởng và thất vọng, những biểu thị về lòng dũng cảm tuyệt vời cũng như sự hèn nhát đê tiện. Quan hệ với người Indians, lúc đầu hòa bình, trái ngược với quan hệ trong số những người Tây Ban Nha với nhau, xấu đi từ phê phán và thăm thì trở thành nổi loạn và

chiến tranh công khai. Một năm trên bờ biển Santa Gloria! Một chuỗi những buổi bình minh, những ngày, những buổi hoàng hôn, và những đêm hy vọng, đau khổ và tuyệt vọng, có vẻ như không bao giờ kết thúc.

Khi Colombo và những người của ông đưa hai chiếc tàu còn lại lên bờ biển tại Santa Gloria ngày 25 và 26 tháng 6, họ không tưởng tượng được là họ sẽ phải ở lại đây cả năm. Tuy nhiên họ không thể có ảo tưởng, ở nhiều tháng là điều chắc chắn. Bị cách biệt khỏi thế giới, họ cần lập lại mối quan hệ với Hispaniola, nơi duy nhất ở những vùng Đất Mới người ta có thể tìm thấy những người theo Công giáo.

Vấn đề đầu tiên là bảo đảm thực phẩm. Trong số 140 người đàn ông và con trai trong chuyến đi biển thứ tư, 6 người đã chết hoặc bỏ ngũ trước khi tới Veragua, 12 người bị giết ở đó, 6 người chết sau này, hoặc do vết thương, hoặc do bệnh tật. Để lại 116 miệng phải nuôi. Thả lỏng cho thủy thủ về vùng nông thôn để kiếm đồ tiếp tế sẽ nguy hiểm, việc đó sẽ làm phát sinh những cuộc lung sục và chiến tranh mới với người Indians. Do đó quyết định của Colombo không được lòng quần chúng nhưng chính đáng, cấm mọi người đi lang thang ra khỏi bờ biển. Nhiệm vụ lung sục trong vùng để tổ chức nguồn cung cấp thực phẩm liên tục được giao cho Diego Mendez; ông này đã thỏa thuận được những hợp đồng với những tù trưởng láng giềng. Hàng ngày những ca nô đến chở đầy cá, *huttia* (một loại thỏ), vật săn bắn, bánh sắn và trở về mang theo ghim, dao díp, lược, kéo, gương, chuông hình điều hâu, hạt cườm thủy tinh và những đồ trang sức nhỏ khác không có ý nghĩa gì đối với người cho nhưng làm cho người nhận rất thích thú. Méndez còn được một cái khác nữa rất quan trọng. Ở đầu phía đông của đảo, Méndez làm bạn với tù trưởng và đổi một chậu đồng thau lấy một ca nô có sáu người chèo và những đồ tiếp tế.

Chiếc ca nô là cần thiết để giải quyết những vấn đề cơ bản khác, thiết lập tiếp xúc với Hispaniola. Không có hy vọng là một tàu sẽ được cử đi để tìm những người đã mất. Ovando, Tổng trấn Santo Domingo, hy vọng rằng người thành Genova gây bối rối sẽ biến đi vĩnh viễn. Cũng không có hy vọng gì là một chiếc tàu khảo sát nào đó sẽ đến Jamaica. Lý do của việc thiếu quan tâm thì rõ: những đảo này, như Colombo đã nhận thấy, không có vàng.

Hy vọng cứu vãn duy nhất là có một sứ giả đến Hispaniola để thuê một chiếc tàu. Nhưng chiếc thuyền duy nhất để dành được tại Belén đã mất trong cơn bão. Do đó chiếc ca nô của Méndez đáp ứng kịp thời. Colombo quyết định Mendez, dũng cảm và có khả năng, nên làm sứ giả. Đó là vào đầu tháng 7 năm 1503. Ngày 7 tháng 7 Colombo ngồi trong một túp lều đóng kín xây trên cầu và viết một bức thư dài gửi cho Vua và Hoàng hậu; người ta gọi bức thư đó là *Lettera Rarissima* (Thư hiếm!) vì mãi về sau này, cuối thế kỷ XVIII, bức thư đó mới được phát hiện. Bức thư này tôi đã nêu vấn đề, được đánh giá khác nhau. Bức thư chứa đầy những nhận định và chỉ dẫn về địa lý, lịch sử, vũ trụ học, triết học và thần học. Ở nhiều chỗ, bức thư không mạch lạc nhưng ta không thể bác bỏ nó như một số người đã làm và cho là lời nói huyên thuyên của một người điên. Ngược lại bức thư chứa đựng một số nhận thức độc đáo, chính xác và sáng ngời đáng được chú ý sát sao. Để lựa chọn ra điều quan trọng nhất, trong bức thư này, Colombo gọi “đại lục chưa được đo lường” được phát hiện tại Venezuela năm 1498 là “một thế giới khác”. Chính cụm từ đó đã mở đường cho việc thừa nhận trong cuộc gặp gỡ giữa Thế giới Cũ và Thế giới Mới, như tôi sẽ thảo luận trong chương cuối cùng. Colombo giao bức thư này cho Méndez cùng với một bức thư ngắn gửi cho người bạn của ông, Tu sĩ hành khất Gaspare Gorricio tại tu viện Las Cuevas ở Seviglia.

Diego Méndez đặt một sống thuyền giả lên chiếc ca nô lớn, bôi hắc ín và mỡ lên đáy, dựng những chấn sóng ở mũi và đuôi thuyền để giữ cho sóng khỏi tràn ngập thuyền và làm một cột buồm và cánh buồm. Ông ta khởi hành với một thủy thủ và sáu người Indians. Khi tới mũi đất phía đông, ông ta dừng lại để đợi thời tiết tốt, và những người Indians tấn công ông. May mắn thay họ đùn đẩy nhau để quyết định ai sẽ giết ông và ai sẽ chiếm chiến lợi phẩm, và Diego tìm cách trốn được. Trở về bãi biển, Diego Méndez thấy chiếc ca nô, giương buồm đúng lúc gió xích đạo đang thổi, ông trở lại những chiếc tàu đã được đưa lên bãi biển.

Diego Méndez cố gắng một lần nữa, nhưng lần này ông bố trí bảo vệ cho đến khi ông xuất phát ra khơi. Thuyền trưởng Bartolomeo Fieschi, một người Genova đã tình nguyện đi cùng Diego tới Hispaniola trong một chiếc ca nô lớn khác và trở về để làm yên lòng

những người bị mắc cạn tại Santa Gloria. Thêm vào đó, Bartolomeo tình nguyện bảo vệ họ bằng cách đi theo trên đất với bảy mươi người tới Mũi Jamaica. Hai chiếc ca nô, mỗi chiếc có sáu người Tây Ban Nha với kiếm, khiên, thức ăn và mười người Indians chèo thuyền. Những người Tây Ban Nha tiến tới đầu phía đông của đảo, Fieschi và Méndez đi đường biển và Bartolomeo đi đường bộ. Tại đó họ đợi bốn ngày để cho biển lặng sóng, rồi Méndez và Fieschi bắt đầu vượt biển tới Hispaniola.

Biển lặng một cách khác thường và lần này họ thành công. Tháng 8 năm 1503 Méndez tới Tổng trấn Ovando ở sâu trên đảo Hispaniola, nơi ông ta đang chiến đấu chống lại người Indians, nhưng mãi đến cuối tháng 5 năm 1504 Méndez trung thành mới được phép mua một tàu biển và đồ tiếp tế và gửi đến cho Colombo. Chín tháng chờ đợi. Điều gì có thể giải thích sự chậm trễ này? Chắc chắn Ovando không buồn khi biết tin Colombo bị hỏng tàu trên đảo Jamaica. Việc Colombo đến với những tin tức về những phát kiến mới có thể làm cho Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha khôi phục lại cho ông những quyền lực Phó vương, tước đi chức Tổng trấn của Ovando. Ovando giam hãm Méndez với lý do thoái thác rằng ông bận dẹp tắt cuộc nổi dậy của người Indians. Ovando dẹp cuộc nổi dậy này bằng cách treo cổ và thiêu sống tám mươi tù trưởng và những thủ lĩnh khác.

Trong chín tháng chờ đợi ở Santa Gloria, mỗi buổi sáng Colombo và những người của ông nhìn ra biển một cách lo lắng, trông ngóng buồn bã nhưng vô ích. Thủy thủ bắt đầu sợ rằng Méndez và Fieschi đã chết, hay họ đã tới mục tiêu nhưng viên Tổng trấn đã từ chối không giúp. Thời tiết nóng, ẩm, thiếu thịt, và thiếu rượu đã làm cho nhiều thủy thủ kiệt sức và bị ốm. Bản thân Colombo cũng không chịu được. Luyện tập về đi biển không thực hiện được, vì tàu đã đưa lên bờ, đi bộ trên bờ và đi lang thang khắp trong đảo là tuyệt đối cấm, không đủ chỗ để thực tập theo chỉ tiêu, đánh bạc thì tuyệt đối cấm. Nghĩa vụ duy nhất là thay đổi nhau làm nhiệm vụ của hai người gác.

Francisco de Porras và người anh em của ông ta, Diego, đã kích động mọi người chống lại Colombo. Họ nuôi dưỡng một thái độ thù địch chống lại ông. Họ biết ông ít quan tâm đến họ. Họ nhắc lại

những chuyện phiếm cũ, nói rằng ông đã bị đày khỏi Tây Ban Nha vì lỗi lầm, còn Méndez và Fieschi đã được cử đi đến Ovando không phải để yêu cầu tàu biển và viện trợ mà là đến Vua và Hoàng hậu để xin được phục hồi; họ dẫn chứng là Fieschi không trở về. Anh em Porras gợi ý làm công việc mà Méndez đã làm, nói rằng Colombo không thể chống lại kế hoạch; nếu vì bệnh thấp khớp mà Colombo không đi được thì ông có thể ở lại và đợi thời cơ. Bị quấy rối bởi những lập luận này, một số người quyết định chiếm lấy mười ca nô Colombo đã mua để ngăn cản những người Indians tấn công các tàu trong trường hợp có chiến tranh.

Ngày 2 tháng 1 năm 1504 những người nổi loạn bắt đầu hành động. Francisco de Porras vào trong túp lều nhỏ nói với Colombo, “Thưa ngài, tại sao ngài không muốn đi Castiglia? Tại sao ngài chịu để cho tất cả chúng tôi chết ở đây?” Colombo trả lời rằng nếu những người đã đi Hispaniola chưa gửi về một tàu biển thì ông không biết cách nào để họ có thể ra đi và ông muốn trở về Tây Ban Nha hơn ai hết, vì lợi ích của bản thân và của mọi người khác. Colombo hỏi Porras có cách nào khác để thoát ra khỏi đó mà vẫn còn sống không. Người thủ lĩnh nổi loạn trả lời một cách xấc láo và quay lưng đi, kêu lên: “Tôi sẽ trở về Castiglia! Ai muốn tự cứu mình có thể theo tôi!” Từ mọi phía, những kẻ đồng lõa vũ trang đến, chiếm những tháp trên boong tàu và những bức xung quanh đầu cột buồm dưới, cướp những nhà kho và kho vũ khí.

Colombo cố đi ra khỏi giường và tới chỗ lộn xộn nhưng ngã sấp mặt. Ông cố trở dậy và lại ngã. Bốn nhân viên và con trai ông Fernando nhắc ông lên giường. Trong khi đó Bartolomeo cầm một cái kích chạy đến. Ông muốn tấn công những kẻ phản bội, nhưng những nhân viên trung thành khác giật lấy vũ khí từ tay ông và lôi ông vào túp lều của ông, van xin thuyền trưởng Porras bình tĩnh và đi ra vì ông đã có những gì ông muốn có. Bốn mươi tám người nổi loạn chiếm giữ những chiếc ca nô và đi.

Những người ốm nghe tin những người khác ra đi, cảm thấy bị bỏ rơi. Colombo được anh em nâng đỡ đã đến nơi những người ốm nằm trên tàu, và an ủi họ bằng sự có mặt của ông. Từ đó trở đi hàng ngày ông đến thăm những người ốm, làm thức tỉnh lại ở họ lòng tin mãnh liệt vào Chúa, hết sức tỏ rõ là ông biết cách chữa bệnh cho

từng người, và một đôi khi chăm sóc họ bằng những bàn tay bị thấp khớp của ông. Họ cần sự an ủi như thế vì rơm ẩm trên đó họ nằm và những đàn bò chết và muối làm cho sự đau khổ của họ không thể chịu đựng được.

Những người nổi loạn đi theo đường của Méndez dọc theo bờ biển, tấn công những người Indians và ăn cắp mọi thứ họ có thể ăn cắp. Khi những người Indians phản đối, những người Tây Ban Nha nói với họ đến Colombo để đòi bồi thường những vật đã bị lấy đi, giết ông ta nếu ông ta không trả vì họ làm theo mệnh lệnh của ông ta. Những người Tây Ban Nha nổi loạn nói thêm rằng họ căm ghét Colombo vì ông độc đoán và là kẻ thù không thể dung hòa của người Indians, Colombo sẽ tước đi quyền tự do của họ, gây ra hàng nghìn sự bất hạnh trên đảo; loại trừ ông ta khỏi thế giới này sẽ có lợi cho mọi người.

Bốn mươi tám người Tây Ban Nha nổi loạn tới cuối đảo và cùng với những người Indians chèo thuyền, khởi hành đi Hispaniola. Họ chỉ mới đi được bốn hải lý thì biển nổi sóng và họ quay trở lại vì sợ hãi. Nước tràn vào thuyền và đe dọa làm chìm tất cả, do đó họ ném hàng hóa và quần áo của họ xuống biển. Thời tiết tiếp tục xấu hơn, và không muốn mất vũ khí và đồ ăn, họ quyết định làm nhẹ thuyền bằng cách giết những người Indians và vớt họ xuống biển. Trước khi cuộc tàn sát có thể bắt đầu những người Indians lặn xuống biển và cố theo kịp những ca nô ở một khoảng cách. Nhưng đường trở về đất liền rất dài, những người Indians kêu gào và van xin, cố níu lấy những chiếc thuyền trong khi lấy hơi thở. Rõ ràng một số người Tây Ban Nha đã chặt những bàn tay của người Indians bằng kiếm (chắc chắn ít nhất mười tám người Indians đã bị giết).

Trở lại Jamaica, Porras và những người nổi loạn của ông đợi thời tiết tốt trong một tháng, nhưng những thời kỳ thời tiết thuận lợi rất ngắn và những trận bão mới đã đẩy họ trở lại hai lần. Tuyệt vọng họ bỏ những ca nô và trở lại Santa Gloria, lại cướp bóc những làng mạc trên đường về. Người Indians cho những người nổi loạn là cùng một bọn với Colombo nên đã từ chối không mang đồ tiếp tế đến những tàu biển nữa. Trên bờ biển Santa Gloria, gió xích đạo nhẹ nhàng tiếp tục thổi không ngừng, nhưng không còn là làn gió cứu trợ và hy vọng mà là làn gió tuyệt vọng.

39 CHUYẾN TRỞ VỀ CUỐI CÙNG VÀ CÁI CHẾT

Tháng 2 năm 1504, không thấy có một giải pháp nào cho những đau khổ độc ác mà Colombo và những người trung thành với ông phải chịu. Mọi người đều tuyệt vọng. Rời bỏ nơi đồn trú để đi kiếm đồ tiếp tế có nghĩa là phơi mình trước nguy cơ liên tục, những cuộc phục kích và những trận đánh với những tên phản loạn của Porras hay với người Indians, hiện đang quyết tâm đối địch. Còn trốn tránh trong tàu thì có nghĩa là chết, không phải vì khát - vì nước mưa lâu lâu lại có - mà vì đói.

Một lần nữa bản năng của nhà lãnh đạo lại biểu lộ. Trong số ít sách vở trên tàu, có một bản sao cuốn *Ephemerides* của Regiomontano, in tại Nuremberg trước khi sang thế kỷ mới, cuốn sách tiên đoán nguyệt thực và nhật thực trong ba mươi năm tới, trong đó có một nguyệt thực toàn phần vào đêm 29 tháng 2 năm 1504. Trước ngày đó ba ngày, Colombo đã triệu tập một số tù trưởng và nhiều quý tộc đến, như don Fernando kể lại.

“Giải thích cho họ hiểu qua một người thông dịch rằng: Thượng đế sống ở trên trời, và họ là bề tôi của Thượng đế. Thượng đế bảo vệ cho người tốt và trừng phạt những kẻ ác. Thấy những người Thiên chúa giáo nổi loạn, Thượng đế đã không cho phép họ đến Hispaniola, trong khi đó Méndez và Fieschi đã được phép. Còn những người Indians, thấy họ ít quan tâm mang thức ăn đến cho những người Tây Ban Nha, Thượng đế tức giận nên đã quyết định đưa nạn đói và nạn dịch đến cho những người đó. Thượng đế ban một dấu hiệu rõ ràng từ trên trời để người Indians biết chắc chắn rằng Thượng đế sẽ trừng phạt. Do đó ba

đêm nữa người Indians nên chú ý một cách cẩn thận khi mặt trăng đang mọc; họ sẽ thấy mặt trăng tức giận và nổi nóng, báo hiệu sự rủi ro Thượng đế sẽ mang đến cho họ”.

Nguyệt thực đã xảy ra như tiên đoán.

Người Indians sợ hãi và khủng khiếp. Họ kêu gào than vãn, chạy từ mọi phía tới những tàu biển, mang nặng thức ăn và van xin Colombo bằng mọi cách can thiệp với Thượng đế cứu họ. Colombo nói rằng ông muốn nói chuyện một thời gian ngắn với Thượng đế và lui về căn lều của ông trong khi nguyệt thực tăng lên. Khi Colombo trông thấy mặt trăng bắt đầu sáng dần lên, ông đi ra, nói rằng ông đã van xin Thượng đế từ nay trở đi, người Indians nên đối xử tốt với những người Công giáo, mang thức ăn cùng những nhu yếu phẩm khác đến cho họ.

Colombo đã đo thời gian nguyệt thực bằng đồng hồ cát và như vậy ông có thể tính độ kinh của Jamaica. Những tính toán của ông ghi lại trong cuốn *Sách Tiên tri*.

“Ngày thứ năm, 29 tháng 2 năm 1504, khi tôi ở vùng đảo Indie trên đảo Jamaica trong cảng Santa Gloria, có một nguyệt thực. Vì nguyệt thực bắt đầu trước lúc mặt trời lặn tôi chỉ có thể quan sát lúc nguyệt thực kết thúc, khi mặt trăng vừa lấy lại được ánh sáng toàn bộ, và điều đó xảy ra hai giờ rưỡi sau khi màn đêm buông xuống”.

Lấy thời gian chính xác của nguyệt thực ở Cádiz trong cuốn niên lịch Colombo đã tính rằng “Sự chênh lệch giữa trung tâm đảo Jamaica trong đảo Indie và Cádiz ở Tây Ban Nha là bảy giờ mười lăm phút; tức là, tại Cádiz mặt trời lặn bảy giờ mười lăm phút trước khi lặn tại Jamaica.”

Đây là một mưu kế thông thường. Colombo phải chỉ rõ rằng những vùng Đất Mới nằm ở bên kia đường thỏa thuận theo Hiệp Nghị Tordesillas, do đó thuộc về châu Á và như vậy thuộc về Tây Ban Nha, vì vậy ông đã viết bảy giờ một phần tư thay vì bốn giờ ba phần tư như trong thực tế. Hiển nhiên đó là một mưu mô, nếu xem xét việc ông tính đường kinh tuyến. Khác với tình hình trong chuyến đi thứ

nhất, ông không bận tâm bởi những cuộc tranh cãi về kinh tuyến với người Bồ Đào Nha vì đường ranh giới giữa lãnh thổ của hai quốc gia trên bán đảo Iberia hiện là bắc-nam thay vì đông-tây. Tính toán của ông về kinh tuyến gần như hoàn hảo: “Tại cảng Santa Gloria, Jamaica, độ cao của ngôi sao bắc đầu là 18° . Kinh độ chính xác của vịnh Santa Gloria là $18^\circ 26' 45''$ ”, như vậy Colombo sai dưới nửa độ. Quả thực Colombo được lợi ở chỗ có một cái bục ổn định và có cả năm để làm lại những quan sát và đạt được con số trung bình. Tuy nhiên, đây là một tính toán chính xác nhất về kinh độ mà chúng ta biết từ đầu thế kỷ XVI.

Sự kiện nguyệt thực đáng xem xét. Trong điều kiện khổ cực, Colombo không những một lần nữa là một nhà lãnh đạo mà còn là một nhà địa lý giỏi, một người khảo sát sắc bén những hiện tượng tự nhiên, và một nhà vũ trụ học tài năng. Chứng cứ về điều đó là ông tính toán kinh độ gần chính xác, chứng cứ đó cũng chứng tỏ rằng khi ông cho vĩ độ của Cuba là 42° , ông không mắc sai lầm mà, như tôi đã nói, nói dối một cách có mục đích, để không cho người Bồ Đào Nha có cơ hội, hoặc giúp đỡ bằng cách nào đó cho các đối thủ có thể đi theo. Ở đây trên bờ biển Santa Gloria ông không cần nói dối về đường kinh tuyến nữa, và những con số của ông là chính xác.

Mặc dù Colombo làm chủ tình hình nhưng hoàn cảnh vẫn còn bi đát. Sự khổ cực, nỗi lo sợ và những thì thầm bàn tán tăng lên với thời gian, và sự phiền nhiễu bắt đầu. Bernal, chuyên viên, một nhà bào chế và thầy thuốc của đoàn tàu, bị tình nghi đầu độc một số người ốm để trả thù, Bernal quyết tâm ám sát Colombo để Colombo không đưa ra những lời buộc tội ông ta tại tòa án Tây Ban Nha. Bernal đã lôi kéo bốn thủy thủ tham gia kế hoạch và đã âm mưu cướp những ca nô mới mua của người Indians để vượt biển tới Hispaniola. Đúng đêm Bernal chọn để thi hành kế hoạch thì một chiếc buồm xuất hiện. Niềm vui của thủy thủ cũng tràn ngập đến cả những kẻ đồng lõa; họ chạy đến xem một chiếc tàu có hai buồm nhỏ thả neo gần bờ biển. Một chiếc thuyền đến tàu Bermuda; những người chèo thuyền yêu cầu một dây thừng. Họ gửi lên một thùng rượu, một phần tư lợn muối và một bức thư. Rồi người thuyền trưởng lớn tiếng yêu cầu nói chuyện với Colombo.

Người thuyền trưởng là Escobar, một đồng lõa với Roldán, bị kết án tử hình vì tham gia vào cuộc nổi loạn, nhưng sau được thưởng vì đã phản bội lòng tin của Roldán. Mặc dù bị xúc phạm bởi sự lựa chọn người sứ giả, Colombo đi ra khỏi buồng của ông. Escobar nói to lên rằng trong thời gian trước mắt, Tổng trấn của ông ta không có đủ tàu biển để đến đây đưa Colombo và những người của ông về, nhưng sẽ đến chở họ ngay khi có thể thực hiện được. Nếu Colombo muốn viết thư cho Ovando ông nên làm như vậy ngay tức khắc, vì chiếc tàu hai buồm phải trở về không chậm trễ. Nhận được bức thư gửi cho Ovando, Escobar trở về tàu của ông ta; trong thư Colombo kể lại chi tiết cuộc nổi loạn của Porras và nhiệt liệt khen ngợi Méndez và Fieschi. Nhổ neo và giương buồm chiếc tàu hai buồm biến vào trong đêm.

Cuộc khảo sát thứ nhất do Tổng trấn Ovando cử đi có vẻ hơi lạ. Ông ta gửi một thùng rượu và một phần tư con lợn muối đến cho rất nhiều người đói và ốm. Ông đã cử Diego de Escobar, một đại úy trước đây trong số những người nổi loạn dưới quyền Roldán làm chỉ huy tàu và do đó Ovando đã chọn một cách có chủ định, vì viên Tổng trấn biết rất rõ rằng Diego de Escobar là một kẻ thù của Colombo “vì những việc đã qua”. Như Las Casas nhận xét, Escobar được lệnh không lên những tàu đã được đưa vào bờ biển, không lên bờ và không nói chuyện với bất cứ người nào của Colombo.

Sự thất vọng trong số những người bị hỏng tàu là lớn, nhưng một lần nữa Colombo tỏ ra làm chủ được mình. Ông nói rằng vì chiếc tàu hai buồm quá nhỏ để chở mọi người, ông đã quyết định ở lại cho đến khi Méndez có thể gửi một tàu đủ lớn. Rồi ông cố giảng hòa với những người nổi loạn của Porras. Hai người được cử đến trại của những người nổi loạn mang theo một phần lớn thịt lợn muối do Ovando gửi đến để làm bằng chứng là tàu đã đến và đưa ra sự tha thứ chung. Porras đã đưa ra nhiều điều kiện và yêu cầu - nhiều thức ăn và quần áo và nhiều chỗ trên tàu - đến nỗi những sứ giả bị xúc phạm và ngừng một cách bất ngờ những cuộc thương lượng. Rồi những người nổi loạn tiến về Santa Gloria, tin rằng họ có thể dễ dàng chiếm những chiếc tàu biển đã đưa lên bờ. Colombo giao nhiệm vụ phòng thủ cho Bartolomeo. Bartolomeo tập hợp năm mươi người

mặc áo giáp và dẫn họ lên đồi đằng sau bãi biển để nghênh chiến với những người nổi loạn ngay lập tức.

Porras, dựa vào những người khỏe mạnh nhất trong số những người theo ông ta, ông ta cười khi thấy những binh lính đi ra từ khoang dành cho người ốm trên tàu để chiến đấu, và ông ta tin vào thắng lợi. Nhưng Porras sợ Bartolomeo đến nỗi ông ra lệnh cho sáu người giỏi nhất tấn công Bartolomeo và giết ông ta. Nhiều người Indians ở cạnh cuộc xung đột được ngắm nhìn trận đánh giữa những bộ mặt xanh bùng. Đó là ngày chủ nhật, 19 tháng 5 năm 1504. Khi hai bên giáp nhau, Francisco de Porras dẫn đầu cuộc tấn công, kêu lên “Giết! Giết!”. Người khỏe nhất tiến đến Bartolomeo và vây lấy ông, nhưng chỉ một cú ông đã giết hoa tiêu Juan Sánchez và bằng sự nhanh nhẹn không thể tưởng tượng được, ông đã đánh ngã năm người khác đã thề giết ông. Rồi Porras đến và chém Bartolomeo một cú mạnh bằng thanh kiếm của ông ta, đập vỡ khiên của Bartolomeo và làm ông bị thương ở tay. Lưỡi kiếm của Porras đâm ngập khiên và không rút ra được nữa. Bartolomeo đã có thể giết Porras, nhưng Bartolomeo để cho ông ta sống. Porras vùng tháo chạy nhưng bị Bartolomeo quật ngã, tước vũ khí và giao cho những người của ông như một tù nhân. Rồi Bartolomeo dẫn đầu cuộc phản công và giết Juan Barba, người đầu tiên rút kiếm chống lại Colombo. Những người phản loạn còn lại bỏ chạy. Về phía Colombo chỉ có một người chết, một người bồi của Colombo bị một vết thương nhẹ ở bên sườn và mọi người cho rằng có thể qua khỏi được. Ngược lại, Pedro de Ledesma, một trong những người phản loạn, sống sót mặc dù bị thương nặng khác thường; câu chuyện của ông này đáng kể lại. Ông ta bị một vết thương nặng ở đầu có thể trông thấy cả óc ông ta; một cánh tay bị chém, lỏng lẻo vô dụng ở vai, như một con gà gô đang rơi; một cẳng chân cũng bị chém ở một bên đùi, cũng lỏng lẻo như một chiếc giày không buộc; gan bàn chân của ông bị cắt như để một chiếc dép đi trong nhà bị gãy. Những sự so sánh này là từ don Fernando và Las Casas. Las Casas tiếp tục:

“Khi Pedro de Ledesma nằm trên mặt đất, những người Indians đến xem và sờ những vết thương lớn mà kiếm Tây Ban Nha có thể gây ra. Nhưng khi họ quấy rầy ông, Pedro kêu lên, “Coi

chừng! Tao có thể trở dậy!”. Những người Indians chạy trốn vì cơ thể bị thương của ông ta vẫn còn rất khỏe và giọng nói của ông ta còn rất mạnh. Pedro de Ledesma nằm trên mặt đất ngày diễn ra cuộc chiến và cả ngày hôm sau, khi những bạn đồng đội tìm thấy ông. Một bác sĩ chữa những vết thương của ông bằng dầu thay vì bằng nhựa thông trong tám ngày, và mỗi ngày ông ta lại thấy những vết thương mới. Cuối cùng Pedro hồi phục. Tôi đã trông thấy ông ta, khỏe như không có điều gì xảy ra, nhưng một ít ngày sau tôi được biết Pedro đã bị giết trong một cuộc ẩu đả”.

Những người bại trận tìm cách xin lỗi, Colombo nhận lời xin lỗi với hai điều kiện: Francisco de Porras vẫn bị xiềng, còn những người khác không được ở lại trên tàu, vì không có đủ thức ăn. Họ phải sống ở một nơi khác cho đến khi chiếc tàu từng mong đợi đến.

Don Fernando và Las Casas nhất trí rằng những người nổi loạn đã đầu hàng ngày 20 tháng 5 năm 1504. Cuối cùng cũng trong tháng 5, Méndez đã trang bị được một chuyến tàu cứu trợ. Ovando không cho phép ông sử dụng một chiếc tàu ở Santo Domingo, và ông đã phải đợi những tàu từ Tây Ban Nha đến. Sau một thời gian chờ đợi lâu dài, cuối cùng ba tàu đã đến. Trong số đó, có một tàu nhỏ do Méndez thuê, được cung cấp thức ăn và gửi đến Jamaica dưới quyền chỉ huy của Diego de Salcedo. Theo lệnh của Colombo, Méndez trở về Tây Ban Nha trên một trong những chiếc tàu khác, mang theo những bức thư gửi cho Vua và Hoàng hậu và Cha Gorricio. Chiếc tàu nhỏ tới Santa Gloria cuối tháng 6 năm 1504. Don Fernando viết: “Trên chiếc tàu đó chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình, những người bạn và những kẻ thù”. Họ đi ngày 28 tháng 6 và đã ở Santa Gloria một năm bốn ngày. Với một cột buồm chính tồi tệ và xàm không tốt, chiếc tàu nhỏ chỉ nổi thôi. Mất một tháng rưỡi tàu mới đến Santo Domingo.

Ngày 13 tháng 8 năm 1504 Ovando đã tiếp Colombo khá lịch thiệp, nhưng ông chỉ đơn thuần theo nghi lễ. Một trong những hành động đầu tiên của ông là trả tự do cho anh em Porras, viện lý rõ ràng rằng Colombo không có quyền trên vùng đảo Indie, nên không thể trừng phạt được. Mặc dù đấu tranh đòi những quyền lợi và quyền

lực đến cùng, Colombo vẫn chịu khuất phục. Như vậy một thái độ nhẫn nhục đáng buồn, kết thúc cuộc phiêu lưu phát kiến vĩ đại.

Những ghi chú ngắn gọn sau đây, bỏ qua những cuộc phát kiến thêm, do những nhà hàng hải Tây Ban Nha táo bạo khác thực hiện, tiếp theo bốn chuyến đi vĩ đại của Colombo. Những lời ghi này chỉ liên quan đến hai năm cuối cùng của cuộc đời Colombo, những năm ông gặp khó khăn vì ốm yếu và vì thất bại trong những cố gắng kiên cường đấu đởn đòi khôi phục lại những quyền lợi và đặc quyền mà ông vẫn tin là của ông.

12 tháng 9 năm 1504: Colombo lên tàu biển tại Santo Domingo để về Tây Ban Nha. Cùng đi với ông là con trai ông, don Fernando, anh ông, Bartolomeo, và hai mươi hai người khác. Một số người sống sót từ Santa Gloria lên chiếc tàu nhỏ đã cứu họ từ Jamaica, còn thì hầu hết ở lại Santo Domingo. Một số sẽ là những người định cư đầu tiên ở Puerto Rico.

7 tháng 11 năm 1504: Hoàng hậu Isabella chết tại Medina del Campo. Bà ta đã lắng nghe một người thủy thủ chưa rõ tên kể chuyện, cảm nhận tài năng của ông, bảo vệ sự nghiệp của ông, tôn trọng kỳ tích của ông.

Tháng 5 năm 1505: Colombo và Bartolomeo đến triều đình, ở Segovia, và được vua Ferdinando tiếp kiến tôn nghiêm nhưng lạnh lùng. Theo đòi hỏi của Colombo, nhà vua cho phép ông chỉ định một người làm trung gian cho những lợi ích của ông. Colombo chọn Cha Deza, Tổng giám mục Siviglia, người Dominic đã ủng hộ Colombo từ thời gian họ gặp nhau tại Salamanca cho đến khi kết thúc những cuộc thương lượng mệt nhọc với nhà vua về chuyến đi phát kiến đầu tiên.

Suốt một năm, Colombo sống với những hy vọng, những ảo tưởng, những nỗi thất vọng và đau buồn. Ông đã theo triều đình tới Valladolid, tại đây ông cố gắng yêu cầu được tiếp kiến những vị vua mới của Castiglia: Infanta Juana và chồng bà là Philip người nước Áo. Ông không nghèo, như truyền thuyết thường nói; ông có tiền và được gia đình, bè bạn, có đầy tớ sum vầy và giúp đỡ. Nhưng ông bị triều đình bỏ rơi và công chúng lãng quên.

20 tháng 5 năm 1506: Nhà thủy thủ vĩ đại nhất của tất cả các thời đại, nhân vật chính sáng ngời của cuộc phiêu lưu vĩ đại nhất trong

lịch sử, chết tại Valladolid, đêm trước của ngày lễ Lên trời. Lời cuối cùng của ông khi được làm lễ xức dầu lớn nhất là “Ôi Chúa, con giao linh hồn con vào cánh tay Người”.

Biên niên sử chép tay ở địa phương đã ghi câu này: “Đô đốc Colombo, người đã phát hiện ra vùng đảo Indie và nhiều vùng đất khác, chết ở thành phố này ngày thứ tư, đêm trước lễ Lên trời, 20 tháng 5 năm 1506”. Nước Tây Ban Nha, châu Âu và phần còn lại của thế giới không nhận được tin tức về cái chết của ông.

Nơi Colombo sống những tuần lễ cuối cùng chắc chắn là trung tâm Valladolid. Một viên đá trên những bức tường còn lại của một ngôi nhà cũ ghi “Colombo chết ở đây”. Nghi lễ an táng được cử hành tại nhà thờ Santa Maria de la Antigua. Thi hài ông được chôn tạm trong tu viện San Francisco (nhà thờ nhỏ Luis de la Cerda) cho đến ngày 11 tháng 4 năm 1509, rồi được chuyển đến tu viện Las Cuevas di Siviglia, một trong những tu viện lớn nhất trong thành phố. Cha Gorricio, người gần gũi, bạn tâm tình của Colombo ở đó. Thi hài Colombo ở đó trong mấy thập kỷ, cho đến khi có quyết định rằng nơi an nghỉ cuối cùng của Colombo nên ở những vùng đất Colombo đã phát kiến, nhất là ở Hispaniola, nơi trụ cột của việc Hispaniola hóa châu Mỹ trong thế kỷ thứ XVI. Chuyển thi hài năm nào thì không biết chắc; có thể là trong khoảng từ năm 1537 đến năm 1559. Rồi trong một thời gian, tại thành phố Santo Domingo - thành phố duy nhất trong những thành phố do Colombo, hoặc anh em ông thành lập, tên của ông gợi nhớ tới địa vị cao nhất của Nhà phát kiến - là nơi chôn cất hài cốt của Colombo và của Diego, con trai ông; Bartolomeo, anh của ông; don Luis, viên Đô đốc thứ ba; don Cristobal, con trai của viên Đô đốc thứ ba. Năm 1795, với hiệp nghị Basel, Tây Ban Nha nhường cho Pháp phần của mình về đảo Hispaniola, và Quận công xứ Veragua quyết định mang thi hài của Colombo tới Havana. Hài cốt được đặt một cách trang trọng trong chiếc tàu hai buồm *Descubridor* và chuyển đến Cuba. Tại Havana, những hài cốt được đặt gần bàn thờ sách Phúc âm trong nhà thờ lớn, dưới một phiến đá khắc dòng chữ như sau:

Hài cốt và chân dung của Colombo vĩ đại,

Trong một nghìn thế kỷ ông sẽ tiếp tục tồn tại trong bình đựng di cốt

Và trong trí nhớ của dân tộc chúng tôi.

Nhưng ngay cả tại Havana di cốt của Colombo, hay hài cốt mà người ta cho là của Colombo, cũng không được yên. Mỹ chiếm Cuba năm 1898, chính phủ Tây Ban Nha mang hài cốt của Colombo về châu Âu, tại đây, sau khi vượt Đại Tây Dương, cuối cùng hài cốt được đặt vào mộ đài, do nhà điêu khắc Arturo Mélida xây tại Nhà thờ lớn Siviglia, đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ bốn trăm ngày phát kiến ra châu Mỹ.

Tôi nói “hài cốt của Colombo, hay hài cốt mà người ta cho là của Colombo” vì năm 1877 toàn bộ vấn đề nhận dạng hài cốt của nhà Phát kiến vĩ đại đã bị lật ngược bởi một giải thích giật gân nhưng chi tiết của Đức ông F.Rocco Cocchia, Giám mục ở Oropa và đại diện Tòa thánh tại Santo Domingo^[1]; Giám mục Rocco Cocchia nói rằng ông đã thấy mộ của don Luis Colón tại chính điện nhà thờ lớn và mộ của Colombo ở gần đó (lời khẳng định của ông được sự hỗ trợ của những người Genova khác sống tại Santo Domingo). Nhớ lại tác phẩm nổi tiếng *Thư gửi Cesare Cantù về việc phát hiện hài cốt của Critofoero Colombo*, xuất bản năm 1877 trong *Tạp chí khảo cổ lịch sử và mỹ thuật*^[2], Cocchia cho rằng hài cốt của Colombo không bao giờ rời khỏi nhà thờ lớn Santo Domingo. Những hài cốt chuyển đến Havana là hài cốt của don Diego, hoặc do nhầm lẫn, hoặc do mưu đồ những người Dominicana quản lý nhà thờ lớn năm 1795 muốn giữ những hài cốt quý giá nhất này. Một số chuyên gia ngày nay cũng đồng ý như vậy. Một số người vẫn cho rằng tro hài cốt của Colombo vẫn ở Santo Domingo. Năm 1878, do sáng kiến của viên công sứ Vương quốc Ý Luigi Cambiaso, một người thành phố Genova, đã lấy một phần nhỏ tro hài cốt đó (cũng như Venezuela và Trường Đại học Pavia đã lấy)^[3].

Tuy nhiên tại Tây Ban Nha, nhiều người tin rằng di cốt của Colombo quả thật đã đưa đến Havana năm 1795 và “những phát hiện” của Cocchia không đáng xem xét. Một số người tin rằng Colombo vẫn được chôn tại đất bao quanh tu viện Las Cuevas, trong

khi một số khác tưởng tượng rằng di cốt của Colombo để tại Valladolid, Puerto Rico, hoặc ở một nơi nào khác. Cũng như sự sinh trưởng của ông, sự chết của Colombo là chủ đề của huyền thoại, những người không đi sâu vào khoa học đã làm tăng thêm những lý thuyết tưởng tượng và tạo ra những chuyện hoang đường viễn vông. Tôi cho rằng những gì còn lại về nhà hàng hải vĩ đại là ở ngôi mộ cổ tại Santo Domingo, mặc dù chúng ta không thể chắc chắn về điều này nhưng chúng ta chắc chắn về nguồn gốc Genova của ông, bây giờ được chứng minh bằng cả tài liệu lẫn chứng cứ về văn hóa.

40

CON NGƯỜI COLOMBO: NHÂN VẬT CHÍNH TRONG SỰ KIỆN VĨ ĐẠI.

Không có những bức chân dung thực về Colombo. Tuy nhiên có hơn tám mươi bức tượng, hoặc bức vẽ, bức nọ hoàn toàn khác với bức kia, vì các nghệ sĩ được kích thích bằng trí tưởng tượng riêng của mình về hình dáng, thể chất của Colombo do những người biết ông kể lại cho chúng ta. Có bốn miêu tả về Colombo:

Miêu tả thứ nhất để lại cho chúng ta là của don Fernando, con trai ông, sinh khi Colombo ba mươi bảy hay ba mươi tám tuổi. Trong *Historie della vita e dei fatti di Cristoforo Colombo*, don Fernando viết như sau:

“Viên Đô đốc có hình dáng cân đối, cao hơn trung bình, có mặt dài và gò má cao, ông không béo và cũng không gầy. Ông có mũi khoằm, mắt sáng, nước da sáng và sắc thái khỏe mạnh. Thời trai trẻ ông có tóc hoe, nhưng khi đến ba mươi tuổi tóc đổi sang màu trắng”.

Miêu tả thứ hai là của Las Casas. Las Casas đích thân gặp Colombo tại Santo Domingo năm 1500, khi Colombo khoảng năm mươi tuổi. Las Casas viết như sau trong cuốn *Historia de las Indias*, chương 2:

“Về con người và vẻ bề ngoài, ông cao trên trung bình, mặt dài và cương quyết, mũi khoằm, mắt xanh, diện mạo sáng sủa, có xu hướng hồng hào. Râu và tóc ông màu hoe khi ông còn trẻ và

chuyển sang màu trắng, hầu như trong một sớm một chiều, do sự vất vả nặng nhọc của ông”.

Miêu tả thứ ba của Oviedo. Oviedo gặp Colombo khi Colombo khoảng bốn mươi tuổi. Đoạn sau đây trích từ *Historia general y natural de las Indias*:

“Một con người có tầm vóc cân đối và vẻ bề ngoài đẹp, cao hơn trung bình và khỏe. Mắt ông sáng còn những nét khác thì rất cân đối. Tóc ông rất đỏ, mặt hơi đỏ và có tàn nhang”.

Miêu tả cuối cùng là miêu tả của người Venezia Angelo Trevisan, nhân viên cao cấp và thư ký riêng của đại sứ Venezia tại Tây Ban Nha. Có lẽ Trevisan gặp nhà đi biển Genova khi ông năm mươi tuổi:

“Christopher Colombo, một người thành Genova cao, có dáng vóc cao quý^[4], da hơi đỏ, rất thông minh, khuôn mặt dài”. Ở đây chữ được dịch là “cao quý” trong tiếng Ý thế kỷ thứ XV có nghĩa là “cao”, những chữ đó cũng có thể dùng theo nghĩa Latin là “quý phái”.

Mặt dài, má khá cao và không béo (Don Fernando); mặt dài (Las Casas); mặt dài (Trevisan). Do có trán cao, rộng nên ông được coi là có vẻ quyền quý và theo Las Casas là có vẻ đầy quyền lực. Mũi ông khoằm như Don Fernando và Las Casas chứng thực. Mắt ông sáng (Don Fernando), xanh (Las Casas), hay linh hoạt (Oviedo), biểu thị trí thông minh lớn (Oviedo và Trevisan), tài hùng biện và tự hào (Las Casas và de Barros).

Còn lại vấn đề màu sắc của ông. Chúng ta có thể chắc chắn về một số yếu tố. Tóc ông bạc trắng sau khi ông ba mươi tuổi. Don Fernando, Las Casas, Oviedo và Trevisan - bốn người đích thân trông thấy Colombo - biết Colombo khi tóc ông đã đổi thành trắng. Điều này giải thích tại sao họ nói khác nhau về màu sắc tóc của Colombo khi ông còn thanh niên. Theo Don Fernando và Las Casas tóc Colombo “màu hoe” theo nghĩa của tiếng Castiglia; người ta

ngạc nhiên không biết tại sao một số người nói tiếng Anh đã dịch từ đó là “đỏ”. Có lẽ họ bị ảnh hưởng của Oviedo, ông này nói “Tóc rất đỏ” và chịu ảnh hưởng của màu mặt của Colombo mà tất cả đều nói là hồng hào. Dario Guglielmo Martini đúng khi ông nói rằng Colombo có gò má đỏ. Trong thực tế don Fernando, trong cuốn *Historie*, nói “da trắng, nổi lên một màu rục rỡ”; Las Casas, “diện mạo sáng sủa, có xu hướng hồng hào”; Oviedo, “mặt hơi đỏ và có tàn nhang”; Trevisan, “đỏ”. Tôi thiên về ý cho rằng tóc của Colombo lúc trẻ, đỏ nhiều hơn hoe, như don Fernando và Las Casas nói, có lẽ bị lôi cuốn nhiều hơn với màu hoe.

Dù sao khả năng giác quan của Colombo quan trọng hơn ngoại hình của ông. Ông có khứu giác đặc biệt, đó là một thực tế không thể chối cãi được về đặc tính thể chất của ông. Tất cả những bài viết của Colombo chỉ rõ điều đó. Nhiều người biết Colombo đã ca ngợi khả năng khứu giác khác thường của ông và để lại những bản tường trình về sự nhạy bén sắc sảo của ông đối với những mùi. Một số người coi đó là giả vờ nhưng đó chỉ đơn thuần là một giác quan phát triển cao, một thành phần cơ bản và quyết định của giác quan thứ sáu của ông, giác quan của ông về biển.

Thị giác và thính giác của ông cũng khác thường không kém. Ông đã phá hủy thị giác của mình trong suốt cuộc vượt biển thứ ba (1498) khi ông đứng suốt hai mươi bảy buổi chiều tháng 7 trên boong tàu, trở mắt nhìn vào mặt trời để tìm hướng đi từ đông sang tây. Ông mắc bệnh viêm mắt, nhưng ông vẫn giữ được những khả năng đi biển xuất sắc và không thể tưởng tượng được mà ông đã có trong thời thành niên tại hải phận Liguria và Địa Trung Hải và đã hoàn thiện ở Đại Tây Dương.

Ngoại hình thể chất và những khả năng của ông đã được nói đến rất nhiều. Cuộc thảo luận sẽ phải dài hơn và phức tạp hơn nhiều, khi xem xét tính chất, tâm lý và những đặc tính tinh thần của ông. Về những vấn đề này, hàng trăm và có lẽ hàng nghìn luận văn và bài báo đã viết trong năm thế kỷ qua. Đã có nhiều tiểu thuyết, kịch và thậm chí cả nhạc kịch trữ tình. Những tác phẩm văn học, không bị ràng buộc bởi sự thực lịch sử mà chỉ tùy theo cảm hứng, thi ca. Hai tác phẩm đã nổi bật: *Le Livre de Christophe Colombo* của Paul Claudel và *El parpa y la Sombra* của Alejo Carpentier. Hai tác giả này

hoàn toàn xuyên tạc thực tế, lúc thì thay đổi lịch sử, có khi lại tôn trọng lịch sử một cách thận trọng tỉ mỉ. Cả hai cuốn sách đều là những tác phẩm nghệ thuật có một không hai, đủ để bảo đảm địa vị của chúng trong văn học thế giới. Tác giả đã thực hiện một sự tương phản hoàn toàn: Colombo của Claudel được thấy tiếng nói thần bí như thánh Giovanna d'Arco, trong khi Colombo của Carpentier lại là một tên lừa đảo, một kẻ nói dối, một tên kẻ cắp và một tên chơi gái. Hai giải thích nghệ thuật, chúng ta phải đọc chúng mà không quan tâm đến Colombo thực sự, không quan tâm tới bất cứ huyền thoại nào về sự vinh quang, hoặc những cố gắng làm mất thanh danh của Colombo. Ở mức độ tính chân xác tỉ mỉ và chặt chẽ của lịch sử, Colombo không phải là một vị thánh mà cũng không phải là một nhà chính trị sành sỏi. Những rủi ro của ông không thể giải thích đơn thuần bằng sự không may, cho nên sự hiềm khích của kẻ thù và lòng ghen ghét của những kẻ không chịu nổi một người nước ngoài có nguồn gốc khiêm nhường lại được cấp những đặc quyền và danh vọng cao như thế. Colombo không phải là dốt dần, hay không có khả năng, nhưng ông thiếu hai đức tính cốt yếu nhất của một nhà chính trị: Khả năng có những quyết định vững chắc về lâu dài và một kiến thức sắc bén về bản chất con người, không thể thiếu để đặt những người dưới quyền vào đúng vị trí của họ.

Một số người đã gọi Colombo là một con người thời Trung cổ, một số khác lại nói ông là con người thời Phục hưng, tâm hồn ông cao hơn thế kỷ ông sống. Trong thực tế, ông ở giữa hai thời đại: sự tiếp cận lý thuyết của ông đối với triết học, thần học và thậm chí khoa học thì có tính chất Trung cổ, trong khi nhiệt tình của ông đối với điều tra khoa học, mối quan tâm sắc bén về thiên nhiên và khả năng chấp nhận những hiện tượng từ trước chưa được quan sát và giải thích, lại tiêu biểu cho thời Phục hưng. Như tôi đã giải thích một cách đầy đủ, lý thuyết kinh tế của ông cũng thuộc thời Phục hưng, điển hình là tính chất trọng thương và tư bản chủ nghĩa, ít nhất cho đến khi xảy ra lộn xộn trong cuộc đi biển lần thứ ba tại Santo Domingo.

Về tâm lý ông là một con người Hiện đại. Ông cụ thể và thực dụng tới mức quá tỉ mỉ, ông chỉ đề ra những dự án của mình sau khi có kinh nghiệm trực tiếp, và từ đó nảy ra khái niệm về kế hoạch lớn

của ông. Nói tóm lại, Colombo có tâm lý hiện đại nhưng nguồn gốc Trung cổ.

Người ta cũng có thể nói như vậy về tinh thần của ông. Colombo là một tín đồ Công giáo ở ý nghĩa hiện đại, nhưng bị ảnh hưởng bởi những giáo huấn Trung cổ. Lòng tin của ông mạnh mẽ, thành thật, và không thể cạn kiệt, luôn luôn trong trắng và không bị ảnh hưởng bởi mê tín và đạo đức giả, ngay trong những hoàn cảnh khắt thiết nhất. Nhiều lúc ông là một người cuồng tín, hay như chúng ta nói ngày nay, một tín đồ thực sự. Nhưng sự cuồng tín của ông không bao giờ vi phạm những nguyên tắc vĩnh cửu của thế giới quan Công giáo và Gia tô. Colombo không bao giờ đặc biệt thích các giáo chức. Để bảo vệ Công giáo chân chính, Colombo đã tranh luận với cha cố, với những thầy tu khổ hạnh và những giám mục, nhưng cũng với tinh thần như thế, một số ít thầy tu khổ hạnh và giám mục đã dành cho ông tình thân hữu suốt đời, trong số những người này có Cha Antonio Marchena thuộc dòng Francesco.

Cha Marchena cũng là một nhân vật hàng đầu trong cuộc phiêu lưu vĩ đại nhất trong lịch sử phát kiến.

Gặp phải sự thần bí không thể nào tin được về một lục địa thứ tư, Colombo đã không đặt cái vượt ra ngoài vũ trụ (Tĩnh ngục) ở trong cái vốn chỉ tồn tại trong vũ trụ (Nam bán cầu), như Dante đã làm. Thay vào đó, Colombo đã đi đến một ý nghĩ về Thiên đường trên trái đất mà ngay cả một người hoài nghi như Amerigo Vespucci cũng phải chấp nhận. “Nếu có bao giờ nó tồn tại thì nó chỉ có thể tồn tại ở những nơi này”.

Khi phải đối phó với nguy hiểm chết người trong những trận bão, ông đã quay sang Đức Mẹ Đồng Trinh và các Thánh như những người theo đạo Gia-tô vẫn làm suốt trong thời Trung cổ, thời Phục hưng và thời Hiện đại. Khi ông bị thương tổn vì sự ghen ghét, sự hèn hạ, lòng tham và sự độc ác của con người, nhất là khi ông bị hiểu lầm, hoặc phải chịu những điều ông coi là bất công từ phía Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha, Colombo luôn luôn phản ứng với sự khiêm nhường Công giáo và sự nhẫn nhục của một tín đồ nhìn quá dưới hạn của cuộc sống trần tục.

Colombo đặc biệt dốc lòng thờ Đức Mẹ Đồng Trinh và Thánh Francesco. Ông thuộc đến mức hoàn hảo Kinh Tân ước và nhiều

đoạn của Kinh Cựu ước. Khi gặp phải cơn hiểm nguy kinh khủng nhất mà ông chưa từng thấy trong kinh nghiệm hàng ngày về tình yêu và chiến tranh với biển, và khi nhận thấy không còn hy vọng ở trật tự tự nhiên, Colombo trực tiếp kêu gọi đấng Tạo hóa, đọc lại những vần thơ đầu tiên trong Kinh Phúc Âm của thánh Giovanni. Đồng Trinh và Thánh Francesco không phải là kết quả của sự mê tín mà là bộ phận của bản chất tôn giáo có hệ thống và chặt chẽ.

Cuối cùng, cần phải nhắc lại rằng việc Colombo liên tục bận tâm tìm vàng và của cải luôn luôn nhằm một mục tiêu rất xác định: một cuộc Thập tự chinh để chinh phục lại Mộ Thánh. Tinh thần Thập tự chinh này không có tính chất Trung cổ. Mục tiêu đó mới, được làm sống lại bởi sự xúc động tâm lý về sự sụp đổ của Constantinople, thủ đô của Công giáo - cùng với Roma. Tinh thần Thập tự chinh mới không những muốn chinh phục lại Đất Thánh mà còn muốn nhiều hơn nữa, muốn nối lại Đất Thánh đã bị phân chia, mang thế giới trở về sự thống nhất đã có dưới thời con chim ưng La Mã và được tiếp tục bằng việc truyền đạo Công giáo. Tất cả những người man rợ - những người Đức, những người Slavơ, những tên cướp biển người bán đảo Scandinave thế kỷ thứ VIII và IX và những người Tartar ở Trung Á - đã tìm thấy một chỗ cho Công giáo, nhưng Hồi giáo đã làm tan vỡ thế giới, đã phân chia Công giáo. Việc đưa những kế hoạch của ông vào lý tưởng tôn giáo của một cuộc Thập tự chinh mới cũng có những nguồn gốc ở Genova, tại đây đã nhen nhóm lòng mong muốn một cuộc Thập tự chinh vào đầu nửa sau của thế kỷ XV; lòng mong muốn đó được tăng cường khi ông đến bán đảo Iberia, tại đây ông đã gặp những người Công giáo trốn khỏi sự áp bức của đạo Hồi.

Khái niệm Công giáo và Gia-tô giáo về thế giới đã hình thành cột trụ chủ yếu và cơ bản của nhân cách Colombo. Không có mâu thuẫn giữa sự khẳng định này với sự khẳng định cũng tuyệt đối cho rằng Colombo không phải là Thánh. Đối với địa vị đó, lòng tin của ông chưa đủ, mặc dù không thể lay chuyển được; sự khiêm nhường của ông, sự nhịn nhục của ông và lòng hào phóng một đôi khi của ông, cũng chưa đủ vì ông cũng biểu hiện sự kiêu hãnh, lòng tham lam, sự nghi ngờ, sự ích kỷ, sự thiên vị với bạn bè và người thân, sự thờ ơ và tham gia trực tiếp vào việc thành lập chế độ nô lệ đáng kinh tởm. Trước hết ông là con người tự hào; trong những năm cuối của cuộc

đời mình, khái niệm thần bí về bản thân mình và sứ mệnh của mình đã đưa ông đến niềm tin cho rằng ông là con người sẽ mở cửa vào thời đại thứ ba, thời đại của Thánh thần mà Gioacchino da Fiore đã tiên đoán. Lòng tin của ông mạnh mẽ bao nhiêu thì lòng từ thiện của ông yếu và không liên tục bấy nhiêu; ông không phải là vị thánh lớn, thậm chí một vị thánh nhỏ cũng không phải; Colombo là người bảo vệ giáo lý kiên quyết, có đức tin sâu sắc và thường xuyên - và đó không phải là một thành tựu nhỏ.

Coi Colombo chỉ thuần túy là một “nhà mạo hiểm” là sai. Chắc chắn trong đời ông có phiêu lưu. Ông không bao giờ từ chối phiêu lưu mà liên tiếp tìm kiếm phiêu lưu, ông coi thường sự hiểm nguy, táo bạo và dũng cảm, tin vào những sức mạnh riêng của mình và sự giúp đỡ chắc chắn của Chúa. Cuộc vượt biển Đại Tây Dương lần đầu tiên hiển nhiên là một cuộc phiêu lưu thần kỳ, nhưng ở một ý nghĩa nhất định, những cuộc đi đầu tiên của ông đến Chio, Băng Đảo và Guinée cũng thần kỳ. Cuộc đi thứ ba cũng là một cuộc phiêu lưu, tự nguyện theo đuổi trong sự dày vò, khổ sở của vùng nhiệt đới. Nhưng hành động dũng cảm nhất của ông - hay một loạt những hành động dũng cảm - là cuộc đi biển thứ tư, thực hiện khi ông gặp rủi ro, với ý định đi vòng trái đất. Ông kết thúc cuộc đi với hai chiếc tàu bị hà ăn thủng phải đưa lên bờ cả một năm trời tại Santa Gloria, Jamaica trên một bờ biển mở như ta có thể thấy ở bất cứ nơi nào trên thế giới.

Tất cả những cuộc phiêu lưu của Colombo cũng không phải chỉ trên biển cả. Việc ông rời Bồ Đào Nha sang Tây Ban Nha và kiên trì trong bảy năm - không bao giờ nhận thất bại - trong cố gắng giành sự ủng hộ cho kế hoạch lớn của ông không phải là một cuộc phiêu lưu hay sao? Cuộc khảo sát của ông tại Vega Real và việc thành lập San Tomaso ở trung tâm của một vùng đất chưa hề biết như Đại dương là một hành động dũng cảm mạnh dạn khác nữa. Cả cuộc đời ông là một cuộc phiêu lưu kỳ diệu, mặc dù đó là một sự pha trộn vui mừng, khổ đau và quần quai. Những người gọi ông là một “kẻ mạo hiểm” chỉ nhằm giảm công lao của ông, cố tình giải thích thành công của ông chỉ thuần túy do may mắn và thời cơ. Ở ý nghĩa này, Colombo dứt khoát không phải là một người mạo hiểm. Quả thật công lao của

ông gắn liền với thành công của ông, nhưng những công lao đó là nguyên nhân, không phải là kết quả.

Lịch sử sẽ bị bóp méo nếu chúng ta làm ngơ trước một mặt đặc biệt về tính chất của Colombo: Một nhà hàng hải có tài năng đặc biệt. Nhiều lần tôi đã đề cập lâu dài đến những thực tế, những sự kiện và xét đoán, điều đó đủ chứng minh lời khẳng định của tôi. Colombo không những đã phát kiến châu Mỹ, ông còn phát hiện ra những đường đi giữa châu Âu và Vịnh Mexico. Trong thời còn dùng buồm, những tàu biển rời nước Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, hoặc Ý đi Mexico, cửa sông Mississippi, bất cứ đảo nào ở biển Caribe, hay Colombia, Venezuela đều theo con đường Colombo đã đi trong chuyến đi biển đầu tiên. Khi trở về, những tàu đó đi lên phía bắc Biển Sargasso trên vĩ tuyến thuộc quần đảo Azzorre. Thậm chí, ngày nay, bất cứ ai muốn vượt Đại Tây Dương bằng tàu buồm đều chọn con đường trong chuyến đi thứ hai của Colombo, từ quần đảo Canaria đến đảo Guadeloupe.

Việc phát hiện ra những tuyến đường gắn liền với việc tìm ra gió xích đạo. Tôi đã nói dài về gió xích đạo, cũng như tôi đã chỉ rõ rằng Colombo là người đầu tiên phải đương đầu với biển Sargasso mà không sợ hãi, ông đã có khái niệm ban đầu về dòng Gulf Stream và phát hiện ra việc lệch kim la bàn sang phía tây. Nhưng trước hết trong kỷ nguyên cận đại, Colombo là người bắt đầu đi biển ở ngoài khơi: Người đầu tiên và quyết tâm, ông dám đi ra khỏi tầm mắt của đất liền trong những thời gian dài.

Tôi đã nói rằng Colombo có những tài năng thể chất tới mức độ đặc biệt của người đi biển. Michele da Cuneo viết như sau: “Chỉ trông thấy một đám mây, hay một ngôi sao ban đêm, ông ta có thể nói điều gì sẽ xảy ra và thời tiết có xấu hay không. Ông chỉ huy và đứng ở khoang bánh lái và khi bão tan, ông tự mình giương buồm lên trong khi những người khác đang còn ngủ.

Có một chứng cứ đặc biệt lôi cuốn sự chú ý về những khả năng đi biển khác thường, gần như ảo thuật này của Colombo. Trong chuyến đi biển thứ tư, ông đang ở ngoài khơi Santo Domingo. Ông được biết ba mươi tàu Tây Ban Nha sắp đi châu Âu chở đầy vàng. Ông lập tức gửi lời đến nói rằng họ nên đợi vì một trận bão sắp xảy ra. Tuy nhiên, hình như không có dấu hiệu rõ ràng nào hỗ trợ cho sự

tiên đoán của ông. Biển cả và bầu trời không tỏ ra đe dọa, và gió thổi thuận lợi để đi về phương đông. Những người Tây Ban Nha cười việc lo lắng của ông, và hùng hậu ra đi. Nhưng trước khi đoàn tàu đến đầu phía đông đảo Hispaniola bầu trời trở nên mờ, biển cả phẳng lặng và xám và không khí ngột ngạt. Như vậy cơn bão đã tự báo, nhưng sự phẳng lặng không trở lại. Trận cuồng phong đã làm lay động những cột buồm, thân tàu và phá vỡ mọi thứ trên tàu. Một phần lớn đội tàu bị mất với tất cả thủy thủ và một số lượng vàng khổng lồ. Chỉ có bốn chiếc lao đao về với Santo Domingo. Những chiếc tàu khác bị đập tơi tả, trú trong những vịnh và vũng tàu thuộc bờ biển đông-nam.

Một chiếc tàu duy nhất, chiếc tàu nhỏ nhất và tồi tệ nhất trong số những tàu biển đó, chiếc Guccha, không bị hư hỏng. Chiếc tàu đó tiếp tục đi về Tây Ban Nha, không đoái hoài đến số phận của những tàu khác. Trên tàu này là người thay mặt cho Colombo, Alonso Sánchez de Carvajal; ông này mang khoảng bốn nghìn đồng peso do Bobadilla giao nộp cho Colombo theo lệnh của Vua và Hoàng hậu. Đó là số vàng duy nhất trong số lượng lớn chuyên chở bằng tàu biển trong dịp đó từ Santo Domingo về tới Tây Ban Nha và tại đây số vàng đó được trao cho don Diego, con trai của Colombo. Ngoài thực tế đáng ngạc nhiên là chỉ có vàng của Colombo được cứu khỏi trận bão, có một thực tế khác nữa, cũng đáng ngạc nhiên không kém. Tất cả bốn chiếc tàu của nhà phát kiến, ngay cả chiếc Santiago de Polos mà ông đã muốn bán đi, đều đã thoát nạn.

Thế là Người nước ngoài kiêu căng này cũng là một nhà tiên tri, một phù thủy có thể làm xuất hiện một cơn bão và làm cho cơn bão đó đánh chìm những tàu biển của kẻ địch, trong khi không đụng đến tàu của ông. Tất nhiên Colombo không phải là một phù thủy, và cũng chỉ do ngẫu nhiên chiếc tàu duy nhất được thoát nạn và về tới Tây Ban Nha là chiếc tàu chở vàng của ông. Nhưng có đúng không, việc này chưa thực rõ ràng, Colombo đã cảm thấy một trận bão đang tới gần; một hiện tượng hoàn toàn không được biết tới trong thế giới cũ. Colombo chỉ có kinh nghiệm về hiện tượng này bảy năm trước đó. Như vậy ông đã biểu thị sự nghiên cứu vô địch của ông về biển cả.

Trong số những học giả vĩ đại nhất về Colombo, Thacher, Harris, Caddeo, de Lollis, Revelli, Morison, Ballesteros Beretta,

Madariaga và Nunn hoàn toàn khẳng định lời nhận xét của Las Casas: “Christopher Colombo vượt tất cả những người đương thời về nghệ thuật đi biển”. Chỉ có một số ít người bất đồng với sự đánh giá đó. Người phê phán mạnh mẽ nhất kỹ năng đi biển của Colombo là Vignaud; kinh nghiệm về đi biển của ông hình như bị hạn chế ở những cuộc đi ra ngoài trời trên những tàu chở khách du lịch trên sông Seine. Nhà khảo sát người Pháp vĩ đại Charcot gọi Colombo là “một thủy thủ có giác quan về biển”, khả năng huyền bí và bẩm sinh đó cho phép ta chọn con đường đúng giữa đại dương ... Người ta đã bình luận nhiều và còn tiếp tục bình luận, nhưng những chiếc tàu đã đi vào lịch sử. Thành tựu của Christopher Colombo vĩ đại đến nỗi nó làm người ta phải say mê”. Đó là lời nhận xét của một thủy thủ vĩ đại về một thủy thủ khác, về một người mà trừ Cook, không một ai có thể sánh kịp, trong số thủy thủ thuộc tất cả các thời đại.

Colombo cũng là một nhà địa lý, hầu hết là tự học. Việc Colombo sinh tại Genova không làm cho ta ngạc nhiên và là một việc quan trọng - không như một số người nói hoàn toàn không suy nghĩ. Trong thời thơ ấu của Colombo ở Genova, ông đã học những yếu tố đầu tiên về đi biển, và ở Genova và Sanova, ông đã làm quen với những vấn đề của biển cả và đi biển, vốn là bản chất thứ hai trong những truyền thống của nước Cộng hòa. Genova là một xứ sở đi đầu về hàng hải, không những tại địa Trung Hải mà trong toàn thế giới Công giáo. Rồi với những chuyến đi đầu tiên của ông và nhất là những kinh nghiệm kéo dài ở Đại Tây Dương, Colombo đã phát triển một giác quan sắc bén về địa lý và vén bức màn bí mật trước nhiều vấn đề địa lý. Trong những bài viết của ông, Colombo đã biểu thị mình có xu hướng như thế nào đối với địa lý và ông thường giải quyết những vấn đề liên quan đến địa lý một cách khéo léo như thế nào.

Alessandro Humboldt vạch rõ rằng Colombo nắm được một cách nhanh chóng những hiện tượng tự nhiên. Một lần ở Thế Giới Mới và dưới một bầu trời mới, ông đã nghiên cứu sát sao đất đai và cây cỏ, những thói quen của động vật, những thay đổi của nhiệt độ và từ tính của trái đất. Những điều ghi trong *Nhật ký* của ông gần như đề cập đến tất cả những vấn đề mà người ta quan tâm đến khoa học cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI. Mặc dù thiếu một sự chuẩn bị

vững chắc về lịch sử tự nhiên, bản năng quan sát của Colombo phát triển theo nhiều cách, từ sự tiếp xúc của ông với những hiện tượng vật chất đặc biệt. Từ một người tự học, không được giáo dục chính thức, ông đã trở thành một nhà địa lý vĩ đại.

Colombo là một thiên tài với đầy đủ ý nghĩa của từ này. Không những ông có ý thức về biển cả và tính sắc bén về địa lý học mà còn có lòng tin không thể lay chuyển và lòng mong muốn không giới hạn về sự vinh quang, một ý chí mạnh mẽ và kiên cường, gần tới mức liều lĩnh. Colombo dũng cảm, kiên trì, giàu tưởng tượng, và có một trí nhớ ưu việt. Trong những cuộc khủng hoảng, ông thường sử dụng trực giác của mình và nhiều khả năng để hành động một cách có hiệu quả như chỉ có những thiên tài mới có thể làm được.

Tất cả những điều này giải thích tại sao ông có thể quan niệm một kế hoạch lớn “tới phương Đông bằng cách đi về hướng tây”. Điều này giải thích tại sao ông có thể bỏ gia đình, lợi nhuận cho thành phần chính của giấc mơ của mình, biển cả, trong những năm tốt nhất của đời ông, từ tuổi ba mươi đến bốn mươi hai. Điều này giải thích tại sao ông có thể thực hiện bốn cuộc đi lớn ở Đại Tây Dương: hướng dẫn, chỉ huy, phản đối và có những quyết định kịp thời khi gặp phải sự nổi giận của những hiện tượng tự nhiên và những cuộc nổi loạn của thuộc hạ.

Vững chắc và không thể lay chuyển trong niềm tin và nhận xét của mình, Colombo quan hệ với Vua Bồ Đào Nha, Vua và Hoàng hậu Tây Ban Nha, những người Genova, Firenze và những chủ ngân hàng Do Thái ở tư thế gần như bình đẳng. Ông không tự cao tự đại nhưng biết rõ những công lao của mình, sức mạnh của ý chí mình. Giả thiết nếu Colombo tự cao tự đại, ông đã không giành được tình thân hữu của Cha Antonio de Marchena và Cha Juan Pérez. Nếu ông tự cao tự đại ông đã không có được nhiều bạn bè, những người bảo vệ và những người ca ngợi ông tại triều đình Tây Ban Nha; ông đã không giành được cảm tình và sự tin cậy của Hoàng hậu Isabella, một người phụ nữ thông minh đặc biệt và có đạo đức hiếm có. Nếu ông tự cao tự đại, ông đã không thuyết phục được Martin Alonso Pinzón, viên thuyền trưởng Palenan khôn ngoan, sắc sảo và thành thạo đó, cũng có chung niềm tin và sự vinh quang đối với thành công của chuyến đi biển thứ nhất, thông qua Martin Alonso Pinzón,

Colombo đã tuyển hầu hết nhân viên cho chuyến đi biển thứ nhất. Nếu ông tự cao tự đại ông không bao giờ tôn trọng những thủy thủ ngay cả trong những tình hình phiến toái nhất, hầu hết những thủy thủ ấy đều tuân theo ông, ngay cả trong những điều kiện thử thách của tấn bi kịch tại Santa Gloria.

Thành công của Colombo không phải là một sản phẩm của sự may rủi. Ông không phải là nhà đi biển ra đi để tìm những vùng đất mới mà không biết chính xác những vùng đó ở đâu, như người ta thường hay lặp đi lặp lại. Quả thật, ông đã tìm thấy châu Mỹ trên đường đi, nhưng cũng đúng ông đã phát kiến và nêu ra một ý nghĩ mới, hay một quan điểm mới mà cho tới lúc đó Thế Giới Cũ và những nền văn minh của nó - Hy Lạp - La Mã - Công giáo, Ả-rập - Hồi giáo, Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản, đều chưa hề biết.

Phát kiến của Colombo to hơn bất cứ phát kiến hay phát minh nào khác trong lịch sử nhân loại. Trong thế kỷ thứ XVI, người châu Âu đã nhận ra điều đó. Trong những thế kỷ tiếp theo tầm quan trọng của phát kiến của Colombo tiếp tục tăng lên, vì sự phát triển lớn lao của Thế Giới Mới và vì nhiều phát kiến khác bắt nguồn từ đó. Chính sau những chuyến đi của Colombo mà nhiệm vụ hòa nhập những lục địa châu Mỹ vào nền văn hóa Hy Lạp - La Mã - Công Giáo - châu Âu - đã được thực hiện. Dù có những sai lầm, tính ích kỷ và tàn bạo chưa từng thấy, cuộc phát kiến là yếu tố chủ yếu và quyết định nhất về nhiều phương diện trong việc mở ra thời đại mới. Trước hết là những người Tây Ban Nha, rồi người Bồ Đào Nha, người Pháp, người Anh, người Ý, người Iceland - và trong chừng mực nhất định, tất cả những dân tộc ở châu Âu đã mang lại yếu tố đó. Nhưng sự thừa nhận này không thể làm giảm giá trị của sự bắt đầu nhiệm vụ đó, cuộc phát kiến của Colombo.

Tuy nhiên, gần như hàng năm cuộc tranh luận về giá trị sự nghiệp của Colombo và về vị trí ưu đẳng của ông lại nổ ra trên báo chí châu Âu và Mỹ. Ai đã đến châu Mỹ trước nhất? Không có một người nào có thể tìm ra tuyến đường Đại Tây Dương trước Colombo hay sao? Những người Bắc Âu đã không tới Greenland và Canada hay sao? Đó là một cuộc tranh luận hoàn toàn không được chứng minh là đúng theo quan điểm khoa học. Vấn đề không phải là cuộc thi đấu thể thao mà là sự xem xét lịch sử. Vấn đề không phải ai là người

châu Âu đầu tiên đặt chân lên một bờ biển nào đó trên đại lục châu Mỹ, mà ai là người đưa lục địa mới một cách bất ngờ và ồ ạt vào sự phát triển của nền văn minh, tạo ra bước ngoặt trong lịch sử nhân loại.

Những con người đầu tiên có lẽ đã tới đất Mỹ qua eo đất Bering vào đầu kỷ nguyên đồ đá cũ, cách ngày nay khoảng hai mươi đến hai mươi lăm nghìn năm. Khi Cristoforo Colombo đổ bộ lên đảo San Salvador trong quần đảo Bahamas, mấy triệu người đã sống tại những lục địa châu Mỹ, từ miền cực Bắc đến miền cực Nam. Dân cư đó đã xác lập vững chắc, vì những nền văn minh lớn đã phát triển trong nhiều thế kỷ trên những lãnh thổ rộng lớn, trong khi những nền văn minh khác cùng một tầm vóc đã suy sụp hay đang tan rã.

Như thế, những cuộc thảo luận ai là người đầu tiên đến châu Mỹ là hời hợt và khó lòng có tính chất khoa học. Không phải là một người mà hàng triệu, hàng triệu người đã đến, hay hơn thế đã có dòng dãi từ nhiều cặp vợ chồng đã đến trong thiên niên kỷ trước năm 1492. Vấn đề duy nhất nghiêm túc là có nhà hàng hải nào từ nền văn minh Hy Lạp - Công giáo, hoặc từ những nền văn hóa Trung Đông đã đến đây trước Colombo hay không. Nhưng những cuộc tiếp xúc bất ngờ giữa những người châu Âu, những người châu Phi, hay những người châu Á đơn lẻ với Thế Giới Mới không thể ảnh hưởng và chắc chắn không làm giảm giá trị phát kiến của Colombo. Những công cuộc chắc chắn gây ấn tượng và dẫn tới cuộc phát kiến đã bị lãng quên của người Bắc Âu cũng không ảnh hưởng đến giá trị ấy. Ở đây chúng ta gặp phải những thực tế lịch sử không thể nghi ngờ. Nhưng ngay cả những thực tế lịch sử này cũng bảo đảm cho chúng ta rằng không có một người Bắc Âu nào đã đi tới những vùng đất lạnh giá ở Labrador, hay tới Nuova Scozia và Massachusetts thừa nhận rằng ông mình đã tìm thấy một Thế Giới Mới, hay làm cho châu Âu - và cùng với châu Âu, phần còn lại của Thế Giới Cũ - biết về Thế Giới Mới đó. Tương tự như vậy, không một ai ở Thế Giới Cũ đối diện với Thái Bình Dương hoặc Ấn Độ Dương, không một người nào trong những nền văn minh phương Đông của Trung Quốc và Ấn Độ, biết gì về sự tồn tại của Thế Giới Mới.

Những công cuộc đáng nhớ nhất của người Bắc Âu ở miền Tây-Bắc Đại Tây Dương không có tác động lâu dài đối với lịch sử của

nhân loại. Đại lục châu Mỹ vẫn còn gói ghém trong sự huyền bí. Bức màn bí mật này chỉ bị xé tan nhờ thiên tài, sự kiên cường và lòng tin của Cristoforo Colombo. Và như vậy Colombo, và chỉ một mình Colombo, thực sự là “người mở rộng thế giới” như Claudel đã nói. Colombo đã phát minh ra ý nghĩ và đưa ý nghĩ đó đến kết quả.

Colombo đã tiết lộ cho Thế Giới Cũ hai điều lớn. Điều tiết lộ thứ nhất đã được một số học giả thấy trước và một số thủy thủ chờ đợi, nhưng không một ai có can đảm xác minh điều đó: Bên kia Đại Dương không phải là vực thẳm mà là một lục địa nữa. Colombo đã đổ bộ lên đó ngày 12 tháng 10 năm 1492, bắt đầu một kỷ nguyên mới. Sự tiết lộ khác, hoang đường và thần kỳ cho đến lúc bấy giờ, khi Colombo đến cửa một con sông rộng mênh mông, sông Orinoco. Chiều tối hôm đó, 15 tháng 8 năm 1498, ông đã viết trong *Nhật ký*: “Tôi nghĩ rằng đây là một đại lục rộng lớn, từ trước đến nay không ai biết”. Mấy năm sau ông viết: “Bệ hạ là chủ của những vùng đất rộng lớn này, những vùng đó là một thế giới khác nữa”. “*Một thế giới khác, một thế giới mới*”: Chỉ với công cuộc của Colombo, châu Âu, đạo Hồi, Ấn Độ, Trung Quốc và Nhật Bản mới được biết sự tồn tại của một Thế Giới Mới. Và điều đó đã làm thay đổi tiến trình của lịch sử nhân loại một cách sâu sắc.

Lịch sử nhân loại sẽ như thế nào nếu không có cuộc phát kiến vĩ đại năm đó? Câu hỏi này vô bổ, vì không một lịch sử có giá trị nào dựa trên những giả thiết *nếu*. Điều đó cũng ngu xuẩn vì không nghi ngờ gì nữa là nếu Colombo không thực hiện kế hoạch kỳ lạ của mình năm 1492 thì một nhà hàng hải nào khác từ thế giới Công giáo bị cuốn hút vào cơn sốt đi biển và khảo sát của những thập kỷ cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI, sẽ tiết lộ cho Thế Giới Cũ sự tồn tại của Thế Giới Mới.

Vậy còn lại ba thực tế vững chắc:

1. CHÍNH DO THIÊN TÀI CỦA MÌNH CRISTOFORO COLOMBO ĐÃ HÌNH THÀNH TRONG TÂM TRÍ MÌNH KẾ HOẠCH VƯỢT “BIỂN ĐEN TỐI”, MỞ ĐƯỜNG CHO VIỆC MỞ RỘNG THẾ GIỚI.

2. CHÍNH LÀ DO MỘT SỰ TRÙNG HỢP MÀ GENOVA - GENOVA CỦA VIVALDI, CỦA LANZAROTTO MARONCELLO, ANTONIOTTO DA NOLI, VÀ NICOLOSO DA RECCO, GENOVA CỦA HÀNG NGHÌN NHÀ VẼ BẢN ĐỒ CỦA CÁC ĐỘI THUYỀN THẮNG LỢI TẠI NHỮNG BIỂN TIRRENO, ADRIATICO, CROCIATE, EGEO VÀ HẮC HẢI - ĐÃ SINH RA CON NGƯỜI MÀ THẾ GIỚI THỪA NHẬN LÀ NHÀ ĐI BIỂN ƯU TÚ, MỘT TRONG HAI THỦY THỦ VĨ ĐẠI NHẤT CỦA TẤT CẢ CÁC THỜI ĐẠI (NGƯỜI KIA LÀ COOK).
3. COLOMBO KHÔNG PHẢI LÀ THIÊN TÀI ĐƠN ĐỘC Ở NƯỚC Ý THẾ KỶ XV. THẬT VẬY, LÚC NÀY NƯỚC Ý CHƯA PHẢI LÀ MỘT QUỐC GIA; NƯỚC Ý CHƯA ĐẠT ĐƯỢC SỰ THỐNG NHẤT VỀ CHÍNH TRỊ. NƯỚC Ý CŨNG CHƯA ĐẠT ĐƯỢC SỰ THỐNG NHẤT VỀ NGÔN NGỮ. CHÚNG TA ĐÃ BIẾT KHI COLOMBO RỜI LIGURIA, ÔNG BIẾT TIẾNG GENOVA VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ VỀ TIẾNG LATIN CỦA THỜI NÀY. ÔNG HỌC TIẾNG Ý, TỨC LÀ TIẾNG TOSCANA TẠI TÂY BAN NHA TRONG KHI THẢO LUẬN NHỮNG KẾ HOẠCH CỦA ÔNG VỚI ĐỨC ÔNG GERALDINI NGƯỜI UMBRIA, VÀ TỔ CHỨC NHỮNG CUỘC ĐI BIỂN CỦA ÔNG VỚI BERARDI, VESPUCCI VÀ NHỮNG NGƯỜI FIRENZE KHÁC. NƯỚC Ý CHƯA CÓ MỘT TIẾNG NÓI THỐNG NHẤT, NHƯNG NƯỚC NÀY ĐÃ CÓ MỘT NGÔN NGỮ VĂN HỌC THỐNG NHẤT, TỪ VENETO TỚI SICILIA, TỪ PUGLIA TỚI LIGURIA, TỪ CALABRIA TỚI TICINO, NGÀY NAY LÀ MỘT QUẬN CỦA THỤY SĨ.

Đã có một nền văn hóa Ý. Và Colombo không phải là một sản phẩm cô lập của nền văn hóa Ý thế kỷ thứ XV mà Genova là một bộ phận chủ chốt. Cristoforo Colombo thuộc Genova là người hành động vĩ đại nhất và điều kỳ nhất của đầu thời cận đại. Bên cạnh ông, mở rộng những biên giới của địa lý, triết học, chính trị, khoa học, nghệ thuật và âm nhạc là cả một đội ngũ thiên tài nước Ý, những người đương thời với ông. Colombo sinh khoảng năm 1451: Botticelli

sinh trước đó sáu năm; Lozenro de' Medici và Ghirlandaio sinh trước đó hai năm; Leonardo da Vinci và Savonarola sinh sau đó một năm; Giuliano de' Medici sinh sau đó hai năm; Amerigo Vespucci, Pinturicchio và Poliziano sinh sau đó ba năm. Trong khi Colombo đang thu hoạch những kinh nghiệm đầu tiên về đi biển tại những biển Liguria và Tirreno thì đã lần lượt ra đời: Pico della Mirandola (1463), Machiavelli (1469). Trong khi Colombo đang hình thành trong tâm trí ông ý nghĩ đi tới phương Đông bằng đường phương Tây thì đã lần lượt ra đời: Ariosto (1474), Michelangelo (1475), Tiziano (1477) và Raffaello (1483). Khi Colombo đang đến San Salvador (1492) thì Pier della Francesca chết. Khi Colombo đang tìm eo biển để đi vòng trái đất thì Benvenuto Cellini ra đời (1500). Năm Colombo chết, Mantegna cũng chết. Một vài năm sau Pier Luigi da Palestrina ra đời, ông này đã mở những biên giới đi vào những không gian mới của âm nhạc.

Nếu những danh nhân này bị gạt ra khỏi lịch sử thì thời kỳ Phục hưng ở nước Ý sẽ biến đi. Không có thời kỳ Phục hưng ở nước Ý sẽ không có thời Hiện đại. Cristoforo Colombo tượng trưng cho thiên tài sáng tạo của nước Ý đã hình thành nên buổi đầu của thời Hiện đại.

GHI CHÚ VỀ VIỆC DỊCH.

1. Cuốn sách này dịch theo bản tiếng Anh “*Columbus, The Great Adventure*” của Nhà xuất bản Orion Books, New York, 1991, do Luciano F. Farina và Marc A. Beckwith dịch từ nguyên bản tiếng Ý “*La meravigliosa avventura di Cristoforo Colombo*” của Paolo Emilio Taviani, do Istituto Geografico de Agostini in tại Novara (*Italia*) năm 1989.

Giữa hai bản có sự sai khác chút ít. Gặp trường hợp có chỗ khó hiểu, chúng tôi đối chiếu và dựa theo bản tiếng Ý.

2. Các tên người, tên đất trong cuốn sách này, nếu thuộc về đất nước Italia, thì viết theo tiếng Ý, mà không theo biến thể của từ đó trong tiếng Anh.

Chẳng hạn:

Viết Genova, chứ không viết Genoa.

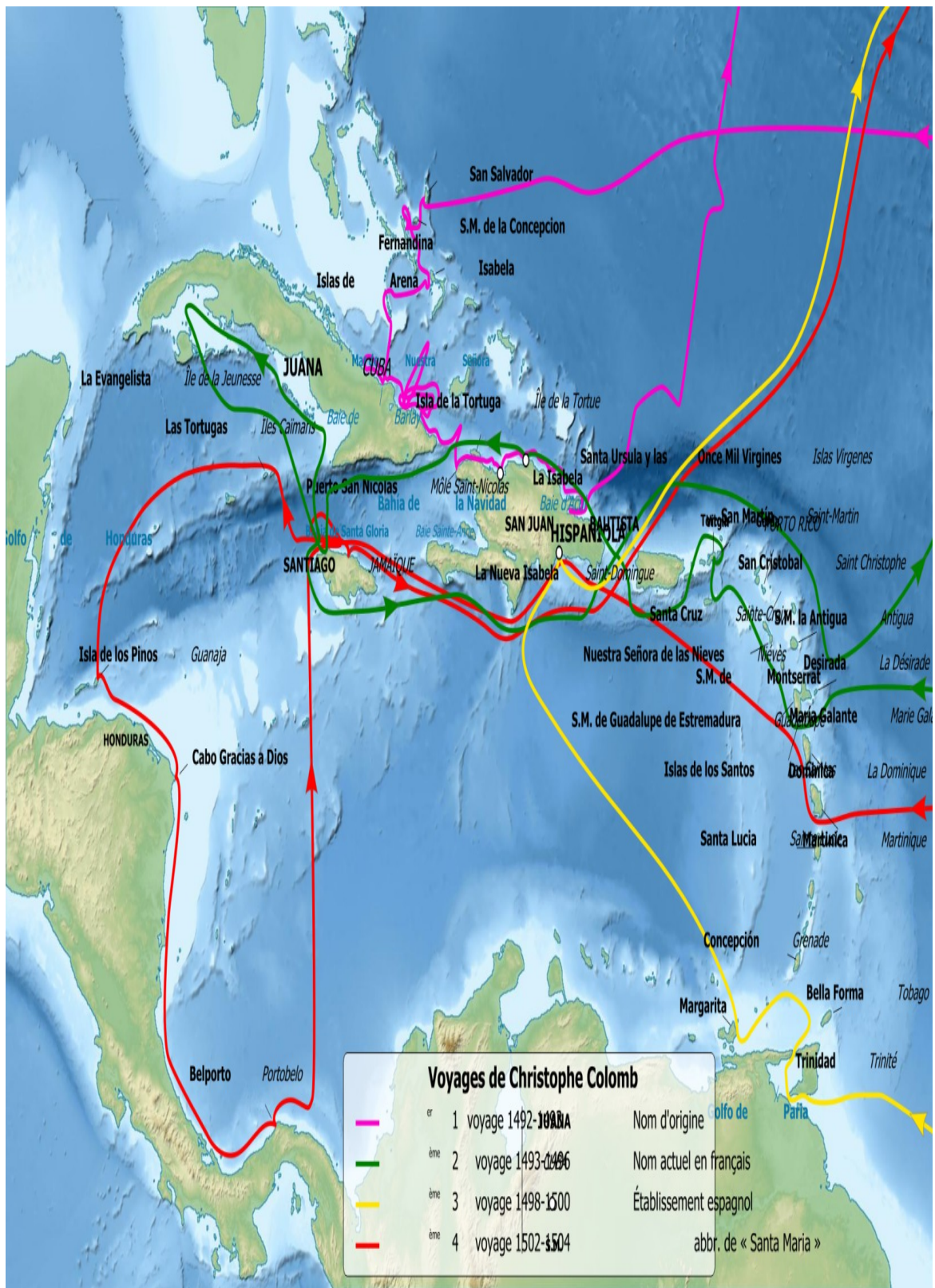
Viết Venezia, chứ không viết Venice. Viết Firenze chứ không viết Florence. Viết Napoli, chứ không viết Naples.

3. Các tên riêng trong tập sách này (trừ ở bìa sách) được giữ nguyên dạng tiếng nước ngoài, và có phiên âm kèm bên khi từ đó xuất hiện lần đầu tiên. Chúng tôi nghĩ rằng xử lý như vậy sẽ tiện lợi hơn cho các bạn đọc trong việc đối chiếu với các tài liệu khác.

4. Các chú thích của tác giả được ghi chú (T.G), các chú thích không có ghi chú là của người dịch. Dù đã hết sức cố gắng nhưng bản dịch chắc chắn còn nhiều thiếu sót, chúng tôi mong được sự chỉ giáo của bạn đọc.

Dù đã hết sức cố gắng nhưng bản dịch chắc chắn còn nhiều thiếu sót, chúng tôi mong được sự chỉ giáo của bạn đọc.

Xin trân trọng cảm ơn trước.



BẢNG DẪN CÁC TÊN RIÊNG CHÍNH

Antilles: 224, 283, 289, 342
Arana, Beatrice: 139, 145-150, 358
Arana, Diego: 294
Aristotle: 50, 51, 86, 95
Ấn Độ: 164, 194, 198, 217, 219, 317, 319, 365
Azzorre: 80, 89, 90, 105, 110, 264, 269, 270
Bahamas: 199, 208, 224, 244, 289
Bellester, Migel de: 394, 395
Belén: 435, 436, 437, 439
Berardi, Gianotto: 166, 169, 374, 375
Bobadila, Beatrice de: 180, 181, 279
Boccacio, Giovanni: 332
Bồ Đào Nha: 32, 33, 41-45, 71, 84, 123, 158, 164, 272
Boil (Linh mục): 297, 307, 336, 337
Braudel, Fernand: 31
Brazil: 273, 367
Canaria (Đảo): 93, 177
Caonabó: 296, 297, 341, 351
Capo Verde: 51, 52, 81
Caribo (Cannibals): 243, 285, 286, 291, 342
Cataio (Cathay): 134, 193, 194, 217, 218, 219
Chio: 35, 37, 38, 39, 40, 70, 110, 219, 227
Chiriquí: 428, 435
Cibao: 252, 317
Cipango: 134, 193, 208, 218, 252, 317
Claudel, Paul: 483
Coca: 434, 442, 443
Cólon, Luis (cháu): 434, 475, 477

Colombo, Bartolomeo (anh): 145, 150, 158, 161, 338, 339, 351
Colombo, Cristoforo: Quê hương (16 – 34); Thiếu thời (19 - 26);
Hôn nhân (75 - 77); Phát kiến (184 - 200); Nhân cách (484 - 503).
Colombo, Diego (con): 77, 130, 136, 333
Colombo, Demenico (cha): 16-19, 24, 36
Colombo, Felipa Moniz Perestello (vợ): 75-77
Colombo, Fernando (con): 75, 78, 146, 150, 358, 463, 479
Colombo, Susanna Fontararossa (mẹ): 18, 24
Cook, James: 495, 503
Cuba: 207, 208, 219, 223, 318
Dante: 486
Diaz, Bartolomeo: 124, 161, 319
Dominicana (Cộng hòa): 225
Ferdinando (Vua Tây Ban Nha): 137, 153, 158
Jamaica: 318, 336, 445, 465, 466
Genova: 16, 21, 24, 27-30, 35, 41- 46
Gomera: 177-179, 192, 279
Guacanagari (Thủ lĩnh Taino): 251, 295, 296, 348
Guadalupe: 139
Guadeloupe: 281, 283, 284, 287, 491
Guanahani: 199, 202
Guinea: 48, 83
Gulf Stream: 60, 88, 492
Haiti: 225, 244
Hảo vọng giác: 320
Henry (Hoàng tử Bồ Đào Nha): 44-46, 52, 76, 78, 125
Las Casas: 75, 118, 157, 235, 336, 479
Liberia: 83
Hispaniola: 219, 225, 288, 318, 464
Humboldt, Alessandro: 496
Hy lạp: 94, 114
Iceland (Băng Đảo): 56, 70-72, 86, 99, 101
Ireland: 56, 88, 100, 101
Isabella (Nữ hoàng Tây Ban Nha): 152-155, 167, 181, 276
Isabela (thuộc địa): 303, 307, 308
Liguria: 24, 27-31, 37

Madariaga, Salvador de: 277, 322
Madeira: 56
Mã lai: 320, 321, 322
Manzoni, Alessandro: 355-356
Marchena, Antonio de: 126, 132, 173, 486, 497
Marchena, Juan Pérez de: 131, 497
Martyre, Pietro: 159, 225, 335
Morison, Samuel Eliot: 28, 64, 345, 389
Napoléon: 234, 294
Navidad: 260, 263, 292, 298
Newfoundland:
Omero (Homère): 37
Oviedo: 336, 481
Palos: 93, 130, 131, 161, 167, 170, 177, 273
Panama: 435, 437
Parmentier: 223
Perestrello, Bartolomeo (bố vợ): 76
Perestrello, Violante Moniz (chị vợ): 131, 136
Pinzón, Martin Alonso: 173, 175, 193, 221, 222, 267, 269, 274
Pinzón, Vicente Yanez: 175, 222, 259, 269
Polo, Marco: 48, 95, 112, 119, 141, 200, 208, 209, 213, 215, 250
Puerto Rico: 241, 288, 291
Quibian: 444, 445
Quin say (Hàng châu): 193
Rabida (La): 155, 172
San Salvador: 196, 198, 199, 201, 202, 207, 208
Santa Fe: 156, 157, 161, 167
Santa Gloria: 450, 456, 466
Santo Domingo: 308, 360, 394
Sargasso: 185, 186, 188, 491
Seneca: 95
Taino: 241, 242, 249
Tây Ban Nha: 32, 33, 94, 223, 360
Toscanelli, Paolo dal Pozzo: 95, 112-122, 134, 217
Toscanelli, Piero dal Pozzo: 112
Tordesillas (Điều ước): 366, 370

Valladolid: 474, 475

Váco da Gama: 124

Venezuela: 219, 455

Veragua: 434

Vespucci, Amerigo: 374, 375, 377, 378, 486

Yucatan: 321

CUỘC PHIÊU LƯU KỲ DIỆU CỦA COLOMBO

Nhà xuất bản Văn hóa thông tin

43 Lò Đúc - Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản : QUANG HUY

Biên tập: NGUYỄN TẤT HÒA

Sửa bài : NGUYỄN VĂN HOÀ

Bìa: AN CHƯƠNG

Trình bày: THÁI TRUNG

khổ 13 x 19. In tại nhà in Bộ LĐTBXH Giấy phép xuất bản số: 28 -

CXB/142 - VH TT

GIÁ : 39,500đ

☐* Đốt sách chôn Nho là sự kiện Tần Thủy Hoàng cho đốt bỏ nhiều loại sách vở và chôn sống nhiều nho sĩ, diễn ra vào năm 213-212 TCN. Mục tiêu là để loại bỏ hết các tư tưởng, học thuyết tồn tại trong thời Xuân Thu Chiến Quốc, chỉ độc tôn thuyết Pháp gia phục vụ cho sự thống trị của vua chúa nhà Tần.

❏ Thule: một địa danh chưa được xác định rõ vị trí, nhưng người Hy Lạp và người La Mã cho rằng ở vào vùng bắc Scotland và Iceland.

☐* Quinto: có nghĩa là “Đăm thứ năm”, do tiếng Ý: Quinto miglio.

[*] Thuyền galley là một loại tàu được chạy chủ yếu bằng cách chèo. Tàu galley đặc trưng bởi thân tàu dài, mảnh mai, mớn nước nông và mạn thấp (khoảng cách giữa biển và lan can). Hầu như tất cả các loại tàu galley đều có những cánh buồm có thể sử dụng khi gió thuận, nhưng sức con người luôn là động lực chính. Điều này cho phép các tàu galley hoạt động độc lập với gió và dòng chảy. Loại tàu này có nguồn gốc từ các nền văn minh đi biển xung quanh Địa Trung Hải vào cuối thiên niên kỷ thứ hai trước Công nguyên và vẫn được sử dụng dưới nhiều hình thức cho đến đầu thế kỷ 19 trong chiến tranh, buôn bán và cướp biển.

 Một yard bằng 0,914 mét.

❏ Leopardi Giacomo (1798-1837), nhà thơ trữ tình. Recanati, quê hương bé nhỏ, chật hẹp, vừa là nhà tù, vừa là nơi nhen nhóm các ước mơ của ông.

❏ Chio: một đảo trong biển Egeo, phía tây bờ biển Thổ Nhĩ Kỳ, thời này thuộc Cộng hòa Genova.

☐* Omero: Nhà thơ Hy Lạp, theo truyền thuyết ông là tác giả Iliad và Odyssey. Từ thời cổ đại đã nảy ra tranh cãi: ở đâu là quê hương của Omero. Nhiều thành phố đã tranh nhau vinh dự đó. Ý kiến của số đông đoán là Chio, hoặc Smirne.

☐* Vùng đất đối chân: Dịch chữ antipodi, điểm đối xứng tương ứng ở mặt bên kia của trái đất (vì trái đất là một khối tròn).

 Bản tiếng Anh chuyển dịch là Newfoundland.

[*] Họ và tên Colombo thường được viết theo các dạng chính tả khác nhau. Ở đây chúng tôi cố ý giữ nguyên dạng chính tả của văn bản cổ.

 Bản tiếng Anh dùng tiếng Pháp: idée

☐* Cân Anh hay Pound bằng 453,6 gram.

☐* Lúc này trên bán đảo Ý tồn tại nhiều vương quốc và quốc gia đô thị. Mãi đến năm 1861, Vương quốc Italia thống nhất mới được chính thức thành lập.

 Bản dịch tiếng Anh ghi địa danh này là Citron Grove (tr.87)

 Bản dịch tiếng Anh ghi ngày 8 tháng 10. Ở đây dịch theo bản tiếng Ý.

☐* Những con số là xấp xỉ, nhưng không phải vì sự khác nhau về ý kiến của các nhà địa lý học. Các vùng có sự thay đổi do kết quả những dòng nước biển và những cơn bão, những sự khác nhau có thể đánh giá được từ năm này qua năm khác và thậm chí từ mùa này sang mùa khác. (TG).

☐* Tôi đã từng nói đến hải lý và dặm, dùng những thuật ngữ của Colombo. Hải lý là 4 dặm, trong khi dặm là dặm vùng Địa Trung Hải, hoặc 1.480 mét (6.856 thước Anh). Trái lại, dặm đường biển hiện đại là 1.852 (6.076 thước Anh), như vậy dặm của Colombo là bằng 3,18 dặm đường biển hiện đại, không phải 4 (TG).

☐* Gần khoảng 500 đô la ngày nay (TG).

☐* Một Yard khoảng 0,9143 mét, do đó bản tiếng Ý viết khoảng 200 mét.

☐* Một Fathom là 1,829 mét. Bản tiếng Ý viết 40 Braccia, một đơn vị đo chiều dài cổ ở Italia. Độ dài không giống nhau giữa các địa phương. Ví dụ ở Genova là 0,581 mét; ở Napoli là 0,698...; thậm chí còn sai khác tùy theo vật dụng được đo, chẳng hạn ở Parma, khi đo gỗ thì một Braccia là 0,545 mét; đo dạ là 0,639 mét; đo lụa là 0,587...

☐* Xâm: Dùng những thứ có nhựa để trít kín các kẽ hở ở đáy tàu thuyền.

☐* Arroba là một đơn vị trọng lượng của Tây Ban Nha, tương đương 11,502 kg (T.G).

❏ Thức ăn cổ truyền của thủy thủ cho tới thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XX (TG).

✎ Ở Galizia, chór nhầm với Bayonne thuộc Pháp, ở trong vịnh Biscaglia (TG).

☐* Tên tiếng Pháp hiện đại của Deseada. (TG)

 Túc Colombo.

 Tức Napoléon, quê đảo Corse.

☐* Giovanni Boccaccio (1313 - 1375), tác giả tập truyện *Decameron*, có ý vị truyện tiểu lâm, đã được dịch sang tiếng Việt, với nhan sách *Mười ngày*, năm 1985, tái bản năm 1994.

☐* Amerigo Vespucci (1454-1512) đã đạt vinh dự lớn: tên của ông đã được dùng để đặt cho châu Mỹ (America).

 Xem Samuel Eliot Morison, ***Đô đốc của đại dương***, Boston, 1942, tr 169-70 (TG).

☐* Xem J. A. O’Keefe A, Eckels và R. K. Squires, ***Trọng trường của Trái đất***, Tạp chí Thiên văn 64 - 1959, t 245-53 (TG)

□* $f = (a-b)/a$, trong đó a là nửa trục xích đạo và b là nửa trục cực của khối bầu dục (nửa trục cực ngắn hơn - TG).

☐* Chức vụ đứng đầu cơ quan hành pháp, hoặc tư pháp một địa phương.

 Bản tiếng Anh ghi; ***Myrobalans***; Bản tiếng ý: ***Mirabolani***.

☐* Nói một cách chính xác là: Đức ông D.Fr. Roque Cocchia, thuộc dòng tu Hành khất, Giám mục Oropa. Đại diện Tòa thánh tại nước Cộng hòa Santo Domingo, Haiti và Venezuela và Khâm mạng Tòa thánh địa hạt Santo Domingo (T.G).

☐* Nguyễn văn tiếng Ý: Lettera a Cesare Cantù sulla scoperta delle ossa di Cristoforo Colombo; Giornale linguistico de archeologia, storia e belle arti.

☐* Venezuela lấy một số tro vì trên bờ biển của nước này Colombo đã phát hiện ra đại lục Nam Mỹ năm 1498; trường Đại học Pavia lấy một ít tro vì năm 1878 người ta vẫn còn tin vào câu chuyện tưởng tượng của Don Fernando: Trong cuốn *Historia*, để tôn vinh trí nhớ của cha và phủ nhận nguồn gốc khiêm nhường của mình, ông đã nói rằng cha ông đã nghiên cứu tại trường Đại học đó. Ngày nay, người ta không còn hồ thẹn về nguồn gốc khiêm nhường như thời xưa (T.G).

☐* Nguyên văn tiếng Ý là: Homo di alta et procera statura.

MỤC LỤC

1. [LỜI GIỚI THIỆU](#)
2. [1 GENOVA, SỰ QUYẾN RŨ CỦA BIỂN CẢ](#)
3. [2 CỘI NGUỒN VĂN HÓA CỦA COLOMBO](#)
4. [3 CHIO*, SỰ QUYẾN RŨ CỦA PHƯƠNG ĐÔNG](#)
5. [4 BỜ ĐÀO NHA](#)
6. [5 BĂNG ĐÀO VÀ CUỘC PHÁT KIẾN KHÔNG THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI SCANDINAVE CỔ ĐẠI](#)
7. [6 LISBON, KẾT HÔN, VÀ PORTO SANTO](#)
8. [7 ÔNG CHỦ ĐẠI TÂY DƯƠNG](#)
9. [8 ĐI TỚI PHƯƠNG ĐÔNG TỪ HƯỚNG TÂY: MỘT LỐI SUY NGHĨ MỚI](#)
10. [9 SỰ HỖ TRỢ CỦA KHOA HỌC: TOSCANELLI](#)
11. [10 Ý ĐỀ THÀNH DỰ ÁN. VUA BỜ ĐÀO NHA BẮC BỎ](#)
12. [11 Ở TÂY BAN NHA: CHA MARCHENA](#)
13. [12 SỰ HỖ TRỢ CỦA BEATRICE](#)
14. [13 TUYỆT VỌNG](#)
15. [14 MỌI ĐỀ NGHỊ ĐỀU ĐƯỢC CHẤP THUẬN](#)
16. [15 GOMERA: NƠI SINH RA CHÂU MỸ](#)
17. [16 CUỘC VƯỢT ĐẠI DƯƠNG LẦN THỨ NHẤT](#)
18. [17 SAN SALVADOR: CUỘC KỶ NGỘ ĐẦU TIÊN](#)
19. [18 CUBA LÀ “CHÂU Á”](#)
20. [19 CÁI MỚI CỦA VÙNG ĐẤT MỚI](#)
21. [20 CƯ DÂN Ở NHỮNG VÙNG ĐẤT MỚI](#)
22. [21 HUYỀN THOẠI VỀ VÀNG](#)
23. [22 ĐẮM TÀU](#)
24. [23 TÌM ĐƯỢC CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ](#)
25. [24 SỰ CHẾ NHẠO VÀ THẮNG LỢI](#)
26. [25 CHUYẾN DU HÀNH THỨ HAI](#)
27. [26 THẨM KỊCH](#)
28. [27 MỎ VÀNG](#)
29. [28 KHÁM PHÁ CUBA VÀ JAMAICA - NHỮNG RỦI RO TẠI LA ISABELA.](#)
30. [29 CHIẾN TRANH VÀ NỖ DỊCH](#)
31. [30 TRỞ VỀ TÂY BAN NHA TRONG SỰ MẤT THỂ DIỆN](#)
32. [31 HIỆP ƯỚC TORDESILLAS, FERRER, VESPUCCI VÀ VIỆC CHUẨN BỊ CHO CHUYẾN ĐI THỨ BA](#)
33. [32 “MỘT THẾ GIỚI KHÁC”](#)
34. [33 MỘT TRỰC GIÁC HUYỀN BÍ](#)
35. [34 CUỘC ĐÀO CHÍNH TẠI SANTO DOMINGO.](#)

36. [35 CHUYẾN ĐI THỨ TƯ: “ĐỂ HOÀN THÀNH VIỆC CHƯA HOÀN THÀNH”](#)
37. [36 CHIRIQUÍ: GIẤC MỘNG TAN VỠ.](#)
38. [37 VERAGUA: VÀNG VÀ COCA.](#)
39. [38 SANTA GLORIA](#)
40. [39 CHUYẾN TRỞ VỀ CUỐI CÙNG VÀ CÁI CHẾT](#)
41. [40 CON NGƯỜI COLOMBO: NHÂN VẬT CHÍNH TRONG SỰ KIỆN VĨ ĐẠI.](#)
42. [GHI CHÚ VỀ VIỆC DỊCH.](#)
43. [BẢNG DẪN CÁC TÊN RIÊNG CHÍNH](#)

Table of Contents

- [LỜI GIỚI THIỆU](#)
- [1 GENOVA, SỰ QUYẾN RŨ CỦA BIỂN CẢ](#)
- [2 CỘI NGUỒN VĂN HÓA CỦA COLOMBO](#)
- [3 CHIO*, SỰ QUYẾN RŨ CỦA PHƯƠNG ĐÔNG](#)
- [4 BỒ ĐÀO NHA](#)
- [5 BĂNG ĐẢO VÀ CUỘC PHÁT KIẾN KHÔNG THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI SCANDINAVE CỔ ĐẠI](#)
- [6 LISBON, KẾT HÔN, VÀ PORTO SANTO](#)
- [7 ÔNG CHỦ ĐẠI TÂY DƯƠNG](#)
- [8 ĐI TỚI PHƯƠNG ĐÔNG TỪ HƯỚNG TÂY: MỘT LỐI SUY NGHĨ MỚI](#)
- [9 SỰ HỖ TRỢ CỦA KHOA HỌC: TOSCANELLI](#)
- [10 Ý ĐỒ THÀNH DỰ ÁN. VUA BỒ ĐÀO NHA BẮC BỎ](#)
- [11 Ở TÂY BAN NHA: CHA MARCHENA](#)
- [12 SỰ HỖ TRỢ CỦA BEATRICE](#)
- [13 TUYỆT VỌNG](#)
- [14 MỌI ĐỀ NGHỊ ĐỀU ĐƯỢC CHẤP THUẬN](#)
- [15 GOMERA: NƠI SINH RA CHÂU MỸ](#)
- [16 CUỘC VƯỢT ĐẠI DƯƠNG LẦN THỨ NHẤT](#)
- [17 SAN SALVADOR: CUỘC KỲ NGỘ ĐẦU TIÊN](#)
- [18 CUBA LÀ “CHÂU Á”](#)
- [19 CÁI MỚI CỦA VÙNG ĐẤT MỚI](#)
- [20 CƯ DÂN Ở NHỮNG VÙNG ĐẤT MỚI](#)
- [21 HUYỀN THOẠI VỀ VÀNG](#)
- [22 ĐẮM TÀU](#)
- [23 TÌM ĐƯỢC CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ](#)
- [24 SỰ CHẾ NHẠO VÀ THẮNG LỢI](#)
- [25 CHUYẾN DU HÀNH THỨ HAI](#)
- [26 THẢM KỊCH](#)
- [27 MỎ VÀNG](#)

- 28 KHÁM PHÁ CUBA VÀ JAMAICA - NHỮNG RỦI RO TẠI LA ISABELA.
- 29 CHIẾN TRANH VÀ NÔ DỊCH
- 30 TRỞ VỀ TÂY BAN NHA TRONG SỰ MẤT THỂ DIỆN
- 31 HIỆP ƯỚC TORDESILLAS, FERRER, VESPUCCI VÀ VIỆC CHUẨN BỊ CHO CHUYẾN ĐI THỨ BA
- 32 “MỘT THẾ GIỚI KHÁC”
- 33 MỘT TRỰC GIÁC HUYỀN BÍ
- 34 CUỘC ĐẢO CHÍNH TẠI SANTO DOMINGO.
- 35 CHUYẾN ĐI THỨ TƯ: “ĐỂ HOÀN THÀNH VIỆC CHƯA HOÀN THÀNH”
- 36 CHIRIQUÍ: GIẤC MỘNG TAN VỠ.
- 37 VERAGUA: VÀNG VÀ COCA.
- 38 SANTA GLORIA
- 39 CHUYẾN TRỞ VỀ CUỐI CÙNG VÀ CÁI CHẾT
- 40 CON NGƯỜI COLOMBO: NHÂN VẬT CHÍNH TRONG SỰ KIẾN VĨ ĐẠI.
- GHI CHÚ VỀ VIỆC DỊCH.
- BẢNG DẪN CÁC TÊN RIÊNG CHÍNH

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

1 GENOVA, SỰ QUYẾN RŨ CỦA BIỂN CẢ

2 CỘI NGUỒN VĂN HÓA CỦA COLOMBO

3 CHIO*, SỰ QUYẾN RŨ CỦA PHƯƠNG ĐÔNG

4 BỜ ĐÀO NHA

5 BĂNG ĐẢO VÀ CUỘC PHÁT KIẾN KHÔNG THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI SCANDINAVE CỔ ĐẠI

6 LISBON, KẾT HÔN, VÀ PORTO SANTO

7 ÔNG CHỦ ĐẠI TÂY DƯƠNG

8 ĐI TỚI PHƯƠNG ĐÔNG TỪ HƯỚNG TÂY: MỘT LỐI SUY NGHĨ MỚI

9 SỰ HỖ TRỢ CỦA KHOA HỌC: TOSCANELLI

10 Ý ĐỒ THÀNH DỰ ÁN. VUA BỜ ĐÀO NHA BẮC BỎ

11 Ở TÂY BAN NHA: CHA MARCHENA

12 SỰ HỖ TRỢ CỦA BEATRICE

13 TUYỆT VỌNG

14 MỌI ĐỀ NGHỊ ĐỀU ĐƯỢC CHẤP THUẬN

15 GOMERA: NƠI SINH RA CHÂU MỸ

16 CUỘC VƯỢT ĐẠI DƯƠNG LẦN THỨ NHẤT

17 SAN SALVADOR: CUỘC KỲ NGỘ ĐẦU TIÊN

18 CUBA LÀ “CHÂU Á”

19 CÁI MỚI CỦA VÙNG ĐẤT MỚI

20 CƯ DÂN Ở NHỮNG VÙNG ĐẤT MỚI

21 HUYỀN THOẠI VỀ VÀNG

22 ĐẮM TÀU

23 TÌM ĐƯỢC CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ

24 SỰ CHẾ NHẠO VÀ THẮNG LỢI

25 CHUYẾN DU HÀNH THỨ HAI

26 THẢM KỊCH

27 MỎ VÀNG

28 KHÁM PHÁ CUBA VÀ JAMAICA - NHỮNG RỦI RO TẠI LA ISABELA.

29 CHIẾN TRANH VÀ NÔ DỊCH

30 TRỞ VỀ TÂY BAN NHA TRONG SỰ MẤT THỂ DIỆN

31 HIỆP ƯỚC TORDESILLAS, FERRER, VESPUCCI VÀ VIỆC
CHUẨN BỊ CHO CHUYẾN ĐI THỨ BA

32 “MỘT THẾ GIỚI KHÁC”

33 MỘT TRỰC GIÁC HUYỀN BÍ

34 CUỘC ĐẢO CHÍNH TẠI SANTO DOMINGO.

35 CHUYẾN ĐI THỨ TƯ: “ĐỂ HOÀN THÀNH VIỆC CHƯA HOÀN
THÀNH”

36 CHIRIQUÍ: GIẤC MỘNG TAN VỠ.

37 VERAGUA: VÀNG VÀ COCA.

38 SANTA GLORIA

39 CHUYẾN TRỞ VỀ CUỐI CÙNG VÀ CÁI CHẾT

40 CON NGƯỜI COLOMBO: NHÂN VẬT CHÍNH TRONG SỰ KIỆN
VĨ ĐẠI.

GHI CHÚ VỀ VIỆC DỊCH.

BẢNG DẪN CÁC TÊN RIÊNG CHÍNH